

PHẬT TỔ TAM KINH

佛祖三經

TAM KINH NHẬT TỤNG
三經日誦

Three Sutras of the Buddhas and Ancestors

Thiền sư **Thủ Toại** chú giải



Quảng Minh dịch chú

Dịch phẩm này, con xin thành kính hiến cúng
Đức đệ tam Pháp chủ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
Đại lão Hòa thượng **Thích Phổ Tuệ**



Nguyện đem công đức này hồi hướng về phụ mẫu
và pháp giới chúng sinh đi đường đi Tuệ giác

DẪN NHẬP

Phật Tổ Tam Kinh (佛祖三經) là ba bộ kinh sách của Phật và Tổ, bao gồm hai kinh là kinh Tứ thập nhị chương và kinh Phật di giáo do đức Phật thuyết, và một sách là Quy sơn cảnh sách do ngài Linh Hựu soạn. Danh mục Phật Tổ Tam Kinh có từ thời nào thì chưa ai biết được. Chỉ biết rằng, vào thời vua Nhân Tông đời Bắc Tống (tại vị 1023- 1064) đã có danh mục này rồi. Sau đó có thiền sư Thủ Toại (守遂, 1072-1147) soạn Phật Tổ Tam Kinh Chú (佛祖三經註). Phật Tổ Tam Kinh là bộ kinh sách căn bản nhập môn cho người học thiền vào thời Bắc Tống, khi mà thiền tông là trung tâm của Phật giáo thời ấy, được biểu hiện qua sự hưng thịnh của các thiền phái Lâm Tế, Vân Môn và Pháp Nhãn. Phật Tổ Tam Kinh cũng là bộ kinh sách căn bản thiết yếu được trao truyền cho các thiền sinh ở Nhật Bản¹ và Hàn Quốc² thực hành vào thời ấy.

Ngài Thủ Toại³, họ Chương, người Bồng Khê 蓬溪, Toại Ninh 遂寧, từ nhỏ đã không ăn thịt, cũng không ưa đùa giỡn, làm đồng tử hầu thượng nhân Tự Khánh ở Nam Lộc viện. Năm 27 tuổi được thế độ, Nam du đến Ngọc Tuyền, gặp Cần thiền sư (懃禪師). Cần thiền sư quan sát khí chất của ngài, rồi giao phó công việc ở tự viện. Sau đó vài năm thì đi đến yết kiến thiền sư Báo Ân (報恩, 1058-1111) ở núi Đại Hồng. Khi lên chỗ phương trượng, vừa trải tọa cụ thì bỗng một con trùng đang bay rơi xuống đất, Sư vội vàng lấy tay phui đi, liền hoát nhiên đại ngộ. Thiền sư Báo Ân khẳng quyết điều đó, liền nhóm đại chúng, bảo Sư thuyết một bài pháp. Năm Mậu Tuất,

¹ Đại Nhật Năng Nhẫn (大日能忍, ?-1196) là một vị thiền sư Nhật Bản, là người khai sáng Nhật Bản Đạt-ma tông. Sư tu tập thiền không có sự hướng dẫn của thầy nhưng vẫn tự mình chứng ngộ. Vì không ai ấn chứng nên Sư không được chấp nhận. Thế nên, Sư viết một bức thư nhờ hai vị đệ tử sang Trung Quốc tìm thầy ấn chứng. Đệ tử của Sư đến yết kiến Thiền sư Phật Chiếu Đức Quang (佛照德光, 1121-1203) thuộc tông Lâm Tế và được vị này thừa nhận, ấn khả. Thiền sư Phật Chiếu Đức Quang còn tặng một bản Phật Tổ Tam Kinh cho ngài Đại Nhật Năng Nhẫn, người đã trùng ấn và lưu bố bộ kinh ấy ở Nhật Bản. Đó là văn bản thiền học đầu tiên được in ấn ở Nhật Bản, gồm hai phần: trường hàng và chính cú.

² Phật Tổ Tam Kinh (Buljo Samgyeong, 불조삼경) là kinh văn mộc bản vào năm 1384, triều đại Goryeo (918-1392), hiện lưu trữ ở Bảo tàng Nghệ thuật Leeum – Samsung (Leeum - Samsung Museum of Art), Seoul. Vào ngày 18 tháng 3 năm 1981, bản kinh này được chỉ định là Kho báu Hàn Quốc, số 694-1.

³ Thiền sư Thủ Toại sinh năm 1072, trùng vào năm mất của vị thiền sư nổi tiếng thời Bắc Tống là Bạch Vân Thủ Đoan (白雲守端, 1025-1072), thuộc phái Dương Kỳ, tông Lâm Tế đời thứ 9, pháp tự của thiền sư Dương Kỳ Phương Hội (楊岐方會), và người nối pháp danh tiếng nhất của sư là thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn (五祖法演). Thiền sư Thủ Đoan có một bài thơ nổi tiếng: 一拳拳倒黃鶴樓, 一踢踢翻鸚鵡洲; 有意氣時添意氣, 不風流處也風流. Nhất quyền quyền đảo Hoàng Hạc lâu, Nhất thích thích phiến Anh Vũ châu; Hữu ý khí thì thêm ý khí, Bất phong lưu xử đã phong lưu. (Một đấm đấm ngã Hoàng Hạc lâu, Một đạp đạp nghiêng Anh Vũ châu; Có khí pháp thì thêm khí pháp, Chỗ chẳng phong lưu lại phong lưu.)

niên hiệu Chính Hòa (1118), Sư được vua Tống Huy Tông ban hiệu Tịnh Nghiêm 淨嚴 [có thuyết là Tịnh Từ (淨慈)]. Nhà thơ Viên Công Chước (袁公灼) ở Tùy Châu tâu lên vua rằng, đạo đức của Sư tiêu biểu cho tùng lâm noi theo, cho nên Sư xuống núi, dời về Thủy Nam (水南), Tùy Châu. Năm Đinh Mùi, niên hiệu Tĩnh Khang thứ 2 (1127), Sư trở về, dừng lại Diên Phúc Viện ở Khoáng Sơn (曠山), Đức An (德安). Bấy giờ, trong nước đại loạn, vùng Giang Hoài thì giặc cướp nổi lên, ai cũng cảnh giới. Tri phủ Đức An là Lý Công Tế lo lắng Sư không có chỗ ở, nên ra lệnh mời Sư vào thành, và dựng một cái am trong thành cho Sư. Giặc vây thành đã lâu, mỗi lần tấn công đều bất lợi, biết được ‘trong thành có dị nhân’, bèn cho lui quân. Trấn phủ là Trần Quy nghe chuyện, khen rằng: “Dị nhân là ai? Nhất định là thầy Tịnh Nghiêm của ta.” Năm Ất Mão, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 5 (1135), vị quan của Tuyên phủ ty xếp đặt cho Sư cư trú núi Đại Hồng, học trò hướng về núi mà quy y. Thiền học bấy giờ cũng rất thịnh, ngài Thủ Toại dạy bảo đồ chúng không biết mệt mỏi. Đến tháng 3 năm Đinh Mão, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 17 (1147), Sư thị hiện bệnh mà hóa. Ngài thiên chất ôn hòa, điềm đạm, không làm ai phiền, nghiêm cẩn phụng trì giới luật, trọn đời không mặc bông tơ, không nắm tài sản, nếu có cũng thí xả, từ bi ngay cả loài bọ chết, không nỡ phỉ xuống đất, dung nạp chúng ở trong y. Đệ tử nổi pháp của thiền sư Thủ Toại là thiền sư Minh Ngộ Khánh Hiên (明悟慶顯) và cư sĩ Công An Mẫn (公安慙).

Kinh Tứ thập nhị chương có ba bản: một là, Đại chánh tân tu Đại tạng kinh, quyển 17, kinh số 784, là bản “tương đối xưa nhất”⁴, gọi là bản A⁵; hai là, bản thông hành hiện nay, có vào đầu đời Tống, nằm trong các bản chú thích trong Vạn Tục tạng kinh, như: Phật Tổ Tam Kinh chú⁶, Phật thuyết Tứ thập nhị chương kinh chú⁷, Phật thuyết Tứ thập nhị chương kinh giải⁸, Tứ thập nhị chương kinh số sao⁹ và Phật thuyết Tứ thập nhị chương kinh trong Phật Tổ Tam Kinh

⁴ Kinh Bốn mươi hai bài, H.T Thích Trí Quang dịch.

⁵ Thường gọi là ‘Cao Ly tạng bản’ 高麗藏版.

⁶ Bắc Tống, thiền sư Thủ Toại chú giải. Theo lời bạt kinh Tứ Thập Nhị Chương của thiền sư Thủ Toại trong Phật Tổ Tam Kinh

⁷ Tục tạng kinh bản Vạn, số 669, đời Minh, ngài Liễu Đồng bồ chú.

⁸ Tục tạng kinh bản Vạn, số 670, đời Minh, đại sư Trí Húc chú giải.

⁹ Tục tạng kinh bản Vạn, số 671, đời Thanh, đại sư Tục Pháp soạn thuật.

chỉ nam¹⁰, gọi là bản B¹¹; ba là, bản chánh văn mà hoàng đế Chân Tông của đời Tống đã chú thích¹², là hỗn hợp hai bản A và B mà thành. Các bản dịch Việt ngữ kinh Tứ thập nhị chương hiện có: Kinh bốn mươi hai bài do hòa thượng Thích Trí Quang dịch giải¹³, Kinh Tứ thập nhị chương do thượng tọa Thích Viên Giác dịch giảng¹⁴, Kinh Tứ thập nhị chương do hòa thượng Thích Tâm Châu dịch¹⁵, Kinh Tứ thập nhị chương do hòa thượng Thích Hoàn Quan dịch giảng v.v...

Kinh Di giáo là gọi tắt danh đề Kinh Phật thủy bát niết bàn lược thuyết giáo giới¹⁶, nghĩa là Kinh Giáo huấn văn tắt lúc sắp niết bàn của Phật, do ngài Cưu ma la thập dịch. Các bản luận chú kinh Di giáo gồm có: Di giáo kinh luận¹⁷, Phật Di giáo kinh luận số tiết yếu¹⁸, Di giáo kinh bổ chú¹⁹, Di giáo kinh giải²⁰, Di giáo kinh luận pháp trú ký²¹, Di giáo kinh luận ký²², Phật di giáo kinh trong Phật Tổ Tam Kinh chỉ nam. Đặc biệt, Di giáo kinh luận do bổ tát Thiên Thân trước tác, trong đó ngài Thiên Thân nói kinh Di giáo là đạo phương tiện của bồ tát. Luận này được hòa thượng Thích Trí Quang dịch và chú thích thật đầy đủ, không thể không đọc khi muốn học hiểu kinh Di giáo. Hòa thượng Thích Tâm Châu phiên dịch chánh văn kinh Di giáo²³.

¹⁰ Tục tạng kinh bản Vạn, số 675, đời Minh, ngài Lâm Đạo Bái soạn thuật.

¹¹ Bản Tứ Thập Nhị Chương Kinh mà thiền sư Thủ Toại chú giải là bản B này, và thường gọi là ‘Thủ Toại bản’ 守遂本.

¹² Đại chánh tân tu, số 1794, đời Tống, hoàng đế Nhân Tông chú thích. Thường gọi là ‘Tống Chân Tông chú bản’ 宋真宗註本.

¹³ <https://thuvienhoasen.org/a769/kinh-bon-muoi-hai-bai>

¹⁴ <https://www.budsas.org/uni/u-kinh42chuong/kinh42c-00.htm>

¹⁵ <http://www.tuvienquangduc.com.au/ipad/tuthapnhichuong-httamchau.pdf>

¹⁶ Đại chánh tân tu, số 389.

¹⁷ Đại chánh tân tu, số 1529, bồ tát Thiên Thân tạo luận, đời Trần ngài Chân Đế dịch.

¹⁸ Đại chánh tân tu, số 1529, đời Tống ngài Tịnh Nguyên tiết yếu, đời Minh ngài Châu Hoàng bổ chú.

¹⁹ Vạn Tục tạng, số 665, đời Minh, ngài Liễu Đồng bổ chú.

²⁰ Vạn Tục tạng, số 666, đời Minh, ngài Trí Húc soạn thuật.

²¹ Vạn Tục tạng, số 845, đời Tống, ngài Nguyên Chiêu soạn thuật.

²² Vạn Tục tạng, số 646, đời Tống, ngài Quán Phục soạn thuật.

²³ <http://www.tuvienquangduc.com.au/kinhdien-2/297kinhdigiao.html>

Thượng tọa Thích Viên Giác soạn Kinh Di giáo lược giải²⁴ làm giáo trình giảng dạy cho các trường Cơ bản Phật học.

Quy Sơn cảnh sách là bài văn mà trong thiền môn sớm tối thường đọc để cảnh tỉnh sự tu hành, và vì lời dạy của ngài Linh Hựu (靈祐, 771-853)²⁵ rất thiết tha và thiết yếu cho sự luyện tâm nên cổ đức xem như lời Phật dạy, vì vậy mà gọi là kinh. Quy Sơn cảnh sách chú²⁶ của ngài Thủ Toại đời Tống, Quy Sơn cảnh sách trong Phật Tổ Tam Kinh chỉ nam, Quy Sơn cảnh sách cú thích ký²⁷, Quy Sơn cảnh sách chú của ngài Đại Hương đời Minh là các bản chú giải nằm trong Đại tạng và Tục tạng. Riêng Quy Sơn cảnh sách cú thích ký của ngài Hoằng Tín chú, ngài Khai Quynh ký được thông dụng trong thiền môn vì sự phân đoạn và lời chú giải của hai ngài đầy đủ nhất. Hòa thượng Thích Hành Trụ đã dịch Quy Sơn cảnh sách cú thích ký ra Việt ngữ. Ngoài ra còn có Quy Sơn cảnh sách văn²⁸ do hòa thượng Thích Trí Quang dịch giải; Quy Sơn cảnh sách trong bộ Phật Tổ Ngũ Kinh²⁹ do hòa thượng Thích Hoàn Quan dịch chú; Lời cảnh giác và khích lệ của thiền sư Quy Sơn do thiền sư Thích Nhất Hạnh phiên dịch³⁰. Ngài Pháp Chuyên (1726-1798)³¹ trước tác Quy Sơn cảnh sách chú thích y lược âm phát ần thiên³². Lời giảng dạy Quy Sơn cảnh sách của hòa thượng Thích Thanh Từ được biên tập thành sách.

²⁴ <https://www.viet.net/anson/uni/u-kinhdigiaio/digiao-01.htm>

²⁵ Quy Sơn là gọi ngài bằng tên núi ngài ở.

²⁶ Vạn Tục tạng, số 1239, đời Tống ngài Thủ Toại chú giải.

²⁷ Vạn Tục tạng, số 1240, đời Minh ngài Hoằng Tín chú, ngài Khai Quynh ký.

²⁸ Tức Bài văn Cảnh sách của ngài Quy Sơn, Luật Sa Di & Sa Di Ni, tập một, in lần thứ hai, 2517 (1973).

²⁹ Phật Tổ ngũ kinh, NXB TP. HCM, 1985.

³⁰ <https://langmai.org/phat-duong/tung-gioi/gioi-luat-sadi/loi-can-h-giac-va-khich-le-cua-thien-su-quy-son/>

³¹ Thiền sư Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm (1726-1798), người làng Cổ Tháp, xã Hoa Châu, phủ Thăng Hoa (nay là xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên), là tổ khai sơn chùa Từ Quang - Phú Yên (1797). Thiền sư Pháp Chuyên đắc pháp với tổ Thiệt Dinh - Ân Triêm tại chùa Phước Lâm (Hội An). Thiền sư Pháp Chuyên có căn bản Nho học, từng làm quan dưới thời chúa Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát, nhưng sau khi xuất gia (1745) ngài tham học nhiều bậc cao tăng thạc đức. Trong hàng đệ tử của ngài có đến 28 vị đắc pháp và rất nổi tiếng, như các thiền sư: Toàn Thể Linh Nguyên, Toàn Nhật Quang Đài, Toàn Đức Thiệu Long v.v... Từ ngày khai sơn, chùa Từ Quang trở thành trung tâm tu học của chư tăng miền Trung từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX. Trong cuộc đời tu trì và giáo hóa đồ chúng, thiền sư Pháp Chuyên đã để lại trong kho tàng văn học Hán Nôm hơn 20 tác phẩm có giá trị, gồm thơ, văn, dịch thuật, từ điển. Qua những tác phẩm này, GS. Lê Mạnh Thát khẳng định: “Thiền sư Pháp Chuyên - Diệu Nghiêm là một tác giả lớn của nền văn học thế kỷ XVIII. Những gì do ông sáng tác và biên tập, cho đến nay đã phát hiện tới những 20 công trình, trong đó quan trọng và lời cuốn nhất là Tam bảo biện hoặc luận. Đây là một tác phẩm ghi lại cuộc đấu tranh gay gắt về mặt tư tưởng giữa ý thức Tống Nho suy tàn và hệ tư tưởng Phật giáo đang lên”.

³² Lê Mạnh Thát, Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam, tập 1.

Trong Dự án số hóa kho tàng thư tịch cổ văn hiến Hán Nôm có bản phóng ảnh Tam Kinh Nhật Tụng (三經日誦) do sa-môn Thích Tại Tại (tức thiền sư Minh Hành)³³, chùa Hoa Lâm, chứng khắc; chùa Báo Quốc, thôn Bình Vọng, huyện Thượng Phúc, tàng bản, vào thời vua Minh Mạng năm thứ 11 (1830)³⁴. Xem xét văn bản thì chính là Phật Tổ Tam Kinh Chú của thiền sư Thủ Toại đời Bắc Tống. Phật Tổ Tam Kinh Chú không được thu tàng trong bất cứ bản đại tạng kinh nào cả³⁵, nhưng đơn bản thì: (1) Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú là Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú, Vạn Tục tạng, Tập 37, No. 669, bỏ phần bổ chú của sa-môn Liễu Đồng; (2) Di Giáo Kinh Chú, coi như bị thất lạc, may thay, bản chú giải này lại nằm trong Tam Kinh Nhật Tụng; (3) Quy Sơn Cảnh Sách Chú, Vạn Tục tạng, No. 1239, do thiền sư Thủ Toại chú.

Tam Kinh Nhật Tụng, còn gọi là Phật Tổ Tam Kinh, là điển tịch Phật giáo Việt Nam, hiện được bảo tồn bởi Viện Nghiên Cứu Hán Nôm Việt Nam, ký hiệu AC.341, AC.545, AC.621; và Thư Viện Quốc Gia Việt Nam, ký hiệu TN.059. Gọi sách này là Tam Kinh Nhật Tụng, là vì cư sĩ Âu Dương Dĩnh có viết bài tựa, gọi là Tam Kinh Nhật Tụng Tự; còn thiền sư Thích Tại Tại cũng viết bài tựa, nhưng gọi là Phật Tổ Tam Kinh Tự. Bộ Tam Kinh Nhật Tụng này in theo bản Phật Tổ Tam Kinh của Trung Quốc, nhưng có thêm phần chú thích phía trên của chư Tổ Việt Nam và Âm thích ở cuối sách³⁶. Tam Kinh Nhật Tụng do thiền sư Thích Tại Tại mang từ Trung Quốc về Việt Nam³⁷, và tỳ kheo ni Diệu Tuệ trùng khắc vào năm Khánh Đức thứ 4 (1652) đời

³³ Thiền sư Minh Hành (明行禪師, 1596-1659) thuộc đời pháp 35, tông Lâm Tế, hiệu là Tại Tại (còn gọi là Tại Công), người phủ Kiến Xương, tỉnh Giang Tây. Ngài theo thầy là thiền sư Chuyết Chuyết sang Việt Nam. Năm 1644, khi thầy mất, ngài thay thế trụ trì chùa Ninh Phúc. Đến năm 1659, ngài tịch, thọ 64 tuổi. Môn đồ xây tháp Tôn Đức ở chùa Ninh Phúc để thờ ngài. Ngài có hai vị đệ tử là Chân Trú và Diệu Tuệ. Chân Trú trụ trì chùa Hoa Yên, núi Yên Tử, còn Diệu Tuệ trụ trì chùa Phật Tích. Ngài có đề bài kệ truyền pháp; bài kệ này còn là bài kệ của thiền phái Lâm Tế Đàng Ngoài hệ Minh Hành: Minh chân như tánh hải/ Kim tướng phổ chiếu thông/ Chí đạo thành chánh quả/ Giác ngộ chứng chân không. (明真如性海, 金祥普照通; 至道成正果, 覺悟證真空. Thấy chân như biển rộng, ánh vàng chiếu vô cùng; Đạt đạo thành Chánh giác, giác ngộ chứng chân không.)

³⁴ <https://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/607/>
<https://lib.nomfoundation.org/collection/2/volume/1320/>
<https://lib.nomfoundation.org/collection/2/volume/1358/>

Ấn bản theo bản in mà tỳ kheo ni Diệu Tuệ trùng khắc vào năm Khánh Đức thứ 4 (1652) đời vua Lê Thần Tông.

³⁵ Phòng sơn thạch kinh, Khai bảo tạng, Sùng ninh tạng, Tỳ lô tạng, Viên giác tạng, Triệu thành kim tạng, Tu phước tạng, Thích sa tạng, Tổng tạng di trần, Cao ly tạng, Phổ ninh tạng, Chí nguyên lục, Hồng vũ nam tạng, Vĩnh lạc nam tạng, Vĩnh lạc bắc tạng, Gia hưng tạng, Gia hưng tạng tân văn phong bản, Càn Long tạng, Súc khắc tạng, Vạn chánh tạng, Đại chánh tạng, Phật giáo đại tạng kinh, Trung Hoa tạng, Tân toan Vạn tục tạng.

³⁶ Dịch giả không dịch 2 phần này.

³⁷ Đó là bản Phật Tổ Tam Kinh in năm 1410.

vua Lê Thần Tông.³⁸ Đến năm Tự Đức thứ 11 (1858), sa-môn Bảo Định ở chùa Đa Bảo, trùng ấn Phật Tổ Tam Kinh để hoàn thành tâm nguyện của Thầy Tổ³⁹. Vào năm Thành Thái thứ 8, Bính Ngọ (1906), thiền sư Nguyên Uẩn (1864-1914) hưng công in ấn bộ Phật Tổ Tam Kinh Luân Quán Thuyết; cũng là bộ Phật Tổ Tam Kinh nhưng thiền sư Nguyên Uẩn viết thêm lời chú thích. Vào năm 2005, bộ này được Hòa thượng Thích Phổ Tuệ, đệ tam Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, phiên dịch toàn văn lời chú của thiền sư Thủ Toại và dịch lời chú thích thêm của Tổ Nguyên Uẩn⁴⁰.

Theo Cảnh Sách Hậu Bạt của thiền sư Thủ Toại, vào mùa Hạ An Cư năm Kỷ Mùi (1139), năm Thiệu Hưng thứ 9, thời vua Tống Cao Tông, có Thảo Am đạo nhân là Sử Tông Quy cầu thỉnh ngài viết lời chú giải Quy Sơn Cảnh Sách. Trong bài tựa Quy Sơn Cảnh Sách Chú, No. 1239-A, Tả triều phụng đại phu Trương Thủ cũng xác nhận là bản chú giải này được viết vào năm 1139, lúc thiền sư Thủ Toại 67 tuổi. Theo bài tựa Phật Tổ Tam Kinh của thiền sư Đức Di, No. 1239-B, thiền sư Thủ Toại đã chú giải Tam Kinh vào những năm Tuyên Hòa (1119-1126), thời vua Tống Huy Tông, và Tuệ đại sư ở Tĩnh Sơn cho khắc bản ấn loát Phật Tổ Tam Kinh vào năm 1286. Có vẻ như thiền sư Đức Di đã lầm lẫn về thời gian chú giải. Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú được thiền sư Thủ Toại chú giải vào năm Kiêm Viên thứ 3, Kỷ Dậu (1129), thời vua Tống Cao Tông, lúc ngài 57 tuổi.⁴¹ Di Giáo Kinh Chú có thể được thiền sư Thủ Toại viết trong ‘những năm Tuyên Hòa’, khoảng thời gian từ 47 đến 54 tuổi, tức là kinh này được thiền sư Thủ Toại chú giải trước nhất. Theo phụ lục No. 1239-D, tỳ kheo Giác Căn viết, bộ Phật Tổ Tam Kinh được trùng ấn vào mùa Xuân năm Bính Tuất (1286). Theo phụ lục No. 1239-C, Hàn Sơn phủ

³⁸ Tỳ kheo ni Diệu Tuệ Thiện Thiện, tức công chúa Lê Thị Ngọc Duyên 黎氏玉延, ái nữ của Thần Tông đế và hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, người có công trùng ấn các kinh như: Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh trực thuyết (AC. 301, Thịnh Đức thứ 2, tháng 11 năm 1654), Tam kinh nhật tụng (Phật tổ tam kinh), tuyển tập: chú Lăng nghiêm, chú Đại bi, Thập chú, Bát-nhã Tâm kinh và kinh Kim Cương. Đây là những kinh sách do thiền sư Minh Hành mang từ Trung Hoa về chùa Bút Tháp. Tỳ kheo ni Diệu Tuệ có công trùng tu chùa Bút Tháp, Bắc Ninh.

³⁹ Thầy là thiền sư Bảo Liên Phổ Thiện. Tổ là thiền sư Từ Hòa Chiêu Thường, vị thầy thế độ của Phổ Thiện.

⁴⁰ Tam kinh nhật tụng, bản khắc ván in năm Bính Ngọ (1906), tàng bản tại Tổ đình Viên Minh - Quang Lăng, Phú Xuyên Hà Tây. Pháp sư Thích Nguyên Uẩn (1864 – 1915) là người kế thế truyền đăng của sơn môn Đa Bảo, là Đệ nhất Tổ khai sơn tổ đình Viên Minh vào năm Canh Tý (1900). Sau phần chú giải kinh Tứ thập nhị chương của ngài Thủ Toại là phụ lục Tứ thập nhị chương kinh tụng của thiền sư Viên Diễn, nhưng hòa thượng Pháp chủ đưa kệ tụng ấy vào mỗi phần đoạn tương ứng làm kệ tóm tắt. Năm 2016, tái bản Phật Tổ Tam Kinh Luân Quán Thuyết do đức Pháp chủ Thích Phổ Tuệ dịch.

⁴¹ Xem Lời bạt Kinh Tứ Thập Nhị Chương, thiền sư Thủ Toại.

viện quân Lý Sặc viết, bộ Phật Tổ Tam Kinh được trùng ấn vào năm Giáp Tý (1384)⁴². Theo Tam Kinh Hậu Bát của Tư thiện đại phu Diêu Quảng Hiếu, thiền sư Ấn Phong Tông, trụ trì chùa Kê Minh ở Kinh Đô, cho trùng ấn Phật Tổ Tam Kinh vào tháng 7 năm Canh Dần (1410), Vĩnh Lạc thứ 8, đời vua Minh Thành Tổ. Như vậy, bộ Phật Tổ Tam Kinh này được ấn bản ít nhất là 3 lần, ở Trung Quốc và Cao Ly, vào các năm 1286, 1384 và 1410.

Nói về bản Việt dịch, phần dịch nghĩa kinh văn Tam Kinh là của Hòa thượng Thích Trí Quang, và những đề mục trong Tam Kinh cũng dựa vào sự phân tiết của Hòa thượng. Dịch giả chỉ dịch nghĩa lời chú giải Tam Kinh của thiền sư Thủ Toại. Những bài tựa và bài bạt trong Phật Tổ Tam Kinh đều được chuyển dịch. Ngoài ra còn chuyển dịch những bài tựa về Tam Kinh có ở trong đại tạng để thấy người xưa coi trọng Tam Kinh như thế nào.

“Phật nói, sa môn hành đạo là như con trâu mang nặng, đi trong bùn sâu, mệt nhọc đến mấy cũng không dám ngoái nhìn hai bên, mà phải đi cho mau, rời khỏi bùn sâu, mới được nghỉ ngơi. Sa môn coi ái dục còn hơn bùn sâu, nên thẳng tắp một mạch mà hành đạo, mới có thể thoát khỏi mọi sự khổ lụy.”

“Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ chết đi một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận. Như lái như vị lương y, biết bệnh mà chỉ thuốc, còn uống hay không, không phải lỗi của lương y. Lại như người dẫn đường rất tốt, chỉ dẫn đường tốt cho người, nhưng nghe rồi mà không đi, thì không phải lỗi của người dẫn đường.”

“Người xuất gia là cất bước thì muốn vượt tới phương trời cao rộng, tâm tính và hình dung khác hẳn thế tục, tiếp nối một cách rạng rỡ dòng giống của Phật, làm cho quân đội của ma phải rung động khuất phục, với mục đích báo đáp bốn ân, cứu vớt ba cõi.”

San Francisco, mùa ôn dịch COVID-19

23.04.2020 (01.04.Canh Tý)

Phật tử Quảng Minh

⁴² Bản Phật Tổ Tam Kinh in năm 1384 này hiện được lưu giữ ở Chùa Guinsa (Temple of Salvation and Kindness: ngôi chùa của sự cứu rỗi và lòng tốt), nằm ở khu vực Yeonhwa thuộc dãy núi Sobaek, gần Danyang ở Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc. Chùa Guinsa là trung tâm hành chính của hơn 140 ngôi chùa khác và là trụ sở của phái Cheontae của Phật giáo Hàn Quốc. Bản Phật Tổ Tam Kinh này được trùng ấn tại Cao Ly, vào năm thứ 10 (1384) thời vua U of Goryeo (1365-1389), cho nên mới có lời Bát của Lý Sặc, một học giả kiêm chính trị gia, nho học gia vào cuối vương triều Cao Ly. Văn bản Phật giáo này là được coi là vô giá đối với sự hiểu biết về công nghệ in và thực hành tại thời điểm đó.

MỤC LỤC

Tựa Tam Kinh Nhật tụng, Cư sĩ Âu Dương Dĩnh

Kinh Tứ Thập Nhị Chương & Kinh Di Giáo, Đại sư Liên Trì Chu Hoàn

Tựa Phật Tổ Tam Kinh, Thiền sư Thích Tại Tại

Tựa Tịnh Nghiêm Thiền Sư Chú Phật Tổ Tam Kinh, Tả trung phụng đại phu Hứa Đoan

Kinh Phật Thuyết Bốn Mươi Hai Chương

Lời bạt Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Thiền sư Thủ Toại

Tứ Thập Nhị Chương tụng, Tăng Viên Diễn

Sắc chỉ thi hành kinh Phật Di Giáo, No. 665-A, Hoàng đế Đường Thái Tông

Kinh Phật Di Giáo

Di Giáo Kinh tụng, [Tăng Viên Diễn]

Tựa Quy Sơn Cảnh Sách Chú, No. 1239-A, Tả triều phụng đại phu Trương Thù

Quy Sơn Cảnh Sách

Cảnh Sách Hậu Bạt, Thiền sư Toại Thủ

Tam Kinh Hậu Bạt, Tư thiện đại phu Diêu Quảng Hiếu

Tăng Bổ Âm Thích (增補音釋, không chuyên dịch)

Bổ San Tam Kinh Bạt Ngữ

Phụ Lục:

No. 1239-B (Vạn Tục tạng, Tập 63, No. 1239, Quy Sơn Cảnh Sách Chú)

No. 1239-C (Vạn Tục tạng, Tập 63, No. 1239, Quy Sơn Cảnh Sách Chú)

No. 1239-D (Vạn Tục tạng, Tập 63, No. 1239, Quy Sơn Cảnh Sách Chú)

No. 665-B (Vạn Tục tạng, Tập 37, No. 665, Phật Di Giáo Kinh Chú)

No. 665-C (Vạn Tục tạng, Tập 37, No. 665, Phật Di Giáo Kinh Chú)

No. 665-D (Vạn Tục tạng, Tập 37, No. 665, Phật Di Giáo Kinh Chú)

Hán Văn:

1. Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú (Vạn Tục tạng, Tập 37, No. 669, bỏ phần bổ chú của Liễu Đồng)

2. Di Giáo Kinh Chú (Sao chép từ Phật Tổ Tam Kinh)

3. Quy Sơn Cảnh Sách Chú (Vạn Tục tạng, Tập 63, No. 1239)

Tựa Tam Kinh Nhật Tụng

Tôi vào Tiểu học lúc năm tuổi, tiên sinh dạy tôi Tam tự kinh, rằng: “Con người khi sinh ra, bản tính vốn thiện lành.” Rồi tôi học Đại học, rằng: “Đại học là sách do họ Khổng để lại, là cánh cửa đi vào đạo đức [của người sơ học],”⁴³ hay “Cái đạo của Đại học là làm rạng tỏ đức hạnh của mình, là thân ái với mọi người, là khiến con người đạt đến sự hoàn thiện.” Rồi tôi đọc Luận ngữ, rằng: “Học hành và sau đó thường ôn tập chẳng thích thú ư?” Sau đó tôi đọc đến Mạnh tử, rằng: “Bậc đại nhân thì không đánh mất đi cái tâm thuần khiết thiện lương của mình vậy.” Tôi hỏi thầy tôi, rằng: “Thường ôn tập, đạt đến sự hoàn thiện, con biết những điều ấy, nhưng chỉ biết trên chữ nghĩa chứ chưa thật sự hiểu rõ.” Thầy tôi dạy: “Cái tâm thuần khiết thiện lương, nghĩa là không ai có cái muốn cho riêng mình. Chính lòng ham muốn mọi thứ nó che lấp cái đạo thuần nhất và chân chánh vậy.” Tôi lui ra, suy ngẫm lời ấy, điều mà các sách vở thường nói, ‘Con người lúc ban sơ, bản tánh ai cũng thiện lành.’ Lại nữa, người muốn thường ôn tập [và thực hành] để đạt đến cảnh giới cực hoàn thiện, thì phải làm sao cho tâm mình đạt đến sự hoàn thiện. Tôi hồi nhỏ học tập rồi thực hành một cách hùng tráng, sớm chiều học và hành, chưa từng một ngày thoái thác. Cuộc đời biến động nên tôi rong ruổi bốn phương, nhân có chuyện khóc của Nguyễn Tịch⁴⁴, mà tôi gặp được đệ tử của đức Thích Ca, tôi hỏi, “Đạo Dương Chu và đạo Mặc Địch⁴⁵, các bậc tiền hiền đã bài bác, tôi làm sao chen dự?” Nhưng đồ chúng của họ Thích hiểu

⁴³ Đại học, Khổng thị chi di thư, nhi sơ học nhập đạo chi môn. 大學, 孔氏之遺書, 而初學入德之門.

⁴⁴ Nguyễn Tịch 阮籍 (210-263) tự Tử Tông 嗣宗, xuất thân ở Uý Thị, Trần Lưu nước Ngụy đời Tam Quốc (nay là Khai Phong, Hà Nam). Ông là một trong Trúc Lâm thất hiền, phụ thân của ông là Nguyễn Vũ 阮瑀 - từng là thừa tướng nước Ngụy và là một trong Kiến An thất tử. Ông từng làm hiệu úy bộ binh, cho nên còn được gọi là Nguyễn bộ binh. Tấn thư nói rằng ông tướng mạo anh kiệt, chí khí hùng hồn, ngạo nhiên tự đắc, nhiệm ý mình, mà vui cười tức giận không để lộ ngoài mặt, hoặc đóng cửa xem sách cả tháng không ra ngoài, hoặc đi chơi sông núi cả ngày quên về, học rộng, nhất là Lão Trang. Uống rượu, huyết sáo, giỏi đàn. Gặp lúc đắc ý bỗng quên mình, người đương thời cho là bị si. Tịch thường tự ý một mình lấy xe đi, không theo đường lộ, đi hết tới chỗ xe không đi được nữa, khóc một hồi rồi về. Đây chính là chỗ Vương Bột (王勃, 649-676) nói, “Nguyễn Tịch xuong cuồng, khởi hiệu cùng đồ chi khóc.” (阮籍猖狂豈效窮途之哭). Nguyễn Tịch cuồng điên, làm sao bắt chước được chuyện khóc cùng đường). Đại khái bản tính như vậy, chính là chỗ xuất phát tư tưởng văn học toàn bộ của ông ta.

⁴⁵ Dương Mặc chỉ đạo 揚墨之道: chỉ cho học thuyết Dương Chu và học thuyết Mặc Địch. Dương Chu 楊朱 (440-360 TCN), tự Tử Cư 子居, sống thời Chiến quốc, người đời tôn kính gọi là Dương Tử, một triết gia lỗi lạc, ông đưa ra thuyết “Vị kỷ”, phản đối thuyết “Kiêm ái”, như nói rằng: “Người sinh ra ở đời, khác nào như một giọt sương trên ngọn cỏ, không được bao lâu, cho nên phải hậu dưỡng và tự trọng lấy mình, có cần gì phải tổn hại mình mà làm ích lợi cho người khác,” và nổi tiếng với quan niệm “không vì cái lợi lớn của thiên hạ mà chịu mất đi một sợi lông chân của mình.” Dương Chu không có sách vở gì để đời, chỉ thấy trong sách Liệt Tử có chép, học thuyết của Dương Chu thì trái với học thuyết của Mặc Địch, và trong Mạnh Tử có nói rằng: “Họ Dương chủ trương Vị ngã, nếu nhỏ một

rõ, cười đáp: “Kinh có nghĩa lý, sự có đồn tiêm, người có cùng thông và mê ngộ, có thể lấy một sự thể ấy mà suy ra.” Tôi trầm tư lời ấy. Người mà tên tuổi thâm lặng nhưng hành động nho nhã, kết giao với tôi đã lâu, cảm quyển “Ba Kinh Nhật Tụng”, đưa cho tôi xem, tôi nói, “Thiện lành!” Lại xem xét yếu chỉ tối thượng của quyển kinh, thì thấy nó đưa đến cảnh giới hoàn thiện vậy. Tôi hỏi, “Ai làm việc trùng khắc để tăng ích Thánh giáo?” Có người đáp, “Là thầy Húc Giang Tại Tại.” Tôi thấy sự học làm tốt cho sự hành của mình, nên muốn viết bài tựa này vậy.

Cháu của Cư sĩ Lư Lăng⁴⁶, Âu Dương Đĩnh⁴⁷ kính ghi.

三經日誦敘

mây lông mà được lợi cho cả thiên hạ cũng không cần làm.” Mặc Địch 墨翟 (479~390 TCN), tự Mặc Tử 墨子, người nước Lỗ, là triết gia, nhà chính trị lỗi lạc thời Chiến quốc. Ông sinh ra và lớn lên trong 1 gia đình tiểu thủ công. Ông là người vốn gần gũi thực tế xã hội với người nhân dân lao động. Ông đưa ra 10 chủ trương lớn là 10 cương lĩnh chính trị của ông, nội dung được chia thành mười loại: Thượng hiền, Thượng đồng, Tiết dụng, Tiết tàng, Phi lạc, Phi mệnh, Thiên chí, Minh quý, Kiên ái, Phi công. Chủ trương Kiên ái của ông là chuộng sự tiết kiệm, muốn giảm bớt lễ tang tế, trừ âm nhạc, v.v... Tuy lập luận có thiên chấp, nhưng vẫn chuyên trọng về chủ nghĩa lợi ích, cho nên đương thời cũng ngang bằng với đạo Nho. Học thuyết Mặc Tử vốn có 71 thiên, ngày nay còn giữ lại được 53 thiên, trong đó có hai thiên Kinh thượng và Kinh hạ, là do ông viết, còn lại phần lớn là do các đệ tử, học trò dựa theo lời nói, bài giảng và những việc làm của ông và các học giả Mặc gia, ghi chép chỉnh lý thành sách. Học thuyết của Dương Chu và Mặc Địch thường bị Mạnh Tử đả kích.

⁴⁶ Âu Dương Tu 歐陽修 (1007 – 1072), văn học gia, sử học gia nổi tiếng thời Bắc Tống, một trong Đường Tống bát đại gia, tự Vĩnh Thúc 永叔, hiệu Tuý Ông 醉翁, văn niên tự gọi là Lục Nhất Cư Sĩ 六一居士, khi mất có thụy hiệu là Văn Trung 文忠, người Lư Lăng 廬陵 (nay là Cát An 吉安, Giang Tây 江西). Lúc nhỏ, phụ thân đã qua đời, gia cảnh nghèo khổ, mẫu thân họ Trịnh lấy lau sậy làm bút, lấy cát thay giấy để dạy ông học chữ. Âu Dương Tu đậu Tiến sĩ năm Thiên Thánh 天聖 thứ 8 đời Tống Nhân Tông. Ông ủng hộ “Khánh Lịch cách tân” 慶曆革新 của Phạm Trọng Yêm 范仲淹, gặp phải sự bài xích và đả kích của phái thủ cựu, nhiều lần bị biếm trích. Văn niên làm tới Hàn lâm học sĩ, Khu mật phó sử, Tham tri chính sự. Về già hơi bảo thủ, khi Vương An Thạch 王安石 tiến hành tân pháp, đối với phép “thanh miếu” ông có phê bình, sau từ quan về ở ẩn. Âu Dương Tu là lãnh tụ của phong trào thi văn cách tân thời Bắc Tống, phản đối văn phong hiểm quái truy cầu hình thức từ đầu đời Tống trở đi, chủ trương “văn dĩ minh đạo” 文以明道. Dưới sự lãnh đạo và khen thưởng đề bạt của ông, Tam Tô, Vương An Thạch, và Tăng Củng, lần lượt hình thành lại thời kì toàn thịnh của phong trào sáng tác cổ văn ở Trung Quốc. Về các phương diện tản văn, thi từ của ông đều có thành tựu rất cao. Tản văn thuyết lí thông đạt, trữ tình uyển chuyển mang một phong cách riêng. Ông cũng yêu thích kim thạch văn tự, biên soạn Tập cổ lục 集古錄, rất có ảnh hưởng đối với Kim thạch học đời sau. Tác phẩm của Âu Dương Tu có Âu Dương Văn Trung Công toàn tập 歐陽文忠公全集, Tân ngũ đại sử 新五代史 và Tân Đường thư 新唐書 (hợp tác biên soạn cùng Tống Kì 宋祁). [Đường Tống bát đại gia 唐宋八大家: chỉ tám vị văn học gia lấy thi ca và tản văn làm chính thời Đường Tống: Thời Đường có Hàn Dũ 韓愈, Liễu Tông Nguyên 柳宗元. Thời Tống có Tô Tuân 蘇洵, Tô Thức 蘇軾, Tô Triệt 蘇轍 (gọi chung là Tam Tô), Âu Dương Tu, Vương An Thạch, Tăng Củng 曾鞏. Trong đó, Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên là lãnh tụ của phong trào cổ văn thời Đường. Âu Dương Tu và Tam Tô, 4 người này là nhân vật chủ chốt của phong trào cổ văn thời Tống. Còn Vương An Thạch, Tăng Củng là nhân vật đại biểu của văn học Lâm Xuyên 臨川.]

⁴⁷ Âu Dương Đĩnh 歐陽顥, tự Hiếu Thúc 孝叔, người huyện Vĩnh Phong 永豐 (thuộc thị Cát An 吉安, tỉnh Giang Tây 江西), cháu của Âu Dương Tu, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Thượng thư, trước đó là chức Phương lang trung, cai quản tám châu: hạp, ngạc, hấp, bành, nhạc, lăng, v.v..., liêm khiết, làm việc rất nghiêm minh và có uy huệ, hưởng thọ 73 tuổi, chôn cất ở Kinh Nam 荆南.

余五歲入小學，先生誨我三字經曰，人之初性本善，至讀大學，曰孔氏之遺書，入德之門也，曰在明明德，在親民，在止於至善。讀論語曰，學而時習之，不亦說乎？其後讀至孟子曰，大人者，不失其赤子之心。余問師曰，前之時習，至於至善，我知之矣。惟其所句而未之悟也。師曰，赤子者無人欲之私，物欲所蔽純正道也。余退而思之，所謂諸書曰，其人之於始也，其性本善。又欲人之時習，以至於善善耳，其至善之心。余幼學而壯行，旦夕於斯，未嘗一日維也。以世變而馳騁四方，有阮籍之哭，而遇於釋氏之徒。余曰，揚墨之道，前賢所排，我何與焉。而釋氏之徒曉而咲曰，經有義理，事有頓漸，人有窮通迷悟，其可以一類而推之也。余默思之。夫人也是墨名而儒行者矣，於是交遊久之，持三經日誦，與余觀，余曰善。復觀首上之旨，其在至於至善矣。余問其所增益聖教者誰也。或曰盱江在在也。余見其學而美其行，欲為之敘焉。

廬陵居士歐陽穎侄題

Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Di Giáo

Hán Minh đế đêm mộng thấy người vàng, bèn sai sứ đi Thiên Trúc, có được kinh Phật là Bốn mươi hai bài. Thánh giáo ấy truyền về hướng đông, đầu tiên là đi vào Chấn Đán⁴⁸. Nay đã có lời dạy đơn giản mà tăng sĩ không đọc tụng và hành trì, pháp sư không thăng tòa vì người diễn giảng. Nói về kinh [Bốn mươi hai bài] này, có những lời dạy thật đơn giản mà ý chỉ sâu xa, có những lời dạy sâu xa và ý chỉ cũng sâu xa, người đọc phải tự mình khám phá. Còn về kinh Di giáo, chính là giáo huấn tối hậu của Như Lai về những điều cốt yếu [của chánh pháp] trước khi nhập diệt, giống như người đời gọi là di chúc. Con cháu đốt nát về nguồn gốc của Tổ tiên khai sáng, là vong bản vậy. Con cháu làm trái lời di chúc lúc lâm chung của cha mẹ, là bất hiếu vậy. Người tăng sĩ sao chẳng suy tư ư? Kẻ ngu si này xét, hai kinh này thật là thuốc tốt trị bệnh ở thời mạt pháp. Chớ nên coi thường, chớ nên coi thường!

(Chương này rút từ Truy Môn Cảnh Huấn)⁴⁹

四十二章經，遺教經

漢明帝夜夢金人，遣使天竺，得佛經四十二章，此聖教東流入震旦之始也。今以其言近，僧不誦持，法師不升座為人講演。夫此經言不專近，有遠者，有言近而旨遠者，人自不察也。又遺教經，乃如來入滅最後之要語，喻人世所謂遺囑也。子孫昧宗祖創始之來源，是忘本也。子孫背父母臨沒之遺囑，是不孝也。為僧者胡弗思也？愚按二經實末法救病之良藥，不可忽，不可忽！

(此章出在緇門警訓)

⁴⁸ Chấn Đán (震旦, Shintan): tên gọi khác của Trung Quốc, người Ấn Độ cổ đại thường gọi người Trung Quốc là Cīna-sthāna. Từ này đôi khi cũng được viết là Chấn Đán (振旦) hay Chân Đan (真丹).

⁴⁹ Trích trong sách Trúc Song Nhị Bút (竹窗二筆) của đại sư Liên Trì Chu Hoành (蓮池祿宏, 1535-1615), mục Tứ thập nhị chương kinh, Di giáo kinh. Ở đây ghi, “Thư chương xuất tại Truy Môn Cảnh Huấn,” là lầm vậy.

Tựa Phật Tổ Tam Kinh

Ba kinh được soạn, tu thân làm gốc, Phật Tổ làm niệm, truyền đạo làm trọng, là muốn người ta có đủ lý lẽ để thích ứng muôn sự. Người muốn rạng tỏ đức hạnh của mình bằng sự hòa bình tu thân⁵⁰, trí tri cách vật⁵¹, mới có thể khuyên răn, giữ sự chân thành từ đầu đến cuối. Mặt trời Phật Tổ chiếu soi, thế nên trăm năm, ngàn năm sau người ta vẫn đọc tụng ba kinh, trong đó thiền sư Quy Sơn Đại Viên còn làm cho Thánh giáo được tăng ích. Cái gọi là “chân thành thì sáng tỏ, sáng tỏ thì chân thành.”⁵² Giáo huấn của Phật và cảnh sách của Tổ lập ra để di chúc cho hậu học, chớ khiến những lời dạy xuất hiện hỗn loạn. Khi Phật ở đời, người dụng tâm [theo lời Phật] có kết quả ra sao? Sau Phật nhập diệt, người đọc tụng [theo lời Phật] có kết quả thế nào? Cái gọi là “chánh tâm, tu thân”⁵³. Nếu tâm mình bất chánh mà muốn thể nhập đức sáng, sự ấy tôi chưa từng nghe. Người hằng ngày đọc tụng Ba kinh⁵⁴ này thì nhiều, người biết quay lại chính mình thì ít: biết ngăn chặn để cạn mông [phiền não], biết thay đổi để trừ khử [tập khí]. Tôi dạy các đệ tử rằng: “Trong dòng suối có vị ngọt, có thể lấy làm động lực mỗi ngày, đức ở trong tâm mình vậy.” Chư đệ tử đáp: “Dạ.” Nhưng mà dễ để thốt lên chữ “Dạ”, bởi vì đứng ở ngoài son

⁵⁰ Tu thân 修身: luôn nghiêm khắc với bản thân mình, sửa chữa những thiếu sót, không bảo thủ để nhận rõ sai sót nhằm hoàn thiện bản thân.

⁵¹ Trí tri 致知: luôn ngẫm nghĩ để thấu hiểu điều mình đã nhận thức được. Cách vật 格物: luôn tiếp xúc, nghiên cứu kỹ sự vật, sự việc để nhận rõ thực chất, phải trái.

⁵² Trung dung, chương 21: Tự thành minh, vị chi tính; Tự minh thành, vị chi giáo. Thành tắc minh hỹ. Minh tắc thành hỹ. (自誠明，謂之性；自明誠，謂之教。誠則明矣；明則誠矣。Do nội tâm chân thành mà sáng tỏ được sự lý, đó gọi là bản tính [tiên thiên]. Do sáng tỏ sự lý mà trở nên chân thành, đó gọi là giáo hoá [hậu thiên]. Chân thành thì nhất định sẽ sáng tỏ được sự lý, sáng tỏ sự lý cũng nhất định sẽ chân thành.) Thành 誠: là một phạm trù triết học của Nho gia. Nghĩa gốc của nó là thật thà, chỉ cho sự nói năng ứng xử đúng đắn chân thực không xằng bậy và thành thật không dối trá. Lí Cao 李翱 thời Đường coi “thành” là cõi tinh thần của Thánh nhân. Ông nói: “Thành giả, thánh nhân chi tính dã, tịch nhiên bất động, quảng đại thanh minh, chiếu hù thiên địa, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, hành chỉ ngữ mặc, vô bất xử ư cực dã.” (誠者，聖人性之也，寂然不動，廣大清明，照乎天地，感而遂通天下之故，行止語默，無不處於極也。Thành là bản tính của thánh nhân, lặng lẽ bất động, rộng lớn trong sáng, soi vào trời đất, cảm mà thông với mọi việc trong thiên hạ, ngừng hành động, im lời nói, không có cái gì không ở vào tốt đỉnh - Phục tính thư. 復性書)

⁵³ Muốn tu dưỡng tự thân thì trước phải đoan chánh tâm mình. Cái gốc của đạo người quân tử là sự Tu thân. Mục đích và tôn chỉ của sách Đại học là nói về cái đạo của người quân tử: trước hết phải sửa cái Đức của mình cho sáng tỏ để mọi người noi theo, làm sao đến chỗ Chí thiện. Muốn được vậy, trước hết phải Cách vật (hiểu lẽ của sự vật), phải Trí tri (thông suốt vấn đề), phải Thành ý (ý chí thành thật), phải Chánh tâm (lòng phải ngay thẳng). Làm được 4 điều ấy theo thứ tự trước sau thì sẽ sửa được mình (Tu thân), yên được nhà (Tề gia), trị được nước (Trị quốc), và bình được thiên hạ (Bình thiên hạ). Như thế mới là cái đạo của người quân tử.

⁵⁴ Tam kinh nhật tụng

môn. Muốn đến bờ bên kia, thì nơi tâm phải đạt đến chỗ hoàn thiện. Một điều thiện thì dễ tu, hoàn thiện⁵⁵ thì khó được. Người được gọi là ‘hoàn thiện’, thì phải là người ‘cụ chúng lý nhi ứng vạn sự’⁵⁶. Có cái nghĩa như vậy gọi là ‘hoàn thiện’. Nay tôi nêu chữ thiện kia để định nghĩa: ‘năng tánh của thiện, nên gọi là hoàn thiện’. Như kinh nói: “Thiện tai! Thiện tai!” Nghĩa ‘thiện’ phải đạt đến, tâm ‘thiện’ phải chân thành, gọi là ‘hoàn thiện’ vậy.

Thiên vận, năm Quý Tỵ (1653), Húc Giang, Vân Thủy sa-di, Thích Tại Tại⁵⁷ soạn.

佛祖三經序

三經之著，省身之本，佛祖之念，傳道之要，欲人具衆理而應萬事。蓋欲明明德在平修身，致知格物，乃能誠誨，始終存誠。佛祖盱眙可鑑，故千百歲之後人而誦之。而我為山圓禪師復增益聖教，所謂誠則明，明則誠矣。而誠誨警策，立而遺之。莫使後學之錯出也。其先佛之用心者，果何如哉，其後佛之誦習者，又何如哉，所謂正心修身者也。若於其心不正而欲入德者，吾未之聞也。然此三經日誦者衆，而知回者寡，抑以為淺，易而弗之也。余誨諸子曰，溪中有味，可以日進，德在其中矣。諸子曰諾。然而易諾之辭，蓋在山門之外。欲到彼岸，於心其在止至善耳。一善易修也。善善難得也。其所以謂善善者，具衆理應萬事，其斯之謂善善也。余今舉其善者而言之，能善是故曰善善。經曰善哉善哉，其義至矣，其心誠矣，曰善哉善哉。

⁵⁵ Thiện thiện 善善 = Hoàn thiện, toàn thiện.

⁵⁶ Chu Hi 朱熹 nói: “Minh là làm cho nó sáng. Minh đức là cái mà con người nhận lãnh từ Trời; nó như hư không, linh diệu, sáng láng, có đủ các lý để ứng với vạn sự. Nhưng vì bị khí bầm trối buộc và bị các ham muốn vật chất che lấp mà có lúc cái đức sáng đó bị tối tăm, nhưng sự sáng láng của bản thể nó thì chưa bao giờ tắt. Cho nên người tu học nhân lúc cái đức đó mới khởi phát sáng trở lại thì làm nó thêm sáng nữa để trở về cái sự sáng ban đầu của nó.” (明，明之也。明德者，人之所得乎天，而虛靈不昧，以具眾理而應萬事者也。但為氣稟所拘，人欲所蔽，則有時而昏；然其本體之明，則有未嘗息者。故學者當因其所發而遂明之，以復其初也。 Minh, minh chi dã. Minh đức giả, nhân chi sở đắc hồ Thiên, nhi hư linh bất muội, dĩ cụ chúng lý nhi ứng vạn sự giả dã. Dân vi khí bầm sở câu, nhân dục sở蔽, tắc hữu thời nhi hôn; nhiên kỳ bản thể chi minh, tắc hữu vị thường tức giả. Cố học giả đương nhân kỳ sở phát nhi toại minh chi, dĩ phục kỳ sơ dã. - Đại Học Chương Cú)

⁵⁷ Minh Hành thiền sư 明行禪師 (1596-1659) là tổ thứ 2 Lâm Tế Đàng Ngoài, đời 35 dòng Lâm Tế, pháp hiệu là Tại Tại 在在, người phủ Kiến Xương, tỉnh Giang Tây. Thiền sư Minh Hành có biệt hiệu Húc Giang 盱江, tên gọi khác của sông Nhữ Thủy 汝水 ở tỉnh Giang Tây. Ngoài ra sư còn có biệt hiệu là Vân Thủy sa-di 雲水沙彌. (Theo Kim Cương Bảo Tháp Bi Từ thì Thiền sư Minh Lương có hiệu là Vân Mộng phu tử, Chuyết Công có hiệu Vân Du Chuyết Tổ.) Sư theo thầy là thiền sư Chuyết Chuyết sang Việt Nam, đến kinh thành Thăng Long năm 1633, là một cánh tay trợ giúp thầy giáo hóa. Năm 1644, khi thiền sư Chuyết Chuyết tịch, sư thay thế trụ trì chùa Ninh Phúc. Đến năm 1659, sư tịch, thọ 64 tuổi. Môn đồ xây tháp thờ tại chùa Ninh Phúc (Bút Tháp), tháp hiệu Tôn Đức. Sư có hai vị đệ tử là Chân Trú và Diệu Tuệ. Chân Trú trụ trì chùa Hoa Yên, núi Yên Tử, còn Diệu Tuệ trụ trì chùa Phật Tích. Sư có đề bài kệ truyền pháp, bài kệ này còn là bài kệ của thiền phái Lâm Tế Đàng Ngoài hệ Minh Hành-Tại Tại: Minh chân như tánh hải, Kim tường phổ chiếu thông, Chí đạo thành chánh quả, Giác ngộ chứng chân không. 明真如性海，金祥普照通；至道成正果，覺悟證真空。

天運癸巳年盱江雲水沙彌釋在在撰

Hoa Lâm tự, Lâm Tế chánh tông, sa-môn Thanh Hòa Thích Tại Tại chứng san

Phật tử Bảo Liên trùng san

Minh Mạng năm thứ 11, Canh Dần (1830), tháng 12, ngày mùng 8, cáo thành

Đệ tử tỳ kheo Bảo Đỉnh⁵⁸

Bản lưu tại huyện Thượng Phúc, thôn Bình Vọng, chùa Báo Quốc⁵⁹, để biết mà hậu ấn

華林寺臨濟正宗沙門清和釋在在 證刊

佛子寶蓮重刊

明命拾壹年歲庚寅(1830)十二月初捌日告成

弟子寶鼎比丘

板留在上福縣平望村報國寺以曉後印

⁵⁸ Thiền sư Bảo Đỉnh 寶鼎: sơn môn chùa Đa Bảo, pháp danh Thông Giám, người đứng in bộ Phật Tổ Tam Kinh năm 1830, theo chí nguyện của Thầy Bồn Sư là thiền sư Bảo Liên Phổ Thiên.

⁵⁹ Chùa Bình Vọng, tên chữ là Báo Quốc Tự, có từ thời Lý, nằm liền kề với đình làng. Theo cuốn thần phả còn lưu giữ trong đình thì "... thời nhà Trần có nàng công chúa đoan trang, thuần hậu, được vua phong cai quản địa phận Bình Vọng. Tại đây, bà xin vua miễn tô thuế cho dân. Lại sai đào một con ngòi ở phía nam làng, gọi là ngòi Nam Lang để tiện cho thuyền bè qua lại. Khi công chúa và vua cha tới thăm chùa Báo Quốc, thuyền ngự đi về thường có đám mây ngũ sắc vờn che... ". Tấm bia “Trùng Tu Báo Quốc Tự Bi” do tiến sĩ Nguyễn Đăng soạn năm Hoằng Định thứ 13 (1612) ghi rằng "...chùa ở xã Bình Vọng là nơi danh lam cổ tích, phong cảnh hữu tình, lâu ngày đã hư hỏng. Các quan viên trong làng đứng ra quyên góp tiền của trùng tu thượng điện, thiêu hương, tam quan, dựng bảy gian nhà cầu để tránh mưa nắng khi đi lại...". Bia “Bình Vọng Tự Bi” , do tiến sĩ Nguyễn Tư Hiền soạn năm 1780, có câu: “Chùa Báo Quốc có từ thời Lý rất linh thiêng, từng âm phù giúp nước, yên dân”. Ngày 19 tháng 2 năm 1999, Bộ Văn hoá và Thông tin đã xếp hạng chùa Báo Quốc và đình làng Bình Vọng là di tích lịch sử - kiến trúc - nghệ thuật quốc gia.

Tựa Đại Hồng Sơn Tịnh Nghiêm Thiền Sư Chú Phật Tổ Tam Kinh

Đạt Ma Tây lai đơn truyền tâm ấn, đó được gọi là Thiền. Tổ e sợ người sau hoài nghi cánh cửa giác ngộ mà trở thành tà kiến, nên đã lưu lại bộ kinh Lăng Già bốn quyển, để cho người học nương theo kinh mà ngộ nhập đạo lý. Lục Tổ nửa đêm truyền y, ngộ bản lai vô vật, đó được gọi là Thiền. Tổ đem cái sở đắc là trí kiến ‘ưng vô sở trú’ mà trước tác Đàn Kinh, làm chứng cho nghĩa Bát-nhã, để người học nương theo kinh mà tỏ ngộ. Có bậc Đại đạo sư, trong 49 năm, thuyết pháp tiểu thừa, pháp trung thừa và pháp thượng thừa, thuyết các thứ thí dụ, khai thị ngộ nhập, ở trong ba thừa đều thuyết trí kiến bất khả tư nghị của nhất thừa. Những kinh điển được chuyển tải đều là thiền. Thiền học đi đến Chấn Đán⁶⁰, người thông minh có nhiều, một tiếng chuông một cái lay, bỗng nhiên tự liễu ngộ, băng tan mừng khắp khởi, mãi mãi làm sở đắc. Người xưa cho rằng, có chỗ nào lĩnh ngộ thì chỉ là chưa thấu suốt hết thực tại, lý ấy rõ ràng. Cốt yếu từ văn tư tu, nhập định Già-đà, cứu cánh cùng tận, mới chứng Vô dư niết-bàn. Sự ấy là bản thể vĩ đại, Đạt Ma đem Lăng Già, Lục Tổ lấy Đàn Kinh, chấp cánh cho Thiền tông. Về sau, sự ngộ đạo của những người kế tiếp chỉ là càn tuệ.

Thiền sư Tịnh Nghiêm ở Đại Hồng Sơn và đức Thích Ca cùng nhau tham thiền, nâng đỡ và khởi phát tông giáo: người học đạo xét kỹ sự thật, người kiến đạo xác thực như thế, người giới hạnh cao đẹp nghiêm chánh, người độ người đầy lòng từ bi trong kiếp nạn chiến tranh. Nơi am tranh, dưới cây thọ trai, đức Phật thuyết Kinh Bốn mươi hai bài cho các đệ tử. Kinh ấy và kinh Phật Di Giáo, cùng Quy Sơn Cảnh Sách được làm chú giải, thông suốt khắp ba tạng kinh luật luận. Nhân địa của Phật, pháp môn ngộ đạo, tu hành hộ đạo, cứu vật giúp đời, theo văn cú của kinh, vì Phật tử mà tuyên thuyết, sự ấy đơn giản mà đúng hợp, lời ấy thiết yếu mà kín đáo, chỉ thẳng tâm người, tâm ấy là Phật, há cho rằng ‘vào biển đếm cát’⁶¹ mà đánh đồng như nhau⁶². Đó là dụng tâm chân thật của Đạt Ma và Lục Tổ. Tôi tiếp nhận diệu nghĩa này, mười năm gìn

⁶⁰ Chấn Đán (震旦, Shintan): tên gọi khác của Trung Quốc, người Ấn Độ cổ đại thường gọi người Trung Quốc là Cīna-sthāna. Từ này đôi khi cũng được viết là Chấn Đán (振旦) hay Chân Đan (眞丹).

⁶¹ Chứng đạo ca: Ngài Vĩnh Gia nói: “Tôi thuở đầu chuyên tích lũy học văn, cũng từng tìm xét số giải, tìm tòi kinh luận, phân biệt danh tướng chẳng biết ngơi nghỉ, vào biển đếm cát, tự nhọc nhằn uống công.” (永嘉云：吾早年來積學問，亦曾討疏尋經論，分別名相不知休，入海算沙徒自困。Vĩnh Gia vân: “Ngô tảo niên lai tích học văn, diệc tăng thảo số tầm kinh luận, phân biệt danh tướng bất tri hưu, nhập hải toán sa đồ tự khốn.”

⁶² Đồng nhật nhi ngữ 同日而語: Vơ đũa cả nắm, đánh đồng như nhau, so sánh khập khiễng.

giữ, diệt ngu dốt, rửa bụi trần, sở đắc khá nhiều. Thảo Am Sử đạo nhân⁶³ đem sách đến đạo viện Hoài Tây, bảo chú giải những lầm lẫn⁶⁴ văn tự in dấu trong Tam Kinh. Đạo nhân Trương Huệ Hòa quyên góp gieo duyên, hợp thợ khắc riêng bản đẹp, hợp làm một bộ, để tiện đọc tụng, cho nên mời tôi viết tựa cho việc này. Đạo nhân Sử Tông Quy trông giữ thiền thất, biết chỗ thú nhập, muốn rộng lưu bố, mở con mắt nhân thiên, nên tôi ngợi khen không hết. Đối với kinh này, nghiệm lời Phật mà không nghi, hỏi trời đất mà không ngờ, cần truyền mãi cho người học [để có phương tiện] ngộ đạo và tu hành tông chỉ, tiếp nối tuệ mạng của Phật, trải qua muôn kiếp mà không đứt.

Cẩn thận viết tựa.

Tả trung phụng đại phu; Tri Quảng châu, Quân châu; Chủ quản Học sự; kiêm Quản nội khuyến nông doanh điền sứ; Lịch Dương huyện khai quốc nam, thực ấp tam bách hộ, Hứa Đoan kính soạn.

大洪山淨嚴禪師注佛祖三經序

達磨西來單傳心印，此所謂禪也。猶恐該世卜度悟門，翻為邪見。留楞伽經四卷，俾學者於經而悟理入焉。六祖半夜傳衣，悟本來無物，此所謂禪也。猶以所得應無所住智見。著壇經，證般若義，俾學者於經而悟焉。有大導師四十九年，說小乘中乘上乘法，種種譬喻，開示悟入，於三乘中皆說一乘不可思議智見。經之所載者，皆禪也。禪學之來震旦，聰明者多，一撞一磕，頓自了悟，冰消踊悅，永為所得。古人謂有箇省處，只是未徹在，此理灼然。要從聞思修，入伽陀定，究竟窮盡，方證無餘涅槃。茲事體大，達磨六祖以楞伽壇經羽翊禪宗。後之悟道者不止為乾慧爾。

大洪山淨嚴禪師與釋迦同參，扶起宗教，其學道也審實，其見道也端的，其戒行也孤峻，其接人也慈悲，在兵劫中。草舍本食，與其徒說四十二章經，佛遺教經，為山警策，為之註解，該貫大藏經律論。諸佛因地，悟道法門，修行護道，救物濟世，隨經文句，為佛子宣說，其事簡而當，其語要而密，直指人心，即心是佛。豈與入海算沙者，同日而語哉。是真達磨六祖用心也。余授此妙義，十年在手，磨鈍洗垢，所得多矣。草庵史道人，以書到淮西道院，謂注三經印文舛謬。道人張惠和募緣，鳩工別刊善本，合為一帙，以便閱覽，而徵余序乃事。道人史宗規，久侍禪室，知所趣入，欲廣流布，開人天眼目。余讚嘆之不及也。是經也，考之佛語而不惑，質之天地而無疑，當永其傳，為學者悟道修行宗旨，續佛慧命，經萬劫而不絕矣。謹序。

左中奉大夫知廣州軍州主管學事兼管內勸農營田使歷陽縣開國男食邑三百戶許端。夫撰。

⁶³ Thảo am 草庵: có chỗ ghi là Học am 學庵. Chi cho Sử Tông Quy.

⁶⁴ Suyễn mâu 舛繆 = 舛謬.

Kinh Phật Thuyết Bốn Mươi Hai Chương

後漢 迦葉摩騰，竺法蘭同譯。

Thời đại Hậu Hán, Ca diếp ma đẳng và Trúc pháp lan cùng dịch.

宋鄭郊鳳山蘭若嗣祖沙門守遂註。

Nhà Tống, Vân Giao⁶⁵, lan-nhã Phụng Sơn, thừa tự Tô, sa-môn Thủ Toại chú.

(Tiểu Dẫn)

世尊成道已。作是思惟。離欲寂靜。是最為勝。住大禪定。降諸魔道。於鹿野苑中。轉四諦法輪。度憍陳如等五人。而證道果。

Đức Thế tôn thành đạt toàn giác rồi, nghĩ rằng, tách rời ái dục, thể hiện thanh tịnh, là điều hơn hết. Ngài sống trong đại định, chiến thắng ma quân. Rồi đến Lộc uyển, ngài chuyển đẩy bánh xe chánh pháp tứ đế, hóa độ tôn giả Kiều trần như, và cả nhóm năm người, cùng thành tựu đạo quả.

Pháp thân vốn không ẩn hiện, vì bi nguyện thị hiện thọ sinh, bằng tám tướng thành đạo, là Phật bảo vậy. Suy nghĩ về phương tiện, tách rời ái dục làm giới, nhờ đó sinh định phát tuệ, chiến thắng ma quân, nguyện thành Chánh giác, chuyển đẩy bánh xe chánh pháp để hóa độ mọi người, là Pháp bảo vậy. Tứ đế là khổ và tập, diệt và đạo; là hai lớp nhân quả của chân đế và tục đế, tùy theo căn cơ tu chứng mà có lớn nhỏ khác nhau. Tôn giả Kiều-trần-như và cả nhóm năm người: Đức Phật rời khỏi hoàng cung, vào núi Tuyết tu đạo. Vua Tịnh Phạn lệnh cho ba người trong gia tộc: 1. A-thấp-bà; 2. Bạt-đề; 3. Ma-ha-nam, và hai người cậu: 1. Kiều-trần-như; 2. Thập-lực-ca-diếp; cả nhóm năm người đi theo hộ vệ Thái tử. Về sau họ rời bỏ Thái tử, đi sang Lộc uyển để cùng tu học với nhau theo con đường khác. Đức Thế tôn mới thành Chánh giác, đầu tiên là chuyển đẩy bánh xe chánh pháp ba lần, và cả nhóm năm người đều chứng Thánh quả; đó là sự khởi đầu của Tăng bảo vậy.

復有比丘所說諸疑。求佛進止。世尊教敕。一一開悟。合掌敬諾。而順世尊敕。

⁶⁵ Vân Giao 鄭郊: tức là phủ Vân Dương (鄭陽府, tên gọi vào thời Minh, thời Thanh) thuộc Hồ Quảng 湖廣.

Sau đó lại có các vị tỷ kheo trình bày hoài nghi, xin ngài huấn dụ điều gì nên tiến hành, điều gì nên đình chỉ. Ngài đã huấn dụ, và ai cũng khai ngộ, chấp tay kính vâng, thuận theo huấn dụ của ngài.

Tỷ kheo, theo ngôn ngữ nhà Tống, gọi là Trì tịnh giới, hoặc là Phá phiền não, hoặc là Tịnh khát thực, hoặc là Năng bố ma. Xứ Thiên Trúc chỉ dùng một danh từ mà bao gồm bốn nghĩa này, cho nên người dịch giữ lại danh từ đa nghĩa. Các vị tỷ kheo hoài nghi, xin đức Thế tôn huấn dụ. Ngài đã tùy bệnh mà cho thuốc. Các vị tỷ kheo tin tưởng, ai cũng khai ngộ, tâm được yên ổn, kính thuận truyền bá khắp cả. Sau khi đức Thế tôn nhập diệt, trải qua ngàn năm, vào thời Hậu Hán, năm Vĩnh Bình⁶⁶, vua Minh Đế nhân chiêm bao thấy một người thân bằng vàng ròng, mới biết giáo pháp của Phật, muốn mang về Đông Hạ, bèn phái đại thần Thái Âm đến Tây quốc thỉnh kinh Phật. Trên đường đi, sứ đoàn gặp hai vị Phạm tăng là Ca-diếp-ma-đăng và Trúc-pháp-lan. Các kinh Phạm văn viết trên lá bối mà hai vị ấy đem vào đất Hán được tải trên hai con ngựa trắng. Hai vị Phạm tăng dừng chân ở kinh đô Lạc Dương, chuyển dịch kinh Phật từ Phạm văn ra Hán văn. Kinh này xuất hiện ban đầu, bao trùm căn cơ, mở bày giáo huấn, tinh yếu bậc nhất, văn gãy gọn, nghĩa đầy đủ. Từ phần tựa đến phần lưu thông, xem suốt bốn mươi hai bài, trình bày sự bỏ ác hướng thiện, trừ hoặc đoạn chương và ý chỉ thâm sâu của sự thoát phàm vào Thánh.

(1) Đạo Quả

佛言。辭親出家。識心達本。解無有法。名曰沙門。常行二百五十戒。進止清淨。為四真道行。成阿羅漢。阿羅漢者。能飛行變化。曠劫壽命。住動天地。次為阿那含。阿那含者。壽終靈神。上十九天。證阿羅漢。次為斯陀含。斯陀含者。一上一還。即得阿羅漢。次為須陀洹。須陀洹者。七死七生。便證阿羅漢。愛欲斷者。如四肢斷。不復用之。

Phật nói, từ biệt cha mẹ, thoát ly gia đình, thể nhận tự tâm, thấu suốt bản thể, hội nhập vô vi, nên gọi là sa môn. Thường giữ 250 giới, động và tĩnh đều thanh tịnh, làm theo tứ đế, thành A la hán. A la hán là bậc có thể phi hành, biến hóa, kéo dài sinh mạng, chấn động thế giới. Kế đó là A na hàm; A na hàm là mạng chung thì sinh trên tầng trời mười chín, ở đó thành A la hán. Kế đó nữa là Tư đà hàm; Tư đà hàm là một lần lên xuống thì thành A la hán. Sau hết là Tu đà hoàn; Tu đà hoàn là bảy lần lên xuống thì thành A la hán. Ái dục (mà các bậc thánh giả này) cắt đứt thì như tay chân đứt rồi không dùng được nữa.

⁶⁶ Vĩnh Bình 永平: Niên hiệu vua Hán Minh Đế 漢明帝 (58-75).

Sa môn, thời Tống gọi là Cần hành, siêng năng thực hành hướng đến Niết bàn. Chính ái dục là nhân tố của sự luân chuyển trong ba cõi. ‘Cắt ân ái, từ thân thuộc’, là thân xuất gia. ‘Thể nhận tự tâm, thấu suốt bản thể’, là tâm xuất gia. Xuất gia có ba nghĩa: 1. Từ thân thuộc, là ra khỏi nhà thế tục; 2. Giác ngộ đạo, là ra khỏi nhà năm uẩn; 3. Chứng đắc quả, là ra khỏi nhà ba cõi. Vị đại tỷ kheo giữ 250 giới, lấy bốn pháp: sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ làm căn bản. Những giới chi mạt khác đều dựa vào bốn pháp này mà sinh ra. Nếu đã phạm giới căn bản, thì những giới chi mạt khó phát sinh, tức không có con đường chứng quả. Nếu mỗi một giới mà kiên trì không phạm, thì tùy theo những phiền não được đoạn ở giai vị kiến đạo hay giai vị tu đạo mà thêm bậc tiến dần có khác nhau, và quả chứng theo đó cũng khác nhau. Quả thứ nhất Tu đà hoàn, thời Tống gọi là Nhập lưu. Quả thứ hai Tư đà hàm, thời Tống gọi là Nhất lai, nghĩa là chỉ còn một lần đến từ cõi trời hay một lần đến từ nhân gian rồi chứng Niết bàn. Quả thứ ba A na hàm, thời Tống gọi là Bất lai. Quả thứ tư A la hán, thời Tống gọi là Bất sinh, đã đoạn tận tất cả phiền não, đã chứng sinh không. Như tay chân bị cắt đứt, tức là quả vô vi vậy.⁶⁷

(2) Đoạn Dục

佛言。出家沙門者。斷欲去愛。識自心源。達佛深理。悟無為法。

Phật nói, đã xuất gia làm sa môn thì dứt bỏ ái dục, thể nhận nguồn gốc của tâm, thấu suốt lý sâu của Phật, hội nhập vô vi,

Thấu suốt bản thể, thì tình cảm quên hết; biết rõ tự tâm, thì lý thể hội hợp.⁶⁸

內無所得。外無所求。心不繫道。亦不結業。

trong không thủ đắc, ngoài không mong cầu, tâm trí không ràng buộc vào đạo, cũng không kết thắt vào nghiệp,

Ngoài dứt phan duyên⁶⁹, trong chẳng thủ tịch⁷⁰.

⁶⁷ Tập A-hàm, quyển 34, kinh số 964, Xuất Gia: “Đã đoạn năm hạ phần kết, được thành A-na-hàm không tái sanh lại cõi này nữa ... đã đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si đã mỏng, đắc Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại, cứu cánh thoát khổ ... đã đoạn tận ba kết, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, quyết định hướng thẳng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần sanh trong Trời, Người, cứu cánh thoát khổ.” (Thích Đức Thắng dịch)

⁶⁸ Đạt bản tình vong, tri tâm thể hợp 達本情忘, 知心體合: Đạt bản tình quên, biết tâm thể hợp. Thiền sư Phổ Am Ấn Túc (普庵印肅, 1115-1169) ở đời Tống, một hôm đọc đến đoạn “đạt bản tình vong, tri tâm thể hợp” trong [sớ] kinh Hoa Nghiêm thì hoát nhiên tỉnh ngộ. Ngược với câu trên, thiền ngữ có câu: “Tình sinh trí cách, tướng biến thể thù.” (情生智隔, 想變體殊. Tình cảm nổi dậy thì trí tuệ cách xa, tư tưởng biến đổi thì tự thể sai khác.) Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền (臨濟義玄, 787-867) nói: “Chỉ vì tình sinh trí cách, tướng biến thể đổi, bởi thể luân hồi ba cõi, chịu đủ thứ khổ.”

⁶⁹ Phan duyên 攀緣: níu vin theo sáu trần cảnh, mô tả sự biết.

無念無作。非修非證。

không tư tưởng, không thi vi, phi tu hành, phi chứng đắc,

Một tướng, một hành toàn không chứng đắc.

不歷諸位。而自崇最。名之為道。

không trải qua mọi cấp độ mà vẫn tôn cao, như thế gọi là đạo.

Linh cơ hết xưng ‘tôi’, cấp độ sao thu nhận?

(3) *Biết Vừa Đủ*

佛言。剃除鬚髮而為沙門。受道法者。去世資財。乞求取足。

Phật nói, cạo bỏ râu tóc mà làm bậc sa môn tiếp nhận đạo pháp, thì hãy rời bỏ tài sản thế gian, khát thực vừa đủ.

Cạo râu tóc để cắt đứt duyên ái; rời tài sản để vứt bỏ tham dục.

日中一食。樹下一宿。慎勿再矣。

Mỗi ngày đứng bóng ăn một bữa, mỗi đêm dưới cây ngủ một lần, thận trọng đừng thêm.

Hạnh đầu đà cao thượng, không lưu luyến, chấp trước.

使人愚蔽者。愛與欲也。

Làm cho người u mê che lấp chính là ái dục.

Ngu si che lấp là hệ quả của ái dục.⁷¹

(4) *Nghiệp*

佛言。眾生以十事為善。亦以十事為惡。何等為十。身三。口四。意三。身三者。殺。盜。婬。口四者。兩舌。惡口。妄言。綺語。意三者。嫉。恚。癡。如是十事。不順聖道。名十惡行。是惡若止。名十善行耳。

Phật nói, chúng sinh do 10 sự mà lành, cũng do 10 sự mà ác. Những gì là 10 sự? Là thân có 3, miệng có 4, ý có 3. Thân có 3 là sát sinh, trộm cướp, dâm dục. Miệng có 4 là ly gián,

⁷⁰ Thủ tịch 守寂: nắm giữ sự vắng lặng của tự tâm. Thiền ngữ: “Trầm không thủ tịch.” (沉空守寂. Chìm nơi không, giữ nơi tịch.)

⁷¹ Trung A-hàm, phẩm Phạm Chí, Kinh Tượng Tích Dụ: “Tại gia chật hẹp, đầy những nhọc nhằn bụi bặm. Đòi xuất gia học đạo rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị những phiền lớn khóa chặt, không được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc lớn hay thân thuộc nhỏ, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

mắng chửi, dối trá, thù ghét. Ý có 3 là ganh ghét, tức giận, u mê. Mười sự như vậy không thuận với đường đi của các bậc thánh giả nên gọi là hành vi ác. Cái ác này đình chỉ thì gọi là hành vi lành.

Lành và ác toàn là tánh Không, giống như lật bàn tay. Đình chỉ sự ác, hành vi sự lành, là thuận với đường đi của các bậc Thánh. Tự tánh vốn không sát sinh, giữ giới không sát sinh, cho đến tự tánh vốn không ganh ghét, không tức giận, không u mê; giữ giới không ganh ghét, không tức giận, không u mê. Tám vạn bốn ngàn phiền não biến thành các môn ba la mật. Tùy cơ lần lượt chuyển sinh, phân ra những phẩm tánh: cao, vừa, thấp, đủ sức chuyển vận đại kinh [bát nhã].⁷²

(5) Sám Hối

佛言。人有眾過。而不自悔。頓息其心。罪來赴身。如水歸海。漸成深廣。

Phật nói, người có lỗi mà không tự hối, ngưng liền, thì lỗi dồn lại nơi thân mình như nước đổ về biển cả, thành ra càng sâu càng rộng.

Tội lỗi mới khai nguồn, tai họa ngập quá đầu. Tâm ác không dứt, biển nghiệp chuyển sâu.

若人有過。自解知非。改惡行善。罪自消滅。

Có lỗi mà biết là trái, đổi ác làm lành, thì lỗi hết dần đi,

Sửa lỗi để làm mới mình⁷³, lỗi theo tâm diệt.

如病得汗。漸有痊損耳。

như bệnh mà đổ mồ hôi thì sẽ lành dần.

Bệnh mà đổ mồ hôi thì thân an, người mà sửa lỗi thì tâm tịnh.

(6) Không Giận Dữ

⁷² Tập A-hàm, quyển 34, kinh số 964, Xuất Gia: “Này Bà-sa, tham dục là pháp bất thiện. Điều phục được tham dục là pháp thiện. Sân nhuế, ngu si là pháp bất thiện. Điều phục được sân nhuế ngu si là pháp thiện. Sát sanh là pháp bất thiện. Lìa sát sanh, là pháp thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thù ghét, tham nhuế, tà kiến là pháp bất thiện. Không trộm cắp... cho đến chánh kiến, đó là pháp thiện. Này Bà-sa, hôm nay Ta đã nói ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện. Cũng vậy, khi Thánh đệ tử biết như thật về ba thứ pháp thiện và ba thứ pháp bất thiện; biết như thật về mười loại pháp thiện và mười loại pháp bất thiện, thì đối với tham dục được diệt tận không còn sót. Khi sân nhuế, ngu si, được diệt tận không còn, thì đối với tất cả pháp hữu lậu đều diệt tận, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’” (Thích Đức Thắng dịch)

⁷³ Cải quá tự tân 改過自新.

佛言。惡人聞善。故來擾亂者。汝自禁息。當無瞋責。彼來惡者。而自惡之。

Phật nói, kẻ ác nghe người lành mà cố đến quấy phá, thì, các vị sa môn, hãy tự chế ngự, đừng giận dữ, tránh mắng. Bởi vì kẻ ác làm ác thì tự hại lấy mình.

Kẻ ác đã cố đến quấy phá, sa môn sao lại giận dữ? Hãy quán chiếu oán thân bình đẳng, thì ma quân khiếp sợ mà thoái lui.⁷⁴

(7) Nhân Điều Ác

佛言。有人聞吾守道。行大仁慈。故致罵佛。佛默不對。罵止。問曰。子以禮從人。其人
不納。禮歸子乎。對曰。歸矣。佛言。今子罵我。我今不納。子自持禍。歸子身矣。

Phật nói, có người nghe Như lai giữ gìn đạo hạnh, làm đại nhân từ, nên cố ý đến mắng Như lai. Như lai yên lặng, không trả lời. Mắng rồi, Như lai hỏi, ông đem lễ vật biếu người, người không nhận thì lễ vật ấy trở về ông chăng? Trả lời, trở về. Phật nói, nay ông mắng Như lai, Như lai không nhận thì ông cũng tự đem tai họa trở về bản thân của ông.

Bằng cái lực thiện căn của tâm từ, đức Phật mượn thí dụ của thế gian để dẫn dắt. Kẻ mắng Phật tự rước họa, lễ ấy rành rành.

猶響應聲。影之隨形。終無免離。慎勿為惡。

Vang ứng theo tiếng, bóng tùy theo hình, không thể tránh khỏi. Hãy thận trọng, đừng làm ác.

Thân và miệng tạo tác đều do tâm sai sử. Vang ứng theo tiếng, bóng tùy theo hình, không thể chia cách.⁷⁵

⁷⁴ Tập A-hàm, quyển 42, kinh số 1155, Trái Nghĩa: “Khi ấy có Bà-la-môn tên là Vi Nghĩa, nghe Sa-môn Cù-đàm từ Câu-tát-la du hành trong nhân gian đến vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, tự nghĩ: ‘Ta sẽ đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để nghe thuyết pháp và sẽ bẻ lại nghĩa.’ Nghĩ như vậy rồi, liền đến tỉnh xá tìm chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp cho vô lượng quyến thuộc đang vây quanh. Thế Tôn vừa thấy Bà-la-môn Vi Nghĩa đến, liền ngồi im lặng. Bà-la-môn Vi Nghĩa bạch Phật: ‘Bạch Cù-đàm, hãy thuyết pháp. Tôi mong muốn nghe.’ Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Bà-la-môn Vi Nghĩa, Chưa thể hiểu nghĩa sâu. Lòng giận hờn, ganh tị, Muốn cản trở pháp thuyết. Điều phục tâm chống đối, Những ý dục bất tín; Dứt các bản chướng ngăn, Mới hiểu lời thâm diệu. Khi ấy, Bà-la-môn Vi Nghĩa tự nghĩ: ‘Sa-môn Cù-đàm đã biết tâm ta.’ Sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.” (Thích Đức Thắng dịch)

(8) *Hại Hiền Chỉ Tự Hại*

佛言。惡人害賢者。猶仰天而唾。唾不至天。還從已墮。逆風揚塵。塵不至彼。還坌己身。賢不可侮。禍必滅己。

Phật nói, người ác hại người hiền thì như ngửa mặt lên trời mà nhổ nước dãi, nước dãi không thấu trời mà lại rơi xuống nhằm mình; như ngược gió tung bụi, bụi không đến người mà lại làm dơ bản thân. Người hiền không thể hại được mà bản thân tất bị tai họa.

Hãm hại người hiền thì mời gọi tai họa, như việc nhổ nước dãi, tung bụi trở lại dơ bản chính mình. Vào thời quá khứ, vua Ca Lợi hại Phật, Phật không sân hận, sau bỏ tất thành Chánh giác. Vua Ca Lợi chịu tội xong, gặp Phật, được thọ ký.⁷⁶

(9) *Phước To Lớn*

佛言。博聞愛道。道必難會。

Phật nói, đọc rộng sách vở, đắm say đạo lý, thì đạo khó thể hội.

Thế trí biện thông, nghe nhiều nhớ kỹ, tăng trưởng ngã mạn, thì cách đạo rất xa.

守志奉道。其道甚大。

Cố thủ tâm chí, tôn sùng đạo hạnh, thì đạo rất lớn lao.

⁷⁵ Tập A-hàm, quyển 42, kinh số 1152, Tân-kỳ-ca: “Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một thiếu niên Bà-la-môn tên Tân-kỳ-ca, đến chỗ Phật, ở trước mặt Thế Tôn dùng những lời bất thiện, thô ác, sân si, mạ lỵ, chỉ trích Phật. Bấy giờ Thế Tôn bảo thiếu niên Tân-kỳ-ca: “Vào những ngày tốt, anh có mời bà con thân thuộc hội họp không?” Tân-kỳ-ca bạch Phật: ‘Có! Bạch Cù-đàm!’ Phật bảo Tân-kỳ: ‘Nếu những người bà con thân tộc của anh không nhận vật thực thì sẽ thế nào?’ Tân-kỳ bạch Phật: ‘Nếu không nhận vật thực thì vật thực ấy trở về tôi.’ Phật bảo Tân-kỳ: ‘Cũng vậy, ở trước mặt Như Lai anh nói ra những lời mạ nhục, quở trách thô ác, bất thiện. Cuối cùng Ta không nhận, thì những lời trách mắng như vậy chúng sẽ thuộc về ai?’ Tân-kỳ bạch Phật: ‘Như vậy, bạch Cù-đàm, tuy người kia không nhận, nhưng vì đã tặng nhau nên coi như đã cho rồi.’ Phật bảo Tân-kỳ: ‘Như vậy, không gọi là quà tặng nhau, thì đâu được gọi là cho nhau?’ Tân-kỳ hỏi: ‘Thế nào mới gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau? Thế nào gọi là không nhận quà tặng nhau, không gọi là cho nhau?’ Phật bảo Tân-kỳ: ‘Hoặc sẽ như vậy: mắng thì trả mắng, sân thì trả sân, đánh thì trả đánh, đấu thì trả đấu; gọi là quà tặng nhau, gọi là cho nhau. Lại nữa, Tân-kỳ, hoặc mắng không trả mắng, sân không trả sân, đánh không trả đánh, đấu không trả đấu; nếu như vậy thì không phải là quà tặng nhau, không gọi là cho nhau.’”

⁷⁶ Chuyện vua Ca Lợi và tiên nhân nhần nhục. Vua Ca Lợi là tiền thân của tôn giả Kiều Trần Như. Tiên nhân nhần nhục là tiền thân của đức Phật khi còn tu hạnh bồ tát. Tập A-hàm, quyển 42, kinh số 1154, Mạ lỵ: “Một thời Đức Phật ở trong giảng đường Lộc từ mẫu, phía Đông nước Xá-vệ. Bấy giờ sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khi ấy có Bà-la-môn Kiện Mạ Bà-la-đậu-bà-giá, vừa thấy Thế Tôn liền thốt ra những lời mắng nhiếc, sân si, thô ác, bất thiện; hốt bụi đất ném vào Phật. Khi ấy có gió ngược, thổi bụi bay trở lại, bụi này tự phản dính vào người ông. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Nếu người không sân hận, Thì mạ nhục đến đâu, Vẫn sạch không dính nhơ, Ác kia trở lại mình. Giống như người tung bụi, Ngược gió hoàn tự nhơ. Lúc ấy, Bà-la-môn bạch Phật: ‘Bạch Cù-đàm, xin sám hối! Con thật ngu, thật si, không biết phân biệt, không tốt, sao ở trước mặt Cù-đàm thốt ra những lời mạ lỵ, quở trách, thô ác, bất thiện!’”

Kiên chí thể hội đạo, thì tâm lượng bao hàm pháp giới.

(10) *Phước Tùy Hỷ*

佛言。睹人施道。助之歡善。得福甚大。

Phật nói, thấy người bố thí, hãy giúp một cách vui vẻ, thì được phước rất lớn.

Bố thí đứng đầu muôn hạnh. Trợ giúp người bố thí một cách vui vẻ còn được phước như vậy, huống là cái phước của người bố thí.

沙門問曰。此福盡乎。佛言。譬如一炬之火數千百人。各以炬來分取。熟食除冥。此炬如故。福亦如之。

Sa môn hỏi Phật, phước ấy có hết đi không, Phật nói, như lửa nới một cây đuốc, hàng ngàn hàng trăm người đem đuốc đến lấy lửa ấy mà nấu ăn, soi sáng, lửa vẫn như cũ. Phước ấy cũng như vậy.

Lửa kết hợp cây đuốc, thì lửa dùng không hết. Phước tùy theo tâm lượng, thì phước bao không hết.

(11) *So Sánh Về Phước*

佛言。飯惡人百。不如飯一善人。飯善人千。不如飯一持五戒者。飯五戒者萬。不如飯一須陀洹。飯百萬須陀洹。不如飯一斯陀含。飯千萬斯陀含。不如飯一阿那含。飯一億阿那含。不如飯一阿羅漢。飯十億阿羅漢。不如飯一辟支佛。飯百億辟支佛。不如飯一三世諸佛。飯千億三世諸佛。不如飯一無念無住無修無證之者。

Phật nói, đãi cơm một trăm người thường không bằng một người tốt. Đãi cơm một ngàn người tốt không bằng một người giữ 5 giới. Đãi cơm một vạn người giữ 5 giới không bằng một vị Tu đà hoàn. Hiến cơm trăm vạn Tu đà hoàn không bằng một vị Tư đà hàm. Hiến cơm ngàn vạn Tư đà hàm không bằng một vị A na hàm. Hiến cơm một ức A na hàm không bằng một vị A la hán. Hiến cơm mười ức A la hán không bằng một vị Bích chi Phật. Hiến cơm trăm ức Bích chi Phật không bằng một đức Phật thuộc thì gian. Hiến cơm ngàn ức đức Phật thuộc thì gian không bằng một bậc không nhớ không ở không tu không chứng.

Hãy chọn lựa ruộng mà gieo, phẩm chất tăng lên nhiều lần từ yếu kém đến xuất sắc. Bám víu vào hình tướng mà mong cầu quả báo, thì trở lại nuôi lớn gốc rễ ái dục. Sinh tâm động niệm, thì trái ngược với bản thể của các pháp. Một khi đã vô niệm, vô trú, vô tu, vô chứng, thì thủ xả tình vong, ba luân đều vắng lặng. Như kinh Duy Ma ghi: “Nếu người cho mà tâm lý bình đẳng, thì cho một người hành khát thấp nhất cũng như hiến lên ruộng phước Phật đà, không khác gì cả. Hễ

tâm đại bi bình đẳng, không cầu quả báo, thì như thế gọi là pháp thí toàn hảo.”⁷⁷ Nghĩa ở đây là vậy.⁷⁸

(12) *Khó Mới Quí*

佛言。人有二十難。貧窮布施難。豪貴學道難。棄命必死難。得睹佛經難。生值佛世難。忍色忍欲難。見好不求難。被辱不瞋難。有劫不臨難。觸事無心難。廣學博究難。除滅我慢難。不輕末學難。心行平等難。不說是非難。會善知識難。見性學道難。隨化度人難。睹境不動難。善解方便難。

Phật nói, làm người có 20 điều khó: nghèo nàn mà bố thí mới khó, giàu sang mà học đạo mới khó, liều mình mà chắc chết mới khó, được nhìn thấy kinh Phật mới khó, sinh ra gặp đời Phật mới khó, nhịn sắc đẹp và ái dục mới khó, thấy tốt mà không cầu mới khó, bị nhục mà không tức mới khó, có thể mà không ý mới khó, gặp việc không quan tâm mới khó, học rộng tham khảo nhiều mới khó, loại trừ sự kiêu ngạo mới khó, không khinh người chưa học mới khó, tâm tính mà bình đẳng mới khó, không hề nói phải trái mới khó, gặp được thiện tri thức mới khó, thấy tánh mà học đạo mới khó, theo mà hóa độ người mới khó, thấy cảnh mà bất động mới khó, khéo biết phương cách hay mới khó.

Có rất nhiều điều khó, mà kể sơ qua có hai mươi điều. Thuận theo tình cảm của mình là dễ, nghịch với ý chí của mình là khó. Thuận lý lẽ mà nghịch tình cảm, thì dầu xả bỏ thân mạng cũng phải làm; thuận tình cảm mà trái lý lẽ, thì tuy thấy tốt cũng không cầu. Không đến với người có thể quyền, tâm hành bình đẳng [tựa như không gian], ưa học rộng nhưng khiêm tốn, biết người thiếu học mà không khinh thường. Nghèo khó mà tùy sức hành thí, giàu sang mà biết hồi quang học đạo. Biết sắc dục là tội lỗi và tai họa, hiểu thị phi là đảo lộn và xấu xa. Đạt tới xúc cảnh vô tâm, khéo biết phương cách, thường gặp bạn lành, tùy hóa độ người. Mỗi xứ gặp chư Phật xuất thế, từng niệm chuyển đại thiên kinh quyển⁷⁹, vận dụng thành đại hạnh của bồ tát, thực thi nhập

⁷⁷ Kinh Duy ma cát sở thuyết, No. 475, phẩm Bồ tát, tr. 544a12.

⁷⁸ Trung A-hàm, phẩm Phạm Chí, kinh Tu-đà-na, số 155: “Này Cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phạm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tu-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho chúng Tỷ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỷ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

⁷⁹ Đại thiên kinh quyển 大千經卷: chỉ cho vô lượng vô biên kinh pháp mà tất cả chư Phật nói. Ma ha chỉ quán, No. 1911, tr. 9a16: “Trong một vi trần có đại thiên kinh quyển, trong một tâm có đủ tất cả Phật pháp.”

vô lượng diệu môn, chánh nhãn thường soi sáng, các trần chẳng mê lầm, có che lấp cái tình chấp vào điều khó và điều dễ?

(13) *Thấy Đạo, Biết Đòi Trước*

沙門問佛。以何因緣。得知宿命。會其至道。佛言。淨心守志。可會至道。譬如磨鏡。垢去明存。斷欲無求。當得宿命。

Sa môn hỏi Phật, nhờ gì mà được sự biết đòi trước? mà thể hội đạo chí thượng? Phật nói, sạch lòng bèn chí thì thể hội đạo chí thượng. Và như lau kính thì dơ hết là sáng lộ: loại ái dục, không mong cầu, thì sẽ được sự biết đòi trước.

Tâm trong sạch, không ái dục, nên chân trí hiển lộ, thì những sự việc ở thời gian lâu xa cũng có thể biết được trong một ý niệm.

(14) *Lành, Lớn*

沙門問佛。何者為善。何者最大。佛言。行道守真者善。志與道合者大。

Sa môn hỏi Phật, lành là gì? lớn nhất là gì? Phật nói, đi theo đường đạo, giữ đúng lẽ chân, là lành. Chí nguyện phù hợp với đạo là lớn nhất.

“Đi theo đường đạo, giữ đúng lẽ chân”, là muôn hạnh không thủ đắc. “Chí nguyện phù hợp với đạo”, là tu và chứng đều quên mất.

(15) *Mạnh, Sáng*

沙門問佛。何者多力。何者最明？佛言。忍辱多力。不懷惡故。兼加安健。忍者無惡。必為人尊。

Sa môn hỏi Phật, mạnh nhiều là gì? sáng nhất là gì? Phật nói, nhẫn nhục thì mạnh nhiều, vì không ôm giữ điều ác, thêm vào là an toàn mạnh khỏe; nhẫn thì không ác, tất được người trọng.

Người thực hành nhẫn nhục thì được gọi là bậc đại nhân có sức mạnh; người trì giới, người tu khổ hạnh cũng không thể sánh bằng. Nhẫn có bốn loại: nhẫn chịu khổ cực, nhẫn chịu oán hại, nhẫn chịu chân lý, nhẫn pháp không sinh.⁸⁰ Nay nói nhẫn nhục có vẻ là nhẫn chịu oán hại, nhưng xét về lý thì bao gồm bốn loại nhẫn, suy ngẫm có thể thấy.

心垢滅盡。淨無瑕穢。是為最明。未有天地。逮於今日。十方所有。無有不見。無有不知。無有不聞。得一切智。可謂明矣。

⁸⁰ Nhẫn có bốn loại: An thọ khổ nhẫn, nại oán hại nhẫn, để sát pháp nhẫn, vô sinh pháp nhẫn.

Dơ bản của tâm trí được loại trừ hết cả, sáng không tì vết, đó là sáng nhất; vô thử đến giờ, vũ trụ có gì thì không có gì mà không thấy, không biết và không nghe, được cái tuệ giác biết toàn bộ mới là sáng nhất.

Dơ bản của tâm trí được loại trừ hết cả, thì soi sáng khắp cả, không cho riêng ai, có đủ tuệ giác biết toàn bộ, đưa ra sự đối đáp có chuẩn mực.

(16) Lý Do Không Thấy Được Đạo

佛言。大懷愛欲。不見道者。譬如澄水。致手攪之。眾人共臨。無有睹其影者。人以愛欲交錯。心中濁興。故不見道。汝等沙門。當捨愛欲。愛欲垢盡。道可見矣。

Phật nói, có ái dục thì không thấy đạo, y như nước đứng trong mà để tay vào ra sức khuấy lên thì ai đến cũng không thấy hình ảnh: ái dục giao xen, làm bẩn tâm trí, nên không thấy đạo. Sa môn các ông phải bỏ ái dục; ái dục dơ bẩn được loại bỏ hết cả thì đạo có thể thấy được.

Nước tâm trí mà bẩn, thì hình ảnh mờ mờ. Ái dục được loại bỏ hết cả, thì đạo có thể thấy được.

(17) Học Đạo

佛言。夫見道者。譬如持炬。入冥室中。其冥即滅。而明獨存。學道見諦。無明即滅。而明常存矣。

Phật nói, thấy đạo là như cầm đuốc vào trong nhà tối, tối hết mà sáng còn: học đạo mà thấy thánh đế thì vô minh diệt hết mà minh trí thường còn.

Vọng giác vô minh diệt hết, thì bản giác tánh minh thường còn.

(18) Nhớ Đạo

佛言。吾法念無念念。行無行行。言無言言。修無修修。會者近爾。迷者遠乎。

Phật nói, đạo của Như lai nhớ là không nhớ mà nhớ, làm là không làm mà làm, nói là không nói mà nói, tu là không tu mà tu. Thể hội thì gần lắm, mê mờ thì xa vời!

Niệm tức vô niệm, hành tức vô hành, ngôn tức vô ngôn, tu tức vô tu, trở về cội gốc thì được ý chỉ⁸¹, chỉ có người thực chứng mới biết.

言語道斷。非物所拘。

Ngôn ngữ chấm dứt ở đây. Ở đây khái niệm không thể hạn cuộc.

⁸¹ Tín tâm minh, câu 17: “Quy căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông” (歸根得旨, 隨照失宗. Trở về cội gốc thì được ý chỉ, đuổi theo chiếu soi lại mất bản tông.)

Con đường ngôn ngữ và tư duy chấm dứt, thì ý thức phân biệt không còn.

差之毫釐。失之須臾。

Sai trong tư tóc thì mất trong phúc chốc.

Nơi đệ nhất nghĩa đế, sự nghĩ bàn liền rơi xuống.

(19) *Quán Vô Thường*

佛言。觀天地。念非常。觀世界。念非常。

Phật nói, xét trời đất hãy nhớ vô thường, xét thế giới hãy xét vô thường,

Các pháp hữu vi [đều là vô thường, biến dịch], chung quy hao mòn, hoại diệt.⁸²

觀靈覺。即菩提。

xét linh giác thấy là bồ đề.

Linh tri tịch chiếu⁸³, bản lai là Phật.

如是知識。得道疾矣。

Nhận thức như vậy thì đắc đạo mau chóng.

Hiểu các pháp là vô thường, biết bản tánh là linh tri, thì một niệm tương ưng, thời gian trước sau đều cắt đứt, chiếu thể độc lập, cảnh và ta đều biết.⁸⁴

⁸² Trường A-hàm, kinh Du hành, tr. 24b19.

⁸³ Linh tri 靈知: Chỉ cho tâm. Tông kính lục, quyển 1: “[Tự tánh thanh tịnh] ở đây là bản thể tự tâm của tất cả chúng sinh, cái biết mầu nhiệm không có u mê, vắng lặng và sáng soi không mất.” (斯即一切眾生自心之體，靈知不昧，寂照無遺。). Tư tức nhất thiết chúng sinh tự tâm chỉ thể, linh tri bất muội, tịch chiếu vô di.) Tập A-hàm, kinh số 12: “Tôi nghe như vậy: Một thời đức Phật du hành đến vườn Kỳ thọ Tu Đạt, ở nước Xá-vệ. Đức Phật bèn gọi các tỳ-kheo, các tỳ-kheo đáp: ‘Dạ, chúng con xin nghe lời dạy.’ Đức Phật dạy: ‘Chư tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ sắc là gốc của khổ, hãy nhớ nghĩ sắc là vô thường, hoại diệt, hãy quán sát kỹ lưỡng. Chư tỳ-kheo đối với sắc có thể quán sát kỹ lưỡng, thì có thể biết sắc là gốc khổ, có thể biết sắc là vô thường, hoại diệt. Nếu có thể biết cách quán sát kỹ lưỡng, thì trừ được sắc ái. Sắc ái đã hoại, thì ái tham cũng hoại. Ái tham đã hoại, thì tâm ý vượt thoát. Ta cũng nói như vậy về thọ, tưởng, hành, thức. Chư tỳ-kheo hãy nhớ nghĩ chúng là gốc khổ, cũng nhớ nghĩ chúng là vô thường, hoại diệt, cũng phải quán sát kỹ lưỡng. Nếu tỳ-kheo nào có thể quán sát kỹ lưỡng thấu đáo [năm uẩn], thì vị ấy trừ được ái; ái đã tận thì ái tham cũng tận, liền vượt thoát đường sinh tử.’ Đức Phật dạy như thế.” (Quảng Minh dịch, vì bản dịch của H.T Thích Đức Thắng rất khác chánh văn.)

(聞如是：一時佛在舍衛國，行在祇樹須達園，佛便語比丘，比丘應：「唯然。受佛語。」佛便說：「色，比丘念本起苦，念非常、壞，去諦觀已，比丘色能諦觀，若能知色本念，若能知色非常、壞，若能知諦觀，便色愛為去。已色愛壞，便愛貪亦壞，已愛貪壞，便意脫，我為說如是。痛癢、思想、生死、識，為比丘念本，亦念識非常，亦當諦觀，若比丘能已到諦觀愛棄，已愛盡便愛貪盡，便脫生死得道。」佛說如是。)

(20) *Nhớ Vô Ngã*

佛言。當今身中四大。各自有名。都無我者。

Phật nói, hãy nghĩ nhớ, trong cơ thể, 4 đại đều có tên riêng, không có gì là ngã:

Kiên tánh (: thể cứng) là đất. Nhuận tánh (: thể lỏng) là nước. Noãn tánh (: sức nóng) là lửa. Động tánh (: sức động) là gió. Xét kỹ bốn đại, tánh chất đều khác nhau, cái gì là ngã?

我既都無。其如幻耳。

ngã không có thì chỉ như ảo thuật.

Biết thân vô ngã, khởi diệt như ảo thuật. Dem cái trí như huyễn để thể nhập pháp môn như huyễn.⁸⁵

(21) *Danh Tiếng Hoa Hòe*

佛言。人隨情慾。求於聲名。聲名顯著。身已故矣。貪世常名。而不學道。枉功勞形。

Phật nói, do ái dục mà cầu danh tiếng, danh tiếng vang đồn thì bản thân đã cũ! Ham danh tiếng tầm thường mà không học đạo, thì chỉ uổng công mệt xác!

Danh tiếng ở đời là cái lợi không bền vững, chỉ nhọc nhằn mà không có kết quả. Người không học đạo thì uổng phí tinh thần thể xác.

譬如燒香。雖人聞香。香之燼矣。危身之火。而在其後。

Ví như đốt hương, hơi thơm nghe được thì cây hương đã tàn: cái lửa hại mình theo liền sau danh tiếng.

Tham cầu danh tiếng thì chẳng những uổng công vô ích, mê nơi chân thật, đuổi theo hư vọng, mà còn dẫn đến tai họa của bản thân ở đời sau, quả thật là đáng buồn!

(22) *Tiền Tài và Sắc Đẹp*

佛言。財色於人。人之不捨。譬如刀刃有蜜。不足一餐之美。小兒舐之。則有割舌之患。

⁸⁴ Đáp thuận tông tâm yếu pháp môn 答順宗心要法門, Vạn, No. 1005, tr. 426a22, thiền sư Thanh Lương nói: “Đầu nhất niệm bất sinh, tiền hậu tế đoạn, chiếu thể độc lập, vật ngã giai như.” (但一念不生, 前後際斷, 照體獨立, 物我皆如.)

⁸⁵ Phật học phổ thông, quyển 2, bài 10, Nhân sinh quan Phật giáo: “Bồ tát nương nơi huyễn thân, tu như huyễn pháp môn, dứt huyễn ái kiến, độ huyễn hữu tình, chứng huyễn Thánh quả. Do thấy thân như huyễn hóa, toàn hư vọng, không còn ái trước nơi thân, nên phiền não không sanh. Không ái trước nơi thân, thì khỏi vì thân mà phải thối thất đạo hạnh. Thọ vô lượng thân, tu hành trải qua vô lượng kiếp, mà với Bồ tát, không có một mảy may niệm tưởng là có thọ thân, cùng có xả thân.” (H.T Thích Thiện Hoa biên soạn)

Phật nói, tiền tài và sắc đẹp mà con người không bỏ được, thì cũng như lưỡi dao có một chút mật ngọt, không đủ mỹ vị một bữa ăn, nhưng trẻ con liếm vào thì có cái họa đứt lưỡi.

Đam mê tiền tài và sắc đẹp thì như việc liếm một chút mật ngọt trên lưỡi dao. Ham một chút mùi vị mà tự chuốt lấy thống khổ trong nhiều kiếp.⁸⁶

(23) *Vợ Con, Bảo Vật, Nhà Cửa*

佛言。人繫於妻子舍宅。甚於牢獄。牢獄有散釋之期。妻子無遠離之念。情愛於色。豈憚驅馳。雖有虎口之患。心存甘伏。

Phật nói, con người ràng buộc vào vợ con nhà cửa thì còn hơn lao ngục. Lao ngục còn có ngày phóng thích, chứ vợ con thì đâu có ý thoát ly. Ái dục đối với sắc đẹp thì đâu còn ngại gì quay cuồng! Cái họa miệng cộp cũng vẫn cam tâm!

Kẻ trượng phu đang hoàng vắn điếu đứng bởi tình dục và sắc đẹp, đến nỗi bỏ thân mất mạng, vẫn lầm lạc mà không cho là khổ.⁸⁷

投泥自溺。故曰凡夫。透得此門。出塵羅漢。

Nên, gieo mình ngập xuống bùn lầy là kẻ phàm phu, vượt thoát cảnh ấy là bậc La hán siêu thoát trần tục.

Biết [tội lỗi và tai họa của ái dục] mà không chịu thoát ly ái dục, đó là kẻ phàm phu. Chẳng phải là kẻ phàm phu, sống trong trần tục mà không nhiễm ô, chính là bậc A la hán siêu thoát trần tục.

(24) *Sức Mạnh Của Sắc Dục*

佛言。愛欲莫甚於色。色之為欲。其大無外。

Phật nói, ái dục thì không gì hơn sắc đẹp. Sắc đẹp tạo ra ái dục thì không gì lớn bằng.

⁸⁶ Tăng Nhất A-hàm, quyển 7, phẩm Hóa Diệt, kinh số 1: “Dâm dục như bộ xương, như miếng thịt, như đồng đá, như mật bôi trên dao, chỉ mắc phải tham cái lợi nhỏ, không lo cái tai họa về sau. Cũng như trái xum xuê làm cho cành gãy; cũng như đồ vay mượn không bao lâu rồi sẽ phải bồi hoàn; cũng như rừng kiêu, cũng như thuốc độc hại, cũng như lá độc, như hoa quả độc. Đã quán sát dâm dục này cũng lại như vậy, mà ý còn nhiễm trước; việc này không xảy ra. Từ dục như hầm lửa cho đến quả độc, không quán sát những điều này mà muốn vượt qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu mà muốn được nhập vào vô dư Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn, thì việc này không xảy ra.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

⁸⁷ Tạp A-hàm, kinh số 1235, Hệ Phược: “Sau khi khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về tinh xá cát y bát, rửa chân xong, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, ngồi lui qua một bên, bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, hôm nay các Tỳ-kheo chúng con vào thành khát thực, nghe vua Ba-tư-nặc bắt giữ nhiều người,... cho đến xiềng xích, cột trói.’ Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Chẳng phải dây, cùm, xích, Là trói buộc kiên cố. Tâm ô nhiễm, luyến tiếc, Của báu, tiền, vợ con: Dây trói bền lâu nhất; Tuy lỏng nhưng khó thoát. Người trí không luyến tiếc, Lạc thú ngũ dục đời. Đó là dứt được trói, An ổn siêu xuất thế.”

Về tội lỗi và tai họa của ái dục, tuy nó có nhiều chuẩn mực để phân loại, nhưng cái chương đạo và sinh ác không gì hơn sắc đẹp của phụ nữ.

賴有一矣。若使二同。普天之人。無能為道者矣。

Nhờ chỉ có một cái như vậy, giả sử có hai cái như nhau, thì thiên hạ không còn ai hành đạo được nữa.

Dẫn đến sinh tử, chương ngại niết bàn chính là ái dục, nhưng giềng mối của nó là ái dục đối với sắc đẹp.⁸⁸

(25) *Ái Dục Tự Hại*

佛言。愛欲之人。猶如執炬。逆風而行。必有燒手之患。

Phật nói, ái dục đối với con người thì cũng như cầm đuốc mà đi ngược gió, tất có cái họa cháy tay.

Đi ngược gió ‘cảnh giới’, cầm cây đuốc ‘vô minh’, sao tránh khỏi cái họa cháy tay?⁸⁹

(26) *Ngọc Nữ*

天神獻玉女於佛。欲壞佛意。

Thiên thần hiến ngọc nữ cho Phật, muốn khuấy phá tâm ngài.

Đức Phật mới thành đạo, thiên ma ba tuần hiến ngọc nữ cho Phật để khuấy phá tâm ngài.

佛言。革囊眾穢。爾來何為。去。吾不用。

Ngài nói, cái dĩa da chứa đầy dơ bẩn kia, đến đây làm gì? Hãy đi đi, Như lai không dùng.

⁸⁸ Tăng Nhất A-hàm, quyển 4, phẩm Nhất Tử, kinh số 7: “Ta ở trong chúng này không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, nó huyền hoặc người đời khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trôi buộc vào lao ngục không giải thoát được; đó là, người nam thấy sắc của người nữ, liền khởi tưởng đắm trước, tâm ý hết mực yêu thương, khiến không đi đến nơi vĩnh viễn tịch tĩnh, mà trôi buộc vào lao ngục không giải thoát được, ý không lìa bỏ, xoay vần qua lại đời này đời sau, luân chuyển năm đường, trải qua bao kiếp.’ Bấy giờ, Thế Tôn, liền nói kệ: Tiếng Phạm thiên êm dịu, Như Lai nói, khó thấy. Nếu có lúc nào thấy, Hãy buộc niệm trước mắt. Cũng chớ cùng người nữ, Qua lại chuyện trò nhau. Hằng giăng lưới bắt người, Không đến vô vi được. ‘Cho nên, này các Tỷ-kheo, hãy trừ các sắc, chớ khởi ý tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các người hãy học điều này.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

⁸⁹ Tùy thuận cảnh giới, hoàn cảnh, và không khởi tham ái, thì bình yên đi trong ba cõi. Biệt dịch Tạp A-hàm, quyển 9, kinh 185: “Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỷ-kheo: –Ngày xưa ở thành Thâu-ba-la có trú xứ của các vị Ưu-bà-tắc. Những vị Ưu-bà-tắc này cùng nhau tập hợp ở hội trường, chê trách lỗi lầm của dục tham, ngoại hình của dục như xương trắng phơi ra. Dục như miếng thịt bị các con chim tranh nhau. Dục như phân độc, nọc độc, ô uế. Dục như hầm lửa, người bị ghê lở lói hơ vào lửa để bớt đau đớn nhưng bệnh càng nặng thêm. Dục như cầm đuốc đi ngược gió, nếu không vứt bỏ tất bị đuốc đốt cháy. Dục như mộng huyễn, như vay mượn, như trái cây sắp rụng, như mũi giáo, là bất tịnh, tràn ngập cả xấu xa nhơ bẩn, như ăn không tiêu, hôi hám đáng ghét. Tuy họ cùng nhau bàn luận bằng nhiều lời lẽ chê trách về lỗi lầm của dục, nhưng sau khi về nhà, họ vẫn tự phóng dật.”

Khi ta thấy một cô gái đẹp liền khởi lên ý tưởng trong sáng, rồi sinh lòng say đắm; ta không biết rằng cô gái đẹp ấy vốn là cái đây da mềm chứa đầy dơ bẩn.

天神愈敬。因問道意。佛為解說。即得須陀洹果。

Thiên thần càng trọng Phật, nhân đó hỏi ngài về ý đạo. Ngài giảng giải cho, liền thành đạt đạo quả Tu đà hoàn.

Thiên ma không đạt được mục đích, từ bỏ lối lầm, theo đường chân chánh, hỏi Phật về ý đạo, được ngài khai ngộ, chứng sơ quả Tu đà hoàn.⁹⁰

(27) *Cây Trôi Theo Dòng Nước*

⁹⁰ Tập A-hàm, kinh số 1092, Ma Nữ: “Ma Ba-tuần có ba người con gái: Người thứ nhất tên là Ái Dục, người thứ hai tên là Ái Niệm, người thứ ba tên là Ái Lạc, đi đến chỗ Ma Ba-tuần nói kệ: ‘Cha đang lo buồn gì? Con người đáng gì lo, Con dùng dây ái trói, Trói chúng như điều voi, Lôi đem đến trước cha, Tùy ý cha sai khiến.’ Ma đáp lại con gái: ‘Khi đã lia ân ái, Không dục nào lôi được, Đã ra khỏi cảnh ma, Cho nên ta lo buồn.’ Bấy giờ, ba con gái ma từ thân phóng ra ánh sáng lóe lên như những tia chớp trong mây, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên bạch Phật: ‘Nay con trở về dưới chân Thế Tôn, để giúp đỡ hầu hạ, xin Ngài sai khiến.’ Bấy giờ, Thế Tôn không ngó ngang đến. Biết Như Lai đã lia ái dục, tâm thiện giải thoát. Hai ba phen nói như vậy, sau đó ba gái ma tự bảo với nhau rằng: ‘Đàn ông có những loại ái dục tùy theo hình tướng. Bấy giờ chúng ta mỗi người sẽ biến hóa ra những loại này, thành trăm thứ sắc của đồng nữ, trăm thứ sắc của thiếu nữ mới lấy chồng, trăm thứ sắc của phụ nữ chưa sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ đã sanh, trăm thứ sắc của phụ nữ trung niên, trăm thứ sắc của phụ nữ đứng tuổi. Hóa ra những loại hình như vậy rồi, chúng ta đi đến Sa-môn Cù-đàm nói rằng: Hôm nay tất cả đều về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử.’ Bàn bạc với nhau xong, chúng liền biến hóa thành những loại như đã nói trên, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên, bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, bọn chúng con hôm nay về dưới chân Thế Tôn, hiến dâng cho Ngài sai sử.’ Bấy giờ, Thế Tôn cũng không hề để ý đến. ‘Pháp của Như Lai là lia các ái dục.’ Phật lặp lại như vậy ba lần. Bấy giờ, ba ma nữ lại bảo với nhau: ‘Nếu đàn ông chưa lia dục trông thấy các hình thể tuyệt diệu của chúng ta, tâm sẽ bị mê loạn, dục khí dồn nén bốc lên, lồng ngực muốn vỡ, máu nóng đỏ bừng trên mặt. Nhưng hiện Sa-môn Cù-đàm không hề để ý đến chúng ta, nên biết Như Lai đã lia dục, giải thoát, được thiện giải thoát tướng. Bấy giờ chúng ta mỗi người nên nói kệ đề cật vấn.’ Ba ma nữ trở lại trước Phật, đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên. Thiên nữ Ái Dục liền nói kệ: ‘Một mình vào chỗ vắng, Thiền tư, tĩnh tư duy, Đã bỏ nước, tài bảo, Ở đây lại cầu gì? Nếu cầu lợi xóm làng, Sao không gần gũi người? Đã không gần gũi người, Rốt cuộc được gì nào?’ Thế Tôn nói kệ đáp: ‘Đã được tài lợi nhiều, Tri túc, an tịch diệt, Điều phục bọn quân ma, Không đắm vào sắc dục. Một mình riêng thiền tư, Nếm vị thiền diệu lạc. Cho nên không cùng người, Quanh quần gần gũi nhau.’ Thiên nữ Ái Niệm nói kệ: ‘Tu nhiều thiền diệu gì, Để thoát dòng ngũ dục? Lại nhờ phương tiện nào, Vượt qua biển thứ sáu? Đối các dục sâu rộng, Làm sao tu diệu thiền, Để qua được bờ kia, Mà không bị ái giữ?’ Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: ‘Thân được lạc dừng nghỉ, Tâm được khéo giải thoát, Vô vi, không tạo tác, Chánh niệm không dao động. Biết rõ tất cả pháp, Không khởi các loạn giác, Ái, nhuế, thù miên, phú, Tất cả đều đã lia. Tu tập nhiều như vậy, Thoát khỏi được năm dục, Như đối biển thứ sáu, Tất qua được bờ kia. Tu tập thiền như vậy, Đối các dục sâu rộng, Dễ qua được bờ kia, Không bị chúng giữ lại. Khi ấy.’ Thiên nữ Ái Lạc lại nói kệ: ‘Đã đoạn trừ sân ái, Chết chứa dục sâu dày, Người nhiều đời tịnh tín, Vượt qua được biển dục. Mờ ra trí tuệ sáng, Vượt qua cảnh tử ma.’ Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: ‘Đại phương tiện, rộng độ, Vào Pháp luật Như Lai, Những người này đã độ, Người trí còn lo gì?’ Bấy giờ, chỉ nguyện của ba Thiên nữ chưa được thỏa mãn, trở lại chỗ Ma Ba-tuần, cha của chúng. Khi ấy, Ma Ba-tuần vừa trông thấy các con gái đến, liền nói kệ trêu họ: ‘Các con, này ba đứa, Tự khoe mình kham năng, Toàn thân phóng lửa sáng, Như lửa chớp trong mây. Đến chỗ Đại Tinh Tấn, Mỗi người phô sắc đẹp. Ngược lại đều bị phá, Như gió lửa bùng gòn. Dùng ngón tay phá núi, Dùng răng cắn hòn sắt, Hay muốn dùng tóc, tơ, Di chuyển hòn núi lớn? Những người thoát hòa hợp, Mà mong loạn tâm kia. Muốn buộc dính chân gió, Khiến trắng rơi giữa không, Dùng tay khuấy biển lớn, Hà hơi động núi tuyết. Đã giải thoát hòa hợp, Để làm gì dao động. Ở giữa biển sâu rộng, Mà tìm đất đặt chân, Như Lai đối tất cả, Hòa hợp tất giải thoát, Trong biển lớn Chánh giác, Tìm dao động cũng vậy.’ Ma Ba-tuần trêu ba cô con gái rồi biến mất.”

佛言。夫為道者。猶木在水。尋流而行。不觸兩岸。不為人取。不為鬼神所遮。不為洄流所住。亦不腐敗。吾保此木。決定入海。

Phật nói, hành đạo thì như cái cây ở trong dòng nước, hãy theo dòng nước mà trôi đi, không mắc hai bên bờ, không bị người vớt lấy, không bị quỷ thần ngăn chặn, không bị nước xoáy làm đứng lại, không bị thổi ngã, thì Như lai bảo đảm cây ấy vào được biển cả.

Hành đạo thì không qua lại giữa hai bờ sinh tử và niết bàn, không bị vớt lấy bởi thiện nghiệp hữu lậu của trời người, không bị ngăn chặn bởi tà kiến và quỷ thần, không bị đứng lại bởi nước xoáy ba cõi, cũng không bị thổi ngã bởi diệt tận định của nhị thừa, bảo đảm vào được biển cả tát-bà-nhã^{91 92}.

學道之人。不為情慾所惑。不為眾邪所嬈。精進無為。吾保此人。必得道矣。

Hành đạo cũng vậy, không bị ái dục mê hoặc, không bị tà nguy quấy phá, tinh tiến mà không do dự, thì Như lai bảo đảm người ấy đắc đạo.

Hành đạo thì ái dục không thể mê hoặc, tà nguy không thể quấy phá, chánh tiến mà không do dự, vậy đạo đâu có xa gì?

(28) *Ý Không Thể Tin*

⁹¹ Tát-bà-nhã 薩婆若 (skt. sarvajña): Trung Hoa dịch là Nhất thiết trí, là một trong 3 loại trí (nhất thiết trí, đạo chủng trí và nhất thiết chủng trí [skt. sarvajña-jñāna, sarvajñatā, sarva-jña], là trí tuệ thông đạt hết thảy trong ngoài, biết hết thấy các pháp. Đời Đường, Tát-bà-nhã là tên gọi khác của Bát-nhã ba-la-mật.

⁹² Tập A-hàm, kinh số 1174, Khúc Gỗ Trôi: “Bấy giờ, Thế Tôn ngắm sông Hằng, thấy trong nước có một cây lớn trôi theo dòng nước chảy xuống. Nói với vị Tỳ-kheo kia: ‘Ông có thấy cây lớn trong dòng nước sông Hằng này không?’ Đáp: ‘Bạch Thế Tôn, con đã thấy.’ Phật bảo: ‘Cây lớn này không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không chìm xuống đáy, không mắc ở bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, không bị người vớt lên, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, sẽ xuôi theo dòng nước, thuận dòng mà rót về, đổ về biển lớn phải không?’ Tỳ-kheo bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, đúng vậy.’ Phật bảo: ‘Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm, không mắc bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, cũng không bị người vớt lấy, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, vị ấy sẽ theo dòng nước mà xuôi về, rót về, đổ về Niết-bàn.’ Tỳ-kheo bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm đắm? Thế nào là bị mắc bãi cù lao? Thế nào là dòng nước xoáy? Thế nào là người vớt lấy? Thế nào là phi nhân giữ? Thế nào là mục nát? Lành thay, Thế Tôn, vì con giảng rộng! Sau khi nghe xong, con sẽ một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Phật bảo Tỳ-kheo: ‘Bờ bên này là sáu nhập xứ. Bờ bên kia là sáu ngoại nhập xứ. Bị người vớt lấy là như người nào gần gũi với người thế tục, hay với người xuất gia; nếu gặp chuyện sướng, khổ, buồn, vui và những việc làm của họ, tất cũng cùng họ cộng đồng. Đó gọi là bị người vớt lấy. Bị phi nhân giữ lại là như có người nào nguyên tu phạm hạnh, rằng: ‘Nay ta tri giới, khổ hạnh, tu các phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân giữ lại. Bị dòng nước xoáy là như có người nào hoàn giới thoái chuyển. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại, ít học, giống như cỏ dại, như tiếng thổi từ và. Họ không phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, không phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh. Như vậy, Tỳ-kheo, đó gọi là không vướng bờ bên này, bờ bên kia,... cho đến Niết-bàn.’ Sau khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ làm lễ ra về. Lúc này, một mình ở chỗ vắng, tư duy về những lời Đức Phật đã dạy trong kinh Cây lớn trôi theo dòng nước,... cho đến tự biết không còn tái sanh đời sau nữa và đắc A-la-hán.”

佛言。慎勿信汝意。汝意不可信。慎勿與色會。色會即禍生。

Phật nói, thận trọng, đừng tin ý của các người, ý của các người không bao giờ tin được. Thận trọng, đừng tiếp xúc sắc đẹp, tiếp xúc thì tai họa có liền.

Ý như con ngựa hung hãn được chế ngự bằng giây cương giới luật. Tập quen đắm nhiễm sắc dục thì bại hoại đạo, tang nát thân.

得阿羅漢已。乃可信汝意。

Được tuệ giác La hán rồi mới nên tin ý của các người.

Ý căn đoạn diệt thì chứng đắc A la hán. Thuở xưa, ở Tây quốc⁹³ có một tiên nhân tu hành trong núi, chứng đắc ngũ thần thông. Một hôm tiên nhân gặp trời mưa to, đường trơn trượt, đi không vững nên trượt té. Tiên nhân nổi giận mắng rủa, trù chú khiến cho mười hai năm không mưa. Quốc vương biết có sự ấy là do chú lực của tiên nhân, buồn khổ, hạ chiếu rằng, nếu có ai khiến tiên nhân kia mất phép thuật thì vua sẽ chia nửa nước để cai trị⁹⁴. Có một dams nữ xinh đẹp tên là Phiến Đà, đến tâu với vua rằng, tôi có thể phá phép thuật. Phiến Đà cùng năm trăm thiếu nữ trẻ đẹp lên đường thẳng đến am của vị tiên nhân ở trong rừng sâu. Các thiếu nữ chào hỏi tiên nhân, theo vào am thay phiên hầu hạ, xúc chạm thân thể. Do sinh tâm đắm nhiễm sự xúc chạm, tiên nhân mất hết thần thông, thế rồi trời đổ mưa lớn khắp cả. Phiến Đà cỡi cỗ tiên nhân về đến kinh thành, gặp quốc vương, được thưởng thêm nữa. Thế mới biết, bại hoại đạo đức, đánh mất tâm chí, mang họa vào thân là do nữ sắc, có thể không thận trọng được ư?⁹⁵

(29) *Nễo Chánh*

佛言。慎勿視女色。亦莫共言語。

⁹³ Ba-la-nại quốc 婆羅奈國.

⁹⁴ Chánh văn là ‘thường cho ngàn cân vàng’. Ý này ở trong truyện về người nữ có 64 thần biến tên Dâm Chung làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục. [Tăng nhất a hàm, Sáu pháp, phẩm Lực, kinh số 6, tr. 722a09]

⁹⁵ Đại trí độ luận, No. 1509, quyển 17, tr. 182c06-183c19. Kinh luật dị tướng 經律異相, No. 2121, quyển 39, tr. 209c06-210a19. “Khi về đến cung thành, Phiến Đà báo tiên nai lạy nhà vua xin quy hàng. Nhà vua vui mừng, phong cho tiên nai làm đại thần và cung cấp đầy đủ các tiện nghi. Một thời gian sau, vị tiên nhân nhàm chán dục lạc thế gian, nhớ đến cái vui của thiên định, chẳng còn vui như trước nữa. Nhà vua thấy vậy, hỏi: ‘Vì sao tiên nhân chẳng còn vui như trước?’ Vị tiên nai đáp: ‘Tôi nhớ rừng thanh tịnh, nơi đó mới thật là trú xứ của tôi.’ Nhà vua suy nghĩ: ‘Nếu ta cứ ép buộc vị tiên nhân này ở lại thì ông ấy sẽ sầu khổ mà chết. Ta chỉ muốn trừ hạn hán, nay ý nguyện của ta đã thành tựu, ta chớ nên làm khổ vị tiên nhân này nữa.’ Nghĩ vậy rồi, nhà vua liền trả vị tiên nhân về núi rừng. Rồi Phật nói tiếp: ‘Này các tỳ kheo, vị tiên nhân đó chính là tiền thân của ta, còn dams nữ Phiến Đà chính là tiền thân của bà Da-du-đa-la. Lúc bấy giờ ta chưa đoạn hết kiết sử, nên các viên hoan hỷ có đủ sức làm mê hoặc ta. Nay ta đã được đạo rồi, nên các viên hoan hỷ chẳng còn có thể làm mê hoặc ta nữa. Theo đây, các người nên biết, thân xúc chạm có ma lực làm động tâm người. Tiên nhân còn bị lôi cuốn, hướng nữa là phạm phu. Bởi nhân duyên vậy, nên phải tránh xa sự xúc chạm.’”

Phật nói, thận trọng, đừng nhìn sắc đẹp phụ nữ, cũng đừng nói chuyện.

Thân cận thì sinh tình, đánh mất chánh niệm.

若與語者。正心思念。我為沙門。處於濁世。當如蓮華。不為泥汙。想其老者如母。長者如姊。少者如妹。稚者如子。生度脫心。息滅惡念。

Phải nói chuyện thì hãy chánh tâm nghĩ rằng, ta là sa môn, ở trong cuộc đời dơ bẩn này ta phải như đóa sen không dính bùn lầy. Nghĩ tưởng già như mẹ, lớn như chị, trẻ như em, nhỏ như con, sinh cái tâm độ thoát, diệt cái ý bất chính.

Chánh niệm quán sát, tâm trong sáng, ý hiểu biết, sống trong cuộc đời dơ bẩn này mà như đóa sen vươn lên khỏi mặt nước⁹⁶. Sử dụng phương tiện thiện xảo là giả tưởng quán⁹⁷ để đối trị: quán các chúng sinh luân hồi từ vô thủy đều là thân thuộc, nguyện độ thoát hết thầy, thì những niệm tưởng xấu xa tự nhiên dứt diệt.⁹⁸

⁹⁶ Trung bộ kinh, kinh Thánh cầu, số 26: “Này các Tỳ-kheo, với Phật nhân, Ta thấy có hạng chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn, độn căn, có hạng thiện tánh, ác tánh, có hạng dễ dạy, khó dạy, và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm làm những hành động lỗi lầm. Như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay hồ sen trắng có một số hoa sen xanh, sen hồng, hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước. Có một hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước. Có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước đắm ướt.” (H.T Thích Minh Châu dịch)

⁹⁷ Du già su địa luận, quyển 11, tr. 332c22: “Tác ý thắng giải: là tác ý của người tu tĩnh lự, tùy theo chỗ muốn tăng ích các sự tướng. Tác ý chân thật: là lấy tự tướng, cộng tướng và chân như tướng mà tác ý như lý, tư duy về các pháp.” Tác ý chân thật là như thật quán. Tác ý thắng giải là giả tưởng quán, tức là ở trong sự tướng mà có tăng ích, như quán bất tịnh, tưởng đến đờm xanh hoặc mũi nhũ, quán tự thân cho đến khi thân thành từ thi, đờm xanh hoặc mũi nhũ, đây là cùng với sự thật không phù hợp nhau. Là cảnh trong định do sự tưởng tượng khoa trương mà thành, cho nên nói là ‘tăng ích’. Tám loại giải thoát, tám loại thắng xứ, mười loại biến xứ ở trong Phật pháp đều là tác ý thắng giải hay giả tưởng quán. Giả tưởng quán không đưa đến giải thoát rốt ráo, nhưng cũng có tác dụng đối trị phiền não, đoạn trừ một phần phiền não, tăng cường tâm lực, định lực.

⁹⁸ Tăng Nhất A-hàm, quyển 12, phẩm Ba Cúng Đường, kinh số 6: “Thế nào là người trí thành tựu ba hành vi của thân? Ở đây, người trí tư duy thân hành không có điều gì xúc phạm; song người trí lại tự mình không sát sanh, cũng không dạy bảo người sát sanh, thấy người khác giết hại, tâm không hoan hỷ; tự mình không trộm cắp, không dạy bảo người trộm cắp, thấy người khác trộm cắp tâm không hoan hỷ; cũng không dâm dật, thấy nữ sắc của kẻ khác tâm không khởi tưởng, cũng không dạy bảo người khiến hành dâm dật. Nếu thấy người già thì xem như mẹ, người vừa như chị, người nhỏ như em, ý không cao thấp. Người trí đã thành tựu ba hành của thân như vậy.”

Tăng Nhất A-hàm, quyển 36, phẩm Tám Nạn, kinh số 3: “Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn: ‘Nên giao thiệp với người nữ như thế nào, khi mà đến giờ Tỳ-kheo đắp y, cầm bát, khát thực từng nhà nhà để tạo phước cho chúng sanh?’ Phật bảo A-nan: ‘Chớ có nhìn họ. Nếu có nhìn thì chớ có nói chuyện. Nếu nói chuyện thì phải chuyên tâm ý.’ Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này: Chớ giao du người nữ, Cũng chớ có trò chuyện. Ai có thể xa lìa, Thì tránh được tám nạn.” [Trường A-hàm, quyển 4, kinh Du Hành]

Tạp A-hàm, quyển 43, kinh số 1165, Tân-đầu-lô: “Tôn giả Tân-đầu-lô đáp: ‘Như những gì Phật, Như Lai, Ưng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, đã dạy các Tỳ-kheo: ‘Tỳ-kheo các ông, nếu gặp người nữ lớn tuổi thì nên coi như mẹ. Gặp người trung niên thì nên coi như chị em. Gặp người non trẻ thì nên coi như con. Vì nguyên nhân này nên các Tỳ-kheo tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu ở trong Pháp luật này sống an lạc, an ổn, các căn hòa duyệt,

(30) *Tránh Cho Xa*

佛言。夫為道者。如被乾草。火來須避。道人見欲。必當遠之。

Phật nói, hành đạo là như mang cỏ khô thì gặp lửa phải tránh: người hành đạo gặp ái dục thì phải tránh cho xa.

Tình nhiễm như cỏ khô, gặp lửa ái dục thì bốc cháy, cho nên phải tránh cho xa.⁹⁹

(31) *Hãy Đoạn Tâm - Gốc Của Tình Dục*

佛言。有人患淫不止。欲自斷陰。佛謂之曰。若斷其陰。不如斷心。

Phật nói, có người bức vì tình dục không ngừng, muốn tự đoạn âm. Phật nói, đoạn âm đâu bằng đoạn tâm.

Điên đảo do tâm, sao lại tổn thương thân thể?

心如功曹。功曹若止。從者都息。

Tâm như pháp quan, pháp quan không có thì cũng không có công sai.

Điều binh theo ấn, khiến tướng theo phù.

邪心不止。斷陰何益。佛為說偈。欲生於汝意。意以思想生。二心各寂靜。非色亦非行。

Tâm tà không ngừng thì đoạn âm ích gì. Phật nói cho bài chỉnh cú sau đây. “Dục tình do ý sinh, ý sinh do tư tưởng; ý và tư tưởng ấy, cả hai cùng vắng lặng, thì không cảm sắc đẹp, cũng không còn hành dâm.”

Tâm đã vắng lặng thì vọng tưởng không sinh. Năm uẩn vốn không, thì dục tình làm sao khởi?

佛言。此偈是迦葉佛說。

Phật nói, bài chỉnh cú này của đức Ca diếp như lai đã nói.

Dẫn bài chỉnh cú của đức Ca diếp như lai để minh chứng.¹⁰⁰

tướng mạo sáng sủa, da dẻ tươi mát, thích tĩnh, ít động, mặc tình người khác mà sống, tâm như dã thú, kham năng suốt đời tu trì phạm hạnh, thanh tịnh thuần nhất.”

⁹⁹ Tăng Nhất A-hàm, quyển 25, phẩm Năm Vua, kinh số 10: “Bấy giờ, Thế Tôn cùng với năm trăm Tỳ-kheo du hoá trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt. Thấy thế, Như Lai đến ngồi dưới một bóng cây. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ‘Thế nào, Tỳ-kheo, thà đem thân nhảy vào lửa này, hay tốt hơn nên giao du với người nữ xinh đẹp?’ Lúc đó, các Tỳ-kheo bạch Phật: ‘Tốt hơn nên giao du với người nữ, chớ không ném thân vào lửa này. Bởi vì đám lửa này nóng độc không thể tả, sẽ lấy mạng sống của mình, chịu khổ vô cùng.’ Thế Tôn bảo: ‘Nay Ta bảo các người, chớ để không phải hạnh Sa-môn mà nói là Sa-môn; không phải người phạm hạnh mà nói là phạm hạnh; không nghe Chánh pháp mà nói là tôi nghe Chánh pháp; không có pháp thanh bạch. Người như vậy, thà nhảy vào lửa này, chớ không cùng người nữ giao du. Vì sao vậy? Vì người ấy thà chịu thống khổ này, chớ không vì tội đó mà vào trong địa ngục chịu khổ vô cùng.’” [Trung A-hàm, kinh Mộc Tích Dụ]

(32) *Yêu, Lo, Sợ*

佛言。人從愛欲生憂。從憂生怖。若離於愛。何憂何怖？

Phật nói, con người do ái dục mà lo buồn, do lo buồn mà sợ hãi. Ái dục mà không thì còn lo buồn gì, còn sợ hãi gì.

Chúng sinh nhận lầm cái thân bốn đại làm tự ngã, thuận tình thì sinh duyên ái, nghịch tình thì sinh lo buồn, bởi vậy có năm nỗi sợ hãi: sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ đường ác và sợ giữa đám đông.¹⁰¹ Nếu có thể ngộ nhập tự ngã vốn không, thì sự phân biệt liền ngưng dứt. Ái dục là gì mà khiến con người lo buồn và sợ hãi đến vậy?¹⁰²

¹⁰⁰ Tăng Nhất A-hàm, quyển 25, phẩm Năm Vua, kinh số 3: “Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực, khi thấy người nữ không khởi dục tướng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tướng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tướng. Lúc ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: ‘Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đâu chẳng? Ra từ thân thể chẳng?’ Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tướng tượng, cũng không có chỗ đến. Vì ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vì ấy lại nghĩ: ‘Ta quán dục này từ nhân duyên sanh.’ Tỳ-kheo quan sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Kinh số 4: “Chư Hiền nên biết, dục từ tướng sinh. Khi khởi niệm tướng, liền sinh dục ý. Hoặc có thể tự hại, lại hại người khác, gây ra bao nhiêu tai họa biến đổi, ở trong hiện tại chịu khổ hoạn kia; lại ở đời sau chịu khổ vô lượng. Dục ý đã trừ, cũng không tự hại, không hại người khác. Ở báo hiện tại, không chịu khổ này. Cho nên, nay phải trừ tướng niệm. Vì không có tướng niệm nên liền không có tâm dục, Vì không có tâm dục nên liền không có loạn tướng.”

¹⁰¹ Ngũ chủng bố úy 五種怖畏: (Skt. vibhīṣana) Cũng gọi Ngũ khủng bố, Ngũ bố, Ngũ úy. Năm nỗi sợ hãi của hành giả trước khi vào giai vị Kiến đạo. 1. Bất hoạt úy, cũng gọi Bất hoạt khủng bố (sợ không sống được): Người mới học đạo tuy có làm việc bố thí, nhưng lại sợ rằng chính mình không thể sống đầy đủ, cho nên thường tích trữ tiền của để phòng hờ, chứ chưa thể cho hết những cái mình có. 2. Ác danh úy, cũng gọi Ác danh khủng bố (sợ danh tiếng bị hoen ố): Người mới học đạo vì hóa độ chúng sinh mà vào quán rượu, nhưng chưa thể giữ thái độ an nhiên tự tại, vì còn sợ người khác chê cười. 3. Tử úy, cũng gọi Tử khủng bố (sợ chết): Người tu hành tuy phát tâm rộng lớn mà bố thí tài vật, nhưng vẫn còn sợ chết nên chưa dám xả thân. 4. Ác đạo úy, cũng gọi Ác thú khủng bố, Ác thú úy, Đọa ác đạo úy (sợ rơi vào đường ác): Hành giả sơ học vì sợ tạo nghiệp bất thiện sẽ bị đọa ác đạo, nên lúc nào cũng sống trong sợ hãi. 5. Đại chúng uy đức úy, cũng gọi Chúng trung bố úy, Đại chúng úy, Xử chúng khiếp úy (sợ uy đức của đại chúng): Người mới học đạo đứng trước nơi triều đình hoặc đối trước đại chúng thông hiểu pháp nghĩa, có uy đức lớn, thường e sợ ngôn ngữ cử chỉ của mình có chỗ sơ suất mà phạm lỗi. Năm tâm niệm sợ hãi nói trên, khi vào được Sơ địa thì hành giả trút bỏ hết. Tập A-hàm, kinh Tứ lực, số 670: “Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Có Bốn lực. Những gì là bốn? Đó là lực Giác, lực Tỉnh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp, như [các kinh] trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu được bốn lực này, thì tránh xa được năm sự sợ hãi. Những gì là năm? Sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác. Đó gọi là năm sự sợ hãi.” (Thích Đức Thắng dịch)

¹⁰² Tăng Nhất A-hàm, quyển 12, phẩm Tam Bảo, kinh số 9: “Dục có tai họa gì? Ở đây, một thiện gia nam tử học các kỹ thuật để tự kinh doanh cho mình; hoặc học làm ruộng, hoặc học thư số, hoặc học làm thuê, hoặc học toán số, hoặc học cân đối, hoặc học chạm khắc, hoặc học thông tin qua lại, hoặc học hầu hạ vua, thân không lánh nắng mưa, mệt nhọc cần khổ, không được tự do. Làm những việc khổ cay này để thu hoạch sản nghiệp. Đó là tai họa lớn của dục. Khổ não trong đời này do ân ái này, đều do tham dục. Nhưng thiện gia nam tử kia lại làm việc cực khổ vậy mà không được của cải, trong lòng sầu lo khổ não không thể tính kể, tự suy nghĩ rằng, ‘Ta làm công lao này, bày các phương kế, mà không được tiền của.’ Các trường hợp như vậy, nên nghĩ đến lìa bỏ. Đó là nên lìa bỏ dục.” [Trung A-hàm, Kinh Ái Sanh, số 216]

(33) *Tinh Nhuệ Bước Tới*

佛言。夫為道者。譬如一人與萬人戰。掛鎧出門。意或怯弱。或半路而退。或格鬥而死。或得勝而還。沙門學道。應當堅持其心。精進勇銳。不畏前境。破滅眾魔。而得道果。

Phật nói, hành đạo là như một người chiến đấu với muôn người. Mặc áo giáp, ra chiến trường, nhưng có kẻ khiếp nhược, có kẻ nửa đường thoái lui, có kẻ quyết chiến mà chết, có kẻ đắc thắng mà về. Ấy vậy, sa môn học đạo thì phải kiên trì tâm chí, tinh nhuệ bước tới, không sợ cảnh tượng trước mắt, tiêu diệt ma quân mà thủ đắc đạo quả.

Khi chiến đấu với ma quân, người hành đạo phải mặc áo giáp tịnh giới, giữ trái tim thiền định, cầm cây kiếm trí tuệ. Không có một khái niệm nào để chấp trước, thì tiêu diệt ma quân, có được chiến thắng. Giống như kinh Pháp Hoa có ghi: “Thấy tướng sĩ Hiền thánh chiến đấu với ma ngũ âm, ma phiến não và ma chết chóc, mà ai có công lớn diệt ba độc, vượt ba cõi, phá lưới ma, thì bấy giờ Như lai rất hoan hỷ.”¹⁰³ Nghĩa ở đây tương đồng.¹⁰⁴

(34) *Vừa Phải*

沙門夜誦迦葉佛遺教經。其聲悲緊。思悔欲退。佛問之曰。汝昔在家。曾為何業。對曰。愛彈琴。佛言。弦緩如何？對曰。不鳴矣。弦急如何。對曰。聲絕矣。急緩得中如何。對曰。諸音普矣。佛言。沙門學道亦然。心若調適。道可得矣。於道若暴。暴即身疲。其身若疲。意即生惱。意若生惱。行即退矣。其行既退。罪必加矣。但清淨安樂。道不失矣。

Có vị sa môn ban đêm tụng kinh Di giáo của đức Ca diếp như lai, tiếng nghe rất buồn, có vẻ hối tiếc, muốn lui về thế tục. Phật hỏi, khi ông ở nhà thì làm gì? Thưa, thích đánh đàn. Giây đàn dùi thì thế nào? Thưa, không kêu. Giây đàn căng thì thế nào? Thưa, mất tiếng. Căng dùi vừa phải thì thế nào? Thưa, âm điệu phát ra đủ cả. Phật nói, sa môn học đạo cũng phải như vậy: tâm trí chừng mực thì đạo phải được. Với đạo, nếu thái quá thì cơ

¹⁰³ Kinh Pháp Hoa, phẩm An lạc hạnh, thứ 14.

¹⁰⁴ Tăng Nhất A-hàm, quyển 25, phẩm Năm Vua, kinh số 3 & 4: “Lại nữa, người chiến sĩ thứ năm mặc áo giáp, cầm gậy đi vào trận chiến đấu; nếu thấy gió bụi, thấy ngọn cờ cao, thấy cung tên hoặc bị bắt, cho đến gần chết, không sinh lòng sợ hãi, có thể phá tan quân địch trong ngoài bờ cõi, mà lãnh đạo nhân dân. Đó gọi là hạng chiến sĩ thứ năm. ... Lại nữa, có Tỳ-kheo nương vào thôn làng mà sống, họ nghe trong thôn có người nữ. Đến giờ, đắp y mang bát vào thôn khát thực, khi thấy người nữ không khởi dục tưởng, nếu cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, nếu lại được vuốt ve cũng không khởi dục tưởng. Lúc ấy, Tỳ-kheo quán ba mươi sáu vật trong thân này ô uế bất tịnh: ‘Ai đắm vào đây? Do đâu khởi dục? Dục này dừng lại chỗ nào? Là từ đâu chẳng? Ra từ thân thể chẳng?’ Quán các vật này rõ ràng không có gì cả. Từ đầu đến chân cũng lại như vậy. Những gì thuộc năm tạng không có tướng tượng, cũng không có chỗ đến. Vì ấy quán nguồn duyên không biết từ nơi nào lại. Vì ấy lại nghĩ: ‘Ta quán dục này từ nhân duyên sanh.’ Tỳ-kheo quan sát điều này rồi, tâm được giải thoát dục lậu, tâm được giải thoát hữu lậu, tâm được giải thoát vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Giống như người chiến đấu thứ năm kia sống tự tại không bị nạn địch quân. Do vậy, cho nên nay Ta nói người này đã dứt bỏ ái dục, vào nơi vô úy, đạt đến thành Niết-bàn.”

thể mệt mỗi, cơ thể mệt mỗi thì tâm ý bức bối, tâm ý bức bối thì tu hành lùi bước, tu hành lùi bước thì tội lỗi thêm lên. Thanh tịnh quân bình thì đạo không mất.

Người học đạo phải khéo vận dụng tâm mình, không căng không dúi¹⁰⁵, trong không trệ không, ngoài không chấp tướng, trên không kính ngưỡng, dưới ngưng tôn trọng¹⁰⁶, liền được thanh tịnh và an lạc, thì tu hành tiến bước, học đạo được thành vậy.¹⁰⁷

(35) Thanh Lọc Tâm

佛言。如人鍛鐵。去滓成器。器即精好。學道之人。去心垢染。行即清淨矣。

Phật nói, như người luyện sắt, loại hết quặng đi thì làm đồ rất tốt: học đạo mà trừ khử dơ bẩn trong tâm thì tức khắc thực hiện thanh tịnh.

Theo tình tạo nghiệp, đó là dơ bẩn. Thuận lý tiến tu, gọi là thanh tịnh.¹⁰⁸

¹⁰⁵ Không căng không dúi: không quá tinh tiến, không biếng nhác. Trung A hàm, kinh Sa-môn nhị thập ức, số 123: “Đức Thế Tôn nói: ‘Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy người hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

¹⁰⁶ Thượng vô phan ngưỡng, hạ tuyệt kỷ cung 上無攀仰, 下絕己躬: trên không thấy có Phật, dưới không thấy có chúng sinh.

¹⁰⁷ Tăng Nhất A-hàm, quyển 13, phẩm Địa Chủ, kinh số 3: “Bấy giờ, Thế Tôn từ xa biết được những gì Nhị-thập-ức-nhĩ suy nghĩ, liền lướt qua hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả kinh hành, trái tọa cụ mà ngồi. Khi đó, tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đến trước chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ: ‘Vừa rồi người vì có gì mà nghĩ rằng, ‘Trong những người đệ tử khổ hạnh tinh tấn của đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Và lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ.’? Nhị-thập-ức-nhĩ đáp: ‘Thật vậy, bạch Thế Tôn.’ Thế Tôn bảo: ‘Nay Ta hỏi lại người, người tùy đó trả lời Ta. Thế nào, Nhị-thập-ức-nhĩ, trước kia khi còn tại gia con khảy đàn rất giỏi.’ Thế Tôn bảo: ‘Thế nào, Nhị-thập-ức-nhĩ, nếu dây đàn căng quá thì âm hưởng không đều. Khi đó tiếng đàn nghe có hay không?’ Nhị-thập-ức-nhĩ đáp: ‘Thưa không, Thế Tôn.’ Thế Tôn bảo: ‘Thế nào, Nhị-thập-ức-nhĩ, nếu dây đàn lại chùng, khi đó tiếng đàn nghe có hay không?’ Nhị-thập-ức-nhĩ đáp: ‘Thưa không, Thế Tôn.’ Thế Tôn bảo: ‘Thế nào, Nhị-thập-ức-nhĩ, nếu dây đàn không căng không chùng, khi đó âm đàn nghe có hay không?’ Nhị-thập-ức-nhĩ đáp: ‘Thưa vâng, Thế Tôn. Nếu dây đàn không chùng, không căng, lúc ấy âm đàn nghe rất hay.’ Thế Tôn bảo: ‘Ồ đây cũng như vậy. Quá tinh tấn, cũng bằng như trạo cừ. Nếu lười biếng, dây sẽ rơi vào tà kiến. Nếu có thể ở giữa, đó là hành bậc thượng. Như vậy không lâu sẽ thành người vô lậu.’ Thế Tôn sau khi thuyết pháp vì diệu cho Tỳ-kheo Nhị-thập-ức-nhĩ xong, trở về bên bờ hồ Lôì âm. Bấy giờ, Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ suy nghĩ những gì Thế Tôn đã dạy bảo, ở nơi nhàn tịnh, liên tục không ngừng tu hành pháp đó, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng, ‘sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.’ Tôn giả Nhị-thập-ức-nhĩ đã thành A-la-hán. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: ‘Đệ tử siêng năng, đệ nhất khổ hạnh trong hàng Thanh văn của Ta chính là Nhị-thập-ức-nhĩ.’”

¹⁰⁸ Trung A-hàm, kinh Phân Biệt Lục Giới, số 162: “Này Tỳ-kheo, cũng như thợ luyện kim lành nghề, dùng lửa đốt thỏi vàng, dát cho thật mỏng, rồi lại bỏ vào lò nung, đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ cho đến lúc tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Này Tỳ-kheo, thứ vàng này là do thợ vàng đã đốt lửa đều đặn và đúng độ, luyện kỹ thật tinh ròng, rất mềm mại và có ánh sáng. Như vậy rồi, thợ vàng ấy làm theo ý mình, như làm dây đính vào tơ lụa để trang sức áo mới, làm nhẫn tay, vòng tay, xuyến, chuỗi, lưới tóc... Cũng vậy, này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: ‘Ta với xả thanh tịnh này nhập vào vô lượng không xứ; tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó,

(36) *Mình Được Khó Được*

佛言。人離惡道。得為人難。既得為人。去女即男難。既得為男。六根完具難。六根既具。生中國難。既生中國。值佛世難。既值佛世。遇道者難。既得遇道。興信心難。既興信心。發菩提心難。既發菩提心。無修無證難。

Phật nói, thoát đường ác mà được sinh làm người là khó, được làm người mà làm đàn ông là khó, làm đàn ông mà đủ giác quan là khó, đủ giác quan mà sinh xứ trung tâm là khó, sinh xứ trung tâm mà gặp nhằm đời Phật là khó, gặp nhằm đời Phật mà gặp được đạo là khó, gặp được đạo mà tín ngưỡng là khó, tín ngưỡng mà phát bồ đề tâm là khó, phát bồ đề tâm mà không tu không chứng là khó.

Trong hai mươi điều khó trình bày ở bài thứ 12 vẫn chưa nói đến sự phát bồ đề tâm. Ở đây, từ điều khó ‘thoát đường ác’, cho đến điều khó ‘không tu không chứng’, đã bao quát hết quá trình tu hành từ đầu đến cuối. Dẫu gieo trồng thiện căn đời trước, tu tập trải qua muôn hạnh, phát tâm rộng lớn, thật là hiếm có, nhưng e rằng vẫn còn cái tâm mong mỏi đạt đến, chưa mất thủ xả, may hệ niệm để hoàn thành công đức hữu trú, chớp mắt tình sinh nên rơi vào địa vị tu chứng. Thế nên, chẳng nói ‘không tu không chứng’, chỉ không rơi vào công huân, mới gọi là điều khó trong những điều khó.¹⁰⁹

(37) *Gần Phật Xa Phật*

佛言。佛子離吾數千里。憶念吾戒。必得道果。在吾左右。雖常見吾。不順吾戒。終不得道。

Phật nói, đệ tử của Như lai sống cách Như lai mấy ngàn dặm mà nhớ giới luật của Như lai, thì đắc đạo chắc chắn; còn sống hai bên Như lai, thường thấy Như lai mà không theo giới luật của Như lai, thì không bao giờ đắc đạo.

Ở sát bên Phật mà trái phạm giới luật, thì không tránh khỏi luân hồi. Ghi nhớ giới luật mà ở cách xa Phật, thì đắc đạo chứng quả.¹¹⁰

duyên nơi đó, buộc chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, tu tập tâm như vậy, y nơi đó, an trụ nơi đó, xác lập nơi đó, duyên nơi đó, buộc chặt vào đó.’”

¹⁰⁹ Tăng Nhất A-hàm, quyển 36, phẩm Tám Nạn, kinh số 1.

¹¹⁰ Tăng Nhất A-hàm, quyển 11, phẩm Thiện Tri Thức, kinh số 5: “Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: ‘Nếu có chúng sanh biết báo đáp, người này đáng kính, ân nhỏ còn không quên huống chi ân lớn. Cho dù người đó cách chốn này ngàn do tuần, trăm ngàn do tuần mà không là xa, cũng như gần Ta không khác. Vì sao vậy? Tỳ-kheo nên biết, vì ta thường khen ngợi người biết báo đáp. Có những chúng sanh không biết báo đáp, ân lớn còn quên huống chi ân nhỏ. Kẻ đó chẳng gần Ta. Ta chẳng gần kẻ đó. Giả sử khoác tăng-già-lê hầu hạ bên Ta, kẻ này cũng như xa. Vì sao vậy? Ta không bao giờ nói về người không

(38) *Đời Sống*

佛問沙門。人命在幾間。對曰。數日間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。飯食間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間？對曰。呼吸間。佛言。善哉。子知道矣。

Phật hỏi một vị sa môn, sinh mạng con người tồn tại trong bao lâu, thưa, trong vài ngày, Phật nói ông chưa biết đạo. Phật lại hỏi một vị sa môn khác, sinh mạng con người tồn tại trong bao lâu, thưa, trong một bữa ăn, Phật nói, ông cũng chưa biết đạo. Phật lại hỏi một vị sa môn khác nữa, sinh mạng con người tồn tại trong bao lâu, thưa, trong hơi thở ra hay vào, Phật nói, hay thay, ông thật biết đạo.

Nương vào nghiệp dẫn [chủng tử] mà sinh ra công năng không gián đoạn của thức thứ tám, gọi là mạng căn. “Trong một niệm của phàm phu có 90 sát na, một sát na có 900 lần sinh diệt.”¹¹¹ Từng niệm trôi qua, không biết không hay, thì mới ngộ giải đạo lý ‘vô thường, khổ, không’.¹¹²

(39) *Kinh Pháp Như Lai Cũng Vậy*

佛言。學佛道者。佛所言說。皆應信順。譬如食蜜。中邊皆甜。吾經亦爾。

Phật nói, học đạo thì lời Như lai nói hãy nên tin theo. Như ăn mật thì ở giữa hay hai bên đều ngọt, kinh pháp của Như lai cũng vậy.

Biển cả giáo pháp chỉ thuần một vị, tùy căn cơ mà có muôn ngàn sai khác. Tín thuận tu hành theo giáo pháp ấy thì đều thoát khổ, được vui, dù như ăn mật thì ở giữa hay hai bên đều ngọt. Cũng giống việc uống nước biển, chúng sinh lớn bé thầy đều no đủ.¹¹³

báo đáp. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ báo đáp, chớ học không báo đáp. Các Tỳ-kheo, hãy học tập điều này như vậy.”

¹¹¹ Kinh Nhân vương hộ quốc bát nhã ba la mật đa 仁王護國般若波羅蜜多經, No. 246, quyển thượng, tr. 835c15.

¹¹² Trung A-hàm, kinh A-lan-na, số 160: “Bạch Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: ‘Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng cầu mong.’ Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy, nên chúng con đã tụ tập ngồi ở giảng đường.”

¹¹³ Trung A-hàm, kinh Mật Hoàn Dụ, số 115: “Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng: ‘Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta, có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho họ từ một cách vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao vậy? Vì nói, quán nghĩa phải như vậy. Này các Tỳ-kheo, ví như có người do đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó. Quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt. Quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý thưởng thức được vị ngọt.”

(40) *Thân Tâm Nhất Như*

佛言。沙門行道。無如磨牛。身雖行道。心道不行。心道若行。何用行道。

Phật nói, sa môn hành đạo thì đừng như trâu kéo: thân hành đạo mà tâm không hành đạo. Nếu tâm hành đạo thì cần gì chỉ có thân hành đạo.

Bốn uy nghi khi động hay tĩnh đều là pháp sinh diệt. ‘Tâm vốn bất sinh, tịch mà thường chiếu’, bản thể là lý lẽ này, mới thực sự là hành đạo.

(41) *Thăng Tấp Một Mạch*

佛言。夫為道者。如牛負重。行深泥中。疲極不敢。左右顧視。出離淤泥。乃可蘇息。沙門當觀情慾。甚於淤泥。直心念道。可免苦矣。

Phật nói, người hành đạo là như con trâu mang nặng, đi trong bùn sâu, mệt nhọc đến mấy cũng không dám ngoái nhìn hai bên, mà phải rời khỏi bùn lầy mới được nghỉ ngơi. Sa môn coi ái dục còn hơn bùn lầy, nên thăng tấp một mạch mà hành đạo, mới có thể thoát khỏi mọi sự khổ lụy.

Bùn sâu năm dục, lún xuống phải e sợ. Nếu không thăng tấp một mạch mà hành đạo, thì do gì mà thoát khỏi mọi sự khổ lụy?

(42) *Phật Nhìn*

佛言。吾視王侯之位。如過隙塵。

Phật nói, Như lai coi ngôi vị vương hầu như bụi bay qua lỗ hồng,

Bụi bay lăng xăng không ngừng, tựa như có mà không thật.

視金玉之寶。如瓦礫。

coi vàng ngọc như ngói đá,

Vàng ngọc chất đồng cao như núi, điều đó không giúp ích gì cho đạo.

視紈素之服。如敝帛。

coi tơ lụa như giẻ rách,

Mượn tơ lụa để che thân thể, người hành đạo thì không dùng áo quần tốt đẹp.

Tăng Nhất A-hàm, quyển 35, phẩm Bảy Ngày, kinh số 10: “Bấy giờ, Như Lai nói với các Tỳ-kheo rằng: ‘Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh, biện tài, đã giảng rộng nghĩa ấy. Nếu các ông đến hỏi Ta điều đó, thì Ta cũng giảng cho các ông như vậy mà thôi.’ Lúc ấy, A-nan đang đứng sau Như Lai. A-nan liền bạch Phật rằng: ‘Ý nghĩa của kinh này rất sâu sắc. Giống như có người đi đường gặp cam lồ liền lấy ăn. Thật hết sức thơm ngon, ăn không biết chán. Ở đây cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nghe kinh này sẽ không hề biết chán.’”

視大千界。如一訶子。

coi thể giới đại thiên như hạt cải,

Thế giới đại thiên là không gian rộng lớn mênh mông. Y báo ấy của chúng sinh hình thành từ công nghiệp của thiện pháp hữu lậu. Coi thế giới đại thiên như hạt cải nhỏ bé vậy. Kinh Lăng Nghiêm ghi:

“Hư không sinh ra trong Đại giác

Như một bọt nước nổi lên giữa biển.

Cõi nước hữu lậu như vi trần

Đều nương hư không mà phát sinh.

Bọt nước tan, hư không vốn chẳng có

Huống nữa là sự hiện hữu trong ba cõi.”¹¹⁴

視阿耨池水。如塗足油。

coi nước hồ A nâu như dầu xoa chân,

A nâu¹¹⁵, đời Tống gọi là vô nhiệt não, lấy lõi mạch núi đi mà đặt tên, là hồ nước sâu rộng. Lấy hồ nước A nâu sâu rộng để so sánh với giọt nước trong biển cả tuệ giác.

視方便門。如化寶聚。

xem các cách phương tiện như đồng ngọc ảo thuật,

Phương tiện hóa hiện tài sản giáo pháp để cứu giúp sự thiếu thốn.

視無上乘。如夢金帛。

coi cỗ xe vô thượng như vàng lụa trong mộng,

Mở mắt và dẫn đường những người chưa tỏ ngộ, khiến họ sinh tịnh tín và an lạc.

視佛道。如眼前華。

¹¹⁴ Kinh Lăng nghiêm, quyển 6, tr. 130a21.

¹¹⁵ A-nậu-đại 阿耨大, A-nậu-đạt 阿耨達 (Skt. Anavatapta): Hán dịch: Vô nhiệt hay Vô nhiệt não 無熱惱, tên một hồ lớn, theo truyền thuyết, là phát nguyên của 4 con sông lớn của Ấn-độ. Câu-xá 11, Đại 29, tr. 58a19: “Phía bắc Đại Tuyết sơn (Himalaya) có núi Hương tủy (香醉 Gandhamādana). Phía bắc núi Tuyết và phía nam núi Hương có hồ nước lớn tên là Vô nhiệt não (Anavatapta), từ đó xuất phát 4 con sông lớn: Căng-già (殑伽, Gaṅgā/Hằng hà), Tín độ (信度, Shindhu), Tỷ-đa (徙多, Sītā) và Phược-xô (縛耆, Vaksu).”

coi thánh đạo như hoa trước mắt,

Tùy theo căn cơ có cảm ứng mà chư thánh đến với họ, điều này vốn tự chẳng sinh.

視禪定。如須彌柱。

coi thiền định như trụ tu di,

Sóng tâm thức và gió cảnh giới không thể lay động hành giả đang thiền định.

視涅槃。如晝夕寤。

coi niết bàn như thức dậy,

Viên tịch mà vĩnh viễn chiếu soi, rời xa các mộng tưởng¹¹⁶.

視到正。如六龍舞。

coi cái trò phải trái như sáu con rồng cùng múa,

Sáu con rồng lên xuống, vốn không phải cái trò phải trái. Tùy theo cái thấy mà có nhận định sai lầm, sinh ra ý tưởng phải trái. Nếu không có cái thấy sai lầm, thì làm sao có cái trò phải trái?

視平等。如一真地。

coi sự bình đẳng như đất đồng nhất,

Chỗ lý thật tế không dính một hạt bụi.¹¹⁷

視興化。如四時木。

coi sự sinh diệt của tất cả các pháp như cái cây trải qua bốn mùa.

Phép tắc của tạo hóa là xưa nay biến đổi: sinh trụ dị diệt, xuân hạ thu đông. Bởi vì nghiệp duyên của chúng sinh mà có những tướng trạng tươi tốt, khô héo, sa sút, hưng thịnh. Nếu hiểu rõ lý duyên khởi và pháp môn giải thoát bất khả tư nghị¹¹⁸, thì biết đúng như thật: khởi chỉ là pháp

¹¹⁶ Tâm kinh U tán, No. 1710, có ghi: “Mộng tưởng, là chưa được trí giác chân chánh, hằng sống trong mộng, cho nên Phật nói là ‘đêm dài sinh tử’. Mộng do tưởng khởi, nên gọi là mộng tưởng. Bảy đảo ở trên (: 1. Tưởng đảo; 2. Kiến đảo; 3. Tâm đảo; 4. Vô thường cho là thường; 5. Khổ cho là lạc; 6. Bất tịnh cho là tịnh; 7. Vô ngã cho là ngã.) do vọng tưởng sinh ra. Ở trong mộng mà có tâm hành, nên gọi là mộng tưởng. Các đảo là nhân của sinh tử; mộng tưởng là quả của sinh tử; như sống trong mộng thường thấy thân mình và cảnh vật; vì vậy mộng tưởng là đứng trên mặt quả mà nói.”

¹¹⁷ Thật tế lý địa bất thọ nhất trần 實際理地不受一塵: Thiền Tông dùng câu này biểu thị cho thế giới bình đẳng nhất như, siêu việt tất cả cảnh giới sai biệt, không dính một mảy trần. Vậy, thật tế lý địa tức là cảnh giới cứu cánh chân thật.

¹¹⁸ Kinh Duy ma cát, phẩm Bất khả tư nghị: “Trường giả Duy ma thưa: Dạ, kính bạch tôn giả, chư Phật bồ tát có sự giải thoát tên là Bất khả tư nghị. Vị bồ tát ở trong sự giải thoát này thì đem núi Tu di cao lớn nạp vào trong hạt cải

khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Phải tin lời rằng: “Kiếp lửa thiêu rụi không gì sót, Núi xanh như cũ giữa mây trắng.”¹¹⁹

mà không thêm không bớt gì. Núi Tu di vẫn nguyên trạng, bốn Thiên vương cùng chư thiên Đạo lợi cũng không hay biết mình nập vào đó, chỉ có người đáng được hóa độ bằng sự này mới thấy Tu di nập vào hạt cải. Như thế gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghị. Lại đem bốn đại dương nập vào một lỗ chân lông, vậy mà không náo động các loài thủy sản, bốn đại dương cũng vẫn nguyên trạng, long chúng, quỷ thần cùng với a tu la, v.v..., cũng không hay biết mình được nập vào đó, và họ cũng không bị quấy rối gì.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

¹¹⁹ Kiếp hỏa đồng nhiên hào mạt tận, Thanh sơn y cựu bạch vân trung. 劫火洞燃毫末盡, 青山依舊白雲中. Hai câu này là ngữ lục của thiền sư Pháp Diễn (法演, 1024-1104), nằm trong Tục truyền đăng lục, No. 2077, quyển 14, tr. 562b15.

Lời bạt Kinh Bốn Mươi Hai Chương

Khi Phật giáo đến từ Tây Thiên, Kinh Bốn Mươi Hai Chương này là bản kinh đầu tiên được dịch ra chữ Hán, nó khai mở và dẫn dắt người chưa giác ngộ, nên rất là thiết yếu. Than ôi! Năm tháng đã qua rất xa, sự sao chép lưu truyền có lầm lẫn, thế nên bản kinh này tùy theo xứ sở có sự bất đồng, vì thế người ta tự tiện thêm những từ ngữ quê mùa, truyền đạt lẫn lộn giữa văn tự và nghĩa lý, cho nên kẻ sĩ đọc tụng và hành trì, có sự hoài nghi mà không thể xác quyết. Khoảng năm Chính Hòa¹²⁰, tôi từ Vũ Lâm¹²¹, có cơ hội đối chiếu Pháp Hoa, giáo chánh cổ bản, mà từ ngữ đơn thuần, văn nghĩa chất trực, Thánh ý hiển nhiên, có thể lưu truyền tụng tập. Đầu mùa Thu năm Tĩnh Khang¹²², ứng duyên đến đây, sau đó gặp chiến tranh, tượng thờ chỉ còn một pho, đặt gần với nền cũ, gắng sức gây dựng lại đạo tràng. Học trò đông đảo tham dự và thưa hỏi vào ngày rảnh, người mới học thường lấy kinh này mà thỉnh cầu tôi giảng dạy. Tôi tự xét tri kiến còn nông cạn, nhưng lại sợ rơi vào chỗ keo lận giáo pháp, cho nên thuận theo người sơ cơ mà giải thích khái lược, lời tuy thiếu điển chương, nhưng nghĩa có thể làm y cứ. Như có ai chưa đạt tới, thì hãy đến để hiểu vậy. Đạo nhân Sử Đức Hiền ở thảo am Mộng Trạch, thỉnh cầu chú giải để khắc bản in ấn, mong lưu thông rộng rãi.

Kiến Viêm¹²³, Kỷ Dậu (1129), Hạ an cư, ngày 21 tháng 5.

Tiết Thiên Trung¹²⁴, Vân Giao, lan-nhã Phụng Sơn, thừa tự Tổ, sa-môn Thủ Toại kính ghi.

此經佛教西來最初譯出，開導未悟，頗為要切。嗟夫！歲歷深遠，傳寫舛誤，故經本隨處不同，仍擅加鄙詞，致文理差互，看誦持之士，依疑莫決。政和間予自武林，得照法華，校正古本，辭純義直，聖意顯然，可傳誦習。靖康初秋，應緣來此，繼值兵火，像設一空

¹²⁰ Chính Hòa 政和: niên hiệu vua Tống Huy Tông (宋徽宗, 1082-1135): từ năm 1111 (Tân Mão) đến năm 1117 (Canh Thân). Vua Tống Huy Tông trị vì từ năm 1100 đến năm 1126, và trở thành Thái thượng hoàng từ năm 1126 đến khi Sự biến Tĩnh Khang xảy ra vào năm 1127: Cha con Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông bị quân Kim bắt về Thượng Kinh, bị Kim Thái Tông phế truất, giam lỏng, nhà Bắc Tống diệt vong.

¹²¹ Vũ Lâm 武林: tên xưa, chỉ cho Hàng Châu 杭州.

¹²² Tĩnh Khang 靖康: tức năm 1126 (Bính Ngọ), niên hiệu của Tống Khâm Tông (宋欽宗, 1110-1156), con vua Huy Tông, tại vị 1 năm.

¹²³ Kiến Viêm 建炎: niên hiệu vua Tống Cao Tông (宋高宗, 1107-1187), từ 1127-1130. Năm 1127, quân Kim bắt hai vua Huy Tông và Khâm Tông đưa về Bắc; Cao Tông lên ngôi ở Nam Kinh, tại vị 36 năm, là vị hoàng đế thứ 9 của triều đại nhà Tống, đồng thời là vị vua đầu tiên của thời Nam Tống.

¹²⁴ Mùng 5 tháng 5 âm lịch, là tết Đoan Ngọ – lễ hội truyền thống của dân gian Trung Quốc, còn được gọi là Đoan Dương 端陽, Bỏ tiết 蒲節, Thiên trung tiết 天中節, Đại trường tiết 大長節, Dục lan tiết 浴蘭節, Nữ nhi tiết 女兒節, Tiểu nhi tiết 小兒節.

，即之古基，勉力草創。雲徒叅叩之暇，新學每以斯經請益，予自顧淺陋。然恐墮法慳，因徇初機，畧為釋說，言雖闕典義亦可據。如有不逮，俟來哲焉。

夢澤草菴史德賢道人，求註刊印，庶廣流通。

建炎己酉夏安居五月二十一日。

天中節鄖郊鳳山蘭若嗣祖沙門守遂 題。

Tứ Thập Nhị Chương Tụng

Tăng Viên Diễn¹²⁵

Pháp luân sơ chuyển độ quần sinh
Lộc Uyển trước nghe hiểu Tứ đế
Lại có Tỳ kheo nghi thỉnh vấn
Lưu truyền kinh Tứ Thập Nhị Chương
Xuất gia học đạo gọi sa-môn
Quý ở thức tâm để đạt bản
Thường hành giới luật bốn chân đạo¹²⁶
Tiến chỉ thanh tịnh¹²⁷ thành La-hán
La-hán phi hành, biến hóa khác
Trụ thọ mạng kinh động trời đất
Ba cõi có bậc tiệt tiên tu
Như tay chân đứt, ái dục lìa
Sa-môn thức tâm đạt Phật lý
Đứt bỏ ái dục, thoát trần lao

¹²⁵ Tăng Viên Diễn 僧圓衍: vị Tăng thời nhà Minh, Tăng sĩ Viên Diễn, thầy Viên Diễn. Trong Kim Cương Âm Thích Trục Giải 金剛經音釋直解, Vạn Tục tạng, tập 25, No. 0483, triều đại Minh, do Tăng Viên Cảo 僧圓杲 giải chú, Tăng Viên Diễn giáo chánh, Vân Khánh am 雲慶庵 – Tăng Viên Lộc 僧圓祿, Tăng Viên Quý 僧圓貴 khắc bản ấn loát. Năm Khánh Đức 4 (1652), thiền sư Minh Hành Tại Tại cho in tác phẩm Tâm Châu Nhất Quán 心珠一貫 của Thích Viên Diễn (nhà Minh), trong đó cho in hai bài viết của mình là Thánh hiền tương nhược tự 聖賢相若序 và Thánh chủ hiền thần tụng 聖主賢臣頌, viết năm 1651. (Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, số hiệu A.2054) Nhà thơ Vương Bao 王褒 thời Tây Hán cũng có viết bài Thánh chủ đắc hiền thần tụng 聖主得賢臣頌.

¹²⁶ Tứ chân đạo hành 四真道行: (1) Tứ đế hành: 1. Quán hữu lậu đều khổ; 2. Quán phiền não nghiệp tập; 3. Quán trạch diệt chư khổ; 4. Quán diệt khổ tu đạo. (2) Tứ niệm xứ: 1. Quán thân bất tịnh; 2. Quán thọ là khổ; 3. Quán tâm vô thường; 4. Quán pháp vô ngã.

¹²⁷ Tiến chỉ thanh tịnh 進止清淨: Do giới sinh định. Giới có 2 mặt: chỉ ác và tác thiện. Ác đình chỉ, thiện thực hành, thì không có lầm lỗi, nên tâm được an lạc. Tâm an lạc thì được định tĩnh.

Không đắc, không cầu, không chấp trước
Trải ngôi vị không tự tôn cao
Sa-môn cạo tóc trọng tri túc
Ngày ăn một bữa, ngủ dưới cây
Ái dục che lấp người u mê
Từ nay chớ đuổi theo nhau nữa
Thân khẩu ý nghiệp, mười thiện ác
Nghiệp thiện khởi lên, ác chìm xuống
Quy tín Tam tôn, cầu chí đạo
Điều thiện phụng hành, ác chớ làm
Người có các lỗi chẳng tự hối
Tội về thân như nước về biển
Có tội sám thành từ thiện dừng
Tội diệt phước sinh, đạo chuyển tải
Người đến phá vỡ, mình thương giúp
Lo si mê, dè chừng nóng giận
Khí lực phước đức chính ở đây
Từ thiện không hại, ác tự hại
Ác hại hiền như nhỏ nước dãi
Nước không thấu trời rơi xuống mình
Ngược gió tung bụi, bụi dơ thân
Chẳng thể hại hiền, tự cầu phước
Hiền không thể hại, mình bị họa
Bác ái tình thương cứu giúp trước

Thủ chí phụng đạo, phước liên mien
Thấy người hành thí, trợ hoan hỷ
Đuốc lửa truyền nhau phước đương nhiên
Cung phàm, hiển Thánh nhiều ưu liệt
Cơm Phật phước ấy không thể lường
Thờ thần không bằng hiếu người thân
Phải biết cha mẹ là phước đức lớn
Người đời không thấu rõ Phật lý
Nghe Phật giảng hiếu, sinh cọt bàn
Đâu biết xuất thế báo ân khắp
Hiếu của thế gian không thể sánh
Khó hành, khó học và khó gặp
Chí thấp tình nghi, khó chuyển kiến
Mộ đạo kiên chuyên, khó thành dễ
Một mạch hướng trước thoát lao quan
Đạo chẳng biết suông, quý thực hành
Gương lau, bụi hết, tự nhiên sáng
Đoạn dục, thủ Không, khế đạo chân
Do đây biết được túc mạng linh
Hành đạo tối thiện, hợp đại đạo
Hành nhẫn nhục thì mạnh, tôn trọng
Trừ tâm cấu tịnh, diệt ác duyên
Chiếu khứ lai, chân động mười phương
Chúng sinh ba độc, trong tuôn trào

Năm cái ở ngoài tự che lấp
Sạch tâm dơ bản, tức mạng thông
Chư Phật quốc độ cùng đi đến
Cây đuốc xua tan ngôi nhà tối
Trí tuệ mở cái ngu tức tập
Học đạo, kiến đế từ phương tiện
Siêu phàm nhập Thánh đều do anh
Niệm đạo, hành đạo, nói cũng đạo
Đạo không rời dấu trong chốc lát
Miên miên mật mật thường như vậy
Nhập xuất hoạch bảo chỉ toàn hư
Đại địa sơn hà đều là huyễn
Thịnh suy muôn sự thuộc vô thường
Vô thường khám phá chân thường hiện
Chẳng chịu luân hồi giới nội tàng
Một ngày niệm đạo thêm gia hạnh
Tín căn được vào, phước chẳng khinh
Thiện pháp, tín căn thường trưởng dưỡng
Nhân trông tương lai, diệu giới thành
Trong thân bốn đại có tên riêng
Đất nước lửa gió ai làm ngã
Huyễn thâm tạm gọi vốn chẳng bền
Chân ngã vĩnh kiếp không trói buộc
Đời thích lưu danh được ngợi khen

Giống như cây hương vừa tự đốt
Hơi thơm nghe được hương đã tàn
Về sau hối hận tự chuốc lấy
Sắc tài hai sự chẳng chịu nghèo
Thí như mật ngọt trên lưỡi dao
Ham chút mật phòng họa đứt lưỡi
Thiếu đức, tri túc, tâm tự nhàn
Vợ con, nhà báu, ràng buộc nhau
Như ở trong ngục gông cùm suốt
Tạo nghiệp tự chịu rơi miệng cộp
Tại gia hành đạo sen trong lửa
Ái dục mê sắc tự trôi ma
Sinh tử luân hồi không biết kỳ
Chư thiên từ đó gặp luân đọa
Phải biết cảnh dâm rất hoang mê
Tham nộ dâm si độc đốt cháy
Cầm đuốc ngược gió họa cháy tay
Khéo tự tiêu tan, hộ đạo tâm
Phước đức khởi sinh, tai họa diệt
Sắc là đây da đây dơ bẩn
Người đời mê lầm sinh mê say
Cả bậc sáu thông không dao động
Sắc tướng với tâm vô sở trụ
Như cây trong dòng nước trôi chảy

Không mắc, bị chận, vào được biển
Tĩnh dục quên lừng, tà kiến tiêu
Tiền đạo tạm gọi Quán Tự Tại
Không theo ý thức đuổi cảnh lưu
Không gọi ham muốn, tâm không loạn¹²⁸
Sửa tâm, chánh hạnh, tự tu trì
Sơ học lìa sắc như tránh oán
Kẻ ngu trừ dục tự đoạn âm
Người trí trừ dục đoạn tâm mình
Khi tâm không sinh duyên tự dứt
Như tịnh minh châu, phạm hạnh sâu
Kẻ tục ái sắc, luyện vợ con
Nghe nói đoạn dục, khổ si sợ
Tại gia sinh dục vốn không lỗi
Thanh tịnh phạm hạnh chân xuất thế
Ái dục sinh lo, lo sinh sợ
Một lần sóng dợn, dợn muôn trùng¹²⁹
Không ái, không lo, sợ cũng hết
Sóng dừng, yên lặng tự lóng trong

¹²⁸ Chánh văn: 不見可欲心不亂. Bất kiến khả dục tâm bất loạn. Đạo đức kinh, Thiên thượng: 不見可欲, 使民心不亂。Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn. (Không phô bày cái gì gọi lòng ham muốn, để cho lòng dân không loạn.) Chữ kiến 見 thông với chữ hiện 現 (: xuất hiện, hiển lộ, phô bày, hiển thị, khoe khoang).

¹²⁹ Chánh văn: Chúng ba tài động chúng ba tùy 一波纔動衆波隨. Thiền sư Đức Thành (德誠禪師) đời Đường, người Tứ Xuyên, học trò của thiền sư Dược Sơn (藥山, 751-834) có bài thơ nổi tiếng Chờ Trăng Sáng Về (載月明歸, Tải Nguyệt Minh Quy): Bách xích can đầu trực hạ thủy, Nhất ba tài động vạn ba tùy, Dạ tĩnh thủy hàn ngư bất thực, Mãn thuyền không tải nguyệt minh quy. (千尺絲綸直下垂, 一波才動萬波隨; 夜靜水寒魚不食, 滿船空載月明歸. Nghìn thước dây tơ thả xuống dòng nước, Một lần sóng động kéo vạn lần sóng khác động theo, Đêm im, nước lạnh, cá chẳng cắn câu, Thuyền không trở về chở đầy cả một thuyền trăng.)

Làm đạo kiên tâm cùng tinh tiến
Ai đổi khi nghe lời cuồng tục
Dục diệt, ác tiêu, thành đạo quả
Giống như khi chiến thắng khai toàn
Học đạo cũng như trồng, sắt, cày
Giây căng mắt tiếng, dùi thanh chìm
Căng dùi vừa phải tiếng tuyệt nhĩ
Học tại điều hòa khéo dụng tâm
Học đạo là sạch dần tâm bản
Giống như rèn sắt thành đồ tốt
Cẩn thận tiến mau khiến thân mệt
Ý nào, hành thoái, thành tội lỗi
Ai nói cần hành khổ khó kham
Hãy nhớ đời người nhiều khổ đau
Nhiều hiểm nạn: sinh, già, bệnh, chết
Mong qua bờ kia khỏi nổi chìm
Đã được thân nam đủ sáu căn
Sống nơi trung tâm, gặp minh quân
Sinh nhà thiện nhân, nghe chánh pháp
Thâm tín Tam bảo, thấy Phật nhân
Phải biết thân mạng trong hơi thở
Trăm năm vô thường cũng mau chóng
Sinh tử việc lớn cầu xuất ly
Chớ đợi đời sau hối không kịp

Thân cách xa Phật, tâm niệm giáo
Người ấy cầu đạo trọn đặc lực
Thân tuy gần Phật, ý nơi đâu
Giáo bất tuân hành, ích lợi gì?
Kiinh giáo mở ra, nghĩa vị nhuần
Cũng như ăn mật, ngọt bên trong
Hành trì dần vào chân giai cảnh¹³⁰
Pháp hỷ, thiền duyệt cả hai không
Làm đạo từ căn, ái dục trừ
Như lựa treo châu, dần đến không
Trâu đi bùn sâu phòng lún mất
Niệm chuyên rời khổ thoát đường mê
Vương hầu lỗ hồng, vàng ngói đá
Coi đồ tư lựa như giẻ rách
Thế giới đại thiên như hạt cải
Nước hồ A nâu như dầu xoa
Phương tiện, chân thừa, cầu Phật lộ
Thiền Tu di trụ, Niết bàn dậy
Trái phải rỗng múa, sinh diệt chuyển
Đồng nhất bình đẳng vốn chẳng phép.

¹³⁰ Giai cảnh 佳境: Cố Khải Chi (顧愷之, 348-405), một họa sĩ thời Đông Tấn, mỗi khi ăn mía thì ăn từ ngọn tới gốc, và nói rằng ‘tiệm chí giai cảnh’ 漸至佳境 (dần dần vào cảnh thú). Vì thế nên sự gì bởi khổ mà đến sướng gọi là giá cảnh 蔗境, cũng có nghĩa như ‘giai cảnh’.

四十二章經頌

僧圓衍

法輪初轉渡群生
鹿苑先聞四諦明
復有比丘疑請問
流傳四十二章經
出家學道名沙門
貴在識心而達本
常行諸戒四真道
進止清淨成羅漢
羅漢飛行變化異
住壽命驚動天地
次有三界漸進修
如四支斷愛欲離
沙門識心達佛理
斷欲去愛出塵勞
無得無求皆不著
不歷諸位自崇高
沙門削髮貴知足
日中一食樹一宿
愛欲陷人愚蔽深
自今勿復相隨逐
身口意業十善惡
業善升起惡淪落
歸信三尊求至道
諸善奉行惡莫作
人有眾過不自悔
罪歸身如水歸海
有惡懺成從善勇
罪滅福生道所載
人來相裂我慈護
當憫癡慎勿嗔怒
福德之氣常在斯
慈善無傷惡自蠹
惡害賢如仰天唾
唾不污天還自墮
逆風全人塵返身
賢非可侵自求禍
博愛廣憐施濟先

守志奉道福綿綿
見人行施助歡喜
炬火相傳福亦然
供凡供聖多優劣
飯佛其福不可量
事神不若事親孝
須知父母福田強
俗人不達佛深理
聞佛稱孝生譏議
豈知出世報恩弘
世間之孝未為比
難行難學并難遇
志劣情疑轉見難
慕道堅專難亦易
直前邁往出牢關
道不徒知貴在行
鏡磨垢去自然明
斷欲守空道真契
以此能知宿命靈
行道最善合道大
忍辱之行最尊強
心垢淨除惡緣滅
照去來振動十方
衆生三毒內湧沸
五蓋於外自覆蔽
惡心垢盡宿命通
諸佛國土同親詣
一炬能除冥室暗
一智能開宿習愚
學道見諦從方便
超凡入聖盡由渠
念道行道言亦道
道不離於須臾間
綿綿密密常如是
入出獲寶之虛還
大地山河皆是幻
盛衰種種屬無常
無常勘破真常現
不囿輪迴界內藏
一日念道更加行
信根得入福非輕

善法信根能長養
因種當來妙界成
身中四大徒有名
地水火風誰為我
幻身暫寄本非堅
真我永劫無拘鎖
博得流俗譽名標
卻似諸香祇自燒
衆雖聞香香體滅
後時之悔自相招
色財二事不堪貧
譬如蜜在刃鋒間
恣食甜時防截舌
少欲知足心自閑
妻子寶宅相牽纏
如處牢中桎梏連
造業自甘投虎口
在家行道火中蓮
愛欲耽色自羈縻
生死輪迴不了期
諸天從此遭淪墮
須知淫境大荒迷
貪怒姪癡毒熾熱
執炬逆風燒手烈
善自消融護道心
福德來方灾焰滅
色乃皮囊盛衆穢
世人被惑生迷醉
六通之人不動搖
色相於心無所住
如木在水順流行
不觸不阻自入海
情欲渾忘邪見消
進道漸名觀自在
不隨意識逐境流
不見可欲心不亂
勅心正行自修持
初學遠色如避怨
愚者除欲自斷陰
智人除欲斷其心
心不生時緣自息

若淨明珠梵行深
俗人愛色戀妻子
聞說斷欲苦癡畏
在家生育固無愆
清淨梵行真出世
愛欲生憂憂生畏
一波纔動衆波隨
無愛無憂畏亦泯
浪息清平自湛如
為道堅心精進宜
誰聽狂言俗語移
欲滅惡消成道果
猶如戰勝凱旋時
學道亦如鼓瑟琴
急絃將絕緩聲沉
不寬不急聲詣雅
學在調和善適心
學道以漸淨心垢
猶如鍛鐵成良器
慎勿暴進使身疲
意惱行退成罪戾
誰言勤行苦難任
可念人生衆苦侵
生老病死茫茫險
求超彼岸免漂沉
既得男身具六根
處於中土值明君
生善人家聞正法
深信三寶見佛因
要知人命在呼吸
百歲無常亦迅急
生死事大求出離
莫待來生悔不及
身遠於佛心念教
此人求道終得力
身雖近佛意在那
教不遵行竟何益
經教披來義味沾
猶如食蜜中邊甜
行持漸入真佳境
法喜禪悅兩相無

為道從根愛欲除
如摘縣珠漸盡無
牛履淤泥防失陷
念專離苦出迷途
王侯隙塵金瓦礫
紈素之服如弊帛
大千沙界一訶子
阿耨池水比油滴
方便真乘求佛路
禪須彌柱涅槃寤
倒正龍舞興化轉
一真平等元非度

Khánh Đức năm thứ 4¹³¹, năm Nhâm Thìn (1652), tháng 11, ngày lành.

Mộ duyên tỳ kheo ni Diệu Tuệ, hiệu Thiện Thiện¹³² trùng khắc bản gỗ.

慶德四年歲在壬辰至月且日

募緣比丘尼妙慧善善重梓

¹³¹ Khánh Đức 慶德; niên hiệu đầu tiên của vua Lê Thần Tông (黎神宗, 1607 - 1662), 5 năm (1649-1653). Khánh Đức năm thứ 4 là 1652.

¹³² Tỳ kheo ni Diệu Tuệ Thiện Thiện, tức công chúa Lê Thị Ngọc Duyên 黎氏玉嬋, ái nữ của Thần Tông đế và hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, người có công trùng ấn các kinh như: Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh trực thuyết (Thịnh Đức thứ 2, tháng 11 năm 1654), Tam kinh nhật tụng (Phật tổ tam kinh), tuyển tập: chú Lăng nghiêm, chú Đại bi, Thập chú, Bát-nhã Tâm kinh và kinh Kim Cương. Đây là những kinh sách do thiền sư Minh Hành thỉnh từ Trung Hoa về chùa Bút Tháp. Tỳ kheo ni Diệu Tuệ có công trùng tu chùa Bút Tháp, Bắc Ninh.

No.665-A

Sắc chỉ thi hành kinh Di Giáo của Đường Thái Tông Văn Vũ Thánh hoàng đế

Sắc chỉ: Pháp ấy, là sau khi đức Như Lai diệt độ, vào thời kỳ mạt pháp, con người coi thường giáo pháp, nên phó chúc cho hàng quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Dù vậy, hàng tăng ni xuất gia phải đầy đủ giới hạnh. Nếu lại buông tình dâm dật, xúc chạm phiền não, dính líu nhân gian, hành động trái với kinh luật, thì đánh mất yếu chỉ huyền diệu của Như Lai, lại cô phụ ý nghĩa hàng quốc vương nhận lời phó chúc.

Kinh Di giáo này do Phật thuyết giảng lúc sắp nhập Niết-bàn để nhắc nhở hàng đệ tử, lời lẽ rất rõ ràng, thiết yếu. Thế mà người xuất gia và tại gia ở đời mạt tục đều chẳng tôn trọng, vâng làm. Vì vậy, đại đạo sắp ẩn mất, diệu ngôn hắt hủi đứt tuyệt.

Trẫm hằng hoài tưởng Thánh giáo, thường tư niệm hoàng dương, nên lệnh cho sở ty, sai mười người viết chữ đẹp, chép kinh ra nhiều bản, nhằm thực hành theo kinh. Những thứ cần dùng như giấy, bút, mực, thì quan hữu tư phải chu cấp.

Hết thầy quan viên từ ngũ phẩm trở lên, cùng thứ sử các châu, mỗi người được trao cho một quyển kinh. Nếu thấy hành nghiệp của tăng ni nào mà không phù hợp với kinh này, thì nên lấy cả phép công lẫn tình riêng mà khuyên nhủ, mong mỗi tuân theo mà thực hành.

(Xuất từ Văn Quán Từ Lâm, quyển 693)

No. 665-A

唐太宗文武聖皇帝施行遺教經勅

勅旨法者。如來滅後。以末代澆浮。付囑國王大臣。護持佛法。然僧尼出家。戒行須備。若縱情淫佚。觸塗煩惱。關涉人間。動違經律。既失如來玄妙之旨。又虧國王受付之義。遺教經。是佛臨涅槃所說。誡勒弟子。甚為詳要。末俗縉素。並不崇奉。大道將隱。微言且絕。永懷聖教。用思弘闡。宜令所司。差書手十人。多寫經本。務盡施行。所須紙筆墨等。有司準給。其官宦五品已上。及諸州刺史。各付一卷。若見僧尼行業。與經文不同。宜公私勸勉。必使遵行。(出文館辭林第六百九十三卷)

Khánh Đức năm thứ 4, năm Nhâm Thìn (1652), tháng 11, ngày lành.
Mộ duyên tỳ kheo ni Thiện Thiện trùng khắc bản gỗ.

慶德四年歲次壬辰至月穀日
募緣比丘尼善善重梓

佛遺教經

Kinh Phật Di Giáo

一名佛垂般涅槃略說教誡經

Kinh Giáo Huấn Văn Tắt Của Phật Lúc Sắp Niết Bàn

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Thời đại Dao Tần, Tam tạng pháp sư Cưu ma la thập dịch.

釋迦牟尼佛，初轉法輪，度阿若憍陳如；最後說法，度須跋陀羅。所應度者，皆已度訖。於娑羅雙樹間，將入涅槃。是時中夜，寂然無聲，為諸弟子略說法要。

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chuyển đảy bánh xe chánh pháp lần đầu tiên hóa độ tôn giả Kiều Trần Như, thuyết pháp lần cuối cùng hóa độ tôn giả Tu Bạt Đà La. Những người có thể hóa độ, Ngài đã hóa độ tất cả. Hôm nay, trong rừng Sa la, giữa cây song thọ, Ngài sắp niết bàn. Bây giờ là lúc giữa đêm, hoàn toàn yên lặng, không một tiếng động, Ngài đã vì các đệ tử mà nói tóm tắt những điều cốt yếu của chánh pháp.

Bằng tất cả bi nguyện, chư Phật cảm thông và giáo hóa hết thảy căn cơ. Đức Phật xuất hiện thế gian là để giáo hóa chúng sinh, nhưng người không có duyên thì không cảm thông được với Ngài. Sự kiện diệt độ hay không diệt độ đều là phương tiện. Thị hiện diệt độ là một phép tắc giáo hóa, cho nên đức Phật nào cũng biểu thị như vậy. Dẫn dò phó chúc là tỏ rõ lòng bi nguyện không cùng. Ngày xưa, đức Như lai trải qua 49 năm giáo hóa, hơn 300 hội thuyết kinh, đầu từ vườn Lộc dã, cuối đến sông Bạt đề¹³³. Vậy là một đại sự nhân duyên¹³⁴ đã hoàn tất, ở trong rừng Sa la, đức Phật vì các đệ tử mà nói tóm tắt những điều cốt yếu của chánh pháp, cũng để làm giềng mối phép tắc cho con người đời sau.

(1) Giới Căn Bản Thanh Tịnh

汝等比丘，於我滅後，當尊重珍敬波羅提木叉，

¹³³ Bạt đề hà 跋提河: cũng gọi là Thi lại noa phạt đề (尸賴拏伐底, Skt. Hiranyavati), tên con sông ở Kushinagar, nằm trong lãnh thổ Nepal, bây giờ là sông Gandaki, gần rừng cây Sa la, nơi đức Phật Thích Ca nhập Niết bàn.

¹³⁴ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện: “Sự thể là chư Phật Như lai chỉ vì lý do duy nhất và trọng đại mà xuất hiện thế gian. Xá Lợi Phất, lý do duy nhất và trọng đại mà chư Phật Như lai xuất hiện thế gian là gì? Là chư Phật Như lai muốn làm cho chúng sinh khai mở sự thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian, muốn chỉ thị cho chúng sinh sự thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian, muốn làm cho chúng sinh tỉnh ngộ sự thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian, muốn làm cho chúng sinh nhập vào con đường thấy biết của Phật nên xuất hiện thế gian. Xá Lợi Phất, như thế đó là lý do duy nhất và trọng đại mà chư Phật Như lai xuất hiện thế gian.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

Các thầy Tỷ kheo, sau khi Như lai diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới,

Ba-la-đề-mộc-xoa, đời Tống gọi là Biệt giải thoát, tức là giới cụ túc.

如闇遇明，貧人得寶。當知此則是汝等大師，若我住世，無異此也。

như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Như lai ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy.

Tôn trọng tịnh giới như tôn trọng Phật, thì Phật hiện hữu thường hằng.

(2) Giới Phương Tiện Thanh Tịnh

持淨戒者，不得販賣貿易，安置田宅，畜養人民、奴婢、畜生；一切種植及諸財寶，皆當遠離，如避火坑；

Giữ tịnh giới thì các thầy không được buôn, bán, đổi chác, sắm sửa đất nhà, nuôi người, tôi tớ và súc vật, lo việc gieo trồng, kinh doanh tài bảo. Tất cả việc này, hãy tránh như tránh hố lửa.

Người thế gian thì mưu cầu sự nghiệp, lợi lộc, tăng lương. Người xuất gia thì tâm chí hướng đến vô vi, và giữ tịnh giới thì biết cái gì nên đoạn tuyệt, cái gì nên biểu hiện.

不得斬伐草木，墾土掘地。合和湯藥，占相吉凶，仰觀星宿，推步盈虛，歷數算計，皆所不應。節身時食，清淨自活，

Kể cả việc chặt phá cỏ cây và đào cuốc đất đai. Những việc chế thuốc thang, coi bói tướng, coi thiên văn, đoán thời tiết, tính lịch số, đều không thích hợp với các thầy. Các thầy hãy tiết chế cơ thể, ăn đúng thì giờ, sống bằng cách sống trong sạch,

Chuyện vị tỷ kheo bị buộc bằng cỏ¹³⁵, hay chuyện vị tỷ kheo và con ngỗng nuốt hạt châu¹³⁶, thà bỏ thân mạng vì giữ tịnh giới. Người xưa đã như thế, người nay sao không vậy? Thuật số biết lành dữ, lối sống quen cong vạy, đều chẳng phải cách sống trong sạch.

¹³⁵ Thảo hệ 草繫: Trói bằng cỏ. Vào thời Phật, có vị tỷ kheo bị bọn cướp chặn đường giựt lấy áo và bát, rồi dùng thân cỏ tươi quấn vào tay chân. Thầy bị trói như vậy, chẳng dám cử động vì sợ làm tróc gốc rễ mà chết cỏ, thành ra phạm giới. Sau có người đi đường trông thấy, gỡ ra cho thầy. Do chuyện này nên người ta gọi thầy là tỷ kheo thảo hệ (vị tỷ kheo bị trói bằng cỏ). Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ ni đà na mục đắc ca 根本說一切有部尼陀那目得迦, No. 1452, quyển 6, tr. 437c19-438a14: “Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có các bí-sô nước Bạt-ta du hành trong nhân gian, bị giặc bắt, và chúng muốn giết hết để trừ hậu họa. Trong bọn giặc có một tên trước đây sống gần chùa nên biết pháp của bí-sô, liền nói: ‘Cần gì giết họ, chỉ cần lấy cỏ tranh trói họ lại, họ cũng bị đói khát mà chết.’ Bọn giặc liền lấy cỏ tranh trói các bí-sô lại, rồi bỏ đi. Lúc đó, vua nước Bạt-ta tên là Ô-đà-diên đi săn bắn ngang qua chỗ các bí-sô bị trói, liền hỏi tùy tùng: ‘Đó là nai gấu phải không?’ Họ thúc ngựa đến xem rồi trở về tâu vua. Vua hỏi: ‘Họ là ai?’ Đáp: ‘Thưa là sa-môn Thích tử.’ Vua lại hỏi: ‘Vì sao họ ở đây?’ Đáp: ‘Họ bị giặc bắt trói.’ Vua lại hỏi: ‘Vì sao họ không bứt dây ra?’ Đáp: ‘Phật chế học xứ không cho họ hủy hoại cây

不得參預世事、通致使命，咒術仙藥，結好貴人，親厚嬖慢，皆不應作。

không được tham dự thế sự, lãnh sứ mạng liên lạc. Chú thuật, thuốc tiên, giao hảo quyền quý, và thân thiết với họ, rồi hèn hạ, ngạo mạn, tất cả đều không được làm.

“Tham dự thế sự, lãnh sứ mạng liên lạc, chú thuật, thuốc tiên”, là đi ngược con đường niết bàn.

“Giao hảo quyền quý, và thân thiết với họ, rồi hèn hạ, ngạo mạn”, là xuôi theo dòng nước sinh tử.

當自端心，正念求度；

Phải tự đoạn tâm, chánh niệm cầu độ.

Đoan tâm và chánh niệm, thì bờ bên kia chẳng còn xa.

不得包藏瑕疵，顯異惑眾；

Không được che giấu lỗi, tỏ ra kỳ dị để mê hoặc quần chúng.

Ở trong không che giấu lỗi nhỏ, phải phát lộ để làm mới tự thân. Ở ngoài không quảng bá bản thân bằng những gì không chân thật.

於四供養，知量知足，

Đối với bốn sự hiến cúng thì phải biết tự lượng và biết vừa đủ.

Đồ mặc và đồ nằm, ngoài thân thể không dư; đồ ăn và thuốc thang, biết vừa đủ xin dùng.

趣得供事，不應畜積。

Hễ được hiến cúng thì không nên tích trữ.

Hiến cúng dư thừa, không tích trữ; quán trọ chữa trị, không dây dưa.

cỏ tươi.’ Vua nghe rồi liền xuống ngựa, tự tay cởi dây trói, dâng cúng ba y cho các bí-sô, rồi đi.” Kinh Hiền ngu, quyển 4, và luận Trang nghiêm, quyển 3, cũng dẫn chuyện này. Kinh Phạm võng bỏ tất giới: “Phật tử thì phải nghiêm trì giới pháp, bằng cách trong mọi cử động đi đứng nằm ngồi và ngày đêm sáu buổi đều phải đọc tụng giới pháp ấy, và giữ với lòng bền chắc như ngọc kim cương, giữ như giữ chiếc phao nổi khi bơi qua biển cả, giữ với quyết chí của vị tỳ kheo bị buộc bằng cỏ.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

¹³⁶ Nga châu 鵝珠: Con ngỗng nuốt hạt châu. Cứ theo Đại trang nghiêm kinh luận quyển 11: Xưa kia, có 1 vị tỳ kheo khát thực đến trước nhà người thợ khâu ngọc, lúc đó người thợ đang khâu ngọc ma ni cho nhà vua, thấy vị tỳ kheo đến, người thợ liền để viên ngọc xuống và vào nhà lấy thức ăn cúng dường. Khi ấy, có 1 con ngỗng đến nuốt mất viên ngọc, lúc người thợ trở ra không thấy viên ngọc liền ngờ và tra hỏi vị tỳ kheo; vị tỳ kheo tự nghĩ: Nếu mình nói thật thì con ngỗng sẽ bị giết, như vậy mình đã phạm giới sát sinh, còn nếu nói không đúng thì phạm giới vọng ngữ, thôi, im lặng là hơn. Thấy vị tỳ kheo không nói, người thợ càng thêm nghi ngờ, liền trói vị tỳ kheo lại và dùng gậy đánh đập đến nổi tai, mắt, miệng, mũi đều ra máu. Con ngỗng lúc này thấy máu liền đến ăn, bị người thợ ngọc tức giận đánh chết. Vị tỳ kheo trông thấy thương xót buồn rầu và nói kệ rằng: ‘Xưa có vị Bồ tát, Bồ mình cứu bỏ câu, Nay tôi cũng làm theo, Xả thân để cứu ngỗng, Vì có lòng thương xót, Muốn bảo toàn mạng ngỗng, Giờ ông đã giết ngỗng, Tâm nguyện tôi chẳng thành.’ (Đại 4, 320 hạ). Bấy giờ, người thợ ngọc mở bụng ngỗng, thấy viên ngọc trong đó, liền òa lên khóc và nói: ‘Ngài muốn cứu mạng sống của ngỗng mà không tiếc thân mình, khiến tôi làm việc bất nhân này!’ [X. Kinh luật dị tướng, Q.14]

(3) Công Đức Của Giới

此則略說持戒之相。戒是正順解脫之本，故名波羅提木叉。

Đó là Như Lai nói tóm tắt về sự giữ giới. Giới thì chính thuận với căn bản của sự giải thoát, nên Như Lai mệnh danh Ba la đề mộc xoa.

Tóm tắt về giới tướng: trì giới thì chính thuận với giải thoát, phạm giới thì chính thuận với phiền não. Khai, giá, trì, phạm, là những việc trọng yếu phải tuân hành, được đức Phật dạy bảo và chép trong các bộ luật.

因依此戒，得生諸禪定，及滅苦智慧。是故比丘，當持淨戒，勿令毀缺。若能持淨戒，是則能有善法；若無淨戒，諸善功德皆不得生。是以當知，戒為第一安隱功德住處。

Nhờ giới mà phát sinh thiền định, và trí tuệ có năng lực hủy diệt thống khổ. Thế nên, các thầy Tỷ kheo, hãy giữ tịnh giới, đừng cho vi phạm, thiếu sót. Ai giữ tịnh giới thì người đó có thiện pháp. Không có tịnh giới thì mọi thứ công đức không thể phát sinh. Do đó mà biết tịnh giới là chỗ yên ổn nhất, làm nơi trú ẩn cho mọi thứ công đức.

“Nhân giới sinh định, nhân định phát tuệ.” Giáo pháp được thuyết trong một đời của đức Phật, chỉ là ba pháp: giới, định, tuệ, không gì hoàn chỉnh hơn. Từ vô thủy, chúng sinh luôn bị vô minh, nghiệp hoặc, trọng chương che lấp, nếu lấy ba pháp này mà tu hành một cách trọn vẹn và đầy đủ, thì vô minh, nghiệp hoặc, trọng chương đều tiêu diệt trong một niệm; tất cả thiện pháp, công đức do ba pháp này mà được kiên lập trong một niệm.

(4) Đối Trị Cái Khổ Vì Căn Dục Phóng Túng

汝等比丘，已能住戒，當制五根，勿令放逸，入於五欲。譬如牧牛之人，執杖視之，不令縱逸，犯人苗稼。若縱五根，非唯五欲將無涯畔，不可制也；

Các thầy Tỷ kheo, đã ở trong tịnh giới thì phải chế ngự năm thứ giác quan, không cho phóng túng vào trong năm thứ dục lạc. Như kẻ chăn trâu, cầm gậy mà coi giữ, không cho phóng túng, phạm vào lúa má của người. Phóng túng năm thứ giác quan, thì không những chỉ có năm thứ dục lạc, mà có thể sẽ không còn giới hạn nào nữa, không thể cấm chế.

Ở đoạn trên, nhân hữu sự mà Phật chế lập tịnh giới để phòng ngừa lỗi lầm, đình chỉ điều ác¹³⁷. Ở đoạn này, Phật nói rõ sự dè chừng năm thứ giác quan, thường phải trông nom và dẫn dắt chúng.

¹³⁷ Phòng phi chỉ ác 防非止惡.

Như chuyện Mã Tổ hỏi Thạch Củng¹³⁸ khi đang làm việc ở nhà trù: - Ông đang làm gì đó? Củng thưa: - Dạ con đang chăn trâu. Tổ hỏi: - Ông chăn thế nào? Củng thưa: - Dây thừng xỏ mũi luôn trong tay, mỗi khi trâu đi lạc vào đám cỏ, con xỏ mũi nó lôi kéo lại. Tổ khen: - Ông thật biết chăn trâu.

亦如惡馬，不以轡制，將當牽人墜於阬塹。

Như con ngựa hung hãn mà không được chế ngự bằng giây cương, thì sẽ mang người lao xuống hầm hố.

Tâm ý như con ngựa hung hãn khó điều phục, phải lấy giây cương tịnh giới để chế ngự.

如被劫賊，苦止一世；五根賊禍，殃及累世。為害甚重，不可不慎！

Giặc cướp làm hại, khổ chỉ một đời, còn giặc giác quan họa đến nhiều kiếp: tai hại rất nặng, các thầy không thể không cẩn thận.

Khổ chỉ một đời là mất đi nhân mạng và tài sản thế gian. Nghèo khổ nhiều kiếp là từ bỏ tuệ mạng và tài sản giáo pháp. Khinh thường và trân trọng như trời và đất [sai biệt rất lớn],¹³⁹ không cẩn thận được sao?

是故智者制而不隨，持之如賊，不令縱逸；

Thế nên người có trí thì chế ngự mà không theo, giữ như giữ giặc, không cho phóng túng.

Giữ tâm, chánh quán, căn và cảnh vốn Không, người và mình đều Như, phan duyên làm sao khỏi?

假令縱之，皆亦不久見其磨滅。

Giả sử phóng túng năm thứ giác quan thì cũng không bao lâu ta sẽ thấy chúng tàn diệt tất cả.

Vọng tình không thật, chốc lát biến đổi, tàn diệt.

此五根者，心為其主，是故汝等當好制心。

Các thầy Tỷ kheo, năm thứ giác quan do tâm chủ động, vì vậy mà các thầy lại phải thận trọng chế ngự tâm mình.

¹³⁸ Thiền sư Thạch Củng Tuệ Tạng 石鞏慧藏.

¹³⁹ Khinh trọng tiêu nhường 輕重霄壤.

Năm thứ giác quan là hư vọng, do ý thức chủ động. Muốn chế ngự sự hư vọng của năm thứ giác quan và sự chủ động của ý thức, thì phải tu tập cả chỉ và quán.

心之可畏，甚於毒蛇、惡獸、怨賊、大火越逸，未足喻也。

Tâm còn đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, giặc thù, lửa dữ bùng cháy lan tràn cũng chưa đủ để ví dụ cho tâm.

Rắn độc, thú dữ ở thế gian cũng chưa đủ để ví dụ cho tâm, bởi vì tâm ấy có thể làm tổn hại pháp thân, tuệ mạng.

譬如有人，手執蜜器，動轉輕躁，但觀於蜜，不見深院。

Như một kẻ tay bưng bát mật mà chuyển động chạy nhảy, chỉ thấy bát mật chứ không thấy hố sâu,

Vọng tâm tức vọng cảnh, say đắm chấp trước càng vững chắc. Hố sâu là địa ngục, chuyển động chạy nhảy mà không biết.

譬如狂象無鉤，猿猴得樹，騰躍踔躑，難可禁制。當急挫之，無令放逸。

như thế không khác gì voi điên mà không có móc sắt, vượn khỉ mà được cây rừng, thì sẽ hung hăng nhảy vọt, khó mà ngăn cản; các thầy phải cấp tốc tóa chiết, đừng cho phóng túng.

Tâm như voi điên, vượn khỉ, cần phải có móc sắt, dây xích của tịnh giới.

縱此心者，喪人善事；制之一處，無事不辦。

Phóng túng tâm ra thì làm tan nát việc thiện của người. Chế ngự tâm lại một chỗ thì không việc gì không thành.

Một niệm không phát sinh, thì các duyên liền cắt đứt.

是故比丘，當勤精進，折伏汝心。

Thế nên, các thầy Tỷ kheo, hãy nỗ lực tinh tiến mà chiết phục tâm mình.

Biết tâm vốn Không, nỗ lực mà chiết phục. Hiểu cảnh thường tịch, tinh tiến không mệt mỏi.

(5) *Đối Trị Cái Khổ Vì Ăn Nhiều*

汝等比丘，受諸飲食，當如服藥，於好於惡，勿生增減。趣得支身，以除饑渴。

Các thầy Tỷ kheo, thọ dụng đồ ăn thức uống, hãy coi như việc uống thuốc, ngon không ham, dở không bỏ, vừa đủ duy trì cơ thể cho khỏi đói khát.

Ăn cơm để no bụng, như uống thuốc để trị bệnh. Không nên với đồ ăn vị ngon thì nổi tham, với đồ ăn vị dở thì nổi sân. Việc thọ dụng đồ ăn thức uống chỉ giúp duy trì cơ thể để hành đạo mà thôi, sao lại sinh tâm ngon ham, dở bỏ?

如蜂採華，但取其味，不損色香；比丘亦爾，受人供養，趣自除惱，無得多求，壞其善心。

Như ong lấy hoa, chỉ lấy mùi vị mà không tổn thương hương sắc, người xuất gia cũng vậy. Thọ dụng cúng phẩm của người vừa khỏi đói khát thì thôi, không được ham cầu cho nhiều, phá vỡ thiện niệm của họ.

Ham cầu cho nhiều thì khiến người buồn bực. Buồn bực làm tổn thương tâm lý của người, khiến họ chán ngán, bỏ đạo.

譬如智者，籌量牛力所堪多少，不令過分，以竭其力。

Hãy bắt chước kẻ khôn ngoan, biết lượng sức lực con trâu của mình chịu đựng nhiều ít, không dùng quá sức đến nổi kiệt lực.

Nghĩ kỹ đức hạnh của mình [đủ hay thiếu] để biết ước lượng [sự thọ dụng cúng phẩm]. Đề phòng tâm lý, tránh những tội lỗi [mà tham sân si làm chủ yếu] để không cạn kiệt [công đức].

(6) *Đối Trị Cái Khổ Vì Nhác Và Ngủ*

汝等比丘，晝則勤心修習善法，無令失時；初夜後夜，亦勿有廢。中夜誦經，以自消息，無以睡眠因緣，令一生空過，無所得也。當念無常之火，燒諸世間，早求自度，勿睡眠也。諸煩惱賊常伺殺人，甚於怨家，安可睡眠，不自警寤？煩惱毒蛇睡在汝心，譬如黑蛇在汝室睡，當以持戒之鉤早摒除之。睡蛇既出，乃可安眠；不出而眠，是無慚人也！

Các thầy Tỷ kheo, ban ngày thì nỗ lực thực tập thiện pháp, không để thì giờ lướt mắt, đầu đêm cuối đêm cũng đừng phể bỏ, giữa đêm lại phải tụng niệm để tự tiêu trừ điều ác, sinh trưởng điều thiện. Đừng vì lý do ngủ nghỉ mà để đời mình trôi đi, không được một chút ích lợi. Hãy nhớ ngọn lửa vô thường đốt cháy thế gian, để sớm cầu tự độ, đừng ham ngủ nghỉ. Giặc phiền não thường rình giết ta, dữ hơn kẻ thù, tại sao ta có thể ngủ nghỉ mà không tự cảnh giác? Phiền não ngủ trong tâm, cũng như rắn hổ mang màu đen nằm ngủ trong nhà, các thầy phải dùng móc sắt giữ giới mà cấp tốc móc kéo nó ra. Rắn ngủ ra rồi mới nên yên tâm ngủ nghỉ. Không ra mà ngủ thì thật là kẻ không biết hổ thẹn.

Che lấp chân tính, tăng trưởng vô minh, là do tội lỗi và tai họa của sự ham ngủ nghỉ. Người ham ngủ nghỉ là người không biết hổ thẹn. Xưa kia, tôn giả A-na-luật, anh em họ với đức Phật, con

vua Bạch Phạn, sau khi xuất gia, rất ưa thích ngủ nghỉ, [và ngủ bất kỳ lúc nào đức Phật giảng pháp.] Đức Phật trách mắng tôn giả về thói quen này, rằng: “Chao ôi, có sao ngủ? Như loài ốc, trai, sò, Một giấc cả ngàn năm, Không nghe danh hiệu Phật.” Sau khi bị Phật quở trách, tôn giả rớt nước mắt mà tự trách. Trong nỗ lực của nhiệt tâm, tôn giả A-na-luật không ngủ suốt bảy ngày đêm, cuối cùng ngài bị mù cả hai mắt. Đức Phật thấy vậy, thương xót, mới truyền dạy cho tôn giả pháp tu Nhạo kiến chiếu minh kim cương tam muội. Nhờ tu pháp này, tôn giả chứng được thiên nhãn thông. Do vậy mà biết, đức Phật nghiêm khắc giới luật, khúc chiết trùng tuyên, thương xót nói mãi, răn dạy tỷ kheo chớ có sao lãng.

慚恥之服，於諸莊嚴，最為第一。慚如鐵鉤，能制人非法，是故常當慚恥，無得暫替。若離慚恥，則失諸功德。有愧之人，則有善法；若無愧者，與諸禽獸無相異也。

Sự hổ thẹn là phục sức đẹp nhất trong mọi thứ phục sức. Như cái móc sắt, sự hổ thẹn có năng lực chế ngự mọi thứ phi pháp của con người. Thế nên, các thầy Tỷ kheo, hãy luôn luôn biết hổ thẹn, sỉ nhục, đừng bao giờ, dầu chỉ tạm thời mà thôi, được phép quên mất đức tính ấy. Mất hổ thẹn là mất công đức. Có hổ thẹn là có thiện pháp, không hổ thẹn thì không khác gì cảm thú.

Ở trong sáu đường mà có thể sửa sang tâm tính, thú hướng bồ đề, chỉ có con người là làm được. Người mà không biết sửa sang, không biết thú hướng, là người không biết hổ thẹn. Đầy đủ đức tính hổ thẹn thì là phục sức đẹp nhất cho pháp thân. Không biết hổ, không biết thẹn, ham thích ngủ nghỉ, mà có thể tiến đạo được sao? Hổ, là bên trong tự trách, lấy làm xấu hổ; thẹn, là bên ngoài phát lộ để làm mới tự thân; đức tính ấy chẳng tốt lắm sao?

(7) Đối Trị Phiền Não Giận Dữ

汝等比丘！若有人來節節支解，當自攝心，無令瞋恨；亦當護口，勿出惡言。若縱恚心，即自妨道，失功德利。忍之為德，持戒苦行所不能及。能行忍者，乃可名為有力大人。若其不能歡喜忍受惡罵之毒如飲甘露者，不名入道智慧人也。

Các thầy Tỷ kheo, nếu ai cắt xẻ thân thể các thầy ra từng đốt, các thầy cũng phải tự kiềm chế tâm mình, đừng cho giận dữ. Lại phải giữ lấy miệng lưỡi, đừng để phát ra lời tiếng không tốt. Tâm giận dữ nổi lên là tự hại đạo nghiệp, hư mất công đức. Đức tính của Nhẫn, giữ giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Thực hành đức Nhẫn mới được mệnh danh là bậc thượng nhân có sức mạnh. Kẻ nào không thể tiếp nhận cái độc nhục mạ một cách hoan hỷ như uống nước cam lộ, kẻ ấy không thể được ca tụng là người nhập đạo có trí.

Trí tuệ sáng suốt thì mình người không hai. Mình người không hai thì tốt xấu đều không nghĩ. Tốt xấu đều không nghĩ thì oán thân thấy ngang bằng. Oán thân thấy ngang bằng thì khổ vui không chỗ nương. Phó đại sĩ¹⁴⁰ nói: “Nhẫn tâm như huyền mộng, Nhục cảnh là lông rùa, Thường tu được quán này, Gặp khó càng vững chắc.”¹⁴¹ Lời ấy chân thật thay!

所以者何？瞋恚之害，則破諸善法，壞好名聞，今世後世，人不喜見。當知瞋心，甚於猛火，常當防護，無令得入。劫功德賊，無過瞋恚。白衣受欲，非行人道，無法自制，瞋猶可恕；出家行道，無欲之人，而懷瞋恚，甚不可也。譬如清冷雲中，霹靂起火，非所應也。

Tại sao, vì giận dữ thì phá hủy hết thấy thiện pháp và danh tiếng đáng quý, hiện tại vị lai không ai muốn nhìn. Sự giận dữ hơn cả ngọn lửa ác liệt, vì thế mà các thầy phải đề phòng một cách thường trực, đừng cho xâm nhập tâm trí. Giặc cướp công đức không chỉ hơn giận dữ. Thế gian hưởng thụ dục lạc, không phải là kẻ hành đạo, không có phương pháp để tự khống chế, thế nên giận dữ thì còn có thể tha thứ được. Còn người xuất gia hành đạo là kẻ loại bỏ dục vọng, vậy mà giận dữ thì thật bất đáng; không khác gì giữa bầu trời mây trong mát mà sấm sét lóe lửa là điều không thích hợp.

Rõ ràng những tai hại của sự giận dữ đều do ngã kiến, chấp trước, u mê không biết phản tỉnh. “Một niệm tâm giận dữ khởi lên, thì cả triệu cánh cửa chương ngại mở ra.”¹⁴² Giận dữ là gốc rễ của phiền não, là ngọn lửa của ba độc. Người đời giận dữ thì có thể tha thứ, còn người con Phật thoát tục mà lại giận dữ, có thể không thận trọng được ư?

(8) Đối Trị Phiền Não Kiêu Ngạo

汝等比丘，當自摩頭，已捨飾好，著壞色衣，執持應器，以乞自活，

¹⁴⁰ Phó Hấp 傅翕 (497-569) là nhân vật thần dị trong giới Phật giáo, và cũng là nhà thơ thời Nam Bắc triều, quê ở huyện Ô Thương, quận Đông Dương, tự Huyền Phong 玄風, hiệu Thiện Tuệ 善慧, còn xưng là Phó đại sĩ 傅大士, Song Lâm đại sĩ 雙林大士, Đông Dương đại sĩ 東陽大士 hoặc Ô Thương cư sĩ 烏傷居士. Ông có trước tác Tâm vương minh 心王銘, Lương triều Phó đại sư tụng Kim cương kinh 梁朝傅大師頌金剛經, Thiện Tuệ Phó đại sĩ ngữ lục 善慧大士語錄, Hoàn nguyên thi 還源詩 truyền đời. Ông cùng với đại sư Chí Công được xưng tán là hai vị đại sĩ (bồ tát) thời nhà Lương. Bích nam lục, tấc 67, Phó đại sĩ giảng kinh: “Lương Võ Đế thỉnh Phó đại sĩ giảng kinh Kim Cương, đại sĩ lên tòa ngồi vỗ bàn một cái, bước xuống tòa. Võ Đế ngạc nhiên, Chí Công hỏi: Bệ hạ hội chăng? Võ Đế nói: Chẳng hội. Chí Công nói: Đại sĩ giảng kinh xong.”

¹⁴¹ Lương triều Phó đại sư tụng Kim cương kinh, No. 2732, tr. 2a13: Nhẫn tâm như huyền mộng, nhục cảnh như quy mao, thường năng tu thử quán, phùng nan chuyển kiên lao. 忍心如幻夢，辱境若龜毛。常能修此觀，逢難轉堅牢。

¹⁴² Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh tùy sở diễn nghĩa sao, No. 1736, tr. 21c23: Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chương môn khai. 一念瞋心起，百萬障門開。

Các thầy Tỷ kheo, hãy tự xoa đầu mình, đã bỏ sự trang sức và đồ tốt đẹp, mình mặc áo hoại sắc, tay cầm đồ thích ứng, khát thực để sống;

Vị tỷ kheo mặc áo hoại sắc, tay cầm đồ thích ứng, hành theo luật nghi của Phật, khát thực nuôi thân, đó là chánh mạng.

自見如是。若起憍慢，當疾滅之。增長憍慢，尚非世俗白衣所宜，何況出家入道之人，為解脫故，自降其身而行乞耶！

tự thấy như vậy mà kiêu ngạo còn nổi lên, thì phải cấp tốc tỏa chiết. Tăng thêm kiêu ngạo là điều mà thế nhân còn không nên có, huống chi người xuất gia nhập đạo là kẻ vì giải thoát, tự giáng mình xuống mà đi khát thực?

Chiết phục kiêu ngạo, vào nhà Như lai, thân tâm khiêm hạ, thuận lý giải thoát.

(9) Đối Trị Phiền Não Dua Nịnh

汝等比丘，諂曲之心，與道相違，是故宜應質直其心。當知諂曲但為欺誑，入道之人，則無是處。是故汝等，宜當端心，以質直為本。

Các thầy Tỷ kheo, tâm lý dua nịnh quanh co trái ngược đạo pháp, thế nên các thầy phải chất trực tâm mình. Phải ý thức dua nịnh quanh co chỉ để dối trá, mà người nhập đạo thì không thể như vậy. Vì thế mà các thầy cần phải ngay thẳng tâm mình, lấy đức tính chất trực làm căn bản.

Dua nịnh quanh co thì nhiều gian dối, tâm chất trực là đạo tràng.

(10) Thành Tựu Công Đức Ít Muốn

汝等比丘，當知多欲之人，多求利故，苦惱亦多；少欲之人，無求無欲，則無此患。

Các thầy Tỷ kheo, phải biết kẻ ham muốn nhiều, thì vì nhiều sự cầu lợi nên khổ não cũng nhiều. Còn ít ham muốn thì không cầu hờ, không dục vọng, nên không có cái họa đó.

Có mong cầu là khổ, không ham muốn thì lo sợ gì?

直爾少欲，尚宜修習，何況少欲能生諸功德！少欲之人，則無諂曲以求人意，亦復不為諸根所牽。行少欲者，心則坦然，無所憂畏，觸事有餘，常無不足。有少欲者，則有涅槃。是名少欲。

Chỉ có như thế mà thôi, sự ít ham muốn cũng đã phải thực tập, huống chi sự ấy còn đem lại đủ các công đức. Người ít ham muốn thì không dua nịnh quanh co để cầu được lòng người, cũng không bị các giác quan lôi kéo. Thực hành đức tính ít ham muốn thì lòng bình thản,

không lo sợ, gặp cảnh ngộ nào cũng thấy thừa thãi, không bao giờ có cảm giác thiếu thốn. Có ít ham muốn là có niết bàn. Đó là hạnh ít ham muốn.

Một pháp ít ham muốn, công đức đã như thế. Chỉ thực hành đức tính ít ham muốn đã đem lại đủ các công đức, huống chi sự thực hành ấy lại tương ưng với giải thoát và niết bàn.

(11) Thành Tựu Công Đức Biết Đủ

汝等比丘，若欲脫諸苦惱，當觀知足。知足之法，即是富樂安隱之處。知足之人，雖臥地上，猶為安樂；不知足者，雖處天堂，亦不稱意。不知足者，雖富而貧；知足之人，雖貧而富。不知足者，常為五欲所牽，為知足者之所憐愍。是名知足。

Các thầy Tỷ kheo muốn giải thoát khổ não thì các thầy hãy cứu xét sự biết vừa đủ. Chính sự biết vừa đủ là giàu sang, vui thú và yên ổn. Biết vừa đủ thì nằm trên đất cũng thấy vui thích, không biết vừa đủ thì ở thiên đường cũng vẫn bất mãn. Không biết vừa đủ thì giàu mà nghèo, biết vừa đủ thì nghèo mà giàu. Không biết vừa đủ thì luôn luôn bị cả năm thứ dục lạc lôi kéo, làm cho người biết vừa đủ phải xót thương. Đó là hạnh biết vừa đủ.

Biết vừa đủ thì tâm dứt mong cầu, dư dả sự yên tịnh và vui thú. Không biết vừa đủ thì tham ái càng tăng, bánh xe khổ đau khó ngừng.

(12) Thành Tựu Công Đức Siêu Thoát

汝等比丘，欲求寂靜無為安樂，當離憤鬧，獨處閒居。

Các thầy Tỷ kheo muốn cầu yên tĩnh, vô vi và an lạc, thì các thầy hãy thoát ly mọi sự ồn ào và bối rối, ở đơn độc và ở một cách thư thái.

Tâm yên tĩnh và cảnh vắng lặng. Độc cư và nhàn tịnh chính là khuôn phép.

靜處之人，帝釋諸天所共敬重。

Người ở yên tĩnh thì chúa trời Đế Thích và chư thiên đều tôn kính.

Như tôn giả Thiện Hiện ngồi tĩnh lặng trong thạch động, Đế Thích và chư thiên mưa hoa tán thán.¹⁴³ Sự tích ấy chẳng phải một.

是故當捨己眾他眾，

Vì thế mà các thầy hãy thoát ly đồ chúng của mình, và đồ chúng của người,

Đồ chúng của mình và đồ chúng của người đều thoát ly.

空閒獨處，思滅苦本。

ở đơn độc, thư thái và thanh vắng, dùng “tư duy tu” mà cắt đứt gốc rễ đau khổ.

An trú niết bàn.

若樂眾者，則受眾惱；譬如大樹，眾鳥集之，則有枯折之患。世間縛者，沒於眾苦，

Nếu thích đồ chúng thì sẽ bị đồ chúng quấy phá, như cây đại thọ mà cả bầy chim chóc tập hợp lại thì vẫn bị cái họa khô gãy. Thế gian ràng buộc mà chìm ngập thống khổ,

Đồ chúng, có hai nghĩa: sự và lý. Về sự là chỉ mọi sự ồn ào và bối rối. Về lý thì đồ chúng của mình là năm uẩn, đồ chúng của người là tất cả phiền não. Mê chấp năm uẩn, tập hợp phiền não, chìm đắm trong dòng sinh tử, cần phải thoát ly cái thấy về thân tâm. Ngài Vĩnh Gia nói, ‘Thấy

¹⁴³ Một hôm, Tu-bồ-đề ngồi thiền trong thạch động, nhập Không tam muội, công hạnh thâm sâu ấy cảm động đến Chư thiên Hộ pháp, rất nhiều vị trời xuất hiện trên không, rải thiên hoa bay phớt phớt trước Tôn giả, chấp tay khen ngợi Tu-bồ-đề: “Tôn giả! Làm người có danh vọng tiền của thế gian, thiết chẳng có gì đáng tôn đáng quý, dầu cho quốc vương, phú hào cũng đều bị trôi buộc trong phiền não dục vọng. Tôn giả! Đứng bậc tôn quý trên thế gian, thật là người đại tu hành như Ngài. Hiện nay, Ngài nhập Không tam muội, ánh sáng oai đức của Ngài chiếu suốt Thiên cung của chúng tôi. Tu-bồ-đề ở cõi người xứng đáng thọ sự cúng dường của cõi trời. Ngài khéo nói Bát-nhã, lúc nào cũng dạo chơi ở chốn Không tam muội như trời xanh vạn dặm. Ngài thoát khỏi phàm tình nhân gian, dù phiền não hắc ám hay Bồ-đề trong sáng cũng không thể che mờ Tôn giả. Ngài cắt đứt dây sắt dục tình và bẻ gãy xích vàng pháp chấp. Tôn giả vĩ đại, xin hãy tiếp thọ hoa trời cúng dường, chúng tôi xin đánh lễ Tôn giả để tỏ lòng tôn trọng.” Lời xưng tán của thiên nhân, hoa trời rơi tán loạn kinh động đến Tu-bồ-đề. Tôn giả sau khi xuất định, hỏi thiên nhơn: “Các ông là ai? Vì sao đến đây mưa hoa khen ngợi ta?” Vị thủ lãnh chư Thiên chấp tay thưa: “Tôi là Thiên Đế Thích, mấy vị kia đều là thiên nhơn.” “Vì sao các vị ân cần khen ngợi tôi như thế?” “Chúng tôi kính trọng Tôn giả nhập Không tam muội, khéo thuyết Bát-nhã.” “Tôi chưa từng nói một chữ Bát-nhã có sao các ông khen ngợi?” “Tôn giả không nói, chúng tôi không nghe. Không nói, không nghe là chân Bát-nhã.” Tu-bồ-đề nghe xong, hải lòng mỉm cười, khen chư Thiên: “Trên hội Bát-Nhã, đức Phật nói pháp vi diệu thậm thâm, lúc ấy các ông hộ trì đạo tràng đã tín thọ thâm hiểu. Đa tạ các ông đem hoa thơm rải cúng, nguyện thiên hoa này, mùi hương biến mãn cõi người, cõi trời.” Tu-bồ-đề nói xong, chư Thiên lại làm lễ một lần nữa từ từ biến mất trong mây. Chư Thiên mưa hoa cúng dường, trừ đức Phật, chỉ có tôn giả Tu-bồ-đề mới có vinh dự đặc biệt ấy.

núi quên đạo'¹⁴⁴, thì rừng rậm hoa mắt, âm thanh điếc tai, núi rừng sống đơn độc, do gì được yên tĩnh? ‘Thấy đạo quên núi’, thì thành hoàng và chợ búa, tâm cảnh ngay thẳng, muôn pháp vốn bình yên và thông thả, nhưng con người tự quấy rối lên. Quay ánh sáng trở lại, soi rọi chính mình, đụng đầu cũng là hấn (: huyễn ảo), không có một pháp nào gọi là tình¹⁴⁵, cũng không có một pháp nào gọi là người tình, ‘không còn gì để thoát bỏ nữa thì mọi sự huyễn ảo hủy diệt’¹⁴⁶ vậy.

譬如老象溺泥，不能自出。是名遠離。

thì cũng không khác gì voi già mà sa xuống bùn lầy, hết mong thoát khỏi. Đó là hạnh siêu thoát.

Tâm thích đồ chúng là ràng buộc, hạnh siêu thoát phải tu tập.

(13) *Thành Tựu Công Đức Tinh Tiến*

汝等比丘，若勤精進，則事無難者，

Các thầy Tỷ kheo, nỗ lực tinh tiến thì không có việc gì khó khăn.

Nỗ lực tinh tiến thì quả vị Phật đà có thể kỳ vọng.

是故汝等當勤精進。譬如小水長流，則能穿石。若行者之心數數懈廢，譬如鑽火，未熱而息，雖欲得火，火難可得。是名精進。

Thế nên các thầy phải thực hành sự nỗ lực tinh tiến. Nước nhỏ mà chảy mãi thì có thể xuyên thủng cả đá. Nếu người hành đạo mà hay biếng nhác phế bỏ, thì cũng như kéo lửa chưa nóng mà đã ngừng, dầu thiết tha có lửa, lửa cũng khó mà có được. Đó là hạnh tinh tiến.

¹⁴⁴ Thiền tông Vĩnh Gia tập 禪宗永嘉集, No. 2013, Thư Đại sư trả lời thiền sư Huyền Lăng, tr. 394b04: “Quên núi thì tánh đạo dưỡng thần, quên đạo thì dáng núi mắt hoa. Cho nên người thấy đạo quên núi, thì trần gian cũng vắng lặng; người thấy núi quên đạo, thì trong núi cũng ồn ào. Mong hiểu được năm âm là vô ngã, vô ngã thì ai ở trần gian? Nếu biết năm âm, mười hai nhập như là hư không, thì hư không tụ tập có khác gì hang núi? Khi nào ba độc chưa trừ khử, sáu trần còn quấy rối, thì thân tâm tự mâu thuẫn nhau, liên quan gì đến sự vắng lặng hay ồn ào giữa người và núi?” (忘山則道性怡神，忘道則山形眩目。是以見道忘山者，人間亦寂也。見山忘道者，山中乃喧也。必能了陰無我，無我誰住人間？若知陰入如空，空聚何殊山谷？如其三毒未祛，六塵尚擾。身心自相矛盾，何關人山之喧寂耶?)

¹⁴⁵ Tình 情, gọi chung cho vô minh phiền não. Khi tâm đã đạt nhất tâm, trong ấy quả thật không có vô minh, mà cũng chẳng có phiền não. Nhất tâm là tâm thanh tịnh, trong nhị tâm sẽ khởi lên tình, tức là có tình kiến, có tình thức. Nói cách khác, có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng.

¹⁴⁶ Kinh Viên Giác: Đắc vô sở ly, tức trừ chư huyễn. 得無所離, 即除諸幻.

Trong cây có tính lửa. Tính lửa ấy là chánh nhân. Nếu không gia công, và nhờ các duyên, thì lửa cũng khó mà có được. Gia công không ngừng nghỉ, như nước với tính mềm yếu, nhỏ xuống mãi thì có lúc xuyên thủng cả đá. So sánh giữa sự nỗ lực và sự biếng nhác để thấy sự được và sự mất, qua đó khuyến khích hạnh tinh tiến.

(14) *Thành Tựu Công Đức Không Quên Chánh Niệm*

汝等比丘，求善知識，求善護助，無如不忘念。

Các thầy Tỷ kheo, cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trì và cầu thiện hỗ trợ, đều không bằng không quên chánh niệm.

Niệm mà không quên, là vì hỗ trợ cho chánh định. Có những phiền não đến từ vọng tình, liên quán sát lý tính của các pháp để trừ khử chúng. Nhưng khi mới quán, nhận thức về lý chưa rõ ràng, tâm không trú nơi lý, thì cần phải dùng niệm lực, rồi mới đắc quán. Niệm lấy ‘không quên’ làm dụng. Tâm ngay thẳng, nhớ nghĩ về pháp, xét đoán điều thiện và điều ác: điều thiện nên tăng trưởng mà không tiêu mất, điều ác nên trừ diệt mà không phát sinh.¹⁴⁷

若有不忘念者，諸煩惱賊則不能入。

Không quên chánh niệm thì giặc phiền não hết cách xâm nhập tâm trí.

Không quên chánh niệm thì không phát sinh phiền não.

是故汝等，常當攝念在心。若失念者，則失諸功德。若念力堅強，雖入五欲賊中，不為所害；

Thế nên các thầy hãy luôn luôn tập trung chánh niệm lại nơi tâm trí. Mất chánh niệm là mất công đức. Nếu chánh niệm có sức lực vững mạnh, thì dầu phải vào trong đám giặc ngũ dục, cũng không bị chúng sát hại;

Nội tâm mà bất động, thì ngoại cảnh không thể nhiễu loạn.

譬如著鎧入陣，則無所畏。是名不忘念。

tựa như tướng sĩ lâm trận mà mặc áo giáp lát đồng, thì không còn sợ hãi gì nữa. Đó là hạnh không quên chánh niệm.

Chánh niệm thường gìn giữ, thì ma quân có thể tiêu diệt.

(15) *Thành Tựu Công Đức Thiền Định*

¹⁴⁷ Đoạn này từ Chú Duy ma cát kinh 注維摩詰經, No. 1775, Tăng Triệu soạn, tr. 386a18.

汝等比丘，若攝心者，心則在定。心在定故，能知世間生滅法相。

Các thầy Tỷ kheo, tập trung tâm lại thì tâm sẽ ở trong thiền định. Tâm ở trong thiền định thì có thể thấu triệt trạng thái chuyển biến của vũ trụ.

Nước thiền định đã lắng trong thì ảnh tượng của vũ trụ hiện ra.

是故汝等，常當精勤修習諸定。若得定者，心則不散，

Vì thế mà các thầy phải luôn luôn tinh tiến, nỗ lực thực tập thiền định. Thiền định được thì tâm hết tán loạn.

Tâm tán loạn từ từ dừng lại là tùy thuận sự thực tập thiền định.

譬如惜水之家，善治隄塘；行者亦爾，為智慧水故，善修禪定，令不漏失。是名為定。

Tiểu nước thì phải đắp đê sửa bờ cho khéo, hành giả cũng vậy, hãy vì nước trí tuệ mà thực tập thiền định để giữ cho nó khỏi chảy mất. Đó là hạnh thiền định.

Nếu không có định lực, thì càn tuệ¹⁴⁸ cũng không thoát khỏi luân chuyển trong khổ đau, bởi vì định hỗ trợ cho tuệ vậy. Người xưa nói: “Bồ tát vàng trắng mát dịu, thường du hành giữa bầu trời Cứu cánh không. Nếu mặt nước tâm chúng sinh yên lặng, thì bóng trăng tuệ giác hiện ra trong tâm ấy.”¹⁴⁹ Nếu nước bị vẩn đục, đồ chứa nước bị vỡ, thì bóng trăng chẳng hiện vậy.

(16) *Thành Tựu Công Đức Trí Tuệ*

汝等比丘，若有智慧，則無貪著。常自省察，不令有失，

¹⁴⁸ Càn tuệ 乾慧: Ái dục cạn khô nên phát tuệ, gọi là càn tuệ.

¹⁴⁹ Chánh văn: Bồ tát thanh lương nguyệt, Thường du tất cánh không, Chúng sinh tâm thủy tịnh, Bồ đề ảnh hiện trung. (菩薩清涼月，常遊畢竟空，衆生心水淨，菩提影現中。) Lục thập Hoa nghiêm, No. 278, quyển 43, phẩm Ly thế gian (phần 8), tr. 670c21: Bồ tát thanh lương nguyệt, Du ư tất cánh không, Thùy quang chiếu tam giới, Tâm pháp vô bất hiện. (菩薩清涼月，遊於畢竟空，垂光照三界，心法無不現. Bồ tát vàng trắng mát, Đạo giữa trời chân không, Sáng soi khắp ba cõi, Tâm pháp bóng trắng lòng.) Lục thập Hoa nghiêm, quyển 36, phẩm Bảo vương Như lai tán thán khởi, tr. 628b23: “Này Phật tử! Giả sử có mặt trời mọc chiếu sáng thế gian, tròn đầy trong sáng ngang bằng cả pháp giới, thì ở trong những đồ chứa nước sạch của tất cả thế giới, không đâu chẳng hiện bóng. Mặt trời không nghĩ rằng: ‘Ta có thể hiện khắp ở tất cả mặt nước sạch.’ Này Phật tử! Lúc đó, hoặc có một đồ chứa nước bị vỡ thì bóng mặt trời chẳng hiện, có phải lỗi của mặt trời không? Đáp rằng: ‘Chẳng phải vậy, vì đồ chứa nước vỡ nên bóng mặt trời chẳng hiện.’ Này Phật tử! Mặt trời trí tuệ thanh tịnh viên mãn của Như lai ở trong một niệm xuất hiện có thể chiếu sáng hết tất cả thế giới, tất cả pháp giới, tất cả chúng sinh mà đã diệt trừ cấu bẩn. Đồ chứa nước tịnh tâm, thì không đâu chẳng hiện bóng mặt trời Như lai. Bóng ấy thường hiện tại tiền, chỉ trừ tâm đồ vỡ, vẩn đục, thì chúng sinh ấy chẳng thấy được ảnh tượng Pháp thân của Như lai.” Bát thập Hoa nghiêm, No. 279, quyển 59, phẩm Ly thế gian, tr. 314c17: Bồ tát trí quang nguyệt, Pháp giới dĩ vi luân, Du ư tất cánh không, Thế gian vô bất hiện. (菩薩智光月，法界以為輪，游於畢竟空，世間無不見. Bồ tát trí quang nguyệt, Pháp giới làm vàng trắng, Đi nơi tất cánh không, Thế gian ai cũng thấy.)

Các thầy Tỷ kheo, có trí tuệ thì hết đam mê, luôn luôn tự thức tỉnh và tự dò xét, không để lầm lỗi có thể có được,

Trí tuệ là người dẫn đường, không thể xảy ra lầm lỗi.

是則於我法中，能得解脫。

như thế là trong chánh pháp của Như lai, người ấy có khả năng thực hiện giải thoát.

Không có trí tuệ, gọi là ràng buộc. Có trí tuệ, gọi là giải thoát.

若不爾者，既非道人，又非白衣，無所名也。

Không như thế thì đã không phải xuất gia, lại không phải thế tục, không còn biết gọi là gì.

Tâm tính trái ngược với hình dung, không phải xuất gia, lại không phải thế tục, cả hai đều sai.

實智慧者，則是度老病死海堅牢船也，

Trí tuệ chân thật là chiếc thuyền chắc nhất vượt biển sinh lão bệnh tử,

Thật trí bát nhã có thể vượt qua biển khổ.

亦是無明黑暗大明燈也，

là ngọn đèn sáng nhất đối với hắc ám vô minh,

Đèn trí tuệ chiếu rọi, phá tan đêm dài vô minh.

一切病者之良藥也，

là thần dược cho mọi kẻ bệnh tật,

Thần dược trí tuệ chữa được trọng bệnh ba độc.

伐煩惱樹之利斧也。

là búa sắc chặt cây phiền não.

Búa trí tuệ chặt được gốc rễ phiền não.

是故汝等，當以聞思修慧而自增益。

Vì thế mà các thầy hãy dùng cái tuệ văn tư tu chứng để tự tăng tiến ích lợi.

Văn tư tu chứng để tự tăng tiến ích lợi, tuần tự đi vào tam ma địa.

若人有智慧之照，雖無天眼，而是明見人也。是名智慧。

Có trí tuệ soi chiếu, thì dầu mắt thịt, cũng vẫn là kẻ thấy rõ nhất. Đó là hạnh trí tuệ.

Mất thịt mở rộng sự soi chiếu, khiến vô minh vĩnh viễn tiêu diệt, là nhờ năng lực của trí tuệ, nên gọi là kẻ thấy rõ nhất.

(17) *Thành Tựu Công Đức Không Hỷ Luận*

汝等比丘，種種戲論，其心則亂，雖復出家，猶未得脫。

Các thầy Tỷ kheo, nếu hỷ luận đủ thứ thì tâm trí rối loạn. Như vậy, tuy đã xuất gia mà chưa được siêu thoát.

Nói năng, im lặng, mọi sự động tĩnh mà trái với phép tắc thì khiến tâm trí rối loạn, đi ngược với lý tưởng giải thoát.

是故比丘，當急捨離亂心戲論。若汝欲得寂滅樂者，唯當善滅戲論之患，是名不戲論。

Thế nên, các thầy Tỷ kheo, hãy từ bỏ tức khắc sự hỷ luận rối loạn tâm trí. Các thầy muốn thực hiện cái vui tịch diệt, thì chỉ có cách cấp tốc diệt trừ cái họa hỷ luận. Đó là hạnh không hỷ luận.

Diệt trừ hỷ luận, phân biệt hư vọng, thì cái vui tịch diệt mới thực hiện được.

(18) *Hiển Thị Công Đức Sáu Xa*

汝等比丘，於諸功德，常當一心，捨諸放逸，

Các thầy Tỷ kheo, đối với mọi thứ công đức, các thầy hãy thường xuyên nhất tâm tu tập, tránh sự phóng dật

Không theo khuôn phép gì cả, phóng túng không kiềm chế.

如離怨賊。大悲世尊所說利益，皆已究竟，汝等但當勤而行之。

như tránh giặc thù. Thể hiện lòng đại bi, Như lai đã nói chánh pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành.

Thể hiện lòng đại bi, Như lai sử dụng phương tiện, ở trong một Phật thừa mà phân biệt nói có ba thừa. Đưa đến cứu cánh niết bàn, chỉ là nhất thừa đạo.

若於山間，若空澤中，若在樹下，閒處靜室，念所受法，

Hoặc trong rừng núi, hoặc cạnh đầm vắng, hoặc dưới đại thọ, các thầy hãy ở một cách thư thái, trong tịnh thất nhỏ, nhớ và chiêm nghiệm chánh pháp đã tiếp nhận,

Tiếp nhận chánh pháp tùy theo khả năng của mình, để rồi tư duy và tu tập.

勿令忘失，常當自勉，精進修之，

đừng để quên mất. Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập,

Khuyến khích nỗ lực tinh tiến, đề phòng sự thoái thác.

無為空死，後致有悔。

đừng để đời mình sẽ chết đi một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận.

Kết quả vẫn lưu chuyển trong sinh tử, thì sau này lo sợ hối hận có giúp được gì?

我如良醫，知病說藥，服與不服，非醫咎也。

Như lai như vị lương y, biết bệnh mà chỉ thuốc, còn uống hay không, không phải lỗi của lương y.

Phật chỉ thuốc diệu pháp có thể trị bệnh phiền não, chúng sinh nghe rồi, không tin, không chịu uống, đó không phải lỗi của Phật.

又如善導，導人善道，聞之不行，非導過也。

Lại như người dẫn đường rất tốt, chỉ dẫn đường tốt cho người, nhưng nghe rồi mà không đi, thì không phải lỗi của người dẫn đường.

Phật là vị đại đạo sư dẫn đường tốt cho chúng sinh đi đến niết bàn. Chúng sinh không tin tưởng, không chịu đi, lỗi ấy bởi ai?

(19) *Hiện Thị Chứng Nhập Quyết Định*

汝等若於苦等四諦有所疑者，可疾問之，毋得懷疑，不求決也。

Các thầy Tỷ kheo, đối với bốn chân lý, các thầy còn hoài nghi chỗ nào thì có thể chất vấn tức khắc, không được giữ sự hoài nghi, mà không cầu giải đáp.

Đối với bốn chân lý, còn hoài nghi nào chưa giải đáp, Thế tôn sẽ giải đáp hết.

爾時世尊如是三唱，人無問者。

Thế tôn nói lên ba lần như vậy, nhưng không ai chất vấn.

Chư Tăng im lặng, không ai chất vấn.

所以者何?

Vì sao?

Đề làm chứng.

眾無疑故。

Vì lẽ chư Tăng không có ai còn hoài nghi gì nữa.

Đã giải tỏa mọi vướng mắc, nên không ai chất vấn.

時阿菟樓駄，觀察眾心，

Bấy giờ tôn giả A nâu lâu đà quán sát tâm trí chư Tăng,

Tức tôn giả A na luật đà, Phạm âm có hơi khác¹⁵⁰. Đòi Tổng gọi là: vô diệt, dùng thiên nhãn để quán sát tâm ý chúng sinh.

而白佛言：世尊！月可令熱，日可令冷，佛說四諦不可令異。

rồi thưa với Ngài, bạch đức Thế tôn, mặt trăng có thể làm cho nóng lên, mặt trời có thể làm cho lạnh đi, nhưng bốn chân lý mà đức Thế tôn đã dạy thì không thể làm cho khác đi được.

Trạng thái của lửa và nước có thể thay đổi, không gì chắc chắn. Lời dạy của Phật thì chân thật, nhất định không hư dối.

佛說苦諦實苦，不可令樂；

Ngài dạy khổ thì thật là khổ, không thể làm cho vui lên;

Khổ là quả thế tục, là chân lý đúng như sự thật, nên nhất định không thể làm cho vui lên.

集真是因，更無異因；

tập là nguyên nhân của khổ, thì không còn có nguyên nhân nào khác nữa;

Tập là nhân thế tục, là tập hợp các nghiệp bất thiện, nên nhất định là nguyên nhân chuốc lấy khổ.

苦若滅者，即是因滅，

diệt là khổ diệt vì nguyên nhân đã diệt,

Trong những nguyên nhân của khổ đau, tham dục là căn bản. Nếu diệt được tham dục, thì khổ đau không có chỗ nương tựa.

因滅故果滅；滅苦之道，實是真道，更無餘道。

mà nguyên nhân diệt thì kết quả cũng diệt; đạo là phương pháp diệt khổ nên thật là đạo, không có đạo nào khác hơn.

¹⁵⁰ A na luật 阿那律: Phạm: Aniruddha, Pāli: Anuruddha. Còn gọi là A na luật đà 阿那律陀, A ni lư đà 阿泥盧豆, A nâu lâu đà 阿菟樓駄, A nan luật 阿難律, A lâu đà 阿樓駄. Dịch ý là vô diệt, như ý, vô chương, vô tham, người theo nghĩa thuận, không tranh có không. Một trong mười vị đệ tử lớn của đức Phật. Là em họ của Phật, giống họ Thích, người thành Ca tỳ la vệ thuộc Ấn độ cổ đại.

Diệt đế là quả chân thật xuất thế, tức niết bàn. Đạo đế là nhân chân thật xuất thế, tức phương pháp đoạn trừ phiền não, không có đạo nào khác hơn.

世尊！是諸比丘，於四諦中，決定無疑。

Bạch đức Thế tôn, đối với bốn chân lý, các vị Tỷ kheo đây đã quyết định, không còn hoài nghi gì nữa.

(20) *Phân Biệt Chưa Nhập Thượng Chứng*

於此眾中，所作未辦者，見佛滅度，當有悲感。

Chư Tăng lúc ấy, những người tu học chưa hoàn tất, thì thấy Phật diệt độ hãy còn bi cảm.

Người chưa chứng vô sinh nhẫn thì không biết pháp thân thường trú.

若有初入法者，聞佛所說，即皆得度；

Những người mới vào chánh pháp, nghe Phật nói liền được hóa độ,

Đích thân nghe Phật dạy bảo thì được lợi ích.

譬如夜見電光，即得見道。

như trong đêm tối mà điện chớp sáng là thấy ngay đường đi.

Bỗng được khai mở tâm trí, nhưng chưa được cứu cánh.

若所作已辦，已度苦海者，但作是念：世尊滅度，一何疾哉！

Còn những người tu học đã hoàn tất, đã vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ rằng, đức Thế tôn diệt độ sao mà mau chóng như vậy.

Tuy mình đã vượt qua biển khổ, nhưng thương xót cho những người chưa vượt qua biển khổ, cho nên phát ra lời cảm thán như thế.

(21) *Đoạn Trừ Nghi Hoặc*

阿菟樓駄雖說此語，眾中皆悉了達四聖諦義，世尊欲令此諸大眾皆得堅固，以大悲心，復為眾說：

Do đó, Tôn giả A nâu lâu đà tuy đã bạch Phật, rằng chư Tăng ai cũng thấu triệt bốn chân lý, nhưng đức Thế tôn muốn làm cho tất cả đều được kiên định, nên vẫn đem tâm đại bi mà huấn dụ thêm nữa.

Đối với những người chưa thấu triệt, chưa hoàn thành, nghe Phật sẽ diệt độ mà sinh tâm thối thất, đức Thế tôn trong giờ phút cuối cùng vẫn ân cần, dịu dàng an ủi và huấn dụ.

汝等比丘，勿懷悲惱。若我住世一劫，會亦當滅；會而不離，終不可得。

Các thầy tỷ kheo, không nên buồn rầu; nếu Như lai ở đời lâu đến một đại kiếp đi nữa, thì sự kết hợp nào rồi cũng phải tan rã. Kết hợp mà không tan rã là điều không thể có được.

Các pháp duyên khởi thì chắc chắn không thể giữ lại.

自利利他，法皆具足，

Chánh pháp tự lợi lợi tha đã có đầy đủ.

Đòn chứa muôn hạnh thành muôn đức, giảng giải biện pháp lợi chúng sinh, đạo cứu giúp thầy đều đầy đủ.

若我久住，更無所益。

Như lai sống cho lâu cũng không còn ích lợi gì nữa.

Phật sống lâu thì chúng sinh không khởi ý tưởng khó gặp. Chúng sinh không trông thiện căn, tham trước năm dục, không cầu thoát khổ, cho nên Phật thị hiện diệt độ.

應可度者，若天上人間，皆悉已度；

Ai có khả năng tiếp nhận hóa độ, thì ở trên chư thiên hay ở trong nhân loại, Như lai đã hóa độ tất cả.

Phật thành đạo rồi hóa độ trong bốn mươi chín năm. Ai có khả năng tiếp nhận hóa độ, Phật đã hóa độ tất cả, không còn sót.

其未度者，皆亦已作得度因緣。

Ai chưa thể tiếp nhận hóa độ, thì Như lai cũng đã tạo yếu tố hóa độ cho họ.

Bằng thanh tịnh pháp nhãn¹⁵¹ và giới định tuệ tạng¹⁵², bên trong thì phó chúc cho tôn giả Ma ha Ca Diếp và chư đại đệ tử, bên ngoài thì phó chúc cho quốc vương và đại thần, khiến cho tuệ mạng không đoạn dứt, đức Phật đã tạo yếu tố hóa độ cho hết thầy.

¹⁵¹ Thanh tịnh pháp nhãn: còn gọi là chánh pháp nhãn tạng. Tâm ấn do chính Phật, Tổ truyền riêng ngoài giáo pháp. Nghĩa là nương theo mắt trí tuệ (chánh pháp nhãn), thấy suốt tất cả các pháp bí tạng vạn đức (tạng), cũng chính là cảnh giới giác ngộ của tâm. Thiền tông cho đó là trí tuệ sâu kín từ đức Phật lần lượt truyền đến ngài Đạt-ma, bằng cách lấy tâm truyền tâm, chính tâm của thầy truyền đến tâm đệ tử. Đại Phạm thiên vương vấn Phật quyết nghi kinh, bản Vạn, No. 27, phẩm Niêm hoa, tr. 442c16: “Bấy giờ, Thế tôn ngồi nơi pháp tòa, lặng lẽ đưa lên một cành hoa. Trong chúng hội lúc ấy, có trăm ngàn nhân thiên và các vị tỷ kheo, tất cả đều lặng im. Bấy giờ ở trong chúng hội, chỉ có tôn giả Ma-ha Ca-diếp nhìn thấy được ý chỉ, đổi nét mặt, cười mỉm, từ chỗ ngồi đứng dậy, nghiêm trang chấp tay, pháp khí vô ngôn. “Ta có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, hữu trí vô trí, đặc nhân duyên chứng, hôm nay ta phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp.”

自今以後，我諸弟子展轉行之，則是如來法身常在而不滅也。

Từ nay về sau, đệ tử của Như lai hãy triển chuyển thực hành. Như thế là pháp thân của Như lai thường trú bất diệt.

Thế tôn ký thác, Phật tử thực hành không ngừng nghỉ, thì pháp thân thường trú bất diệt.

(22) *Lập Lại Sự Vô Thường Của Pháp Hữu Vi*

是故當知，世皆無常，會必有離，勿懷憂惱，世相如是。

Thế nên, các thầy Tỷ kheo, phải ý thức toàn bộ cuộc đời là chuyển biến vô thường, có kết hợp thì có tan rã, đừng lo buồn gì cả. Ngược lại, cuộc đời như thế

Lưu chuyển không dừng, gọi là thế (世: cuộc đời). Vật chất có thể hình dung, gọi là tướng (相: tướng trạng). Những gì kết hợp là chỉ cho sự sinh; đã có sự sinh thì không thể không có sự diệt.

當勤精進，早求解脫，以智慧明，滅諸癡暗。

thì các thầy phải nỗ lực tinh tiến để sớm cầu tự độ, đem ánh sáng trí tuệ diệt trừ hắc ám vô minh.

Nỗ lực tinh tiến để có trí tuệ sáng suốt. Hắc ám vô minh mà diệt trừ, thì thoát ly khổ đau.

世實危脆，無堅牢者，

Vũ trụ quả thật mỏng manh, không một thứ chi bền bỉ.

Pháp hữu vi đều hư giả, xưa nay là như vậy.

我今得滅，如除惡病。此是應捨之身，罪惡之物，假名為身，沒在老病生死大海；

Như lai được diệt độ thì cũng như trừ được cơn bệnh khủng khiếp. Đây là vật tội ác và đáng bỏ, giả hiệu là thân thể mà lại chìm ngập trong biển cả già bệnh sống chết,

Thân Phật là vô vi mà biểu thị giống như hữu vi, là để cho chúng sinh thấy tội lỗi và tai họa của thân thể, mà mau chóng tỏ ngộ pháp thân vậy.

何有智者，得除滅之，如殺怨賊而不歡喜！

như thế người có trí tuệ ai lại không hoan hỷ khi trừ bỏ được thân này như trừ bỏ kẻ thù?

Thân là gốc khổ, là sở y của mọi đau khổ. Chúng sinh vọng chấp thân ấy là thật, không cầu xuất ly. Đức Phật biết sinh tử là huyễn ảo, nhưng Ngài thị hiện trong sinh tử để giáo hóa chúng sinh.

¹⁵² Giới định tuệ tạng = luật kinh luận tạng, vì luật tạng nói về giới, kinh tạng nói về định, luận tạng nói về tuệ.

(23) *Hiển Thị Vô Ngã Thanh Tịnh*

汝等比丘，常當一心，勤求出道。

Các thầy Tỷ kheo, hãy thường nhất tâm, nỗ lực cần cầu tuệ giác giải thoát.

Niết bàn chánh đạo.

一切世間動不動法，皆是敗壞不安之相。

Toàn thể vũ trụ, dầu pháp biến động hay pháp bất động, đều là trạng thái bất an và tan rã.

Sáu tầng trời cõi Dục là pháp biến động. Hai cõi Sắc và Vô sắc, thọ mạng trải qua kiếp số dài lâu, ngoại đạo chấp đó, cho là thường hằng, cho nên gọi là pháp bất động.

汝等且止，勿得復語，時將欲過，我欲減度。是我最後之所教誨。

Thôi, các thầy hãy yên lặng, không nên nói nữa. Thì giờ sắp hết, Như lai muốn diệt độ.

Trên đây là những lời giáo huấn tối hậu của Như lai.

Biết được thời tiết, không nên dừng lâu. Tối hậu giáo huấn, phó chúc ngay đây. Uy nghi thư thái, tình cảm vắng bật. Trong cửa phương tiện, sao không chỉ dạy? Trên hội Pháp Hoa, đích thân tuyên thuyết: “Vì hóa độ chúng sinh, phương tiện hiện niết bàn.” Rộng xem phẩm Như lai thọ lượng. Người biết điều này thì pháp hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa chia tay, không phải sao? Nếu bảo không đúng, chắc hẳn không phải đạo của chúng ta, sao vậy? Không muốn chuốc lấy cái nghiệp vô gián thì chớ hủy báng bánh xe chánh pháp của Như lai.

Di Giáo Kinh Tụng Phụ

(Tăng Viên Diễn)

Trân trọng Ba-la-đề-mộc-xoa
Như mù được sáng, nghèo được vàng
Giới sinh thiền định và tuệ quang
Chỗ yên ổn nhất, công đức trú
Muru cầu nắm nín đều không nên
Giấu lỗi, bày dị, nhiều lừa dối
Bốn sự hiến cúng biết vừa đủ
Đoan tâm, chánh niệm, tự cầu độ
Năm căn phóng túng trong năm dục
Như trâu phạm lúa, ngựa xuống hố
Ương lụy phát sinh nhiều tai hại
Người trí khéo chế ngự tâm mình
Rắn độc, thú dữ dụ tà tâm
Giặc thù, lửa dữ cũng giống vậy
Phóng túng tâm ra muôn sự quên
Chế tâm một chỗ ác duyên dừng
Thọ dụng ẩm thực như uống thuốc
Không nên lấy bỏ vì ngon dở
Mục đích thân thể khỏi đói khát
Người mê cầu nhiều, sinh chấp trước
Ngày đêm nỗ lực tu thiện pháp
Giữa đêm tụng kinh trừ điều ác
Không ham ngủ nghỉ nuôi phiền não
Một đời trôi qua không ích gì
Nếu có người đến tổn hại mình
Nhiếp tâm không để giận dữ khởi
Miệng ai chớ nói lời không tốt
Buông tâm giận dữ mất thiện lợi
Nhấn thắng trì giới và khổ hạnh
Ác mắng nhấn chịu như cam lộ
Lửa sân phòng cháy rừng công đức

Xuất gia hành đạo trừ giận ghét
Hoại y trì bát khát thực sống
Nếu khởi kiêu ngạo nên trừ diệt
Tâm lý dua vạy trái đạo pháp
Còn tâm chất trực kết đạo tràng
Đa dục, đa cầu thêm khổ não
Thiếu dục đi vào đường Niết bàn
Người không biết đủ, giàu mà nghèo
Người biết đủ, tâm địa điềm nhiên
Nên lìa huyên náo, sống độc nhàn
Xét trừ gốc khổ, tự như như
Nếu ưa đồ chúng, thọ các khổ
Thí như voi già sa bùn lầy
Nỗ lực tinh tiến, sự không khó
Nước nhỏ chảy mãi xuyên thùng đá
Chớ như kéo lửa vội vã ngừng
Chưa nóng mà ngừng khó được lửa
Hộ trợ chẳng bằng không quên niệm
Giặc phiền não hết cách xâm nhập
Thường phải nhiếp niệm nơi tâm trí
Niệm lực vững mạnh, ma tự lui
Tỷ kheo nhiếp tâm khi thiền định
Biết được các pháp tướng sinh diệt
Đề bờ thiền định giữ nước tuệ
Không định, can tuệ khó nương nhờ
Người có trí tuệ không tham trước
Từ văn tư tu tự mở mang
Đèn sáng, búa sắc và thuyền vững
Còn làm thần dược chữa mọi bệnh
Đủ thứ hý luận khiến tâm loạn
Muốn được tịch diệt phải đoạn trừ
Với mọi công đức thường nhất tâm
Bỏ mọi phóng dật như lìa oán
Lương y biết bệnh nói phương thuốc

Đạo sư dẫn người đi đường dài
Lời Phật chân thật không hư dối
Tín hành công đức thật khó lường.

遺教經頌附

珍重波羅提木叉
如暗遇明貧寶聚
戒生禪定與慧光
第一安隱功德住
營求攀結總非宜
匿疵顯異多欺誤
四事供養知足時
端心正念自求度
五根勿縱五欲橫
如牛犯稼馬奔坑
殃及累生為害重
好制其心智者能
邪心毒蛇惡獸比
怨賊大火亦同爾
縱此心時萬事亡
制之一處惡緣止
受諸飲食如服藥
不可取捨於好惡
趣得支身饑渴除
昧者多求生執著
晝夜勤修善法力
中夜誦經自消息
無以睡眠煩惱留
一生空過無所得
若有人來傷害已
攝心無令嗔恨起
誰口亦勿出惡言
若縱恚心失善利
忍勝持戒及堅苦
惡罵忍受如甘露
嗔火防燒功德林
出家行道除嗔妒
壞衣持鉢乞自活

若起憍慢當除滅
諂曲之心與道違
質直之心道場結
多欲多求增苦惱
少欲能入涅槃道
不知足者富而貧
知足恬然心地好
當離憤鬧獨閒居
思滅苦本自如如
若樂眾時受眾惱
譬如老象入泥塗
能勤精進事無難
小水常流穿石間
勿如鑽火類休歇
未熱息時得火難
護助無如不忘念
諸煩惱賊不得便
常當攝念在其心
念力堅強魔自遺
比丘攝心在定時
能知生滅諸法相
禪定隄塘蓄慧水
無定乾慧難倚仗
有智慧人無貪著
從聞思修自開廓
明燈利斧及堅船
又為治病真良藥
種種戲論令心亂
欲得寂滅當除斷
於諸功德恒在心
捨諸放逸如離怨
良醫知藥說藥方
路師導人行路長
佛語真實無虛妄
信行功德固難量

No. 1239-A

Bài tựa Quy Sơn Cảnh Sách Chú

Từ Lục Tổ trở xuống có năm tông phái¹⁵³, mà Quy Ngưỡng giữ địa vị thứ nhất. Tiếc thay về sau tông Quy Ngưỡng không còn được truyền thừa, nhưng phương pháp giáo hóa của nó được truyền muôn đời, không bị che lấp, không để cho ai làm cho nó còn hay mất. Bài văn Cảnh sách của ngài Quy Sơn là trường hợp như vậy, bởi vì người nào thực hành theo lời cảnh sách ấy thì vượt trội ở đời. Người học thường lo rằng, từ ngữ của lời cảnh sách thì rõ ràng nhưng nghĩa ý của nó thì khó hiểu, vì chữ nghĩa có sự lầm lẫn mà lâu nay chưa nhận rõ. Nếu không có vị tông sư, bậc thầy vĩ đại, thì làm sao phát dương nghĩa ý ấy, để giáo chánh sự lầm lẫn kia. Thiền sư Đại Hồng [Sơn] Tịnh Nghiêm là bậc học đạo tham thiền cao vượt trên đời, hễ ngày nào rảnh rỗi thì ngài chăm chú bút nghiên. Hạ an cư năm Kỷ Mùi (1139)¹⁵⁴, nhân người học thỉnh cầu giảng dạy, theo đó ngài chú giải bài văn Cảnh sách, nghĩa ý thẳng thắn rõ ràng, từ ngữ nào lầm lẫn thì được giáo chánh hết. Kẻ văn học, người hậu tiến có cơ sở để tôn kính và học theo, khiến cho Quy Sơn [Cảnh Sách] sau 200 năm mai một dấu vết¹⁵⁵, bỗng một ngày hiển hiện rực rỡ. Nhân vì sự trao truyền vô cùng thì sự thực hành vô tận, há chẳng đúng sao? Kẻ học trò Sử Đức Hiền muốn khắc bản để lưu truyền rộng rãi, còn tôi gia tâm viết ngay bài tựa này để thêm vào phần mở đầu quyển sách.

Thiệu Hưng năm thứ 9¹⁵⁶, ngày tốt lành tháng 12, cẩn trọng viết tựa.

Tả triều phụng đại phu¹⁵⁷, Tân Quảng Nam Đông Lộ¹⁵⁸ chuyển vận phán quan, Trương Thù soạn.

¹⁵³ Năm tông phái: Lâm Tế 臨濟, Quy Ngưỡng 為仰, Tào Động 曹洞, Vân Môn 雲門 và Pháp Nhãn 法眼. Dưới cửa Lục Tổ có 43 người đắc pháp, mỗi vị hóa độ một phương, đều là chánh thống, trong đó có Nam Nhạc Hoài Nhượng 南嶽懷讓, Thanh Nguyên Hành Tư 青原行思 là nổi bậc nhất. Phái Nam Nhạc sau lại chia thêm ra thành hai tông là Quy Ngưỡng và Lâm Tế. Còn phái Thanh Nguyên sau chia ra các tông Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn. Mỗi tông đều có phương pháp riêng để tiếp dẫn hậu học, gọi chung là Ngũ gia tông phái 五家宗派.

¹⁵⁴ Năm này thiền sư Thủ Toại đã 67 tuổi.

¹⁵⁵ Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu (771-853) viết bài văn Cảnh sách trước khi thiền sư Thủ Toại (1072-1147) chú giải là khoảng 200 năm.

¹⁵⁶ Thiệu Hưng 紹興: niên hiệu của hoàng đế Tống Cao Tông 宋高宗 triều đại Nam Tống, từ năm 1131 đến năm 1162, tổng cộng 32 năm. Thiệu Hưng năm thứ 9 là năm 1139 (Kỷ Mùi).

註瀉山警策序

自六祖而下有五派。瀉仰居其一。惜乎其後不得其傳。然其法則傳萬世而無弊。不以人為存亡。瀉山之警策是。以夫警策之行於世尚矣。學者每患其辭雖顯而其義則難窮。字有舛錯而久未能辨。不有宗師大匠安能發揚其義而校正其舛錯乎。大洪淨嚴禪師禪學冠世。每因暇日游戲筆硯。己未安居因學者請益。遂為之註解。其義坦然明白。字之舛錯者又從而校正之。晚學後進有所矜式。俾瀉山二百年湮沒之迹一旦光輝著見。因以傳無窮而施罔極。固不遑歟。門人史德賢欲鏤板以廣其傳。余嘉其志輒為之序而冠于篇首。紹興九年十二月旦日謹序。

左朝奉大夫新廣南東路轉運判官張銖撰

¹⁵⁷ Chức quan văn lục phẩm thời Bắc Tống, vua Tống Huy Tông.

¹⁵⁸ Trong lịch sử Trung Quốc, vùng Quảng Đông là nơi cư trú của cư dân Bách Việt. Nhà Tần (221– 206 trước Công nguyên) thống nhất Trung Quốc, đặt nơi đây thành quận Nam Hải, Hợp Phố, bắt đầu mở ra con đường lưu thông xuyên suốt từ bắc xuống nam, đẩy mạnh giao lưu buôn bán. Vào thời Đường (618 – 907), nó được đặt là Lĩnh Nam Lộ 岭南路, thời Tống (960 – 1279) đặt là Quảng Nam Đông Lộ, thời Nguyên (1279 – 1368) đặt Giang Tây Hành Trung Thư Tỉnh 江西行中書省.

Khánh Đức năm thứ 4, năm Nhâm Thìn (1652), tháng 11, ngày lành.

Mộ duyên tỳ kheo ni Diệu Tuệ, hiệu Thiện Thiện trùng khắc bản gỗ.

慶德四年歲次壬辰至月穀日

募緣比丘尼妙慧善善重梓

瀉山警策

Quy Sơn Cảnh Sách

Bài Văn Cảnh Sách Của Ngài Quy Sơn

大洪嗣祖沙門 守遂 註

Đại Hồng Từ Tổ, Sa-môn Thủ Toại chú.

Thiền sư Đại Viên¹⁵⁹ ở Quy Sơn: Sư húy Linh Hựu. Ban đầu Sư tham học với thiền sư Đại Trí¹⁶⁰ Bách Trượng. Đêm khuya Sư đứng hầu, Bách Trượng bảo: - Người vạch trong lò xem có lửa không? Sư vạch ra rồi, thưa: - Dạ, trong lò không có lửa. Ngài Bách Trượng đứng dậy, đến vạch sâu trong lò được một chút lửa, gấp đưa lên, nói: - Người nói không có, vậy cái này là cái gì? Sư nhân đó mà ngộ nhập. Ngài Bách Trượng sai Tư Mã Đầu Đà tuyển chọn người có khả năng kiến lập đạo tràng ở Quy Sơn, nhân đó nói với đại chúng: - Ai ở trong chúng này nói được một chuyển ngữ¹⁶¹ thì ta sẽ cho đi Quy Sơn; bèn chỉ cái tịnh bình, hỏi: - Nếu gọi nó là tịnh bình tức là xúc [phạm], nếu không gọi nó là tịnh bình tức là bội [ước],¹⁶² [vậy gọi nó là gì?] Bấy giờ, ngài Hoa Lâm làm thủ tọa, nói: - Không thể kêu là khúc cây lưng.¹⁶³ Ngài Bách Trượng không bằng

¹⁵⁹ Đại Viên là hiệu vu ban sau khi Sư tịch.

¹⁶⁰ Đại Trí là hiệu vua ban sau khi Sư tịch.

¹⁶¹ Nhất chuyển ngữ 一轉語: Tiếng dùng trong Thiền lâm, còn gọi là nhất ngữ xuất cách 一語出格. Một câu nói khiến cho người chuyển mê khai ngộ. Nghĩa là lúc Thiền sinh mờ mịt không hiểu, hết đường tới lui, thì lập tức vị thầy chuyển đổi cơ pháp nói ra một câu làm cho Thiền sinh tỉnh ngộ, gọi là Nhất chuyển ngữ. Tắc 8 trong Thung dung lục (Đại 48, 232 thượng) nói: Thừa quá khứ thời đức Phật Ca diếp tôi từng trụ ở núi này. Có người học hỏi tôi: Bậc đại tu hành còn rơi vào nhân quả không? Tôi nói là không rơi vào nhân quả. Do câu nói ấy mà tôi bị dọa làm loài chồn đã 500 đời. Nay xin Hòa thượng nói cho tôi một chuyển ngữ (Nhất chuyển ngữ). Ngài Bách trượng nói: Không làm nhân quả. Ngay câu nói ấy, ông già đại ngộ. [X. Cảnh đức truyền đăng lục Q.22; Thiền tông tụng cổ liên châu thông tập Q.38]

¹⁶² 若喚作淨瓶則觸。若不喚作淨瓶則背。Thuật ngữ thiền là ‘xúc bội quan’ (觸背關). Xúc 觸, xúc động, chỉ cho ‘hội lý’ (nhưng phản thực tại). Bội 背, trái ngược, chỉ cho ‘không hội lý’ (tức coi thường chứng cứ). Vô môn quan, Tắc số 43, Thủ Sơn trúc bệ: Hòa Thượng Thủ Sơn chia ra cây gậy trúc và hỏi tăng chúng: - Này cái người, nếu gọi vật này là cây gậy trúc sẽ bị coi là động chạm (xúc), còn nếu không gọi nó là gậy trúc thì sẽ bị cho là quay lưng lại (bội). Hãy nói ta nghe các người gọi nó là gì? Bình Xương: Vô Môn nói rằng: Nếu gọi là cây gậy trúc sẽ bị ràng buộc bởi cái danh xưng, còn như không gọi là cây gậy trúc thì thành ra coi thường nó. Nói cũng dở mà im lại không xong. Nhanh lên! Nhanh lên! Trả lời xem ta phải làm cách nào!

¹⁶³ Ngày xưa, người ta lấy khúc gỗ đục thành tịnh bình đựng nước, nên Ngài Hoa Lâm nói không thể gọi là khúc cây lưng.

lòng. Bấy giờ, Sư làm Diễm tọa. Ngài Bách Trượng bèn hỏi Sư [câu ấy], Sư đá ngã cái tịnh bình. Ngài Bách Trượng nói: - Ngài Thủ tọa thua mất hòn núi này rồi. Sư sống ở Quy Sơn, lập ra dòng thiền Quy Ngưỡng, đạo lý truyền khắp thiên hạ, là tác giả Bài văn Cảnh Sách: cảnh là đánh thức người chưa ngộ; sách là nhắc nhở người chưa tiến.

(1) *Cảnh Giác Nghiệp Quả Vô Thường*

夫業繫受身。未免形累。

Vì nghiệp lực kết buộc mà có thân thể, thì chưa ai thoát khỏi cái lụy của hình骸.

Thân là gốc của khổ đau, nên nêu ra trước. Thấu hiểu được gốc của vọng niệm, mới có thể tiến bộ đạo nghiệp. Hai chữ ‘nghiệp hệ’ là nói, từ tối sơ một niệm bất giác nên tâm [nhiễm ô] chao động, gọi đó là nghiệp tướng; tiếp theo là chuyển tướng, sau cùng là hiện tướng, chính là ba tế tướng. Do hiện tướng mà sinh trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng và nghiệp hệ khổ tướng, chính là sáu thô tướng.¹⁶⁴ Năm thô tướng trước còn đối trị được, nhưng khổ tướng sau cùng này, nó kết buộc chúng sinh, không thể đối trị. Thân này đã do ‘tam tế, lục thô’, chủng tử vô minh tập khởi mà thành, thì đâu thể thoát khỏi hệ lụy của hình骸.

稟父母之遺體。假眾緣而共成。

Nên bầm thụ thể chất tiết ra của cha mẹ, vay mượn những yếu tố tương quan mà hợp thành.

Do bầm thụ nghiệp thức vọng tưởng, nên thọ thân ở trong tinh cha huyết mẹ, vay mượn việc bú mớm, tắm gội, ăn uống, y phục, các yếu tố như vậy để sinh tồn. Đức Phật dạy: “Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ.”

¹⁶⁴ Tam tế, lục thô là 9 trạng thái bất giác. Đây là thuyết minh trình tự sinh khởi các thứ mê vọng của chúng sinh. Do căn bản vô minh (bất giác) mà sinh khởi ra ba tế tướng là: 1. Vô minh nghiệp tướng (năng động, nghiệp tướng); 2. Năng kiến tướng (năng kiến, kiến tướng, chuyển tướng) và 3. Cảnh giới tướng (năng hiện, cảnh tướng, hiện tướng). Lại duyên vào cảnh giới của hiện tướng (đối cảnh) mà sinh khởi 6 loại mê tướng đối lại với ba tế tướng trên mà gọi là lục thô. Lục thô gồm có: 1. Trí tướng (phân biệt), 2. Tương tục tướng (liên tục), 3. Chấp thủ tướng (cố thủ), 4. Kế danh tự tướng (từ ngữ), 5. Khởi nghiệp (động tác), 6. Nghiệp hệ khổ tướng (khô não). Sau đây là chính văn của Khởi Tín Luận nói về tam tế và lục thô: “Thêm nữa, do bất giác mà phát sinh ba trạng thái không tách rời với nó. Một là năng động, là bất giác thì vọng động, và gọi là nghiệp; giác thì không vọng động, vọng động thì khổ não, vì hậu quả không tách rời nguyên nhân. Hai là năng kiến, là vọng động chuyển thành nhận thức, không vọng động thì nhận thức cũng không. Ba là năng hiện, là nhận thức hình thành đối cảnh, tách rời nhận thức thì đối cảnh cũng không. Rồi do đối cảnh hỗ trợ mà phát sinh sáu trạng thái nữa. Một là phân biệt, là phân biệt đối cảnh cái dễ ưa cái dễ ghét. Hai là liên tục, là do phân biệt mà phát sinh khổ vui, làm cho cảm giác liên tục. Ba là cố thủ, là do sự liên tục mà bám víu đối cảnh, khổ vui giữ mãi trong lòng. Bốn là từ ngữ, là sự cố thủ hình thành ngữ văn. Năm là động tác, là từ ngữ tạo ra đủ loại hành vi. Sáu là khô não, là hành vi buộc phải nhận lấy hậu quả, không còn tự do. Hãy nhận thức rằng bất giác phát sinh mọi sự ô nhiễm, bởi vì mọi sự ô nhiễm toàn là biểu hiện của bất giác.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

雖乃四大扶持。常相違背。

Tuy được bốn thứ đại chúng hỗ trợ, nhưng chính bốn thứ này lại luôn luôn đối nghịch lẫn nhau.

Bốn đại ở trong: đất, nước, lửa, gió, mỗi đại có tính chất khác nhau.¹⁶⁵

無常老病。不與人期。

Do đó mà vô thường già bệnh không hẹn với ai cả.

Thân bốn đại năm uẩn¹⁶⁶ thì sinh diệt trong từng ý nghĩ.

朝存夕亡。剎那異世。

Sớm còn tối mất, trong một sát na là qua đời khác.

Sát-na là một khoảng thời gian rất ngắn.

譬如春霜曉露。倏忽即無。

Khác nào sương mùa xuân, móc sáng sớm, chốc lát đã không;

Tướng trạng của vô thường là biến diệt trong chốc lát.

岸樹井藤。豈能長久。

cây bên bờ, dây trong giếng, đâu được lâu bền.

Sự mong manh, không lâu bền của thân thể cũng giống như thế.

念念迅速。一剎那間。

Như ý nghĩ này nối tiếp ý nghĩ khác, chuyển biến cực kỳ mau chóng, nên trong một sát na,

Như có bốn đại lực sĩ đồng thời bắn bốn mũi tên ra bốn phương, lại có một người đồng thời tóm lấy bốn mũi tên ấy, thì gọi là một sát-na.

轉息即是來生。何乃晏然空過。

¹⁶⁵ Đất là kiên tánh: thể cứng. Nước là thấp tánh: thể lỏng. Lửa là noãn tánh: sức nóng. Gió là động tánh: sức động. Bốn đại chúng ở trong thuộc loại có cảm giác, là cơ thể. Bốn đại chúng ở ngoài thuộc loại không cảm giác, là vũ trụ.

¹⁶⁶ Đó là bốn yếu tố cấu tạo toàn bộ cơ thể, và năm uẩn là yếu tố của sinh mạng hay sự sống. Tương ưng bộ, Tương ưng uẩn, 76. Đáng được ăn: “Này các Tỷ-kheo, thể nào gọi là sắc? Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc. Bị thay đổi bởi cái gì? Bị thay đổi bởi lạnh, bị thay đổi bởi nóng, bị thay đổi bởi đói, bị thay đổi bởi khát, bị thay đổi bởi sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng và rắn. Bị thay đổi, này các Tỷ-kheo, nên gọi là sắc.” (H.T Thích Minh Châu dịch)

chuyển hơi thở đã là đời sau. Như vậy tại sao vẫn an nhiên để đời mình trôi đi một cách vô ích?

Từ đầu bài văn đến đoạn ‘trôi đi một cách vô ích’ này là trình bày cho hàng tại gia và hàng xuất gia về thân thể hư giả và thế gian mong manh: cả hai đều vô thường, chuyển biến cực kỳ mau chóng và có nhiều tai họa, qua đó cảnh giác và sách tiến khiến họ hiểu rõ, không để đời mình trôi qua ngày tháng một cách vô ích.

Từ đoạn này trở đi, chỉ trình bày cho người xuất gia về những lý do phải tư duy, quán sát.

(2) Cảnh Giác Xuất Gia Không Trộn

父母不供甘旨。六親固以棄離。

Đối với cha mẹ thì không cung phụng ngọt ngon, đối với thân quyến cố nhiên rời bỏ xa cách,

Thân quyến đều từ bỏ xa cách, chính là lý do để tự xét sao cho thường khế hợp đạo nghiệp.

不能安國治邦。

đối với đất nước không có khả năng bình trị,

Giã từ cha mẹ, cắt đứt thân duyên, lại không thể hết lòng phụng hành công ích, giúp vua, lợi dân, vậy thì mình nên làm việc gì?

家業頓捐繼嗣。

đối với gia tộc bỏ hết nghĩa vụ thừa kế,

Không có người nối dõi là bất hiếu. Người xuất gia hoằng đạo là người đại hiếu chân thật.¹⁶⁷

緬離鄉黨。剃髮稟師。

xa làng bỏ xóm, cắt tóc, bỉnh thụ Phật pháp với bổn sư.

¹⁶⁷ Tăng chi bộ kinh, chương Hai pháp, phẩm Tâm thăng bằng: “Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai công mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đầm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đây, mẹ cha có vài tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này. Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha.” (H.T Thích Minh Châu dịch)

Ngưng bỏ thể duyên, cắt đứt tình ái, cắt tóc theo Thầy học giáo pháp, thực hành đại đạo của cổ Phật, giống tướng nghi của cổ Phật.

內勤尅念之功。外弘不諍之德。

Như vậy lễ đáng trong thì siêng về công phu khắc niệm, ngoài thì bủa ra đức tính hòa bình,

Bước tới công đức của người xuất gia thì cần phải trong ngoài phù hợp.

迥脫塵世。冀期出離。

xa hẳn trần tục, kỳ vọng giải thoát.

Tâm chí hướng tới sự vượt thoát trần thế thì mới hợp với ý chỉ sâu xa của người xuất gia.

何乃纔登戒品。便言我是比丘。

Sao lại mới bước lên phẩm bậc của giới pháp, mà đã tự thị ta đây là vị tỷ kheo.

Tự cho mình là tỷ kheo thì chứng nghiệm được ngã tướng hiện ngay trước mắt.

檀越所須。喫用常住。

Dùng của thí chủ, ăn của thường trú,

Không chần tằm mà có cái mặc, không cày ruộng mà có cái ăn.

不解忖思來處。

không biết xét kỹ vì sao mà có của ấy,

Tỷ kheo thọ thực phải thực hành năm sự quán xét, trong đó: ‘Một, xét kể công lao nhiều ít và ước lượng lý do của thực phẩm.’ Cổ đức xem xét một hạt gạo phải trải qua bảy, mười ba lượt công phu¹⁶⁸. ‘Hai, nghĩ kỹ đức hạnh của mình đủ hay thiếu để ứng thọ sự cúng dường ấy.’ Bậc đã chứng quả A la hán mới đủ đức hạnh để ứng thọ sự cúng dường, ngoài bậc ấy ra đều là thiếu đức hạnh để ứng thọ sự cúng dường.

謂言法爾合供。

lại bảo rằng lẽ tự nhiên là phải hiến cúng.

Phân biệt sai lầm, chấp trước tình cảm, thà là xét lỗi của mình.

喫了聚頭喧喧。但說人間雜話。

¹⁶⁸ Trí độ luận nói, thực phẩm này do cuốc cày, trồng tía, hái gặt, giã xay, gạn lọc, nấu thổi, đến khi thành thực phẩm thì công lao quả thật là nhiều. Tăng kỳ luật nói, thí chủ bớt cả phần ăn của vợ con họ, vì cầu phước mà hiến cúng.

Ăn rồi, xúm đầu huyền não, chỉ nói toàn chuyện tạp của thế gian.

Người xuất gia chí nguyện cầu vô vi và đại đạo, thế mà chẳng nghiên cứu lời dạy của Phật, ý thú của Phật, trái lại thuận theo thế đế huyền não, thì đời mình về sau như thế nào? Chắc chắn là mất căn bản, trái chí nguyện.¹⁶⁹

然則一期趁樂。不知樂是苦因。

Nhưng một thì thừa dịp vui thích, mà không biết chính cái vui ấy là nguyên nhân của sự thống khổ.

Khi cái vui của thế đế mà mất đi thì đó là nguyên nhân của khổ đau. Hưởng thọ một cách vô ích cúng phẩm của tín đồ thì phải mắc nợ họ, há còn ngờ ư? Gặm sắt gặm yên vẫn là quả báo nhẹ nhàng.

曩劫徇塵。未嘗反省。

Bao kiếp xưa kia, đem thân theo trần cảnh, chưa từng phản tỉnh.

Từ bao kiếp đến giờ, chạy đuổi theo trần cảnh, quay lưng với giác tánh, có khi nào tạm dừng để quán sát nội tâm của mình?

時光淹沒。歲月蹉跎。受用殷繁。施利濃厚。

Thì giờ mất mát, năm tháng lẩn lữa, hưởng dụng càng nhiều, thí lợi càng lắm,

Động lòng trước lợi dưỡng thế gian nên chưa từng kiểm điểm, phản tỉnh.

動經年載。不擬棄離。

hết năm này qua năm khác mà không biết nghĩ đến sự rời bỏ.

Quyển luyến xứ sở, không biết tai họa [của sự quyến luyến].

積聚滋多。保持幻質。

Chất chứa càng nhiều cũng chỉ bảo trì xác huyễn mà thôi.

Chỉ bảo trì thân xác huyễn vọng, đối nghịch với pháp thân thanh tịnh.

導師有勅戒勗比丘。進道嚴身三常不足。

Đức Đạo sư có huấn dụ, khuyên dạy các vị tỷ kheo, hãy tiến bộ đạo nghiệp mà trang hoàng cơ thể, còn ăn, mặc, và ngủ, cả ba thứ ấy không lúc nào nên hưởng dụng sung túc.

¹⁶⁹ Người xuất gia lấy giới luật làm căn bản, lấy giải thoát làm chí nguyện.

Kinh Phật Di Giáo có ghi: (1) “Các thầy Tỷ kheo, hãy tự xoa đầu mình, đã bỏ sự trang sức và đồ tốt đẹp, mình mặc áo hoại sắc, tay cầm đồ thích ứng, khát thực để sống.” (2) “Các thầy Tỷ kheo, thọ dụng đồ ăn thức uống, hãy coi như việc uống thuốc, ngon không ham, dở không bỏ, vừa đủ duy trì cơ thể cho khỏi đói khát. Như ong lấy hoa, chỉ lấy mùi vị mà không tổn thương hương sắc, người xuất gia cũng vậy. Thọ dụng cúng phẩm của người vừa khỏi đói khát thì thôi, không được ham cầu cho nhiều, phá vỡ thiện niệm của họ.” (3) “Các thầy Tỷ kheo, ban ngày thì nỗ lực thực tập thiện pháp, không để thì giờ lướt mắt, đầu đêm cuối đêm cũng đừng phê bỏ, giữa đêm lại phải tụng niệm để tự tiêu trừ điều ác, sinh trưởng điều thiện. Đừng vì lý do ngủ nghỉ mà để đời mình trôi đi, không được một chút ích lợi.” Nghĩa là đối với đồ ăn, đồ mặc và đồ nằm, biết rằng ba thứ ấy không thể mặc tình hưởng dụng đầy đủ.

人多於此。耽味不休。

Nhưng con người đa số đối với ba thứ ấy đam mê không ngừng,

Vị [味], là đam mê mùi vị.

日往月來。颺然白首。

đến nỗi ngày qua tháng lại, vụt cái bạc đầu.

Người xưa nói: “Chỉ biết trước mắt việc đi mãi, chẳng hay trên đầu già đến rồi.”¹⁷⁰

後學未聞旨趣。

Nên hậu học chưa nghe tôn chỉ của Phật pháp

Chỉ thú của xuất gia.

應須博問先知。

thì phải học hỏi sâu rộng với các vị tiên giác,

Không thể ôm giữ sự dốt nát, tự xem là đúng.

將謂出家。貴求衣食。

sao lại toan bảo xuất gia quý hồ cơm áo.

¹⁷⁰ Chánh văn là: Cổ vân, chỉ tri sự trục nhãn tiền quá, bất giác lão từng đầu thượng lai. 古云。只知事逐眼前過。不覺老從頭上來。Trong bài Cáo tật thị chúng của thiền sư Mãn Giác (1052 – 1096) có hai câu: “Sự trục nhãn tiền quá, Lão từng đầu thượng lai.” (bỏ ‘chỉ tri’ và ‘bất giác’) Thiền sư Thủ Toại (1072 – 1147) ra đời sau thiền sư Mãn Giác đúng 20 năm. Khi Mãn Giác thị tịch thì Thủ Toại mới 24 tuổi, chưa xuất gia. Thế nên, có hai trường hợp: một là, câu nói trên của người xưa, và cả hai ngài đều biết nó; hai là, thiền sư Thủ Toại có biết bài ‘Cáo tật thị chúng’ và sử dụng nó nhưng thêm ‘chỉ tri’ và ‘bất giác’.

Người xuất gia thực thi pháp vô vi, thế mà còn tư tình và ngu kiến, lại bảo xuất gia quý hồ cơm áo.

(3) Cảnh Giác Không Học

佛先制律。啟創發蒙。

Đức Phật trước tiên thiết chế giới luật là để bắt đầu mở mang cho sự ngu muội.

Mở mang cho sự ngu muội.

軌則威儀。

Phép tắc uy nghi

Có uy đức đáng cung kính, có dung nghi đáng noi theo.

淨如冰雪。

sạch như băng tuyết.

Không giống như giới cấm xen tạp của ngoại đạo đều không thanh tịnh.

止持作犯。束斂初心。

Đình chỉ là giữ, hành động là phạm, nguyên tắc ấy kèm thúc sơ tâm;

Nhiếp luật nghi giới: đình chỉ điều ác là giữ, hành động điều ác là phạm. Nhiếp thiện pháp giới: đình chỉ điều thiện là phạm, hành động điều thiện là giữ.

微細條章。革諸猥弊。

điều mục đầy đủ, chương tiết minh bạch, giới pháp này đổi bỏ tội tệ.

Năm thiên và bảy tỳ, tánh giới và giá giới. Sau Phật thành đạo mười hai năm mới có chế luật. Tôn giả A-nan thưa hỏi đức Phật: “Vì sao trong mười hai năm đầu đức Thế Tôn không chế giới?” Đức Phật dạy: “Như người đời vá áo. Áo chưa bị rách mà vá thì bị chê cười. Ta cũng như vậy, nhân có kẻ hữu sự, mới thiết chế giới luật.”

毗尼法席曾未叨陪。了義上乘豈能甄別。

Pháp tịch giảng dạy Luật tạng mà chưa hề học hỏi và thân cận, thì đối với Thượng thừa là giáo lý liễu nghĩa, làm sao có khả năng cứu xét rành mạch.

Tỳ-ni là luật học vậy. Nhân giới sinh định, nhân định phát tuệ. Luật học còn mê muội, thì ý chỉ thâm sâu của giáo lý liễu nghĩa làm sao thông đạt được?

可惜一生空過。後悔難追。

Nên thật đáng đau tiếc là để một đời trôi đi một cách trống rỗng, sau này hối hận cũng khó mà đuổi kịp.

Trẻ không nỗ lực, già không chỗ thành, sau này hối hận thì có ích lợi gì đâu.

教理未嘗措懷。玄道無因契悟。

Giáo lý chưa từng để dạ thì diệu pháp không nhân đâu mà khế ngộ.

Lý thú của Thánh giáo còn chưa lưu tâm, thì đạo lý huyền diệu nhân đâu mà khế ngộ.

(4) Cảnh Giác Không Tu

及至年高臆長。空腹高心。不肯親附良朋。唯知倨傲。

Cập kỳ đến lúc tuổi đời đã cao, tuổi hạ cũng lớn, nhưng bụng thì rỗng, lòng lại cao, bởi vốn không chịu thân cận thiện hữu nên chỉ biết xác láo ngạo ngược,

Đã có tuổi mà không đức hạnh, lại bào chữa che giấu tội lỗi. Vô minh huân tập hình thành, nên kiêu căng tự cao tự đại.

未諳法律。戢斂全無。

chưa hiểu thành thuộc giáo pháp và giới luật nên sự tự chế ngự hoàn toàn không có.

Không thân cận thiện hữu thì làm sao hiểu giáo pháp và giới luật. Ba hành nghiệp và bốn uy nghi trái ngược với giới luật chế định.

或大語高聲。出言無度。

Lời to, tiếng lớn, nói năng vô phép.

‘Sự tự chế ngự hoàn toàn không có’, là thân nghiệp. ‘Lời to, tiếng lớn, nói năng vô phép’, là ngữ nghiệp.

不敬上中下座。婆羅門聚會無殊。

Không kính thượng tọa, trung tọa, hạ tọa, ngồi với nhau không khác gì sự tụ họp của các đạo sĩ Bà la môn.

‘Không kính’, là ý nghiệp. Y cứ theo luật thì có thứ lớp thượng tọa, trung tọa và hạ tọa. Phật chế người thọ giới trước ngồi trước, người thọ giới sau ngồi sau. Ngoại đạo thì không như vậy. Từ đây trở xuống là cảnh giác những lỗi lầm ấy.

椀鉢作聲。食畢先起。

Khua bát ra tiếng, ăn rồi dậy trước.

Oản [椀], là tiếng đòi Đường. Bát [鉢], là Phạn ngữ, gọi đủ là bát-đa-la [鉢多羅], dịch là úng lượng khí. Nếu khua bát ra tiếng thì trong cổ họng của ngạ quỷ phát ra lửa.

去就乖角。僧體全無。

Đi ở trái phép nên bản chất tăng sĩ mất hẳn,

Tăng [僧], là Phạn ngữ, gọi đủ là tăng-già-da [僧伽耶], dịch là chúng hòa hợp. Lý sự hòa hợp là bản chất của tăng sĩ. Đi ở đã vô phép thì bản chất của tăng sĩ làm sao có?

起坐忪諸動他心念。

đứng ngồi quàng hoảng nên làm động tâm niệm của kẻ khác.

Tâm thân quàng hoảng, không đành gọi là xuất gia; não loạn kẻ khác, không thể kêu là sa-môn.

不存些些軌則小小威儀。將何束斂後昆。新學無因倣傚。

Phép tắc ít nhất cũng không giữ, uy nghi nhỏ nhất cũng không còn, thì đưa cái gì ra để kèm thúc hậu bối, nên kẻ sơ học không biết do đâu mà mô phỏng.

Nếu tự mình không tu hành chánh hạnh, mà bảo kẻ khác tu hành, thì không có chuyện đó.

(5) Cảnh Giác Sự Không Chịu Cảnh Giác

纔相覺察。便言我是山僧。

Vậy mà có ai mới cảnh giác cho thì liền bảo ngay rằng ta đây là tăng sĩ rừng núi.

Nhân ngã công cao, chê đề hậu học.

未聞佛教行持。一向情存麤糙。

Quả là kẻ chưa bao giờ nghe đến sự hành trì của Phật huấn dụ, nên chỉ có một chiều hướng là tánh tình vẫn còn y nguyên.

Hạnh giải không chọn, thế để thuận thực.

如斯之見。蓋為初心慵惰。饕餮因循。

Cung cách như vậy là vì sơ tâm biếng nhác, nên ham muốn xấu xa y như thói cũ,

Tham tiền gọi là tham [饕]. Tham ăn gọi là thiết [餮].

荏苒人間。遂成疎野。

dần dà theo đời, hóa thành quê kệch.

Dần dà theo đời, đâu biết thanh tĩnh.

不覺躑躅老朽。觸事面牆。

Thế rồi bất giác mà lóng cóng già yếu, nhưng gặp việc thì như đối diện với tường vách.

Lóng cóng [lùng chùng 躑躅], là đi đứng chậm chạp. Đối diện với tường vách [diện tường 面牆], là cái gì cũng không biết.

後學咨詢。無言接引。

Hậu học thưa hỏi thì không có lời tiếng chi để hướng dẫn.

Chính mình đã không có trí tuệ, thì lấy gì mà mở mang cho hàng hậu học bước tới.

縱有談說。不涉典章。

Có nói cũng không liên hệ gì với kinh điển.

Ức thuyết một cách bừa bãi, khiến kẻ bàng quan cười chê, khinh rẻ.

便責後生無禮。不省己非。更責他過。瞋心愈起。言語該人。

Và bị khinh thì bảo hậu sinh vô lễ, sân tâm nổi giận, lời tiếng át người.

“Một niệm sân tâm nổi lên, thì trăm ngàn chương môn đều mở.”¹⁷¹ Ba độc nơi phạm tình đã buông thả, thì bốn thật¹⁷² của Phật ngữ làm sao nghĩ đến.

(6) Cảnh Giác Luân Hồi Ác Báo Vẫn Chịu Vô Cùng

一朝臥疾在牀。眾苦縈纏逼迫。曉夕思忖。心裏惴惴。眾苦逼迫惴惴怖憂。
前路茫茫。未知何往。

Một mai bệnh nằm trên giường thì mọi thứ đau đớn bao vây, xiết buộc, bức bách, sớm tối lo nghĩ, trong lòng khiếp sợ, đường trước man mác, chưa biết đi về chỗ nào.

Đã lầm tôn trọng cái thân giả huyền này, thì bao giờ hiểu được chỗ nương tựa chân thật?

從茲始知悔過。臨渴掘井奚為。

Bấy giờ mới biết hối hận, là sắp chết khát mới đào giếng, thì đào mà làm gì.

¹⁷¹ Hoa nghiêm kinh tùy sở diễn nghĩa sao, No. 1736, tr. 21c23: “Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chương môn khai.”

¹⁷² Tứ thật = tứ diệu đế: khô, tập, diệt, đạo.

Dù cho hối hận biết lỗi, công hạnh do đâu có đủ?

自恨早不預修。年晚多諸過咎。

Chỉ còn tự giận lấy mình sớm không dự bị tu tập, tuổi về chiều thì lắm điều tội lỗi,

Tội lỗi đã rõ, hối hận ích gì?

臨行揮霍。

nên khi sắp đi khỏi cuộc đời thì sự sống tan rã thật mau chóng,

Đau khổ vì không có định lực, cam chịu đi vào cửa tử.

怕怖惺惶。

lòng càng khiếp sợ hãi hùng.

Không nghiệp thiện nào để nương, không công đức nào để cậy.¹⁷³

穀穿雀飛。識心隨業。

Rồi lựa thùng chim bay, tâm thức phải tùy theo nghiệp lực.

Kinh Thất hiền nữ nói: “Chim sẻ lọt vào bình, lấy lựa bịt miệng bình, lựa thùng chim sẻ bay, tâm thức chạy theo nghiệp.”¹⁷⁴

如人負債。強者先牽。

Như kẻ mắc nợ thì ai mạnh kéo trước,

Nghiệp lực thiện và ác đều lấy vọng thức làm chủ. Nghiệp lực nào mạnh thì lôi kéo vọng thức, khiến mình không còn tự chủ được nữa.

心緒多端。重處偏墜。

tâm thức lắm thứ ác nghiệp thì chỗ nào nặng hơn là phải rơi trước vào đó.

Bốn sinh loài trong sáu đường, tùy theo tình và tướng mà thọ báo [khác nhau].

無常殺鬼。念念不停。

Nên quỷ sứ vô thường sát nhân, ý tưởng này nối tiếp ý tưởng khác, tác hại không ngừng.

Có sinh thì có diệt, Không vì kẻ ngu thuyết.¹⁷⁵

¹⁷³ Kinh Vô lượng thọ, No. 360, quyển Thượng, tr. 271c18: “Vô thiện khả hỷ, vô đức khả thị.”

¹⁷⁴ Quy Sơn cảnh sách cú thích ký, Vạn, No. 1240, nói trích từ Đại luận (: Đại trí độ luận). Chim sẻ là tâm thức, bình là thân tứ đại, lựa là mạng căn (sự sống).

命不可延。

Sinh mạng không thể kéo dài,

Người xưa nói: “Vô thường như là hoàng hôn xuống, càng không giữ anh đến một canh.”

時不可待。

thì giờ không hề chờ đợi.

Chớ bảo ngày nay không học, còn có ngày mai; chớ bảo năm nay không học, còn có năm sau. [Ngày tháng trôi qua, tuổi chẳng chờ ta.] Than ôi, già đi rồi, lỗi ấy bởi ai?¹⁷⁶

人天三有。應未免之。

Rồi ba cõi luân hồi chưa thể thoát khỏi,

Ba cõi không yên, giống như nhà lửa.¹⁷⁷

如是受身。非論劫數。

và thọ thân như vậy khó nói cho hết số lượng của thì gian lâu dài.

Như bánh xe quay nước¹⁷⁸, đắp đôi cao thấp.

(7) *Kết Thúc Cảnh Giác*

感傷歎訝。哀哉切心。

Cảm thương than thở, đau đớn như cắt đứt tim gan,

Ngài Quy Sơn đau buồn cho những người chưa ngộ. Tình cảm của ngài tha thiết như thế.

豈可緘言。遞相警策。

làm sao có thể phong gói lời nói, nên phải cảnh giác để sách tiến cho nhau.

Chúng sinh luân hồi trong khổ thú, đâu thể ‘hoài bảo mê bang’¹⁷⁹; đã làm bậc thiện tri thức, đâu thể im lặng, không có lời huân thị hay sao?

¹⁷⁵ Lăng-già a-bạt-đa-la bảo kinh, No. 670, phẩm Nhất thiết Phật ngữ tâm, phần 4, tr. 512c18: “Tất cả pháp chẳng sinh, Ta nói nghĩa sát-na, Có sinh thì có diệt, Không vì kẻ ngu thuyết.”

¹⁷⁶ Minh tâm bửu giám, Khuyến học văn: “Châu Văn công viết: Vật vị kim nhật bất học nhi hữu lai nhật; vật vị kim niên bất học nhi hữu lai niên. Nhật nguyệt thế hĩ, tuế bất ngã diên. Ô hô! Lão hĩ, thị thù chi khiên?” (朱文公曰：勿謂今日不學而有來日，勿謂今年不學而有來年。日月逝矣，歲不我延。嗚呼老矣，是誰之愆。)

¹⁷⁷ Kinh Pháp hoa, phẩm Thí dụ: “Tam giới vô an, Du như hỏa trạch.”

¹⁷⁸ Cáp tình luân 汲井輪: Skt. ghatīyantra. Còn gọi là Cáp thủy luân. Cái bánh xe quay để lấy nước từ dưới giếng lên quay liên tục, cũng ví như vòng sinh tử luân hồi tiếp nối không cùng.

所恨同生像季。去聖時遙。

Điều đáng tủi hận là chúng ta cùng sinh vào thì gian cuối cùng của thời kỳ Phật pháp tương tự, cách xa thời đại của Phật,

Thời kỳ Phật pháp tương tự là thời gian hai ngàn năm sau Phật nhập diệt, cũng là thời gian làm bài văn Cảnh sách này.¹⁸⁰ Nay lại thêm hai trăm năm¹⁸¹, càng cách xa thời đại của Phật.

佛法生疎。人多懈怠。

Phật pháp lơ thơ, lòng người đa số biếng nhác,

Căn cơ đều thấp kém, đâu thể so sánh với người ở thời kỳ chánh pháp nguyên chất hay thời đại của Phật.

略伸管見。以曉後來。

nên phải trình bày sơ lược cái thấy chỉ như ống dòm trời, để khuyên bảo những người hậu học.

‘Cái thấy như ống dòm trời, để khuyên bảo những người hậu học’, đó là lời nói nhúng nhường của ngài Quy Sơn.

若不黜矜。誠難輪迴。

Nếu không loại bỏ tính nết kiêu căng, thì quả thật khó mà thay đổi cho nhau.

Nếu không loại bỏ tính nết kiêu căng, thì sẽ đưa đến mọi sự tội lỗi và tai họa của tội lỗi ấy, và thật khó mà trốn tránh nghiệp báo và khổ quả của sự sinh tử luân chuyển không ngừng. Thiền sư

¹⁷⁹ Hoài bảo mê bang 懷寶迷邦: ôm báu nước loạn. Xuất xứ từ Luận ngữ, quyển 9, chương 17: Dương Hoá muốn gặp Khổng tử, nhưng Khổng tử không đến thăm y, nên y biểu Khổng tử một con heo sữa luộc chín. Khổng tử rình lúc Dương Hoá đi vắng, lại nhà y tạ ơn. Không ngờ trên đường về gặp y. Y gọi Khổng tử: “Lại đây, tôi muốn nói chuyện với ông”. Rồi nói: “Giấu tài đức quý báu mà không cứu nước đang mê loạn, có thể gọi là người nhân được không?” (Khổng tử làm thinh). Dương Hoá nói tiếp: “Không gọi là nhân được. Muốn ra làm quan mà nhiều lần bỏ lỡ cơ hội, có thể gọi là trí được không?” (Khổng tử lại làm thinh). Dương Hoá lại nói tiếp: “Không gọi là trí được. Ngày tháng trôi qua, tuổi chẳng đợi ta”. Khổng tử nói: “Vâng. Tôi sẽ ra làm quan”.

陽貨欲見孔子，孔子不見，歸孔子豚。孔子時其亡也，而往拜之，遇諸塗。謂孔子曰：「來！予與爾言。」曰：「懷其寶而迷其邦，可謂仁乎？」曰：「不可。」「好從事而亟失時，可謂知乎？」曰：「不可。」「日月逝矣，歲不我與。」孔子曰：「諾。吾將仕矣。」

¹⁸⁰ Xưa nay thường dùng thuyết thời kỳ Phật pháp nguyên chất có 500 năm sau Phật nhập diệt; thời kỳ Phật pháp tương tự có 1000 năm tiếp đó. Ngài Quy Sơn có niên đại là 770–853 dương lịch, lịch này kém Phật lịch 544 năm, vậy niên đại của ngài theo Phật lịch là 1314–1397. Như vậy, ngài là người cuối thế kỷ thứ 9 của thời kỳ Phật pháp tương tự.

¹⁸¹ Ngài Thủ Toại có niên đại là 1072–1147, theo Phật lịch là 1616–1691.

Vĩnh Gia nói: “Trừ kiêu căng, khinh mạn, không quan tâm hình hài, đó là bậc chuyên bí và chỉ đạo, có thể gọi là kẻ chứng lòng dạ của thần ư?”¹⁸²

Từ đoạn này trở xuống là trình bày riêng biệt: Bản ý của sự quyết chí xuất gia, đó là thừa hỏi tri thức, thân cận thầy bạn, phát minh đại sự nhân duyên [của sự xuất gia]. Đến khi bước tới ‘nhất đại thời giáo’¹⁸³, ‘Phật ngữ tâm tông’¹⁸⁴, thì người xuất gia cần phải ‘hạnh giải tương ưng’, cốt lõi vẫn là ‘tục Phật tuệ mạng’.

(8) *Sách Tiến Xuất Gia Cho Trọn Vẹn*

夫出家者。發足超方。心形異俗。

Người xuất gia là cất bước thì muốn vượt tới phương trời cao rộng, tâm tính và hình dung khác hẳn thế tục,

Một mình cất bước tới phương trời cao rộng, tâm chí vượt lên bị cảm thường tình.

紹隆聖種。震攝魔軍。

tiếp nối một cách rạng rỡ dòng giống của Phật, làm cho quân đội của ma phải rúng động khuấy phục,

Chí nguyện ngang cô Phật, uy lực dẹp chúng ma.

用報四恩。

với mục đích báo đáp bốn ân,

Ơn Phật, ơn quốc vương, ơn cha mẹ và ơn thí chủ.

拔濟三有。

cứu vớt ba cõi.

Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu, chính là ba giới chúng sinh.

¹⁸² Thiên tông Vĩnh Gia tập 禪宗永嘉集, No. 2013, do thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác (665 – 713) soạn, có 10 chương, đề cập đến việc tu tập. Câu này trong thư đại sư trả lời Lăng thiền sư, tr. 394a20, chương 9, Thư khuyên người bạn.

¹⁸³ Nhất đại thời giáo 一代時教: giáo pháp được thuyết trong một đời của đức Phật từ thành đạo đến diệt độ, tức ba tạng, mười hai bộ kinh, tám vạn bốn ngàn pháp môn, v.v..., cũng gọi là nhất đại giáo, nhất đại chư giáo, nhất đại giáo môn.

¹⁸⁴ Phật ngữ tâm tông 佛語心宗: Phật ngữ tâm làm tông chỉ. Phật ngữ tâm, tức là Như lai tạng tâm được thuyết bởi Phật. Kinh Lăng già nói rõ điều ấy, lấy Như lai tạng tâm làm tông chỉ, thế nên có phẩm Nhất thiết Phật ngữ tâm. Kinh Lăng già chú: “Phật ngữ tâm là tâm pháp được thuyết bởi chư Phật.” Tông kính lục, quyển 57: “Kinh Lăng già nói: Phật ngữ tâm làm tông, vô môn làm pháp môn.” (Câu này không tìm thấy trong 3 bộ kinh Lăng già)

若不如此。濫廁僧倫。

Không như vậy thì chỉ là kẻ lạm xen vào hàng ngũ tăng sĩ,

Trái ngược với đây đều là kẻ lạm dụng xen lẫn, chẳng phải Thích tử.

言行荒疎。虛露信施。

lời nói và việc làm trống rỗng, sơ suất, hưởng dụng một cách vô ích cúng phẩm của tín đồ,

Cúng phẩm của tín đồ vốn là ruộng phước. Lời nói và việc làm trống rỗng, sơ suất thì bản thân và tín đồ đều không có lợi ích.

昔年行處。寸步不移。

đường đi năm cũ thì một tắc một bước cũng không đổi dời,

Người xưa nói: “Chỉ thay đổi chỗ hành lý thời cũ, chớ thay đổi con người thời cũ.”¹⁸⁵

恍惚一生。將何憑恃。

quàng hoảng suốt cả một đời thì còn lấy gì mà nương tựa và cậy nhờ?

Quàng hoảng như đang chiêm bao, chưa tỉnh giấc, thì lấy công hạnh gì để nương tựa và cậy nhờ?

況乃堂堂僧相。容兒可觀。

Huống chi tăng tướng đường hoàng, dung mạo khả quan,

Tướng mạo khả quan chẳng phải là kết quả của tính tình xuề xòa.

皆是宿植善根。感斯異報。

toàn do thiện căn đời trước gieo trồng mới có được cái quả báo đặc biệt ấy,

Nhân tố ở đời này là do chủng tử của đời trước. Kết quả của đời sau là do sự tu tập ở đời này.

¹⁸⁵ Dẫn cái cựu thời hành lý xứ, mạc cái cựu thời nhân. 但改舊時行履處, 莫改舊時人. Hành lý 行履: Hành là thân mình làm, Lý là chân bước tới. Chỉ cho những sinh hoạt thực tiễn hàng ngày của chúng tăng. Trong từng lâm, mỗi năm 2 lần vào ngày mồng 9 tháng 2 và ngày mồng 9 tháng 8 có việc kiểm tra sổ tăng an cư và xem xét tình hình sinh hoạt sau khi giải chề, gọi là Hành lý điều tra 行履調查. Cuốn sổ ghi kết quả của cuộc điều tra, gọi là Hành lý trưởng 行履帳. Sư Triệu Châu (778-897) thượng đường, nói: “Huynh đệ! Chúng ta đang ở trong cõi báo oán thứ ba. Do đó nói: “Chỉ thay đổi chỗ hành lý thời cũ, chớ thay đổi con người thời cũ.” (但改舊時行履處, 莫改舊時人.) Chúng ta đều tự xuất gia và vô sự. Hơn nữa, chúng ta cũng hỏi thiền và hỏi đạo. Hai ba mươi con người dùm nhau đến hỏi giống như đang thiếu thiền, thiếu đạo. Dù ông gọi tôi là thiện tri thức, tôi đồng chịu lời như ông. Lão tăng chẳng nói giỏi, và sợ làm liên lụy đến người xưa, do đó nói đông nói tây.” Thiền sư Cao Phong Nguyên Diệu (1238-1295) một hôm bỗng nhiên nghe tiếng người tiểu đồng làm rơi chiếc gối, sư hốt nhiên đại ngộ, nói: “Trước sau vẫn là người thời cũ, Không đổi chỗ hành lý thời cũ.” (Nguyên lai chỉ thị cựu thời nhân, Bất cải cựu thời hành lý xứ. 元來只是舊時人, 不改舊時行履處.)

便擬端然拱手。不貴寸陰。

vậy mà chỉ nghĩ đến việc ngồi thẳng, khoan tay, chứ không biết quý trọng từng tắc bóng của thì giờ.

Người xưa quý trọng một tắc thì gian, xem nhẹ một thước ngọc bích.¹⁸⁶

事業不勤。功果無因克就。

Nhưng đạo nghiệp mà không chịu nỗ lực thực hành thì đạo quả sẽ không có nhân tố thành tựu.

Cổ Phật trải ba vô số kiếp, phát bốn hoằng thệ nguyện, khắp tu muôn hạnh, phước tuệ trang nghiêm, chút lỗi ắt trừ, mảnh thiện không bỏ, mới chứng thành quả Phật. Đâu phải đầy đủ tánh phàm phu, không siêng tu ba học: giới, định, tuệ, mà muốn mong cầu đại quả vô thượng ư?

豈可一生空過。抑亦來業無裨。

Như vậy đâu phải chỉ một đời này qua đi một cách vô ích, mà mọi việc trong những đời sau cũng không được bổ ích gì.

Chẳng những tự làm lẫn một đời, mà đời sau không có gì để cậy nhờ.

(9) *Sách Tiến Thực Hiện Cái Chí Căn Bản Của Sự Xuất Gia*

辭親決志披緇。意欲等超何所。

Giã từ song thân, quả quyết chí khí, khoác mặc pháp y, là ý muốn vượt lên cho ngang đến chỗ nào nữa kia:

Chí nguyện căn bản của sự xuất gia là phải thực hiện sự nghiệp nào đó.

曉夕思忖。豈可遷延過時。

sớm tối suy nghĩ như vậy thì đâu có thể chơi đùa cho qua mất thì giờ.

Thụt lùi nghĩ lại, nghe nhiều tiến học.

心期佛法棟梁。用作後來龜鏡。

Trong lòng tự kỳ hẹn cho mình phải làm trụ cột của Phật pháp, làm gương mẫu cho tương lai:

¹⁸⁶ Ngạn ngữ: 尺璧非寶, 寸陰是競. Xích bích phi bảo, thốn âm thị cạnh. Ngọc bích dài một thước không hẳn là quý; một tắc ánh sáng (thời gian) lại tranh giành nhau. Chỉ một tắc thời gian bằng một thước ngọc.

Chí khí mạnh mẽ nhớ làm trụ cột của Phật pháp, tiếp nối khuôn phép để làm gương mẫu cho hậu học. Qui [龜: mẫu], là biết họa phước tương lai. Kính [鏡: gương], là xem đẹp xấu hiện tại.

常以如此。未能少分相應。

thường xuyên tự nguyện như vậy mà chưa hẳn đã phù hợp phần nào với sự xuất gia.

Dẫu có chí nguyện mà hạnh giải chưa đầy đủ, nên nói là ‘chưa hẳn’ [未].

(10) *Sách Tiến Thực Hiện Cái Hạnh Căn Bản Của Sự Xuất Gia*

出言須涉於典章。

Nói thì phải liên hệ với kinh điển,

Nói không liên hệ với kinh điển, đó chẳng phải lời nói của quân tử.

談說乃傍於稽古。

bàn thì phải dựa vào sự kê cứu về xưa.

Lời nói là tâm tư, không thể nói tùy tiện, phỏng đoán, bộp chộp, và bàn mà không dựa vào sự kê cứu về xưa.

形儀挺特。

Hình dáng đỉnh đạc,

Hình dáng đoan trang, dung mạo chánh trực.¹⁸⁷

意氣高閑。

chí khí cao nhã.

Sông có châu là sông đẹp¹⁸⁸, người chứa đạo thì cao nhã.

(11) *Sách Tiến Thân Cận Thiện Tri Thức Của Sự Xuất Gia*

遠行要假良朋。數數清於耳目。

¹⁸⁷ Hình đoan biểu chánh 形端表正, nằm trong sách Thiên tự văn 千字文, được Châu Hưng Tự 周興嗣 thời Nam Lương biên soạn. Việc sáng tác được tương truyền rằng Lương Võ Đế ra lệnh cho Ân Thiết Thạch chép lại một ngàn từ không trùng lặp trên văn bia do Vương Hi Chi 王羲之 - một nhà Thư pháp tài hoa bậc nhất Trung Hoa thời Đông Tấn - viết để cho các hoàng tử lấy đó học tập. Nhưng do các chữ đều rời rạc, không liên nhau, cho nên ông cho gọi Châu Hưng Tự và bảo rằng: “Khanh có tài, hãy giúp ta văn bài này.” Châu Hưng Tự bỏ ra một đêm để biên soạn lại và dâng lên cho Võ Đế. Từ đó xuất hiện “Thiên tự văn” (bản văn đúng một ngàn chữ, một ngàn từ vựng) truyền đến ngày nay. Lại Có thành ngữ: Hình đoan tắc ảnh trực 形端則影直 (Hình ngay thì bóng thẳng.)

¹⁸⁸ Nhà văn Lục Cơ (陸機 261-303) thời Tây Tấn 西晉 có nói: “Thạch uân ngọc nhi sơn huy, thủy hoài châu nhi xuyên mị.” (石韞玉而山暉, 水懷珠而川媚. Đá giấu ngọc là núi sáng, nước ôm châu là sông đẹp.)

Đi xa thì phải nhờ bạn tốt để luôn luôn lọc sạch tai mắt,

Đức Phật hỏi tôn giả A-nan: “Thiện tri thức là mấy phần phạm hạnh?” Tôn giả A-nan thưa: “Thiện tri thức là bán phần phạm hạnh.” Đức Phật bảo: “A-nan, chớ nói thiện tri thức là bán phần phạm hạnh, vì lẽ chính thiện tri thức là toàn phần phạm hạnh.”¹⁸⁹ Lại nữa, người xưa nói: “Ba người đồng hành, ắt có người là thầy ta. Chọn người hiền thiện mà học theo.”¹⁹⁰

住止必須擇伴。時時聞於未聞。

trú ở thì cần chọn bạn hiền để thường thường nghe điều chưa nghe.

Khai phát những điều chưa nghe, cảnh giác những điều mê đảo, đều nhờ vào cái lực của đạo bạn vậy.

故云生我者父母。成我者朋友。

Nên ngạn ngữ đã nói, sinh ta là cha mẹ, tác thành ta là bạn bè.

Đồng môn gọi là bằng [朋]; đồng chí gọi là hữu [友]. Cha mẹ sinh ra sắc thân, nhưng không thể khiến xuất ly ác đạo. Chỉ có thiện tri thức mới có khả năng thiết lập pháp thân, khai mở sự thấy biết chân chánh, làm cho ta vào dòng Thánh, thoát khỏi phàm. Thế nhưng ơn đức sinh thành chớ có coi thường!

親附善者如霧露中行。雖不濕衣。時時有潤。

Gần gũi người hiền thì như đi trong sương móc, tuy không ướt áo mà lúc nào cũng thấm đượm;

Thiện hữu, đạo bạn là những người đã thấm nhuần thiện căn. Lợi ích của họ thật không thể suy lường.

狎習惡者長惡知見。曉夕造惡。即目交報。

quen thân kẻ ác thì lớn thêm kiến thức độc ác, sớm tối làm ác, ác báo đã bị ngay trước mắt

Thân gần bạn xấu thì chạy theo tà ác, xúc phạm phép vua, bị mọi người khinh ghét.

¹⁸⁹ Tập a-hàm, kinh số 726, Thiện tri thức; kinh số 1238, Không buông lung. Tăng nhất a-hàm, Chín pháp, phẩm Chín chúng sinh cư, kinh số 10. Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ-nại-da tập sự, quyển 38, tr. 398b29. Tương ưng bộ, vol.I, chương 3. Tương ưng Kosala, p.87~p.89

¹⁹⁰ Luận ngữ, Thuật nhi, Không Tử dạy: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kì thiện giả nhi tòng chi, kì bất thiện giả nhi cải chi.” (三人行, 必有我師焉. 擇其善者而從之, 其不善者而改之. Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta. Chọn người hay mà bắt chước, người dở mà sửa mình.)

歿後沉淪。一失人身。萬劫不復。

mà chết rồi lại phải chìm đắm, làm cho thân người một khi mất đi, muôn kiếp vẫn khó mà khôi phục.

Huân tập từ bạn ác thì có thể gây tạo những điều phi lý, sống chịu phép vua, chết vào A-tỳ.

(12) *Sách Tiến Thực Hiện Cái Tu Căn Bản Của Sự Xuất Gia*

忠言逆耳。豈不銘心者哉。

Lời nói ngay thẳng mới trái nghịch thánh giác, như thế làm sao không ghi khắc vào lòng dạ?

Đáng miệng lời trung¹⁹¹ ắt phải trái nghịch thánh giác. Nghe rồi phải sửa lỗi, ghi khắc tận đáy lòng.

便能澡心育德。晦迹韜名。

Mà như thế thì tất nhiên có thể rửa tâm, nuôi đức, ẩn dấu, vui tên,

Rửa tâm mình thì tâm trong sáng, nuôi đức mình thì đức đầy đủ, ẩn dấu vết để ‘hòa ánh sáng, đồng bụi trần’¹⁹², vui tên tuổi để ‘tìm thực tế, bỏ phù hoa’¹⁹³.

蘊素精神。喧囂止絕。

tập trung tinh thần, đình chỉ ồn náo.

Dưỡng tánh thì yên sợ hãi, thanh nhàn thì dứt lo nghĩ.

Dưới đây, đoạn đầu là tham thiền học đạo, đoạn sau là tận lực giáo thọ.

(13) *Sách Tiến Tu Tập Về Thiền*

¹⁹¹ Chánh văn: Khổ khẩu trung ngôn 苦口忠言. Khổng Tử gia ngữ 孔子家語: “Lương dược khổ ư khẩu nhi lợi ư bệnh, trung ngôn nghịch ư nhĩ nhi lợi ư hành” (良藥苦於口而利於病, 忠言逆於耳而利於行. Thuốc hay đáng miệng mà lợi cho bệnh, lời trung trái tai mà lợi cho việc làm.

¹⁹² Hòa quang đồng trần 和光同塵: xuất xứ từ Đạo Đức Kinh 道德經 của Lão tử: “Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.” (和其光, 同其塵. Hòa với ánh sáng ấy, đồng với bụi trần ấy), nghĩa là cùng với trần tục hợp lại với nhau, nhưng không tự lập dị. Phật giáo mượn từ ngữ này miêu tả thái độ dần thân và hòa mình. Tức là thân thể này mặc dù hòa đồng với trần thế cát bụi nhưng trái lại không bị nhiễm bởi thế tục mà là hòa quang tùy tục. Chỗ này chỉ tinh thần Bồ-tát cứu độ chúng sinh, lấy thân phương tiện giả hợp này, kết duyên với đại chúng, từng bước dần dắt họ quay về chánh đạo.

¹⁹³ Chánh văn: Khứ hoa vụ thật 去華務實. Phạm Trọng Yêm, (范仲淹, 989-1052), nhà chính trị, nhà thơ, nhà văn, cư sĩ Phật giáo, nhà giáo dục thời Bắc Tống, nói: “Vụ thật khứ hoa, dục đức chi phương tư tại; phản thính thu thị, dưỡng điềm chi nghĩa tương ưng.” (務實去華, 育德之方斯在; 反聽收視, 養恬之義相應. Tìm tòi thực tế, bỏ đi phù hoa, nuôi đạo đức ở phương diện này; trở lại lắng nghe, thu về ánh nhìn, dưỡng điềm đạm bằng nghĩa lý ấy.) (Mông dĩ dưỡng chánh phú 蒙以養正賦)

若欲參禪學道。頓超方便之門。

Nếu muốn tham thiền học đạo, vượt bỏ ngay cửa ngõ phương tiện,

Như Lai thẳng thắn loại bỏ phương tiện, chỉ còn nói đến tuệ giác vô thượng.¹⁹⁴

心契玄津。

thì phải tâm hợp huyền tông,

Tâm không vin theo cái gì khác.

研幾精妙。

cứu xét tinh yếu,

Nghiên cứu các pháp, quán triệt tinh yếu.

決擇深奧。

quyết trạch thâm áo,

Nghiêu cứu nghĩa lý sâu xa¹⁹⁵, quyết trạch tinh yếu kín đáo.

啟悟真源。

khải ngộ chân nguyên,

Khai mở và ngộ nhập cái uyên nguyên của chân đế.

博問先知。

bằng cách tham vấn sâu rộng với liệt vị tiên giác,

Không thể ở trong phòng tối mà cố giữ sự ngu mê; phải học hỏi rộng khắp để nuôi lớn định tuệ.

¹⁹⁴ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện: 正直捨方便, 但說無上道. Chánh trực xả phương tiện, dẫn thuyết vô thượng đạo. Tông Thiên thai dùng câu ‘Chánh trực xả phương tiện’ để chỉ giáo pháp Nhất thừa của Viên giáo. Nhà Thiên thai giải thích: Chánh, là đối với bên cạnh (: bàng); trực, là đối với quanh co (: khúc). Trong bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên, đã chẳng thiên lệch về hai giáo Thông, Biệt, cũng chẳng quanh co theo năm thừa nhân thiên, cho nên gọi là chánh trực. Còn phương tiện, là chỉ cái phương pháp dẫn dắt chúng sinh đi vào chân thực. Do đó, lìa bỏ tất cả pháp môn phương tiện, mà nói ngay vào giáo pháp chân thực, gọi là ‘chánh trực xả phương tiện’, cũng tức là Viên giáo, nói lên giáo pháp của một đời đức Phật là pháp chân thực thành Phật duy nhất. Pháp hoa văn cú, quyển 5 (Đại 34, 62 hạ), nói: “Năm thừa là quanh co, chẳng phải ngay thẳng. Thông, Biệt thì lệch về bên cạnh mà chẳng phải chánh. Nay đều bỏ những cái thiên lệch quanh co ấy, mà chỉ nói một đạo chánh trực vậy.”

¹⁹⁵ Chánh văn: Thám trách sách ẩn 探蹟索隱. Trong Chu dịch, Hệ từ thượng, có ghi: “Thám trách sách ẩn, câu thâm trí viễn, dĩ định thiên hạ chi cát hung, thành thiên hạ chi vi vi giả, mạc đại hồ thi quy” (探蹟索隱, 鉤深致遠, 以定天下之吉凶, 成天下之亹亹者, 莫大乎蓍龜. Cái thứ có thể giúp ta tìm hiểu những điều bí ẩn, kín đáo, khiến cho những điều này vốn ẩn sâu hay xa xôi đều có thể trở về gần gũi và hiển lộ, giúp ta đoán định được việc cát hung của thiên hạ và thành tựu được những điều mà thiên hạ mong muốn, không có gì có thể hơn được cỏ thi và yểm rùa.”

親近善友。

gần gũi thân thiết với các bậc thiện tri thức.

Ngài Thiện Tài đi về hướng Nam thưa hỏi với các bậc thiện tri thức, một đời tham học, sự nghiệp thành tựu trọn vẹn.¹⁹⁶ Người xưa nói: “Thấy biết đích xác là phương Nam, thì mới đi hết phương Nam. Một người có ích cho ta, thì ai nấy đều là thiện hữu. Gặp ba độc nhưng ba đức vẫn tròn đầy, vào nhất trần nhưng nhất tâm vẫn thanh tịnh. [Dù thiên hóa nhưng chẳng đổi thay tâm ý, vạn cảnh thuận thì thông suốt nơi đạo lý.] Khế hợp được với diệu trí của Văn Thù, rõ ràng là, kẻ sơ tâm đã thể nhập huyền môn của Phổ Hiền, chưa từng có tự thể biệt lập.”¹⁹⁷ Đây có thể gọi là ‘thân cận thiện tri thức’. Sách có câu: “Thánh nhân tốt với người tốt, tốt cả với những người không tốt,”¹⁹⁸ hướng chỉ mình là người Thích tử?

此宗難得其妙。切須子細用心。

Thiền tông như thế này thật khó mà nắm được chỗ nhiệm màu của nó, nên phải khẩn thiết vận dụng cái tâm một cách tinh tế và chín chắn,

Pháp môn tâm địa này nếu từ tâm mà có được, thì y lan¹⁹⁹ trở thành cây chiên đàn. Nếu đánh mất ý chỉ ấy, thì cam lộ thành ra vườn tật lê²⁰⁰. Chớ coi thường thô tâm vậy.

¹⁹⁶ Ngài Thiện Tài ở phía đông Phước Thành gặp Bồ Tát Văn Thù chỉ dạy cách phát tâm Bồ-đề trọn vẹn. Ngài Văn Thù bảo: “Người chỉ được cái trí căn bản, chứ chưa được cái trí vô phân biệt,” bèn chỉ Thiện Tài đến cầu pháp với tỷ-kheo Đức Vân. Sau đó Thiện Tài đi theo con đường về phía nam, lần lượt trải qua 110 thành, ra mắt 53 bậc thiện tri thức, đến cửa này cửa nọ, nếm trải đủ mùi cay đắng, cho nên nói ‘khóc chảy nước mắt’. Sau cùng gặp Bồ-tát Phổ Hiền mới thành tựu trọn vẹn hạnh Bồ-tát.

¹⁹⁷ Phật tổ lịch đại thông tải 佛祖歷代通載, No. 2036, quyển 14, mục 28: Vua Đường Đức Tông hạ chiếu thỉnh quốc sư Thanh Lương (738-839) giảng tông chỉ Hoa Nghiêm (năm 796), tr. 610a25.

¹⁹⁸ Chánh văn: “Ư ngô thiện giả ngô diệc thiện chi. Ư ngô ác giả ngô diệc ác chi.” (於吾善者吾亦善之, 於吾惡者吾亦惡之. Với ta, người tốt thì ta tốt lại. Với ta, người xấu thì ta xấu lại.) Câu sau có thể làm lần, phải đổi lại: 於吾惡者吾亦善之. Đạo đức kinh, chương Thiên hạ: “Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện ngô diệc thiện chi, đức thiện. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín.” (聖人無常心, 以百姓心爲心. 善者吾善之, 不善者吾亦善之, 德善. 信者吾信之, 不信者吾亦信之, 德信. Thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình. Thánh nhân tốt với người tốt, tốt cả với những người không tốt, nhờ vậy mà mọi người đều hoá ra tốt; tin người đáng tin mà tin cả người không đáng tin, nhờ vậy mà mọi người đều hoá ra đáng tin.)

¹⁹⁹ Y lan 伊蘭 (Erāvaṇa): tên một loại cây ở Ấn Độ, nở hoa màu hồng cực đẹp, nhưng lại rất hôi; mùi hôi của nó lan xa hàng mấy chục dặm. Kinh luận dùng chữ y lan để chỉ cho phiền não, và hương thơm của chiên đàn dụ cho Bồ-đề.

²⁰⁰ Tật lê 蒺藜: có tật lê, hoa vàng, quả có gai, dùng làm thuốc. Tật lê viên 蒺藜園, được chỉ cho các chùa mà chư Tăng tu hành không đúng chánh pháp, không mang lại phúc lợi cho tín đồ. Đối lại với Tật lê viên là Lương phúc điền 良福田. Lương phúc điền là ruộng phúc tốt lành, thanh lương. Cúng dường vào chỗ nào có chư Tăng tu hành thanh tịnh, đúng chánh pháp, thì được vô lượng phúc quả.

可中頓悟正因。便是出塵階漸。

mới ngay trong khả năng này mà đốn ngộ chánh nhân, mới làm thêm bậc tiến dần trong sự siêu thoát phiền não.

Nếu đốn ngộ hai chữ ‘chánh nhân’²⁰¹, thì trăm sông xuôi về biển cả, không phân biệt nguồn chảy. Một niệm tương ưng, thì thời gian trước sau đều cắt đứt²⁰²; chiếu thể độc lập, thì cảnh và ta đều nhất như.²⁰³ Siêu xuất trần lao, nhưng về lý, thì đốn ngộ, nhân cái ngộ đều trừ bỏ; về sự, không phải đốn trừ, theo thứ lớp mà diệt hết.²⁰⁴

此則破三界二十五有。

Và như thế là phá hủy nhân tố hai mươi lăm hữu trong lĩnh vực ba cõi,

Luận ghi: “Tứ châu, tứ ác thú; Phạm vương, lục dục thiên; Vô tướng và tịnh cư; Tứ không và tứ thiền; Là hai mươi lăm hữu.”²⁰⁵

內外諸法盡知不實。從心變起悉是假名。

các pháp thân tâm vũ trụ đều biết không thật, duy tâm biến hiện, toàn thị giả danh.

Nội tâm và ngoại cảnh đều hư vọng không thật, do vọng thức biến hiện. Nếu ngộ nhập ‘Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức’, thì trong ánh sáng của sự tịch chiếu²⁰⁶, biết rõ mà không thủ đắc.

²⁰¹ Chánh nhân: lý tánh bản cụ 理性本具, yếu tố chính thành Phật. Các thiện pháp giúp trí tuệ khai ngộ chánh nhân, thiện pháp ấy gọi là duyên nhân. Và trí tuệ khai ngộ chánh nhân, trí tuệ ấy gọi là liễu nhân.

²⁰² Tiền hậu tể đoạn 前後際斷: Cắt đứt mé trước, mé sau. Mé trước chỉ cho quá khứ, mé sau chỉ cho vị lai; nghĩa là dứt bỏ mọi kiến giải đối đãi quá khứ, vị lai. Thiền nguyên chú truyền tập đồ tự, quyển hạ, phần 1 (Đại 48, 407 hạ) nói: “Nghe một ngộ nghìn, được Đại tổng trì; một niệm chẳng sinh, cắt đứt mé trước, mé sau.” (一聞千悟, 得大總持; 一念不生, 前後際斷.) Kinh Duy Ma, phẩm Đề từ: “Pháp không có con người, vì thời gian trước sau đều cắt đứt.” (法無有人, 前後際斷故. Con người, chỉ cho tự ngã như là chủ thể trong luân chuyển tái sinh.)

²⁰³ Đáp thuận tông tâm yếu pháp môn 答順宗心要法門, Vạn, No. 1005, tr. 426a22, thiền sư Thanh Lương nói: “Đầu nhất niệm bất sinh, tiền hậu tể đoạn, chiếu thể độc lập, vật ngã giai như.” (但一念不生, 前後際斷, 照體獨立, 物我皆如.)

²⁰⁴ Kinh Lăng nghiêm, No. 945, quyển 10, tr. 155a08: “Lý tắc đốn ngộ thừa ngộ tính tiêu, sự phi đốn trừ nhân thứ đệ tận.” (理則頓悟乘悟併消, 事非頓除因次第盡.) Yếu tắc của thiền tông: “Lý tuy đốn ngộ, sự yếu tiệm trừ.”

²⁰⁵ Tam giới chia thành 25 hữu (: có nhân có quả, sinh tử liên tục, không phải giải thoát.): 1. Dục giới: có 14 hữu, chia ra 3: a. Bốn ác thú: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và a-tu-la; b. Bốn đại châu: Nam thiệm bộ châu, Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu và Bắc câu lô châu; c. Lục dục thiên: Tứ vương thiên, Đao lợi thiên, Tu dạ ma thiên, Đâu suất thiên, Hóa lạc thiên và Tha hóa tự tại thiên. 2. Sắc giới: có 7 hữu: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Đại phạm thiên trong Sơ thiên, Vô tướng thiên và Tịnh cư thiên. 3. Vô sắc giới: có 4 hữu: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

²⁰⁶ Tịch chiếu 寂照: vắng lặng (tịch) và chiếu soi (chiếu). Bản thể của trí là rỗng lặng, có tác dụng chiếu soi, tức là đương thể của tọa thiền, chỉ quán. Đại thừa vô sinh phương tiện môn (Đại 85, 1274 trung) nói: “Vắng lặng (: tịch)

不用將心湊泊。

Đừng nên đem tâm ghé hợp:

“Đem tâm, dụng tâm, há chẳng phải là làm lớn đó sao?”²⁰⁷

但情不附物。物豈礙人。

tâm không ghé hợp với cảnh thì cảnh đâu chướng ngại cho tâm.

Tâm thì giả tạo, không thực. Cảnh vốn chẳng phải cảnh.

任他法性周流。莫斷莫續。

Mặc cho pháp tánh lưu lộ toàn diện, đừng cắt đứt mà cũng đừng nối tiếp;

Không cần cắt đứt vọng để nối tiếp chân, bởi vì pháp tánh lưu lộ toàn diện thì thông dong tự tại, tự mình vui thú.

聞聲見色。蓋是尋常。

thấy sắc nghe tiếng quả thực bình thường

“Chỉ thấy nghe này chẳng thấy nghe; còn đâu thanh sắc để trình anh; trong đây nếu hiểu toàn vô sự; thể dụng ngại gì phân chẳng phân.”²⁰⁸

這邊那邊。應用不闕。

thì bên này bên kia ứng dụng đầy đủ.

Không kiếp và hiện tại, lý và sự đều không trở ngại. Nơi đạo tràng bất động mà dạo chơi khắp vô số quốc độ.²⁰⁹

如斯行止。實不枉披法服。

mà thường có tác dụng [chiếu soi], có tác dụng [chiếu soi] mà thường vắng lặng; tức tác dụng tức vắng lặng, lìa tướng là vắng lặng, vắng lặng chiếu soi, chiếu soi vắng lặng. Vắng lặng mà chiếu soi thì từ tánh mà khởi tướng; chiếu soi mà vắng lặng thì nhiếp tướng về tánh.”

²⁰⁷ Tín tâm minh 信心銘, No. 2010, câu 42: “Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thác.” (將心用心, 豈非大錯.)

²⁰⁸ Kệ tụng của thiền sư Tam Bình Nghĩa Trung (三平義中禪師, 781-872), thường gọi là Tam Bình kệ: “Chỉ thử kiến văn phi kiến văn, Vô dư thanh sắc khả trình quân, Cá trung nhược liễu toàn vô sự, Thể dụng vô phòng phân bất phân.” (只此見聞非見聞, 無餘聲色可呈君, 箇中若了全無事, 體用無妨分不分.) Thiền sư Vân Môn Văn Yển (雲門文偃禪師, 864-949) ở đã sử dụng kệ tụng này để trả lời thắc mắc của đại chúng tăng.

²⁰⁹ Kinh Lăng nghiêm, quyển 2, tr. 111c25: “Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, làm mình là vật, bỏ mất tâm tánh, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu biết chuyển được vật thì đồng với Như lai, thân tâm đều viên mãn sáng suốt, nơi đạo tràng bất động đó, trên đầu một mây lông cũng có thể trùm chứa mười phương quốc độ.”

Sống mà động cũng như tĩnh đều được như vậy mới thật không khoắc mặc pháp y một cách uống phí,

Tu hành và tri giải đã chân chánh, thì ngoài và trong tương ưng.

亦乃酬報四恩。拔濟三有。

cũng tức là báo đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi.

Đó là đạo lý của ân tình cứu giúp muôn loài. Mình và người đều được lợi ích.

生生若能不退。佛階決定可期。

Nếu đời đời không thoái chuyển thì quả vị Phật đã quyết chắc có thể kỳ vọng,

Đã bước lên con đường huyền diệu, thì chẳng dừng lại ở một đời hay hai đời, mà bước từng bước thông dong trên thêm thang ngôi nhà Phật, không còn thoái chuyển.

往來三界之賓。出沒為他作則。

và là người khách qua lại ba cõi nên ra vào đều làm khuôn phép cho người.

Đức Phật là bậc đạo sư của ba cõi. Kinh nói: “Nay ba cõi này toàn thuộc Như Lai, chúng sinh trong đó đều là con Ta.”²¹⁰ Đức Phật đã đi trên con đường của cỗ Phật, vì chúng sinh làm khuôn phép, dẫn dắt họ vượt thoát [ba cõi].

此之一學最妙最玄。但辦肯心必不相賺。

Thiền học như thế này cực kỳ huyền diệu. Chỉ lo cho đủ sự "khăng tâm", đoạn chắc không lừa gạt.

Tổ sư từ Tây thiên sang là để chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, thoát phàm vào Thánh; mục đích ấy chắc chắn không sai. Chỉ lo người học Thiền không chịu lưu tâm về sự tồn vong, hoặc sự tiến thoái, thì không thể thâm nhập Thiền học.

Từ đây trở xuống là nói riêng theo căn cơ, suy cùng ý nghĩa của giáo pháp.

(14) *Sách Tiến Tu Học Và Hoằng Pháp*

若有中流之士未能頓超。且於教法留心溫尋貝葉。

Những người trung bình, chưa thể vượt ngay lên được, thì hãy để cả tâm trí vào giáo pháp, ôn cho thuộc và tìm cho rõ kinh điển,

²¹⁰ Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí dụ.

Vì căn cơ chẳng đồng, nên mở riêng cánh cửa phương tiện. Ôn lại cái cũ, biết thêm cái mới, vì căn nương ngón tay để thấy mặt trăng.

精搜義理。傳唱敷揚。接引後來。報佛恩德。時光亦不虛棄。必須以此扶持。

cứu xét một cách tinh tường đối với nghĩa lý, rồi truyền bá phụ diễn ra để dắt dẫn tương lai, báo đáp ơn Phật. Thì giờ đừng để uổng phí, bằng cách phải lấy công hạnh trên đây mà hỗ trợ đời mình.

Truyền bá giáo pháp, dắt dắt kẻ mê, cần phải có con mắt giáo pháp, cho nên nói, “bằng cách phải lấy công hạnh trên đây mà hỗ trợ đời mình.”

住止威儀。便是僧中法器。

Như thế thì động cũng như tĩnh đều có uy nghi, biến mình thành bậc "pháp khí" trong hàng Tăng bảo.

Uy nghi nghiêm tịnh, động tĩnh khả quan. Nội đức đầy đủ mới làm pháp khí.

豈不見倚松之葛上聳千尋。附託勝因方能廣益。

Không thấy dây sắn quấn theo cây tùng kia sao, nó cao vót lên đến cả ngàn tầm: phải ký thác đời mình vào nhân tố tối thượng, mới có năng lực tạo được ích lợi rộng lớn.

Thí dụ ở trên kết hợp với pháp. Người xưa nói: “Dây tơ hồng quấn leo, lên đến ngọn cây tùng.”²¹¹ Nội nhân và ngoại duyên cùng nhau tác thành mới đến được quả vị Vô thượng, làm lợi ích rộng khắp cho chúng sinh.

懇修齋戒。莫謾虧踰。

Phải chân thành giữ gìn trai giới, đừng man trá, thiếu sót hay vượt bỏ.

Khuy [虧], là thiếu sót. Du [踰], là vượt bỏ.

世世生生。殊妙因果。

Vì chính trai giới là cái nhân tối thượng đem lại cái quả tối thượng trong mọi đời kiếp.

²¹¹ Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài (天衣義懷, 993-1064): “Dây tơ hồng quấn leo, lên đến ngọn cây tùng; đám mây trắng trong sáng, ẩn hiện trên bầu trời. Vì sao núi nam mây nổi, núi bắc mưa rơi? Nếu hiểu được như vậy, thì dưa ngọt ngọt cả dây. Nếu không hiểu được, thì mướp đắng đắng tận rễ.” (Thanh la dị duyên, trực thượng hàn tùng chi đỉnh; bạch vân đạm ninh, xuất một thái hư chi trung. Hà tự nam sơn khởi vân, bắc sơn hạ vũ. Nhược dã hội đắc, điềm qua triệt đề điềm. Nhược dã bất hội, khô hồ liên căn khổ. 青蘿夤緣，直上寒松之頂。白雲淡泞，出沒太虛之中。何似南山起雲，北山下雨。若也會得，甜瓜徹蒂甜。若也不會，苦瓠連根苦。) [Ngũ đăng hội nguyên, Vạn, No.1565, quyển 16]

Nhân quả rõ ràng.

(15) *Sách Tiến Sự Thăng Tiến*

不可等閑過日。兀兀度時。可惜光陰。不求升進。

Do đó mà không thể tầm thường hết ngày, nhọc nhằn hết buổi, để thì giờ mất đi một cách đáng tiếc mà không chịu cầu lấy sự bước tới và vượt lên.

Nếu khéo vận dụng tâm mình, thì được tài sản về Pháp của Phật.

徒消十方信施。

Như vậy là tiêu thụ của tín thí một cách vô ích,

Vì nuôi dưỡng đạo nghiệp của mình mà tín đồ mang đến cúng phẩm. Đạo nghiệp không thành thì tránh hưởng dụng.

亦乃辜負四恩。

mà cũng phụ bạc tất cả bốn ân.

Chính mình trầm luân, trở thành phụ bạc.

積累轉深。心塵易壅。

Rồi chất chứa sự hệ lụy càng nhiều thì bụi bặm của tâm trí càng dễ làm cho nó bít lấp,

Tội lỗi chất chứa ngày càng sâu càng nặng, thì bụi bặm của tâm trí càng thêm vẩn đục, bít lấp tánh linh nguyên²¹².

觸途成滯。人所輕欺。

nên đụng đâu tắc đó, ai cũng khinh khi.

Căn trần bế tắc, hạnh giải điên tà, bỏ gốc theo ngọn, bị người khinh khi.

(16) *Sách Tiến Sự Tự Trọng*

古云彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。

Phật đã huấn dụ, ai kia đã là đáng trọng phu thì ta đây cũng có thể làm như thế, đừng tự khinh thị mình mà lùi bước và khuất phục.

²¹² Linh nguyên 靈源: căn nguyên của tất cả pháp, chỉ cho Phật tâm tuyệt đối bình đẳng, Phật tánh, chân như, v.v... Tham đồng khế 參同契, do thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên (石頭希遷, 700-790) soạn, có nói: “Nguồn linh sáng tinh khiết, Chỉ phái chảy âm u, Chấp theo sự là mê, Hiểu lý chưa phải ngộ.” (靈源明皎潔, 枝派暗流注; 執事元是迷, 契理亦非悟. Linh nguyên minh kiều khiết, Chỉ phái ám lưu chú, Chấp sự nguyên thị mê, Khế lý diệc phi ngộ.)

Phật răn dạy La-hầu-la: “Mười phương thế giới các bồ-tát, Mỗi niệm thú cầu quả Thiện thế, Kia đã trọng phu ta cũng vậy, Chớ nên khinh mình chịu lui sụt.”

若不如此。徒在縉門。荏苒一生。殊無所益。

Nếu không như vậy thì chỉ là kẻ ở trong hàng ngũ xuất gia một cách vô ích, dần dà hết cả một đời mà quả thực không có một chút ích lợi nào hết.

Không như những gì được nói ở trên mà tu hành, thì biết được đạo lý.

(17) *Sách Tiến Sự Hướng Thượng Và Phán Chí*

伏望興決烈之志。開特達之懷。舉措看他上流。莫擅隨於庸鄙。

Xin phủ phục mà cầu mong các vị nổi dậy cái chí khí quyết liệt, mở ra cái hoài bão cao xa, hết thấy mọi sự động tĩnh đều nhìn lên các bậc thượng thặng, đừng tự ý sống theo những thói hư hèn.

“Thấy người hiền thì mong làm sao bằng người ấy; thấy người không hiền thì tự kiểm điểm bản thân.”²¹³

今生便須決斷。想料不由別人。

Nội một đời này mà thôi, phải giải quyết bản thân cho xong, và việc đó là tự mình liệu lấy cho mình, không phải do ai đâu khác.

Đẹp xấu tự ngắm, không ai thay thế.

息意忘緣。

Bằng cách ý thì ngưng, thức thì thoát,

Bên trong ngưng ý, bên ngoài quên duyên.

不與諸塵作對。

không còn tác đối với trần cảnh

Bên trong không chuyển động, bên ngoài không có gì để tác hành.

心空境寂。

vì lẽ tâm vốn không, cảnh vốn lặng,

213 Luận ngữ 論語, Lý Nhân 裡仁: “Từ viết: Kiến hiền tư tề yên. Kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã.” (子曰: 見賢思齊焉, 見不賢而內自省也.)

Tâm vốn không, cảnh vốn lặng.

只為久滯不通。

chỉ vì bế tắc lâu ngày nên không thấu triệt được mà thôi.

Vô thủy mê muội, trái giác hợp trần.²¹⁴

(18) *Sách Tiến Sự Tự Chủ*

熟覽斯文。時時警策。

Hãy đọc kỹ bài văn này để luôn luôn cảnh giác sách tiến,

Cảm thụ (: giác 覺) văn chương của nó, giác ngộ (: cảnh 警) ý tứ của nó.

強作主宰。莫徇人情。

cưỡng lại mà tự làm chủ tể, đừng thí thân theo tánh tình con người của mình.

Tình người nồng thắm, tình đạo nhiệm màu.

業果所牽。誠難逃避。

Vì lẽ nghiệp quả lôi kéo thì quả thực khó mà trốn tránh,

Trời gây họa còn có thể tránh, tự gây tội chẳng thể trốn.²¹⁵

聲和響順。形直影端。

cũng như tiếng mà hòa thì tiếng vang phải thuận, hình mà ngay thì hình bóng phải thẳng:

Nhân quả báo đáp, thí như hình sinh ra ảnh [影: bóng], thanh sinh ra hưởng [響: vang].

因果歷然。豈無憂懼。

nhân quả rõ ràng như vậy, không thể không lo sợ.

Người biết quy luật của các pháp đều lo sợ.²¹⁶

故經云。

²¹⁴ Kinh Lăng nghiêm, quyển 4: “Chúng sinh mê lầm, trái với giác tánh, hợp với trần tướng, cho nên phát ra trần lao, có các tướng thế gian.” (眾生迷悶，背覺合塵，故發塵勞，有世間相。 Chúng sinh mê muội, bội giác hợp trần, cố phát trần lao, hữu thế gian tướng.)

²¹⁵ Thiên Thái Giáp trong Kinh Thư có chép: “Những tai ách do trời làm ra, mình còn tránh được. Những tai ách tự mình gây nên, thì mình phải chết.” (太甲：商王，成湯孫曰：天作孽猶可違，自作孽不可活。此之謂也。 Thái Giáp: Thương Vương, Thành Thang tôn viết: Thiên tác nghiệt do khả vi, tự tác nghiệt bất khả hoạt.)

²¹⁶ Chánh văn: Thức pháp giả cù 識法者懼. Người biết pháp thì lo sợ pháp.

Trong kinh đã nói,

Kinh điển của Thuyết nhất thiết hữu bộ.²¹⁷

假使百千劫。所作業不亡。因緣會遇時。果報還自受。

giả sử trải qua trăm ngàn đời kiếp đi nữa, cái nghiệp mình đã làm ra vẫn không tiêu mất: một khi nhân duyên gặp nhau đủ mặt thì quả báo của nó mình phải tự chịu lấy.

Chính do mê hoặc mà tạo tác nghiệp, nhưng bóng theo hình. Khi chưa chứng Thánh quả, thì vẫn phải chịu quả báo dị thực của nghiệp.²¹⁸

故知三界刑罰縈絆殺人。

Vì lý do đó mà hãy ý thức ba cõi đều là những hình phạt ràng buộc và giết chết con người,

Ba cõi trói buộc giống như ngục tù.

努力勤修。莫空過日。

phải nỗ lực mà tinh tiến tu tập, đừng để đời mình đi qua ngày tháng một cách trống rỗng.

Mỗi niệm chẳng mê mới là chân thật tu hành. Đừng để đời mình đi qua ngày tháng một cách trống rỗng.

(19) *Tổng Kết Phần Cảnh Giác Và Phần Sách Tiến*

深知過患。方乃相勸行持。

Bởi nhận thức một cách sâu xa và thống thiết mọi sự tội lỗi và tai họa của tội lỗi ấy, nên mới khuyên nhau tu trì.

“Tự mình chưa được độ, trước đã độ người, đó là chỗ phát tâm của các vị Bồ tát; tự mình giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ kẻ khác, đó là sự ứng thể của các đức Như lai.”²¹⁹ Ngài Quy Sơn

²¹⁷ Kinh Đại Bảo tích, Pháp hội Phật thuyết nhập thai tạng: Đại chúng nghe lời kệ ấy đều nghi ngờ, vì muốn hết nghi nên bạch đức Phật rằng: "Tỳ Kheo Nan Đà trước tạo nghiệp gì mà được thân màu hoàng kim đủ ba mươi tướng trang nghiêm, trông với thân Thế Tôn chỉ kém có bốn ngón. Với cảnh dục lạc, ông ấy rất nhiễm trước. Nhờ đức Phật xót thương cương vớt ra khỏi biển sanh tử đặt ông ấy nơi cứu cánh Niết bàn. Mong đức Thế Tôn giải thích cho". Đức Phật bảo đại chúng rằng: "Tỳ Kheo Nan Đà đời trước tạo nghiệp nay quả báo thành thực đều được phát hiện". Đức Phật liền nói kệ rằng: "Giả sử trải trăm kiếp, Nghiệp đã tạo chẳng mất, Lúc nhơn duyên hội ngộ, Lại tự thọ quả báo." (H.T Thích Trí Tịnh dịch) Căn bản Thuyết nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da, No. 1442, quyển 6, tr. 657c05; quyển 9, tr. 674b09; quyển 14, tr. 698a24; quyển 31, tr. 799b09; quyển 34, tr.814a02; quyển 36, tr. 827a03; quyển 38, tr. 837a11; euye63n 44, tr. 869a28; quyển 46, tr. 879a13 và 881b25.

²¹⁸ Nhấn mạnh nhân quả ác. Làm ác mà không chịu sám hối.

²¹⁹ Kinh Lăng nghiêm, quyển 6, tr. 131c04.

nhận thức chúng sinh trong ba cõi có những tội lỗi và tai họa như thế, nên khuyên mọi người tu trì, bởi lẽ ở địa vị con người không thể đảm đương được những tội lỗi và tai họa.

Tiếp theo là chứng nhận bằng sự thệ nguyện:

願百劫千生處處同為法侶。

Nguyện rằng trăm kiếp ngàn đời, bất cứ ở đâu, cũng làm "bạn hữu Phật pháp" cho nhau,

Những người mà ta có thể tin tưởng nơi lời nói ấy, thực hành theo đức hạnh ấy, đều là bạn hữu Phật pháp.

乃為銘曰。

nên làm bài minh dưới đây:

Kệ tụng lặp lại ý nghĩa khái quát của những lời cảnh sách đã nói ở trên.

幻身夢宅。

(a) Thân huyễn nhà mộng,

Bốn đại thân huyễn, ba cõi nhà mộng.

空中物色。

Vật sắc trong Không,

Không thật như hoa đốm giữa trời.

前際無窮。後際寧剋。

Khoảng trước không cùng, Khoảng sau đâu biết?

Pháp hư vọng²²⁰ thì không thể thủ đắc ở ba thì gian.

出此沒彼。升沉疲極。

Thoát đây chìm kia, Lên xuống cực nhọc,

Sinh tử thoát chìm, không cõi cố định. Lên, là cõi người, cõi trời. Xuống, là khổ thú.

未免三輪。何時休息。

Chưa khỏi ba luân, Bao giờ ngừng được?

Chúng sinh luân chuyển không ngừng trong ba cõi, như con kiến chạy vòng quanh.²²¹

²²⁰ Hư vọng pháp 虛妄法 = phá hoại pháp 破壞法: chỉ cho pháp hữu vi, vô thường.

貪戀世間。陰緣成質。

Tham luyến thế gian, Âm duyên thành chất,

Thế gian có ba thứ: trí chánh giác thế gian, hữu tình thế gian và khí thế gian. Ở đây bàn về sự mê đắm, tham luyến hữu tình thế gian và khí thế gian, chẳng gọi là trí chánh giác thế gian vậy.²²²

從生至老。一無所得。

Từ sanh đến già, Không được gì cả.

Pháp hư vọng vốn là Không.

根本無明。因茲被惑。

Căn bản vô minh, Vì nó sai lầm,

Trí căn bản tiếp nhận vô minh huân tập, cho nên chân như theo vọng tâm mà chuyển. “Ngộ nhận sự tổ hợp của bốn đại làm tự thân, ngộ nhận sự nhận thức về sáu đối cảnh làm tự tâm.”²²³ Ngã chấp, pháp chấp, so đo thân sơ, yêu ghét danh ngôn, tạo nghiệp thọ báo, đều bởi vô minh mê hoặc.

光陰可惜。剎那不測。

Thì giờ đáng tiếc, Phút chốc khó lường.

Sát-na sinh diệt, không thể bỏ qua ngày tháng một cách vô ích, không bước trên con đường của cỏ Phật.

今生空過。來世窒塞。

²²¹ Kinh Phật thuyết giải ưu 佛說解憂經, No. 804, tr. 749c23: “Chúng sinh vô số, luân hồi vô biên, như kiến chạy vòng, không có cùng tận.” (衆生無數, 輪迴無邊, 如蟻循環, 無有窮盡. Chúng sinh vô số, luân hồi vô biên, như nghĩ tuần hoàn, vô hữu cùng tận.) Trong bài Đốn tỉnh 頓省 của Tuệ Trung thượng sĩ có câu: “Cửu giới tuần hoàn thị nghĩ ma.” (九界循環是蟻磨. Chín giới tuần hoàn, chính là hình ảnh con kiến chạy vòng cối xay.) [Cửu giới = cửu hữu, cửu chúng sinh cư, chín xứ sở cư trú của hữu tình: 1. Ngũ thú địa; 2. Ly sinh hỷ lạc địa (thuộc Dục giới); 3. Định sinh hỷ lạc địa; 4. Ly hỷ diệu lạc địa; 5. Xả niệm thanh tịnh địa (thuộc Sắc giới); 6. Không vô biên xứ địa; 7. Thức vô biên xứ địa; 8. Vô sở hữu xứ địa; 9. Phi tướng phi phi tướng xứ địa (thuộc Vô sắc giới).]

²²² Tam thế gian 三種世間: Cứ theo Hoa nghiêm kinh khổng mục chương, No. 1870, quyển 3, thì Tam chủng thế gian gồm: 1. Khí thế gian: Chỉ cho ba ngàn thế giới, là cảnh giới do đức Thích ca Như lai hóa đạo. Khí nghĩa là dung chứa và nương dùng, tức là núi, sông, đất liền, ... dung chứa chúng sinh, là nơi chúng sinh dùng để nương ở; 2. Chúng sinh thế gian: Năm ấm hòa hợp, cùng chung sinh ra, gián cách khác nhau, là những căn cơ do đức Thích ca Như lai giáo hóa; 3. Trí chánh giác thế gian: Chỉ cho bậc Trí giả dùng trí vô lậu mà được Chánh giác, tức là đức Phật trong chánh báo; hoặc chỉ cho cảnh giới mà các bậc trí nương ở, cũng tức là thế gian siêu xuất ba cõi luân hồi.

²²³ Kinh Viên giác: “Vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng.” (妄認四大為自身相, 六塵緣影為自心相.)

Đời này trôi qua, Kiếp sau bế tắc;

Chẳng những một đời trôi qua vô ích, mà đời tương lai dựa vào đâu để thông đạt?

從迷至迷。皆因六賊。

Từ mê đến mê, Toàn vì lục tặc,

Sáu thức làm giặc, tặc cướp của báu trong nhà.²²⁴ Nếu vỡ lẽ tám thức có năng tánh trở thành bốn trí: năm thức trước làm Thành sở tác trí, thức thứ sáu làm Diệu quán sát trí, thức thứ bảy làm Bình đẳng tánh trí, thức thứ tám làm Đại viên kính trí, thì sáu căn luôn được dẫn dắt bởi trí, như vậy mê làm nào xen vô được?

六道往還。三界匍匐。

Qua lại sáu đường, Lăn lóc ba cõi.

Ba cõi, sáu đường, do gì giải thoát?

早訪明師。親近高德。

(b) Sớm hỏi minh sư, Thân gần cao đức,

Cầu học thầy sáng, bạn lành, để được chỉ dạy yếu nghĩa chân thật của sự giải thoát.

決擇身心。去其荊棘。

Quyết trạch thân tâm, Trừ khử gai góc.

Tâm trong sáng thì thấu suốt bản tánh, bằng cách trừ khử những điều dối trá, sai lầm.

世自浮虛。眾緣豈逼。

Đời tự giả dối, Cảnh nào bức được,

Đã biết căn trần là tổ hợp của bốn đại, chúng vốn không thật, và ba giai đoạn thì gian cũng không thật, cho nên mọi khổ đau đều là Không.

研窮法理。以悟為則。

Xét cùng pháp tánh, Chứng ngộ mới thôi.

Xét cùng bản nguyên của các pháp, đốn ngộ tri kiến của Phật đà.

²²⁴ Kinh Lăng nghiêm, quyển 4: “Thì như ông hiện nay sáu thứ nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý làm mai mối cho giặc, tặc cướp của báu trong nhà.” (汝現前眼耳鼻舌及與身心六為賊媒，自劫家寶。Nhữ hiện tiền nhãn nhĩ tị thiệt thân ý làm mai mối cho giặc, tặc cướp của báu trong nhà.)

心境俱捐。莫記莫憶。

Tâm cảnh siêu thoát, Vượt cả nhớ quên,

Nội tâm, ngoại cảnh, “hãy để nó tự nhiên, bản thể không đi ở.”²²⁵

六根怡然。行住寂默。

Sáu căn an nhiên, Động tĩnh vắng lặng:

Pháp hỷ, thiền duyệt, nắm buông²²⁶ tự tại; trong bốn uy nghi, chỉ quán song vận.

一心不生。萬法俱息。

Nhất tâm bất sanh, Vạn pháp thanh tịnh.

Nhất tâm bất sanh, chư duyên đồn tức. “Một câu cuối cùng mới đến lao quan; khóa đứt bốn hiềm, vẫn không thông phạm Thánh.”²²⁷ Ai là người tri âm? Không cần nhớ đến Bàng cư sĩ²²⁸; thiên thượng nhân gian chỉ mình biết.

²²⁵ Tín tâm minh, câu 34: “Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ.” (放之自然，體無去住.)

²²⁶ Quyền thư 卷舒: Trong Thiền lâm, quyền và thư là hai cơ pháp mà bậc thầy dùng để dẫn dắt người học. Quyền nghĩa là thu lại, nắm giữ lấy, thuộc phương pháp tiếp hóa đả phá, phủ định; Thư nghĩa là giãn ra, buông ra, thuộc phương pháp tiếp hóa nhiếp thụ, khẳng định. Bậc thầy dựa theo căn cơ, trình độ của người học mà sử dụng những phương pháp giáo hóa khác nhau, hoặc nắm giữ, hoặc buông thả, vận dụng một cách linh hoạt, tự tại để giúp người học đạt được khai ngộ.

²²⁷ Đồi Đường, thiền sư Lạc Phổ Nguyên An (洛浦元安, 834-898): “末後一句，始到牢關。鎖斷要津，不通凡聖。” (Mạt hậu nhất cú, thủy đáo lao quan; tòa đoạn yếu tân, bất thông phạm thánh.) [Vạn, No. 1565, Ngũ đăng hội nguyên, quyển 6] “Một câu cuối cùng (mạt hậu) mới đến lao quan (ngộ triệt đề)”, để kẻ đã ngộ nghe rồi tự biết, kẻ chưa ngộ nghe rồi không hiểu thì từ đó khởi lên nghi tình để đi đến chỗ ngộ. Tòa đoạn yếu tân 鎖斷要津, ở chánh văn là bả đoạn yếu tân 把斷要津. (Tay cầm gãy mà qua đường hiềm). Tòa đoạn: Đoàn Thành Thức (段成式, 803-863) thời Đường ghi chép lai lịch của núi Thiên Phật trong Tây Dương Tạp Cửu Thư 酉陽雜俎: “Kinh đô Tề giáp Lịch sơn, trên có khóa sắt cổ, to bằng cánh tay người. Vòng quanh hai bên đỉnh. Tương truyền, biển ở trong núi, Sơn thần di dời, xưa thủy thần khóa lại, khóa đứt, bay đến nơi này.” (齊郡接歷山，上有古鐵鎖。大如臂，繞其峰再浹。相傳本海中，山神好移，故海神鎖之。挽鎖斷，飛於此。) [Núi Thiên Phật là một trong ba danh thắng của Tế Nam, xưa gọi là núi Mị Kê, núi Lịch, thời Tùy, sau khi bắt đầu tạc tượng Phật, đổi tên thành núi Thiên Phật, gọi tên đó cho đến ngày nay.] Yếu tân, là bến đường chủ yếu để qua biển sinh tử.

²²⁸ Bàng Uẩn 龐蘊 (?-808) tự là Đạo Huyền 道玄, lại xưng là Bàng cư sĩ 龐居士, người đất Hành Dương, Hành Châu (nay thuộc Hồ Nam). Gia đình ông nhiều đời theo Nho học, riêng ông lại mộ cả Phật pháp. Niên hiệu Trinh Nguyên thứ nhất (785), ông tham yết thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên 石頭希遷, có lãnh ngộ. Trọn đời kết bạn với thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên. Ngoài ra ông còn qua lại với các bậc cao tăng của nhà thiền như Dược Sơn, Đại Mai, v.v... Tác phẩm của Bàng Uẩn có: Bàng Cư sĩ Ngữ lục, 3 quyển. Dù cư sĩ ở đâu, hoặc đi và tới nơi nào cũng có người đặt câu hỏi, và cư sĩ đều trả lời thỏa đáng, như vang theo trống

Khánh Đức năm thứ 4, năm Nhâm Thìn (1652), tháng 11, ngày lành.

Mộ duyên tỳ kheo ni Diệu Tuệ, hiệu Thiện Thiện trùng khắc bản gỗ.

慶德四年歲次壬辰至月穀日

募緣比丘尼妙慧善善重梓

Cảnh Sách Hậu Bạt

Thiệu Hưng²²⁹, Kỷ Mùi (1139)²³⁰, Hạ an cư.

Những người học muộn thỉnh cầu giảng dạy, nên tôi trình bày khái lược. Xưa có người nói, ông Thủ tọa Quy Sơn làm thiên trước, ngài Quy Sơn tiếp tục hoàn thành bài văn Cảnh Sách. Tiên sư [của tôi] dạy: “Chỉ nắm cái ý cảnh sách, thì thông suốt không sai lạc, cần gì tìm tòi bươi móc.” Thảo Am đạo nhân là Sử Tông Quy thỉnh cầu tôi chú giải một hai phần trong đó. Bởi vì tóm lược những điều cốt yếu, nên người nào được ý mà quên lời, thì tâm ý người ấy sáng tỏ, không cần cố chấp nơi đây.

Ông già bệnh ở Linh Phong, Thủ Toại kính đề.

警策後跋

紹興己未夏安居。

晚學請益畧為述梗概耳。昔聞或謂為山首座作前篇，為山續成之。先師曰，但警策之意，通途無爽，不必穿鑿也。草菴道人史宗規求註其一二。蓋貌畧其大綱，得意忘言者，其人意煥然，固不在此爾。

靈峯病叟守遂 題

²²⁹ Thiệu Hưng 紹興: niên hiệu thời vua Tống Cao Tông 宋高宗, từ năm 1131 đến 1162. Kỷ Mùi là Thiệu Hưng thứ 9.

²³⁰ Năm Kỷ Mùi (1139), ngài Thủ Toại được 67 tuổi. Ngài mất năm 75 tuổi.

Tam Kinh Hậu Bạt

Thích Ca Thế Tôn xuất hiện ở đời, độ sinh hơn 300 hội, nói trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, [những ai] góp nhặt [lời Phật] mà sao không vượt thoát? Giới – định – tuệ, ba học đó thôi. Vì sao không có giới thì không thể sinh tất cả định, không có định thì không thể sinh tất cả tuệ? Ba học như ba mắt của thiên chủ²³¹, không thể thiếu một. Giới, là giới luật, là nền tảng của năm độ²³², là then chốt của muôn hạnh. Pháp hội đầu tiên, nơi vườn Lộc Dã, đức Thế Tôn thuyết Kinh Bốn Mươi Hai Chương; đi đến bờ sông Nê Liên, thuyết Kinh Di Giáo; đầu cuối không rời nơi giới. Thiền sư Quy Sơn Đại Viên có viết một thiên để cảnh sách các vị bất-sô, những gì được nói trong đó không ngoài nơi luật. Nên biết, đức Phật và chư Tổ thì đồng nhất tâm và khẩu, không gì ngăn cách, trở ngại. Người xưa đem hai kinh và bài văn Cảnh sách góp lại làm một bộ, danh hiệu là “Phật Tổ Tam Kinh”, khắc bản ấn hành, rồi thì năm dài dần tiêu diệt. Nay nơi thiền tự Kê Minh ở Kinh Đô²³³, vị trụ trì là thiền sư Ân Phong Tông, trưởng lão thuần hậu, giải hành vô đắc, bậc làm trảng phạn ánh sáng cho thời mạt thế, ngài đem ba kinh này, cậy nhờ làm việc khắc bản, để lưu thông rộng rãi, khiến người học Phật thọ trì, đọc tụng, tôn trọng mà thực hành. Bởi vì chất thiền có mặt trong tông giáo, nên đó cũng là thiền. Nhân một ngày qua, đi tu tập thiền, tôi được mời viết bạt, chẳng dám chối từ, tôi bèn thắp hương để thêm lên loại tổ của nó. Do đây.

Vĩnh Lạc [thứ 8]²³⁴, một quý Thương long²³⁵, Canh Dần (1410), mùa Thu, mùng Một tháng Bảy.

Tư thiện đại phu, Thái tử thiếu sư, Ngô quận²³⁶, Diêu Quảng Hiếu²³⁷ viết.

²³¹ Thiên chủ 天主: Đại Tự tại thiên vương. Đại Tự tại thiên, tiếng Phạn là Ma-ê-thù-la thiên 摩醯首羅天, là trời thứ mười tám trong 18 cõi trời Sắc giới, ở đỉnh cao nhất của Sắc giới, cũng gọi là trời Sắc cứu cánh hoặc trời A-ca-ni-trá 阿迦尼吒天, cũng gọi là trời Ma-ê-thù-la. Đại Tự tại thiên vương, là thiên chủ của trời này, cõi trâu trắng, 3 mắt 8 chân, Ấn Độ cho vị này là bản thể sáng tạo thế giới, là chúa tạo ra muôn loài, do đó được người sùng bái.

²³² Năm độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến và thiền định.

²³³ Kê Minh thiền tự 雞鳴禪寺: ngôi chùa ở thành phố Nam Kinh, tỉnh Giang Tô.

²³⁴ Vĩnh Lạc 永樂: niên hiệu của vua Minh Thành Tổ (明成祖, 1359-1424), từ năm 1403 đến năm 1424, tổng cộng 22 năm.

²³⁵ Thương Long 蒼龍 hay Thanh Long 青龍, là một trong Tứ tượng của Thiên văn học Trung Quốc, và cũng là một khái niệm rộng trong phong thủy, âm dương, triết học. Thanh Long là linh vật thiêng liêng bậc nhất trong Tứ tượng, thời cổ đại gọi là Thương Long, có tượng là hình rồng (long, 龍), có màu xanh (thanh, 青) màu của hành Mộc ở phương Đông, do đó tương ứng với mùa xuân.

²³⁶ Ngô quận 吳郡: nay là Giang Tô, Tô châu.

三經後跋

釋迦世尊出世度生三百餘會，所說百千法門，無量妙義，拾不出乎。戒定慧三學而已，何哉非戒不能生一切定，非定不能生一切慧。是三者如天主三目，缺一不可。所言戒戒律也，為五度之根基，萬行之樞紐也。彼世尊初會于鹿野苑中說四十二章經，來至於泥連河畔說遺教經，始終不離於戒也。為山大圓禪師有警策苾芻一篇，其中所說而不離於律也。應知乃佛乃祖同一心口，而無闕然者矣。昔人以二經及警策揔為一幀，號曰佛祖三經，刊版印行，歲久漸滅。今京都雞鳴禪寺住持隱峰琮禪師，老成謹厚，解行無得，而季世之光明幢也，以此三經賴行鋟梓開廣博通，使學佛者受持讀誦，尊而行之。蓋有禪於宗教者也禪。此一日過余修禪請欲其，于如弗讓，遂焚香加類素之，以此。

永樂一季蒼龍庚寅秋七一日，資善大夫太子少師吳郡姚廣孝書

²³⁷ Diêu Quảng Hiếu 姚廣孝 (1335-1418): hồi nhỏ tên là Thiên Hy 天禧, tứ danh là Quảng Hiếu, pháp danh là Đạo Diễn 道衍, hiệu là Độc Am Lão Nhân 獨菴老人, ông là tăng nhân, nhà thơ, nhà chính trị nổi danh thời cuối nhà Nguyên, đầu nhà Minh, người vùng Hành Trung Thư Giang Chiết, là quân sư đắc lực của Minh Thành Tổ. Vào những năm cuối năm Hồng Vũ 洪武 đến những năm Vĩnh Lạc 永樂, vũ đài chính trị của Trung Quốc như phong vân hoán đổi, kinh tâm động địa, Diêu Quảng Hiếu chính là nhân vật đưa ra sách lược, thân ngồi trong trướng nhưng lại chỉ huy vạn quân bên ngoài, quyết định thắng thua ngoài ngàn dặm. Ông chính là một trong những khai quốc công thần của Minh Thành Tổ, công lao to lớn.

Bổ San Tam Kinh Bạt Ngữ

Sự thực hành Tam Kinh đã có từ lâu. Ngày xưa, Thầy Bồn Sư của tôi²³⁸, trụ trì chùa Báo Quốc ở huyện Thượng Phúc, rất coi trọng việc khắc bản Tam Kinh, nhưng việc chưa thành mà đã viên tịch. Bây giờ tôi nối tiếp chí nguyện của Thầy tôi để hoàn thành việc ấy. Gần đây, không ngờ rằng tôi tuân mệnh trú ở chùa Đa Bảo ở huyện Phú Xuyên, nơi ấy có dấu vết của Tổ Sư đời thứ năm của sơn môn Đọi Sơn (Hà Nam)²³⁹, và nơi ấy cũng là cố hương của Thầy Bồn Sư tôi. Tranh chạy theo duyên, tập hợp thợ thuyền, lập mới bỏ cũ, nhớ nghĩ trải mấy xuân thu, do lịch trình khóa học khá thư thả, chính là lợi dụng thời gian nhàn rỗi để học chúng xem đọc. Thấy trong sách có chỗ lẫn lộn, không biết đúng sai chỗ nào? Vừa lúc có hành giả biết nhiều chữ nghĩa và riêng có cổ bản, vì ấy bèn hoan hỷ đọc kỹ hai ba lần chánh văn, lời chú và những chú thích thêm vào cho rõ. Để bỏ tức cho bản khắc, thấy những chỗ chưa kiểm chứng và thiếu sót, thì riêng

²³⁸ Thầy Bồn Sư của sa-môn Báo Đình là thiền sư Báo Liên Phổ Thiên. Thế phổ của sơn môn Đa Bảo là: Đời thứ 1, sa-môn Phổ Thiên; đời thứ 2, sa-môn Thông Giám (tức thiền sư Báo Đình, người đứng in Phật Tổ Tam Kinh); đời thứ 3, sa-môn Tâm Khang; đời thứ 4, sa-môn Nguyên Uẩn (khai sơn Tổ đình Viên Minh); đời thứ 5, sa-môn Quảng Tôn (trú trì thứ 2 Tổ đình Viên Minh); đời thứ 6, sa-môn Tục Tuệ (tức H.T Thích Phổ Tuệ, trú trì thứ 3 Tổ đình Viên Minh). Đây là sự truyền thừa của dòng Lâm Tế, mà bài kệ pháp phái xuất phát từ thiền sư Trí Bản đời Minh vào năm 1436, nhưng chỉ có 4 câu đầu, còn 8 câu sau thì do thiền sư nào đó thêm vào sau: Trí Huệ Thanh Tịnh, Đạo Đức Viên Minh, Chơn Như Tánh hải, Tịch Diệu Phổ Thông, Tâm Nguyên Quảng Tục, Bồn Giác Xương Long, Năng Nhân Thánh Quả, Thường Diễn Khoan Hoảng, Duy Truyền Pháp Ấn, Chánh Ngộ Hội Dung, Không Trì Giới Hạnh, Vĩnh Kế Tổ Tông. (智慧清淨, 道德圓明, 真如性海, 寂照普通, 心源廣續, 本覺昌隆, 能仁聖果, 常演寬宏, 惟傳法印, 正悟會容, 空持戒行, 永繼祖宗. Trí tuệ sạch trong, đạo đức sáng tròn, Biển tánh Chơn như, lặng chiếu khắp cùng. Nguồn tâm rộng tiếp, gốc Giác hanh thông, Siêng trồng quả Thánh, thường bày Không môn. Chỉ truyền pháp ấn, Chứng ngộ hội dung, Gắng gìn Giới Định, nối mãi Tổ tông.)

²³⁹ Ngoài Thiền sư Đàm Cứu Chi - người trụ trì chùa Long Đọi Sơn đầu tiên thì dân chúng biết nhiều hơn sư trụ trì đời thứ 5 là thiền sư Từ Hòa Chiếu Thường. Khi về trụ trì, Hòa thượng đã cho dựng lại 125 gian chùa khiến cho trong thời gian dài nơi đây trở thành Trường Bắc kỳ Phật giáo. Thiền sư Từ Hòa Chiếu Thường đã được nhà Nguyễn phong là: “Long sơn đệ ngũ tổ sư Hòa thượng giác linh Thích Chiếu Thường quốc phong Hòa thượng thiền tọa hạ”. Chính vì vậy, vào ngày 21 tháng 3 hằng năm - ngày mất của Hòa thượng, dân chúng quanh vùng đều lên chùa làm lễ tưởng nhớ. “Thiền sư Từ Hòa Chiếu Thường (1780-1840) xuất thân chùa Đọi, đệ tử của Thiền sư Phổ Minh Chấn Đức, sau đến tham học với Tổ sư Từ Niệm Tịch Diệu, chùa Hoa Lâm. Như vậy, ngài kế thừa dòng pháp của hai vị này và về sau kiêm nhiệm trụ trì hai tổ đình lớn. Năm Ất Mùi (1835), sư được bộ Lễ cấp Giới đao Độ điệp. Ngoài bộ Lý tướng công minh ty lục ra, sư còn đứng in các bộ như Phóng Quang Bát nhã kinh, Tây phương công cử, Truy môn cảnh huấn, Văn Thủ chỉ nam đồ tán, Phật tổ tam kinh, Tam giáo nhất nguyên thuyết. Ngài Từ Hòa có nhiều học trò nổi tiếng. Trong số đó có ba vị trở thành tổ sư của ba sơn môn như ngài Phổ Đoan Thanh Tùng kế đăng trụ trì chùa Đọi, tổ thứ 7 của sơn môn Đọi sơn (Hà Nam), ngài Báo Liên Phổ Thiên, đệ nhất tổ chùa Đa Bảo, khai sáng sơn môn Đa Bảo (Phú Xuyên), tổ Từ Đạt (Phổ Đạt) kế đăng trụ trì chùa Khê Hối, được tôn làm tổ thứ ba sơn môn Khê Hối và sư kiêm trụ trì chùa Pháp Quang, La Phù (tục danh chùa Thọ) được tôn xưng là tổ khai pháp sơn môn Thọ. Trong sơn môn vùng Thường Tín có câu: ‘Nhất Đọi, nhì Đa, thứ ba Khê Hối’ là chỉ sự phát triển của các sơn môn ở đây. Cả bốn sơn môn ở vùng Thường Tín, Phú Xuyên, Duy Tiên có bắt nguồn từ vị Tổ sư Từ Hòa Chiếu Thường và sư được thế hệ đương thời xem là một bậc mô phạm tông lâm mà sau còn được tôn xưng bậc cao tăng thượng sĩ.” (Thích Đồng Dưỡng, Trở lại với ván khắc sách Giải âm Lý Tướng công Minh ty lục, Tạp Chí Văn Hoá Phật Giáo số 146)

thêm ý mình, bằng cách ghi chữ nhỏ bên cạnh. Và cũng theo chỗ thấy nghe mà thêm phần Âm thích ở cuối sách. Xưa nay tách riêng ba chuẩn thứ nên khiến cho người ta lười biếng đọc; ngày nay hợp lại thành một chuẩn thứ để thuận tiện cho kẻ sơ học. Nếu sự kỳ vọng ấy phù hợp với ý chỉ của Phật, thì xin nguyện cho mãi mãi gìn giữ và lưu truyền. Nếu có chỗ nào chưa ổn, thì mong ai đó đính chánh. Cúi đầu kính bạch.

Niên hiệu Tự Đức thứ 11, năm Mậu Ngọ (1858), hạ tuần tháng 5, chùa Đa Bảo, Bảo Định kính ghi.

補刊三經跋語

三經之行久矣。昔我本師住持上福之報國寺。崇刻未果而顧命。余時於此繼燈而成之。邇來不覺應命于富川之多寶寺。乃我隊山第五葉祖師之芳躅也。又亦我本師梓里也。爭奔從緣。鳩工鼎革。歷念春秋。而程工課役稍舒。迺因乘隙與其徒觀讀。于中紋舛。不知所從然歟。適有文具行者。別有古本。正文註語上層小註瞭如。遂欣然細閱再三而補刻之。聞有不揣掛漏。竊附己意。遂行而傍加小字。與夫隨所見聞。而附音釋于卷末。古來別三準次。致常使人泄然。今則合一準次。以便其初學耳。若其幸符聖旨。惟願永保流通。倘所未平。望垂訂正。和南敬白。

嗣德十一年歲次戊午五月下旬多寶寶鼎謹識

Phật Tổ Tam Kinh, từ bài tựa Nhật tụng đến bài bạt cuối sách, tổng cộng có 45 ván khắc

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Chúng con và chúng sinh

Đều trọn thành Phật đạo.

Cha mẹ nhiều đời, phụ mẫu nhiều kiếp, đồng nương duyên lành, đều siêu Tịnh cảnh.

佛祖三經自日誦序至跋底共四十五板

願以此功德 普及於一切

我等與眾生 皆共成佛道

多生父母累世爺娘同仗良因均超淨境

Phụ Lục

No. 1239-B

Đạo không kim cổ, người có ngộ mê. Thế nên đức Phật Thích Ca nương nguyên lực mà thị hiện từ vườn Lộc dã đến sông Bạt đề, hơn 300 hội, ‘nói là không nói mà nói’, khai thị người trời, để cho ai cũng ngộ nhập tri kiến của Phật. Chỉ có kinh Bốn mươi hai bài và kinh Di giáo là pháp bảo giáo huấn khởi đầu và kết thúc. Thời Hậu Hán, năm Vĩnh Bình, ngài Ca-diếp-ma-đăng và ngài Trúc-pháp-lan mang kinh Bốn mươi hai bài đến Đông độ, đốt nghiệm có linh²⁴⁰, lập giáo cùng tông. Thời Nam Lương, năm Đại Thông²⁴¹, lại được vị Tổ đời thứ 28 của Tây thiên là đại sư Đạt-ma trao truyền tâm ấn của Phật, ngài đến để chỉ thẳng, khế hợp với kinh. Đó là vì con người ở quốc độ này có căn khí đại thừa nên có phước lành lớn lao ấy. Đại sư Huệ Khả đứng trong tuyết băng, tự chặt cánh tay, cầu học diệu đạo, một lời tỏ ngộ, giữ coi vài năm, ba lạy được tùy.²⁴² Trao nhận y bát, bảy lần truyền xuống Bách Trượng²⁴³. Bách Trượng có được Hoàng Bá Vận Công²⁴⁴ và Linh Sơn Hựu Công²⁴⁵, chấn hưng mạnh huyền phong²⁴⁶, huy hoàng thêm Phật nhật. Ngài Quy Sơn nhân thấy người học đạo ít nhiều có phóng dật, bèn nói pháp ngữ để cảnh giác kẻ chưa ngộ, sách tiến người chưa đạt, bằng lời văn giản dị mà thẳng thắn, nghĩa ý rộng lớn mà sâu xa. Trong từng lâm, kinh Bốn mươi hai bài, kinh Di giáo và Quy Sơn cảnh sách được gọi là Phật Tổ Tam Kinh. Người nào xem qua một lượt ba kinh này mà như nghe trực tiếp, thì không trải nhiều đời có thể thành Phật tác Tổ. Thời Tống, năm Tuyên Hòa²⁴⁷, ba kinh này được thiền sư Toại Thủ chú giải những thâm nghĩa để hàng sơ học dễ đạt đến diệu lý. Từ đây người chỉ hướng

²⁴⁰ Phán nghiệm hữu linh: Vào năm Vĩnh bình thứ 10 (63), theo lời tâu xin của đạo sĩ Chử thiện tín, vua Minh đế nhà Hậu Hán ra lệnh đốt kinh của Phật giáo và Đạo giáo để xem thật giả thế nào, thì sách vở của Đạo giáo đều cháy thành tro, còn kinh điển của Phật giáo thì khói xông thành màu vàng, trực biến thành màu đỏ rực, vì thế được gọi là Hoàng quyển xích trục (: Quyển vàng trục đỏ).

²⁴¹ Đại Thông 大通: 527-529.

²⁴² Đại sư Huệ Khả nghe pháp của Đạt-ma thì ngộ nhập, sụp lạy ba lạy, đắc đạo thâm sâu như đến tận xương tủy, nhận y bát nối dòng làm Tổ thứ hai của Thiền tông Trung Hoa.

²⁴³ Huệ Khả – Tăng Xán – Đạo Tín – Hoàng Nhẫn – Huệ Năng – Hoài Nhượng – Mã Tổ – Bách Trượng.

²⁴⁴ Hoàng Bá Vận Công 黃蘗運公 = Hoàng Bá Hy Vận 黃蘗希運 (?-850)

²⁴⁵ Quy Sơn Hựu Công 禪山祐公 = Quy Sơn Linh Hựu 禪山靈祐 (771-853)

²⁴⁶ Huyền phong 玄風: giáo lý sâu màu, chỉ cho thiền tông.

²⁴⁷ Tuyên Hòa 宣和 (1119-1125), thời vua Tống Huy Tông 宋徽宗.

với đạo có được sự lĩnh ngộ rất nhiều. Không trộm hương²⁴⁸ mà thấy Phật Tổ, không cất bước mà lên giác tràng. Nay Tuệ đại sư ở Tĩnh Sơn, cởi bỏ áo ngoài, giúp khắc bản ấn loát [Phật Tổ Tam Kinh] nơi thiền am Hưu Hưu²⁴⁹ ở Ngô Trung, để lưu truyền rộng rãi. Tốt lắm thay! Giúp tiền của để khắc bản gỗ gọi là tài thí; lấy chánh giáo để truyền bá pháp gọi là pháp thí. Tài thí và pháp thí gọi là đại thí. Phật dạy, “Người thực hành đại thí thì nhất định chứng quả bồ-đề.” Đại sư Tĩnh Sơn tương lai sẽ được chủng trí tròn sáng, thập hiệu rõ ràng, là do thắng duyên này vậy. Người nào xem kinh thì nên tịnh tâm như hư không, hướng về quyền kinh chưa mở bằng sự quán sát hiện tiền, vén mở phép cũ, thấu suốt huyền vi, văn hồi chân phong, đại hưng mật vận. Được vậy mà thấy việc nghĩa hăng hái làm, thì tương lai có thể trở thành pháp khí. Còn như chỉ đọc câu văn mà không hiểu nghĩa lý, thì đã cô phụ công ơn Phật Tổ vậy.

Chí Nguyên²⁵⁰, Bính Tuất (1286), tiết hoa đăng²⁵¹, Tuyết Mục Tẩu, hiệu Đức Dĩ²⁵² tự thuật.

²⁴⁸ Hoài hương (懷香: ôm hương) = Thâu hương (偷香: trộm hương). Diên cổ: Hàn Thọ thâu hương 韓壽偷香: Trong Tấn thư 晉書, quyển bốn mươi, Cổ Sung liệt truyện 賈充列傳, ghi: Cổ Sung có một cô con gái tên Cổ Ngọ 賈午 thích nhìn trộm mỗi lần cha tiếp khách, tình cờ nhìn thấy Hàn Thọ, người Nam Dương, Đổ Dương, phong thần tuấn lãng, bèn đem lòng yêu mến, ngày đêm tương tư. Một tỳ nữ thấy vậy đến nhà Hàn Thọ, nói ra tâm ý của Cổ Ngọ, còn bảo nữ tử này diễm lệ đoan trang. Hàn Thọ nghe xong hơi động tâm, bèn nhờ tỳ nữ chuyển đạt ân cần của mình. Cổ Ngọ liền âm thầm lấy thân hứa hẹn, tặng lễ vật kết giao, mời Hàn Thọ đến chỗ mình. Hàn Thọ sức bật hơn người, leo tường đột nhập. Trong nhà không ai hay biết, chỉ có Cổ Sung phát giác con gái mình đột nhiên mơ mộng vui vẻ lạ thường. Khi ấy Tây Vực tiến cống kỳ hương, một khi tiếp xúc, hương thơm hơn một tháng vẫn không phai. Vũ Đế ban thưởng cho Cổ Sung, Cổ Ngọ lên trộm cho Hàn Thọ. Đồng liêu của Cổ Sung trong tiệc rượu đối ẩm với Hàn Thọ, từ trên người Hàn Thọ ngửi được mùi hương này, sau lại đến nhà Cổ Sung khen nức nở. Từ đó Cổ Sung hoài nghi con gái mình tư thông với Hàn Thọ, nhưng phủ mình gia môn canh gác nghiêm ngặt, không biết Hàn Thọ lên vào bằng cách nào. Cổ Sung khảo vấn tỳ nữ hầu hạ tiểu thư, các nàng liền khai thật hết thảy. Cổ Sung nghe xong, chỉ đành ỉm nhem chuyện này, gả luôn con gái cho Hàn Thọ. Về sau diên cổ “Hàn Thọ thâu hương” này dùng để chỉ việc nam nữ thông gian.

²⁴⁹ Ngô trung hưu hưu am 吳中休休庵. Ngô Trung, là Ngô huyện ở Giang Tô; thời Xuân Thu là kinh đô của Ngô quốc. Thiền am Hưu hưu chính là chùa Viên Giác, còn gọi là thiền viện Phổ Quang Vương.

²⁵⁰ Chí Nguyên 至元 (1264-1294), thời vua Nguyên Thế Tổ (Hốt Tất Liệt 忽必烈)

²⁵¹ Đăng tiết 燈節 = Nguyên tiêu tiết 元宵節: Rằm tháng Giêng.

²⁵² Thiền sư Mông Sơn Đức Dĩ 蒙山德異 (1231-?), người Cao An 高安, họ Lô, hiệu Mông Sơn, người đời xưng là Cổ quân tỳ kheo 古筠比丘, biệt hiệu Tuyết Mục Tẩu 絕牧叟, khai sơn thiền am Hưu hưu, là đệ tử nổi pháp thiền sư Hoàn Sơn Chánh Ngưng 皖山正凝 (1192-1275). Năm 1290, sư cho tái biên Pháp bảo đàn kinh để lưu bố, được gọi là Đức Dĩ bản 德異本, và bản kinh này được du nhập vào Cao Ly năm 1316. Ngoài ra sư có viết bài tựa cho Phật Tổ tam kinh, cùng trước tác Mông Sơn hòa thượng phổ thuyết 蒙山和尚普說, 4 quyển. Vào năm 1466, thời Minh, vị Tăng là Thích Ngô Tĩnh 釋吾靖 (và cộng sự) sao chép lại, cho ấn tống với tên Mông Sơn hòa thượng lục đạo phổ thuyết 蒙山和尚六道普說.

No. 1239-B

道無今古。人有悟迷。是故釋迦老人承願力。示現鹿野苑至跋提河三百餘會。言無言言。開示人天。令各悟入佛之知見。惟四十二章經。遺教經者。是始終教誡法寶也。後漢永平間。迦葉摩騰。竺法蘭持前一經東來。焚驗有靈。立教與宗。梁大通間又得西天二十八世祖達磨大師傳佛心印。前來直指。與經符契。是我此土人有大乘根器。而有大幸也。可大師者立雪斷臂求問妙道。言下有悟。執侍數載。三拜得髓。授受衣盂。七傳而至百丈。百丈得黃蘗運公。為山祐公大振玄風。增輝佛日。為山因見學者少有放逸。遂述法語。警其未悟。策其未到。文簡語直。義博意深。叢林中以四十二章經。遺教經。為山警策謂之佛祖三經。能一覽而直前者。不歷多生便可成佛作祖。宣和間又得遂禪師直注深義。初學易通妙矣哉。自此有志於道者省力甚多。不懷香而見佛祖。不動步而登覺場。今靜山慧大師抽衣資鋟梓于吳中休休庵。以廣其傳。奇哉。以財鋟梓名財施。以教傳法名法施。財法二施名大施。佛云。能行大施者。決證菩提。靜山將來種智圓明。十號俱彰。因此勝緣也。覽斯經者。却宜淨心如虛空。向未開卷以前著眼。掀翻窠臼。洞徹玄微。挽回真風。大興末運。若也見義勇為。將來亦可成器。其或循行數墨。辜負佛祖多矣。

至元丙戌燈節絕牧叟德異敘

No. 1239-C

Thầy Thích Chí Phong cùng thầy Chí Đạo, thầy Giác Ôn và thí chủ họ Kim cho rằng, ‘Khó khăn nhất là trùng khắc Phật Tổ Tam Kinh’, nên đến thỉnh cầu tôi xem xét từ đầu đến cuối và cả lỗi chữ viết. Kinh Bốn mươi hai bài, kinh Di giáo và Quy Sơn cảnh sách là sự khởi đầu sáng lập giáo pháp mà may mắn chưa rời xa, là con đường chân chánh thành Phật tác Tổ ở ngay đây. Nói về pháp thí của bậc thượng nhân thì sao nghĩ bàn được. Người học Phật mà xem sách này thì như ‘nghiêm sư tại thượng’. Nếu kiểm điểm bản thân mà thấy bất xứng thì phải làm sao coi được, còn như làm không đúng thì ba kinh cũng là hư văn, không biết tiếc ư?

Thanh Long, Giáp Tý (1384), ngày tháng 10, Suy trung bảo tiết đồng đức tán hoa công thần, Tam trùng đại khuôn²⁵³, Hàn Sơn phủ viện quân Lý Sắc²⁵⁴ viết lời bạt.

No. 1239-C

釋志峯與志道覺溫施主金氏曰。大難者重刊佛祖三經。來請予跋其尾。予觀其書。四十二章也。遺教經也。鵝山警策也。立法創制纖毫未遺。成佛作祖正路斯在。道上人法施何可量哉。學者目此書如嚴師在上。檢身若不及。則可矣。如或不然。三經亦虛文矣。豈不惜哉。青龍甲子十月日推忠保節同德贊化功臣三重大匡韓山府院君李穡跋

²⁵³ Quan nhất phẩm ở Cao Ly gọi là Tam trùng đại khuôn.

²⁵⁴ Lý Sắc 李穡 (이색, 1328-1396): Người Hàn Châu, Dương Nghiễm Đạo, Cao Ly. Ông là học giả kiêm chính trị gia, nho học gia vào cuối vương triều Cao Ly. Bốn quán ở Hàn Sơn, tự Dĩnh Thúc 穎叔, hiệu Mục Ẩn 牧隱, tên thụy là Văn Tĩnh 文靖. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1341, sau đó nghiên cứu Tân Nho ở Trung Hoa, được giữ chức trong Hàn lâm viện. Năm 1356, ông trở về Cao Ly, được giữ một số chức vụ quan trọng trong triều đình. Do những tranh giành chính trị cuối thời Cao Ly, hơn một lần ông đã bị lưu đày. Lý Sắc để lại 6.000 bài thơ.

No. 1239-D

Đức Phật thuyết giảng hai kinh: Bốn mươi hai bài và Di giáo. Ngài Quy Sơn nói ra bài văn cảnh sách. Đối với người thật học thì ba kinh là đường lối căn bản để nhập đạo, tham học và thành Phật tác Tổ vậy. Thiền sư Toại Thủ giải thích rõ ra, như dưới thân sinh chân [tay]. Tỉnh Sơn không cháy, tiêu trừ nguy hiểm, cành lá trở lại. Khắc chữ lên bản gỗ để lưu truyền rộng rãi, bởi vì muốn ai ai cũng có thể kê vai, chạm chân Phật Tổ, cùng được thọ dụng bản tâm của mình, thì tốt biết bao! Người học Phật có thể noi theo ba kinh này mà thực hành, thì Phật Tổ tức là ông, ông tức là Phật Tổ. Nếu thấy toàn thể hay bán phần vừa thoát thai mẹ bèn cho là đủ để làm trọng điểm siêu việt Phật Tổ, thì ba kinh này đều là lời nói dư thừa.

Giữa mùa Xuân năm Bính Tuất (1286), tỳ kheo Giác Căn, hiệu Ích Đại, kính ghi.

No. 1239-D

前二經。佛所說也。後警策。為山所說也。三經實學者入道參學成佛作祖之蹊徑根本也。遂禪師注出。節下生枝也。靜山不然。掃險枝葉復。繡梓以廣其傳。蓋欲人人與佛祖駢肩接足同一受用。其心亦可尚矣。學者儻能遵而行之。則佛祖即汝。汝即佛祖。忽若一箇半箇纔出母胎便具超佛越祖作略。則此經皆為剩語。時丙戌春中前覺根比丘 益大 拜書

No. 665-B

Hoàng đế Tống Chân Tông khắc bản Kinh Di Giáo

Ôi đạo chẳng xa người, giáo vốn không sánh. Tuy hình hài ngộ nguỵ mỗi khác, nhưng tâm tánh thường lạc ấy đồng. Do ái dục có những hình thái khác nhau, mà chiêu dẫn sự luân hồi thêm mãi. Thế nên, bậc Thánh Ca-duy²⁵⁵ xuất thế ban rải lòng từ, kinh đô Xá-vệ tùy cơ giảng diễn giáo pháp, cả hàm linh đều được hóa độ, bao thế tục quy thuận về chân. Và nơi không gian Song thọ, khéo bảo bốn chúng Đại thừa, dạy ngũ căn²⁵⁶ làm giới, hồi tứ đế còn nghi, mong tuyên dương pháp áo, khiến kiên cố chúng tâm. Tâm niệm đại bi ấy thật là rất mực. Trẫm thừa kế phước cơ, thẹn mình đức bạc, thường tuân theo tiên huấn²⁵⁷, hầu dẫn dắt bí thuyên²⁵⁸. Nhân xem kinh này, thường nhớ kính nhận, mong sao lưu thông hữu ích, nên bảo khắc chạm bản văn. Hy vọng trao truyền các nước, bao gồm đa dạng đồng loại. Khuyến khích cùng quy hướng như thế mà thôi.

No. 665-B

宋真宗皇帝刊遺教經

夫道非遠人。教本無類。雖蠢動之形各異。而常樂之性斯同。由愛欲之紛綸。致輪迴之增長。是以迦維之聖。出世而流慈。舍衛之區。隨機而演法。既含靈而悉度。將順俗以歸真。猶於雙樹之間。普告大乘之眾。示五根之可戒。問四諦之所疑。期法奧之宣揚。俾眾心而堅固。大悲之念。斯謂至乎。朕祇嗣慶基。顧慚涼德。常遵先訓。庶導祕詮。因覽斯經。每懷欽奉。冀流通而有益。仍俾鏤於方板。所期貽厥庶邦。凡在羣倫。勉同歸向云爾。

²⁵⁵ Ca-duy là viết tắt Ca-duy-la-vệ (迦維羅衛, Kapilavastu): tên của thành đô do dòng họ Thích Ca cai quản.

²⁵⁶ Ngũ căn: Tín căn, tiền căn, niệm căn, định căn và tuệ căn.

²⁵⁷ Tiên huấn 先訓: giáo huấn của người xưa.

²⁵⁸ Bí thuyên 祕詮: chân lý sâu kín.

Bài tựa trùng khắc Kinh Di Giáo Chú Giải

Trong pháp giới thanh tịnh vốn không có sự xuất hiện hay ẩn mất. Đại bi nguyện lực, thị hiện thọ sinh, trong vô thuyết mà biểu thị thuyết pháp, ở vô hình mà ứng hiện hình hài, nên có 49 năm tuyên bố, hơn 300 hội vây quanh. Đại khái mà luận, không ngoài ba tạng: Một là kinh tạng, giảng giải về định: huyền tịch bất động, mỗi trần mà tịnh quốc thuần chân; linh giám tùy duyên, từng niệm mà pháp thân phổ ứng. Hai là luật tạng, giảng giải về giới: sinh tâm khởi niệm, mỗi điều mà sớm phạm thi-la; dứt lo quên nghĩ, từng đoạn mà đều thành quy phạm. Ba là luận tạng, giảng giải về tuệ: sáng tỏ không tối, nên tinh tượng bày khắp²⁵⁹ rực rỡ; trong suốt sáng sạch, nên cá rùa chim thú²⁶⁰ rạng ngời. Tuy có ba tên, từng không ba thể. Thế nên, xét chuẩn tắc để thiết lập định môn, ngay diệu chỉ²⁶¹ mà khai mở luật bộ, dựa Ưu-ba-đề-xá²⁶² để làm luận nghị. Tức một mà ba, tức ba mà một, ba một hổ dung, gọi là Bí mật tạng. Nay kinh Di Giáo ấy, về sau 40 năm²⁶³, được xiển dương, tuy gọi là tu-đa-la, kỳ thật trọng thị giới luật. Đức Thế Tôn thấy chư đệ tử và thi-la dựa nhau, dạy rằng, “Các thầy Tỷ kheo, sau khi Như lai diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Như lai ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy.” Nên biết, “Giới thì chính thuận với căn bản của sự giải thoát,” “Nhờ giới mà phát sinh thiền định và trí tuệ.” Đó là những lời giáo huấn tối hậu của Như lai. Nay có đệ tử tôn sùng đức Phật, gương xưa trong sáng, khi đi truyền giảng, thấy chú lược ấy, gom

²⁵⁹ Sâm la tinh tượng 森羅星象: hiện tượng tinh thể bày khắp.

²⁶⁰ Lân giáp vũ mao 鱗甲羽毛: động vật có vảy (cá, rắn), mai/vỏ (rùa, ốc), lông vũ (chim choc), lông thú (cầm thú, con người).

²⁶¹ Quán hoa 貫華: cũng viết là quán hoa 貫花, chuỗi hoa, chỉ cho kệ tụng trong kinh. Xưa khi Phật thuyết pháp, cảm động chư thiên, họ tán rải các hương hoa; sau lấy ý đó để chỉ tinh nghĩa diệu chỉ, hay chỉ kệ tụng ngợi ca giáo pháp của Phật.

²⁶² Ưu-ba-đề-xá 優波提舍 (S: upadeśa), dịch nghĩa là Luận nghị 論議, nghĩa là lời dạy, lời khai thị, bài luận giải, sự tranh luận. A-tì-đạt-ma cũng được gọi là Ưu-ba-đề-xá.

²⁶³ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, quyển 6, phẩm Như Lai Tánh, tr. 398b24: “Bồ tát Ca-Điếp thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ trong 40 năm, kinh Đại thừa Đại Niết-bàn được lưu truyền rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề, sau đó bao lâu sẽ xuất hiện lại?’ Đức Phật dạy: ‘Này thiện nam! Giả sử chánh pháp của Ta tồn tại hơn 80 năm, thì 40 năm đầu là thời gian mà kinh này tuôn mưa pháp lớn ở cõi Diêm-phù-đề.’” (迦葉菩薩白佛言:「世尊!如來滅後四十年中,是大乘典大涅槃經於閻浮提廣行流布,過是已後沒於地者,却後久近復當還出?」佛言:「善男子!若我正法餘八十年,前四十年,是經復當於閻浮提,雨大法雨。」)

chữ mà mơ hồ, không phải không có lầm lẫn ‘tam thi’²⁶⁴, nên thỉnh cầu tôi trích dẫn khoa văn, bổ chú và giáo chánh để lưu thông ở đời. Tôi không phân biệt xuất gia hay tại gia²⁶⁵, chỉ xin mạo muội khảo đính và bổ chánh. Ông ấy khẩn cầu nữa, tôi bắt buộc phải vâng mệnh, trình bày một chút về khoa văn, lược bỏ những thiếu sót, sửa những câu thả, bỏ những sai lầm, và ghi chép năm tháng của nó mà thôi.

Thời Vạn Lịch²⁶⁶ [thứ 14], Bính Tuất (1586), Trọng Xuân, ngày lành.

Khâm y hoàng đàn truyền giảng tử y, sa-môn đặc tứ kim Phật bảo quan, thiền sư Vĩnh Tường, Cổ Linh Liễu Đồng thuật.

No. 665-C

重刊遺教經註解序

夫淨法界中。本無出沒。大悲願力。示現受生。無說中而示說。無形處而現形。故有四十九年露布。三百餘會葛藤。大槩而論。不出於三。一曰經藏。詮於定故。玄寂不動。塵塵而淨國純真。靈鑑隨緣。念念而佛身普應。二曰律藏。詮於戒故。擬心萌念。條條而早犯尸羅。絕慮忘思。段段而皆成規範。三曰論藏。詮於慧故。明明不昧。而森羅星象燦然。湛湛虛澄。而鱗甲羽毛弗暗。雖有三名。曾無三體。故考繩墨而立定門。即貫華而開律部。據優波提舍而為其論。即一而三。即三而一。三一互融。名祕密藏也。今茲遺教經。四十年已後而演也。雖曰脩多羅。其實重示戒律。世尊見諸弟子尸羅將傾。告諸眾等。於我滅後。當珍敬波羅提木叉。是汝大師。若我住世無異此也。當知戒是正順解脫之本。禪定智慧由此而生。是我佛最後垂範也。茲有奉佛弟子古鑑清明。傳講之時。見其註略。并字之昏小。不無三豕之訛。請余勾科補註。校正流通於世。余緇素不分。焉敢校補也。公再懇之。不得已而應命。稍述其科文。略補其缺漏。聊正其訛脫。及記其歲月云爾。

時

萬歷丙戌仲春吉日

欽依皇壇傳講紫衣沙門特賜金佛寶冠永祥禪師古靈了童述

²⁶⁴ Theo Khổng Tử Gia Ngữ 孔子家語 và Lữ Truyền Xuân Thu 呂氏春秋, có chuyện Tử Hạ ‘sửa văn cổ nhân’ như sau: Tử Hạ 子夏 đi Tấn; (trước khi tới Tấn) qua Vệ, thấy có kẻ đọc Tấn sử rằng: "Tấn sư tam thi thiệp hà" (晉師三豕涉河: quân đội Tấn ba con heo lội qua sông). Tử Hạ nói: "Bậy nào ! Đó là Kì Hợi 己亥. Lầm vì kì 己 trông giống tam 三, thi 豕 giống Hợi 亥". Khi thầy đến Tấn, hỏi ra thì đúng là "Tấn sư kì Hợi thiệp hà". Chữ Hán thời ấy là cổ văn đại triện, không phải là khải thư như nay. Trong cổ văn, kì viết chỉ khuyết nét một chút là dễ giống chữ tam; Hợi viết dễ lầm với thi.

²⁶⁵ Truy tổ 緇素: truy y 緇衣 (hoại sắc y) và tố y 素衣 (bạch sắc y), chỉ cho người xuất gia và người tại gia.

²⁶⁶ Vạn Lịch 萬歷: niên hiệu vua Minh Thần Tông (明神宗, 1563-1620), từ 1573 đến 1620, tổng cộng 48 năm.

No. 665-D

Tùng xem ‘Truyền đăng thế phổ’, chuyên chở từ thiền sư Đại Giác²⁶⁷ xuống đến thiền sư Thủ Toại, đời thứ 13, tông Tào Động, phái Thanh Nguyên. Thiền sư Thủ Toại đã chú giải Kinh Tứ Thập Nhị Chương và Kinh Di Giáo, và thiền sư Liễu Đồng thì bổ chú rõ ràng. Từ Thánh Tuyên Văn Minh Túc hoàng thái hậu²⁶⁸ của chúng ta đã cho khắc bản ở kim đài trong Tây Trục môn, nằm về hướng Nam chùa Vĩnh Tường. Đúng lúc Lưu tể quan ở Hải Diêm, Quảng Bàn, húy Tổ Dương, hiệu Niệm Tung, là vị quan trông coi lịch pháp và việc ăn uống cho vua, có quan hệ với đại sư Vân Thê Liên Trì, bậc cao túc chuyên dạy niệm Phật, thực hành hiếu nghĩa. Vào năm Sùng Trinh²⁶⁹ thứ 4, ngày 26 tháng 8 năm Tân Mùi (1631), ông đi thuyền về Đông Xương, mượn Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú do pháp sư Chấn Vũ ở thiền viện Nhất Vị tàng bản, để chép tay mang về. Đến năm Sùng Trinh thứ 9, ngày 8 tháng 10 năm Bính Tý (1636), ông mượn Di Giáo Kinh Chú do cư sĩ Trầm Quảng Quan ở Bản Ấp tàng bản, để chép tay, rồi đối chiếu với bản chép tay ở Đông Xương. Ông vui mừng chỉ cho tôi, trân trọng đọc lời chú giải rõ ràng chỉ thẳng, như lời giáo huấn của Phật. Đối chiếu chánh văn của bản Kinh Chú ấy với bản khắc của ngài Vân Thê, chữ câu nhiều chỗ đồng dị, nhưng nghĩa lý thật thù thắng.

²⁶⁷ Thiền sư Đại Giác 大鑒禪師 là Lục Tổ Huệ Năng.

²⁶⁸ Hiếu Định hoàng thái hậu (孝定皇太后, 1540 - 1614), thường gọi là Từ Thánh hoàng thái hậu (慈聖皇太后), hoặc Từ Ninh cung hoàng thái hậu (慈寧宮皇太后), hoặc Từ Thánh Tuyên Văn Minh Túc hoàng thái hậu (慈聖宣文明肅皇太后), toàn xưng là Từ Thánh Tuyên Văn Minh Túc Trinh Thọ Đoan Hiếu Cung Hi hoàng thái hậu (慈聖宣文明肅貞壽端獻恭熹皇太后), là phi tần của Minh Mục Tông Chu Tái Hậu, sinh mẫu của Minh Thần Tông Chu Dực Quân. Thần Tông Vạn Lịch hoàng đế lên kế vị khi còn nhỏ, bà được tôn Hoàng thái hậu và giúp Vạn Lịch Đế chấp chính, trở thành một trong những Hoàng thái hậu hiếm hoi của Nhà Minh có quyền buông rèm nghe chính sự. Bà là vị Hoàng thái hậu tại vị cuối cùng theo lịch sử Nhà Minh và đồng thời là Hoàng thái hậu người Hán cuối cùng.

²⁶⁹ Sùng Trinh 崇禎: niên hiệu vua Minh Tư Tông (明思宗, 1611-1644), từ 1628 đến 1644.

Nhân đây nhớ lại lời bạt của đại sư Liên Trì, rằng²⁷⁰: “Hai kinh này thật là thuốc tốt trị bệnh ở thời mạt pháp”: Một là, “Thánh giáo ấy truyền về hướng đông, đầu tiên là đi vào Chân Đán. Nay đã có lời dạy đơn giản mà tăng sĩ không đọc tụng và hành trì, pháp sư không thăng tòa vì người diễn giảng. Nói về kinh Tứ Thập Nhị Chương này, có những lời dạy thật đơn giản mà ý chỉ sâu xa, có những lời dạy sâu xa và ý chỉ cũng sâu xa, người đọc phải tự mình khám phá.” Hai là, “Kinh Di giáo chính là giáo huấn tối hậu của Như Lai về những điều cốt yếu [của chánh pháp] trước khi nhập diệt, giống như người đời gọi là di chúc. Con cháu đốt nát về nguồn gốc của Tổ tiên khai sáng, là vong bản vậy. Con cháu làm trái lời di chúc lúc lâm chung của cha mẹ, là bất hiếu vậy. Người tăng sĩ sao chẳng suy tư ư?” Cùng nhau khen ngợi ông Niệm Tung, tuổi hơn sáu mươi, đã thành tâm chép tay. Hãy cầu nguyện sự trùng khắc kinh này để lưu truyền rộng rãi. Thật là sự trình bày khéo léo của đại sư Liên Trì, nói lên cái chí ý của ngài vậy. Tôi cũng nguyện công hiến một tay để sự việc thành tựu, mạo muội nói rằng, ‘tùy theo năng lực, chế tác nhân tố’. Hãy ghi nhận chư vị thiện tri thức có công triển chuyển, khuyến phát và tạo điều kiện để thông báo cho người kiến văn, vui mừng nhưng chớ coi thường.

Lúc đó là Sùng Trinh, năm Bính Tý (1636), ngày 8 tháng chạp, đệ tử Thông Đăng kính thuật.

No. 665-D

嘗攷傳燈世譜。載大鑒下青原派曹洞宗第十三世守遂禪師。所註四十二章經。遺教經。並了童禪師補較。我慈聖宣文明肅皇太后刊板。在金臺西直門裡迤南永祥寺。適海鹽廣磐劉宰官諱祖錫號念崧。係雲棲蓮大師高足。秉教念佛。行敦孝義。歷官光祿。於崇禎四年辛未八月二十六日舟次東昌。借一味禪院震宇法師藏本四十二章經註。手寫攜歸。迨崇禎九年丙子十月之八日。借本邑沈廣冠居士藏本遺教經註。仍以手寫。與東昌所鈔得成合璧。慶快示余。捧讀註語。直指彰顯。如佛誠勅。其正文對雲棲刻本。字句多異同。而義實勝。因憶蓮大師跋云。二經實末法救病之良藥。一是聖教流入震旦之始也。今以其言近。僧不持誦。師不講演。要知不專近。有遠者。人自不察也。一是如來入滅最後要語。喻世人所謂遺囑也。子孫昧祖宗創始之來源。是忘本也。子孫背父母之遺囑。是不孝也。為僧者胡不思也。并頌念崧壽逾六旬。誠心手書。且願重刻以廣其傳。真善述蓮大師志意者也。余亦願効一臂樂成之。敢曰隨力裁因耶。且紀諸善知識展轉勸發緣起。以告見聞者。幸毋忽。時即崇禎丙子臘八日弟子通燈敬述

²⁷⁰ Xem Mục Lục: Kinh Bốn Mươi Hai Chương & Kinh Di Giáo, Đại sư Liên Trì Chu Hoàn.

Hán Văn

《佛說四十二章經》

後漢迦葉摩騰、竺法蘭同譯

鄖郊鳳山蘭若嗣祖沙門守遂註

世尊成道已。作是思惟。離欲寂靜。是最為勝。住大禪定。降諸魔道。於鹿野苑中。轉四諦法輪。度憍陳如等五人。而證道果。

法身本無出沒，悲願示現，受生入相，道成佛寶也。思惟方便，離欲為戒，生定發慧，降魔顯正，轉法度人，法寶也。四諦謂「苦、集、滅、道」，真俗兩重因果，隨根修證，大小有異。憍陳如五人，佛初出家，雪山修道，淨飯王命家族三人：一阿濕婆二跋提三摩訶男。舅氏二人。一憍陳如。二十力迦葉。五人隨衛。後各捨往鹿苑。共修異道。世尊始成正覺。先為三轉法輪。五人皆獲果證。僧寶之始也。

復有比丘所說諸疑。求佛進止。世尊教敕。一一開悟。合掌敬諾。而順世尊敕。

比丘。宋言或名持淨戒。或名破煩惱。或名淨乞食。或名能怖魔。天竺一名。該此四義。故譯者存義名焉。懷疑請教。應病授方。信悟獲安。敬順流布。昔世尊入滅。經於千載。後漢永平年中。明帝因夢金像。乃知佛教將被東夏。遣蔡愔使西國。遇摩騰竺法蘭二梵僧。白馬馱貝葉梵文。屈止洛都。譯梵成漢。首出此經。被機啟訓。最為精要。文約義備。序分流通。見於上。下四十二章。明捨惡趣善。除惑斷障。超凡入聖之深旨也。

佛言。辭親出家。識心達本。解無有法。名曰沙門。常行二百五十戒。進止清淨。為四真道行。成阿羅漢。阿羅漢者。能飛行變化。曠劫壽命。住動天地。次為阿那含。阿那含者。壽終靈神。上十九天。證阿羅漢。次為斯陀含。斯陀含者。一上一還。即得阿羅漢。次為須陀洹。須陀洹者。七死七生。便證阿羅漢。愛欲斷者。如四肢斷。不復用之。

沙門。宋言義訓勤行。勤行趣涅槃也。三界輪轉。愛欲為因。割愛辭親。身出家也。識心達本。心出家也。出家有三。一辭親。出世俗家。二悟道。出五蘊家。三證果。出三界家。大比丘二百五十戒。以殺盜淫妄四法為根本。其餘枝末。並依此四法而生。若犯根本。枝末難生。則無由證果。若一一堅持不犯。隨見修所斷煩惱。階漸不同。故所證隨異。初果須陀洹。宋云入流。二果斯陀含。宋云一來。謂一來天上。一來人間。便證涅槃。三果阿那含。宋云不來。四果阿羅漢。宋云不生。煩惱斷盡。已證生空。如四肢斷。即無為果也。

佛言。出家沙門者。斷欲去愛。識自心源。達佛深理。悟無為法。內無所得。外無所求。心不繫道。亦不結業。

外絕攀諸緣。內非守空寂。

無念無作。非修非證。不歷諸位。而自崇最。名之為道。

靈機絕朕。階級那收。

佛言。剃除鬚髮而為沙門。受道法者。去世資財。乞求取足。日中一食。樹下一宿。慎勿再矣。

頭陀上行。無戀著也。

使人愚蔽者。愛與欲也。

暗蔽愚癡。愛欲所致。

佛言。眾生以十事為善。亦以十事為惡。何等為十。身三。口四。意三。身三者。殺。盜。姪。口四者。兩舌。惡口。妄言。綺語。意三者。嫉。恚。癡。如是十事。不順聖道。名十惡行。是惡若止。名十善行耳。

善惡性空。猶如反掌。止惡行善。是順聖道。自性本無殺。持不殺戒。乃至自性本無貪瞋癡。持不貪等戒。八萬四千煩惱。變為波羅蜜門。隨機差降。分上中下品。具載大經。

佛言。人有眾過。而不自悔。頓息其心。罪來赴身。如水歸海。漸成深廣。

罪始濫觴。禍終沒頂。惡心不息。業海轉深。

若人有過。自解知非。改惡行善。罪自消滅。

改過自新。罪隨心滅。後會得明道也。

如病得汗。漸有痊損耳。

病得汗則身安。人改過則心淨。

佛言。惡人聞善。故來擾亂者。汝自禁息。當無瞋責。彼來惡者。而自惡之。

彼已齊致。被撓何瞋。怨親等觀。魔自退衄。

佛言。有人聞吾守道。行大仁慈。故致罵佛。佛默不對。罵止。問曰。子以禮從人。其人不納。禮歸子乎。對曰。歸矣。佛言。今子罵我。我今不納。子自持禍。歸子身矣。

慈善根力。假引世喻。罵佛自禍。其理昭然。

猶響應聲。影之隨形。終無免離。慎勿為惡。

身口由心。影響難捨。

佛言。惡人害賢者。猶仰天而唾。唾不至天。還從已墮。逆風揚塵。塵不至彼。還坌己身。賢不可侮。禍必滅己。

害賢招報。如唾天颺塵。反自汙塗。昔歌利害佛。佛不瞋恨。而成正覺。歌利罪畢。遇佛得記。

佛言。博聞愛道。道必難會。

世智辯聰。博聞強記。增長我慢。去道遠矣。

守志奉道。其道甚大。

堅志體道。量包法界。

佛言。睹人施道。助之歡善。得福甚大。

施為萬行之首。助喜尚爾。況施福乎。

沙門問曰。此福盡乎？佛言。譬如一炬之火數千百人。各以炬來分取。熟食除冥。此炬如故。福亦如之。

火逢炬而火事無窮。福隨心而福報無盡

佛言。飯惡人百。不如飯一善人。飯善人千。不如飯一持五戒者。飯五戒者萬。不如飯一須陀洹。飯百萬須陀洹。不如飯一斯陀含。飯千萬斯陀含。不如飯一阿那含。飯一億阿那含。不如飯一阿羅漢。飯十億阿羅漢。不如飯一辟支佛。飯百億辟支佛。不如飯一三世諸佛。飯千億三世諸佛。不如飯一無念無住無修無證之者。

上以擇田投種。優劣倍增。住相求報。還滋愛本。以生心動念。即乖法體。今既無念無住無修無證。則取捨情亡。三輪空寂。亦如維摩云。若施主等心施一最下乞人。猶如如來福田之相。無所分別。等於大悲。不求果報。是則名為具足法施。即斯義也。

佛言。人有二十難。貧窮布施難。豪貴學道難。棄命必死難。得睹佛經難。生值佛世難。忍色忍欲難。見好不求難。被辱不瞋難。有劫不臨難。觸事無心難。廣學博究難。除滅我慢難。不輕末學難。心行平等難。不說是非難。會善知識難。見性學道難。隨化度人難。睹境不動難。善解方便難。

難事眾多。略開如上。順己情為易。逆己意為難。若順理而逆情。縱棄命而可作。若順情而背理。雖見好而不求。有勢不臨。心行平等。好廣學而謙下。見末學而不輕。貧窮而隨力行檀。豪貴而回光學道。知色欲之過患。悟是非之顛邪。更能觸境無心。善解方便。常會善友。隨化度人。處處值諸佛出興。念念轉大千經卷。運用成菩薩大行。施為入無量妙門。正眼常明。諸塵莫惑。豈封滯於難易情執者哉。

沙門問佛。以何因緣。得知宿命。會其至道？佛言。淨心守志。可會至道。譬如磨鏡。垢去明存。斷欲無求。當得宿命。

心淨無欲。真智顯露。曠劫之事。一念皆知。

沙門問佛。何者為善？何者最大？佛言。行道守真者善。志與道合者大。

行道守真。萬行無取。志與道合。修證雙忘。

沙門問佛。何者多力。何者最明？佛言。忍辱多力。不懷惡故。兼加安健。忍者無惡。必為人尊。

能行忍者。乃可名為有力大人。持戒苦行所不能及。忍有四種。謂安受苦忍。耐怨害忍。諦察法忍。無生法忍。今言忍辱。耐怨害也。理亦通四。思之可見。

心垢滅盡。淨無暇穢。是為最明。未有天地。逮於今日。十方所有。無有不見。無有不知。無有不聞。得一切智。可謂明矣。

心垢淨盡獨耀無私。具一切智。對揚有準。

佛言。大懷愛欲。不見道者。譬如澄水。致手攪之。眾人共臨。無有睹其影者。人以愛欲交錯。心中濁興。故不見道。汝等沙門。當捨愛欲。愛欲垢盡。道可見矣。

心水濁而影像昏。欲垢盡而道可見。

佛言。夫見道者。譬如持炬。入冥室中。其冥即滅。而明獨存。學道見諦。無明即滅。而明常存矣。

妄覺無明既滅。本覺性明常存。

佛言。吾法念無念念。行無行行。言無言言。修無修修。會者近爾。迷者遠乎。

念即無念。行即無行。言即無言。修即無修。歸根得旨。唯證乃知。

言語道斷。非物所拘。

言思路絕。分別意窮。

差之毫釐。失之須臾。

第一義諦。擬議則墮。

佛言。觀天地。念非常。觀世界。念非常。

有為之法。畢歸磨滅。

觀靈覺。即菩提。

靈知寂照。本來是佛。

如是知識。得道疾矣。

悟無常之法。識靈覺之性。一念相應。前後際斷。照體獨立。物我皆如。

佛言。當今身中四大。各自有名。都無我者。

堅者名地。潤者名水。煖者名火。動者名風。推窮四大。其性各異。誰為我者。

我既都無。其如幻耳。

知身無我。起滅如幻。以如幻智。入如幻法門。

佛言。人隨情慾。求於聲名。聲名顯著。身已故矣。貪世常名。而不學道。枉功勞形。

世名浮利。唐勞其功。人不學道。虛生浪死。

譬如燒香。雖人聞香。香之燼矣。危身之火。而在其後。

貪求聲名。非徒無益。迷真逐妄。抑致身後之禍。良可悲夫。

佛言。財色於人。人之不捨。譬如刀刃有蜜。不足一餐之美。小兒舐之。則有割舌之患。

味著財色。如舐利刃之蜜。貪少滋味。自招長劫之痛苦也。

佛言。人繫於妻子舍宅。甚於牢獄。牢獄有散釋之期。妻子無遠離之念。情愛於色。豈憚驅馳。雖有虎口之患。心存甘伏。

堂堂丈夫。情色驅役。殞身沒命。迷不為苦。

投泥自溺。故曰凡夫。透得此門。出塵羅漢。

知非離欲。即凡夫而非凡夫。居塵不染。乃出塵阿羅漢也。

佛言。愛欲莫甚於色。色之為欲。其大無外。

愛欲過患。義類多種。障道長惡。無甚女色。

賴有一矣。若使二同。普天之人。無能為道者矣。

滋生死。障涅槃。唯欲色欲一端。楞嚴亦云。淫心不除。塵不可出。

佛言。愛欲之人。猶如執炬。逆風而行。必有燒手之患。

逆境界之風。執無明之炬。豈免自燒者也。

天神獻玉女於佛。欲壞佛意。

佛初成道。天魔波旬以玉女嬈亂耳。

佛言。革囊眾穢。爾來何為。去。吾不用。

人見女色。妄起淨想。故生染著。不知元是不淨。薄皮包裹。

天神愈敬。因問道意。佛為解說。即得須陀洹果。

魔不得便。迴邪歸正。問道開悟。證小乘初果。

佛言。夫為道者。猶木在水。尋流而行。不觸兩岸。不為人取。不為鬼神所遮。不為洄流所住。亦不腐敗。吾保此木。決定入海。

不觸生死涅槃兩岸。不為人天有漏善業所取。不為邪見鬼神所遮。不為三界洄流所住。亦不腐敗於二乘滅定。決入薩婆若海。

學道之人。不為情慾所惑。不為眾邪所嬈。精進無為。吾保此人。必得道矣。

情欲不能惑。眾邪不能嬈。正進無為。道遠乎哉。

佛言。慎勿信汝意。汝意不可信。慎勿與色會。色會即禍生。

意馬難調。戒為轡勒。色欲染習。敗道喪身。

得阿羅漢已。乃可信汝意。

意根滅盡。證阿羅漢也。昔西國有道人。山中修行。得五神通。一日因雨泥澱倒。遂以呪力。令十二年不雨。國王知是道人呪力。乃生憂惑。下詔云。若有人降得此道人者。賞金千斤。有一淫女來白王言。我當能降。王聽往彼。禮拜道人。摩觸身

體。因起染心。便失神通。雨澤滂流。女人騎道人頸。來見國王。王乃嘉賞。故知敗道喪志。禍由女色。可不慎與。可不慎與。

佛言。慎勿視女色。亦莫共言語。

習近生情。迷失正念。

若與語者。正心思念。我為沙門。處於濁世。當如蓮華。不為泥汙。想其老者如母。長者如姊。少者如妹。稚者如子。生度脫心。息滅惡念。

正念觀察。心淨意解。生居濁世。如蓮華出水。善巧方便。假想對治。觀諸眾生無始輪迴。皆我親屬。悉願度脫。則惡念想自然息滅也。

佛言。夫為道者。如被乾草。火來須避。道人見欲。必當遠之。

情染如乾茅。欲火當遠離。

佛言。有人患淫不止。欲自斷陰。佛謂之曰。若斷其陰。不如斷心。

顛倒由心。徒傷身體。

心如功曹。功曹若止。從者都息。

兵隨印轉。將逐符行。

邪心不止。斷陰何益？佛為說偈。欲生於汝意。意以思想生。二心各寂靜。非色亦非行。

彼已心寂。妄想不生。五蘊本空。欲情何起。

佛言。此偈是迦葉佛說。

引先佛偈。以為明證。

佛言。人從愛欲生憂。從憂生怖。若離於愛。何憂何怖？

眾生妄認四大以為我身。順情生愛。違情生憂。乃有五種怖畏。所謂不活怖。惡名怖。大眾威德怖。死怖。墮惡道怖。若能悟我本空。則分別頓息。誰為愛者。復何憂怖哉。

佛言。夫為道者。譬如一人與萬人戰。掛鎧出門。意或怯弱。或半路而退。或格鬥而死。或得勝而還。沙門學道。應當堅持其心。精進勇銳。不畏前境。破滅眾魔。而得道果。

道人與眾魔戰。當挂淨戒鎧。持禪定心。秉智慧劍。無一法可當情。則破魔得勝。亦如法華云。見賢聖軍與五陰魔煩惱魔死魔共戰。有大功勳。滅三毒。出三界。破魔網。爾時如來亦大歡喜。義同此也。

沙門夜誦迦葉佛遺教經。其聲悲緊。思悔欲退。佛問之曰。汝昔在家。曾為何業？

對曰。愛彈琴。佛言。弦緩如何？對曰。不鳴矣。弦急如何？對曰。聲絕矣。急緩得中如何？對曰。諸音普矣。佛言。沙門學道亦然。心若調適。道可得矣。於道若暴。暴即身疲。其身若疲。意即生惱。意若生惱。行即退矣。其行既退。罪必加矣。但清淨安樂。道不失矣。

學道之人。善用其心。不急不緩。內不滯空。外不取相。上無攀仰。下絕已躬。即清淨安樂。行可進矣。道可得矣。

佛言。如人鍛鐵。去滓成器。器即精好。學道之人。去心垢染。行即清淨矣。

逐情造業。是謂垢染。順理進修。乃名清淨。

佛言。人離惡道。得為人難。既得為人。去女即男難。既得為男。六根完具難。六根既具。生中國難。既生中國。值佛世難。既值佛世。遇道者難。既得遇道。興信心難。既興信心。發菩提心難。既發菩提心。無修無證難。

前列二十難。未說發菩提心。今自離惡道。至無修無證。略盡修行始末。雖宿植善根。歷修萬行。發廣大心。甚為希有。然恐尚存希冀。取捨未忘。毫釐繫念。還成有住之功。譬爾情生。墮在修證之位。故末云無修無證。則不落功勳。方謂難中之難矣。

佛言。佛子離吾數千里。憶念吾戒。必得道果。在吾左右。雖常見吾。不順吾戒。終不得道。

近佛違戒。不免輪迴。憶戒遠佛。得道證果。

佛問沙門。人命在幾間？對曰。數日間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間？對曰。飯食間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間？對曰。呼吸間。佛言。善哉。子知道矣。

以依業引第八識不斷功能曰命。凡夫一念有九十剎那。一剎那有九百生滅。念念遷謝。不知不覺。焉能悟解無常苦空之道。

佛言。學佛道者。佛所言說。皆應信順。譬如食蜜。中邊皆甜。吾經亦爾。

教海一味。隨機萬差。信順修行。皆離苦得樂。喻似食蜜。中邊皆甜。亦如飲海。巨細眾生皆得飽滿。

佛言。沙門行道。無如磨牛。身雖行道。心道不行。心道若行。何用行道。

動止四儀。是生滅法。心本不生。寂而常照。體斯理者。乃真行道。

佛言。夫為道者。如牛負重。行深泥中。疲極不敢。左右顧視。出離淤泥。乃可蘇息。沙門當觀情慾。甚於淤泥。直心念道。可免苦矣。

五欲深泥。沒溺可畏。非直心念道。何由出離乎。

佛言。吾視王侯之位。如過隙塵。

擾擾不停。似有非實。

視金玉之寶。如瓦礫。

積聚山高。無益於道。

視紈素之服。如敝帛。

假以蔽形。不取飾好。

視大千界。如一訶子。

大千之廣闊。眾生之依報。有漏善法共業而成。觀之如訶子。本為小耳。楞嚴云。空生大覺中。如海一漚發。有漏微塵國。皆依空所生。漚滅空本無。況復諸三有。

視阿耨池水。如塗足油。

視阿耨池水。如塗足油。

阿耨。宋言無熱惱。以龍得名。池深廣也。以耨池之深廣。比智海如涓滴耳。

視方便門。如化寶聚。

化現法財。濟諸貧乏。

視無上乘。如夢金帛。

開導未悟。令生信樂。

視佛道。如眼前華。

隨機赴感。本自不生。

視禪定。如須彌柱。

識浪境風。不能漂動。

視涅槃。如晝夕寤。

圓寂照永。離諸夢想。

視到正。如六龍舞。

六龍升降。本非正倒。隨見妄執。生正倒想。若了見妄。誰為正倒。

視平等。如一真地。

實際理地。不受一塵。

視興化。如四時木。

造化之法。古今遷變。生住異滅。春夏秋冬。以因眾生業緣。遂有榮枯衰盛之相。若了緣起不思議解脫法門。則知起唯法起。滅唯法滅。須信道劫火洞然毫末盡。青山依舊白雲中。

佛說四十二章經

《佛遺教經》

一名《佛入涅槃略說教誡經》

姚秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯

鄖郊鳳山蘭若嗣祖沙門守遂註

釋迦牟尼佛初轉法輪，度阿若憍陳如；最後說法，度須跋陀羅。所應度者，皆已度訖。於娑羅雙樹間將入涅槃。是時中夜寂然無聲，為諸弟子略說法要：

諸佛悲願，赴感應機，出世度生，無緣不應。滅與不滅，皆方便焉。示滅化儀，佛佛皆示。丁寧付囑，表悲願之不窮。在昔如來四十九年、三百餘會，始從鹿野苑，終至跋提河，一大事因緣已畢，於此略說法要，為後人之紀綱耳。

汝等比丘，於我滅後，當尊重珍敬波羅提木叉：

宋云別解脫即具足戒也。

如闇遇明，貧人得寶。當知此則是汝等大師；若我住世，無異此也。

重戒如佛，佛常在焉。

持淨戒者，不得販賣貿易，安置田宅，畜養人民、奴婢、畜生，一切種植及諸財寶，皆當遠離，如避火坑。

營求世利，業大加薪。志存無為，戒殊絕顯。

不得斬伐草木，墾土掘地，合和湯藥，占相吉凶，仰觀星宿，推步盈虛，曆數筭計，皆所不應！節身時食，清淨自活。

草繫鵝珠，棄命守戒。古既如是，今何不然？術數休咎，邪命之習，非清淨也。

不得參預世事，通致使命。呪術仙藥，結好貴人，親厚婬媾，皆不應作！

通使、呪藥，背涅槃道；結貴親媾，順生死流。

當自端心，正念求度。

端心正念，彼岸非遙。

不得包藏瑕疵，顯異惑眾。

內不隱覆小失，發露自新；外不顯銜非真，濫膺恭敬。

於四供養，知量知足。

衣服卧具，身外無餘。飲食醫藥，乞求知足。

趣得供事，不應畜積。

長餘不積，旅治無累。

此則略說持戒之相。戒是正順解脫之本，故名「波羅提木叉」。

結略戒相：持者正順解脫，犯者正順煩惱。開、遮、持、犯，是諸律部大聖略囑，務要遵行！

依因此戒，得生諸禪定、及滅苦智慧。是故比丘，當持淨戒，勿令毀缺。若人能持淨戒，是則能有善法；若無淨戒，諸善功德皆不得生！是以當知戒為第一安隱功德住處。

因戒生定，因定生慧。一代時教，唯此三法，無不該盡。衆生無始無明業惑重障，以此三法圓具，則應念消落。一切善法功德，應念於此建立者也。

汝等比丘，已能住戒，當制五根，勿令放逸，入於五欲。譬如牧牛之人，執杖視之，不令縱逸，犯人苗稼。若縱五根，非唯五欲，將無涯畔，不可制也。

前是因事立戒，防非止惡。今明慎謹根門，常須管帶，如馬祖問石鞏云：「汝作何所務？」鞏云：「牧牛。」祖云：「如何牧牛？」鞏云：「鼻索常在手，一迴落草去，把鼻拽將來。」祖云：「如是如是！」

亦如惡馬，不以轡制，將當牽人墜於坑陷。

意馬難調，戒為轡勒。

如被刳害，苦止一世。五根賊禍，殃及累世，為害甚重，不可不慎！

人命世財，苦唯現世；慧命法財，貧苦永劫。輕重霄壤，得不慎耶？

是故智者制而不隨，持之如賊，不令縱逸。

持心正觀，根、境本空，物、我皆如，攀緣何起？

假令縱之，皆亦不從見其磨滅。

妄情不真，須臾變滅。

此五根者，心為其主，是故汝等，當好制心。

五根虛妄，妄識為宰，欲制妄宰，止、觀雙行。

心之可畏，甚於毒蛇、惡獸、怨賊，大火越逸，未足喻也。

世間毒惡未可喻者，蓋能害法身慧命故也。

譬如有人，手執蜜器，動轉輕躁，但觀於蜜，不見深坑。

妄心妄境，味著彌堅；地獄深坑，躁動不覺。

又如狂象無鈎，猿猴得樹，騰躍踴_丑孝切。躑，難可禁制，當急挫之，無令放逸。

狂象心猿邪為鈎鎖。

縱此心者，喪人善事；制之一處，無事不辦。

一念不生，諸緣頓息。

是故比丘當勤精進，折伏汝心。

知心本空，當勤折伏；了境常寂，精進無疲。

汝等比丘，受諸飲食，當如服藥。於好於惡，勿生增減；趣得支身，以除飢渴。

藥因治病，食以充飢，好不生貪，惡不生恚，但支身行道而已，復何增減矣？

如蜂採花，但取其味，不損色香。比丘亦爾。受人供養，趣自除惱，無得多求，壞其善心。

多求則令他生，惱生惱則害心退廢。

譬如智者，籌量牛力所堪多少，不令過分以竭其力。

忖已德行而籌量，防心離過而無竭。

汝等比丘，晝則勤心修習善法，無令失時。初夜、後夜，亦勿有廢！中夜誦經，以自消息。無以睡眠因緣，令一生空過，無所得也。當念無常之火，燒諸世間，早求自度，勿睡眠也。諸煩惱賊，常伺殺人，甚於怨家；安可睡眠，不自警寤？煩惱毒蛇，睡在汝心，譬如黑蛇在汝室睡，當以持戒之鈎，早併除之。睡蛇既出，乃可安眠；不出而眠，是無慚人也。

蓋覆真性，增長無明，由睡眠之過患，是無慚愧也。昔者阿那律陀，是佛堂弟，自飯王之子出家之後，多樂睡眠。如來呵云：「咄咄！胡為寐？螺螄蚌蛤類，一睡一千年，不聞佛名字。」既聞佛呵，涕泣自責，七日不眠，遂失雙目。佛令修樂見照明金剛三昧，乃得天眼。故知先佛嚴戒，委曲重宣，苦口垂慈誠，不可忽。

慚耻之服，於諸莊嚴最為第一。慚如鐵鈎，能制人非法。是故比丘，常當慚耻，無得暫替。若離慚耻，則失諸功德。有愧之人，則有善法；若無愧者，與諸禽獸無相異也。

六道之中，可以整心慮、趣菩提，唯人道為能耳。人而不為是，謂無慚愧也。慚愧若具足，法身之衣服。豈可無慚無愧、樂著睡眠，不進道乎？慚者內自愧責；愧者發露自新，豈不美哉？

汝等比丘，若有人來節節支解，當自攝心，無令瞋恨。亦當護口，勿出惡言。若縱恚心，則自妨道，失功德利。忍之為德，持戒苦行所不能及，能行忍者，乃可名為有力大人！若其不能歡喜忍受惡罵之毒如飲甘露者，不名入道智慧人也。

智慧明則彼已不二，彼已不二，則美惡齊止；美惡齊止，則怨親等觀；怨親等觀，則苦樂無寄。傅大士云：「忍心如幻夢，辱境若龜毛，常能作此觀，逢難轉堅牢。」誠哉是言也！

所以者何？瞋恚之害，則破諸善法，壞好名聞。今世後世，人不喜見。當知瞋心甚於猛火，常當防護，勿令得入！劫功德賊，無過瞋恚！白衣受欲，非行人道，無法自制，瞋猶可恕。出家行道，無欲之人而懷瞋恚，甚不可也！譬如青冷雲中，霹靂起火，非所應也。

廣明瞋之患害如此，皆因我見執著、迷不知反故也。一念瞋心起，百萬障門開。為煩惱之根，是三毒之火。俗諦可恕，出世佛子，可不慎歟，可不慎歟！

汝等比丘當自摩頭以捨飾好，著壞色衣，執持應器，以乞自活。

壞衣持鉢，順佛律儀；乞食資身，是為正命。

自見如是：若起憍慢，當疾滅之！增長憍慢，尚非世俗白衣所宜，何況出家入道之人，為解脫故，自降其身而行乞耶？

折伏憍慢，入如來家；謙下身心，順解脫理。

汝等比丘，諂曲之心與道相違，是故宜應質直其心，當知諂曲，但為欺誑，入道之人，則無是處。是故汝等宜應端心，以質直為本。

諂曲多欺詐，直心是道場。

汝等比丘，當知多欲之人，多求利故，苦惱亦多。少欲之人，無求無欲，則無此患

有求皆苦，無欲何憂？

直尔少欲，尚應修習；何況少欲能生諸功德。少欲之人則無諂曲以求人意，亦復不為諸根所牽。行少欲者，心則坦然，無所憂畏。觸事有餘，常無不足。有少欲者，則有涅槃，是名少欲。

少欲一法功德如此，真修少欲，別無功德尚可修習，況與解脫涅槃相應乎？

汝等比丘若欲脫諸苦惱，當觀知足。知足之法，即是富樂安隱之處。知足之人，雖卧地上，猶為安樂；不知足者，雖處天堂，亦不稱意。不知足者，雖富而貧；知足之人，雖貧而富。不知足者，常為五欲所牽，為知足者之所憐愍。是名知足。

知足，則心絕希冀，情樂有餘；不知足者，貪愛轉增，苦輪難息。

汝等比丘，欲求寂靜無為安樂，當離憤鬧，獨處閑居。

心境清寂，玠然乃則。

靜處之人，帝釋諸天所共敬重。

如善現尊者宴坐岩間，釋天雨花之類，事迹非一也。

是故當捨己眾、他眾，

自、他徒眾皆捨。

空閑獨處，思滅苦本。

安住涅槃。

若樂眾者，則受眾惱；譬如大樹，眾鳥集之，則有枯折之患。世間縛著，沒於眾苦；

眾者事理有二義。事則憤鬧也，理者，「己」謂五蘊為眾，「他」謂一切煩惱為眾。迷執五蘊，聚集煩惱，沒於生死，故當遠離身心是也。永嘉云：「若見山忘道，則森羅眩目，音聲聒耳，雖山林獨處，何由靜也？若見道忘山，則城隍鬧市，心境脩然。萬法本閑而人自鬧，回光返照，觸處皆渠，無一法可當情，亦無一法可當情者，得無所離，即除諸幻耳。」

譬如老象溺泥，不能自出。是名遠離。

樂眾心為累，遠離行當修。

汝等比丘，若勤精進，則事無難者。

勤行精進，佛果可期。

是故汝等，當勤精進，譬如小水常流，則能穿石。若行者之心，數數懈怠，譬如鑽火，未熟而息，雖欲得火，火難可得。是名精進。

木中火性是火正因，若不加功藉緣，火終難得。若加功不已，如水性柔弱，亦有穿石之期。比況勤、懈之得失如此，宜勉勵焉！

汝等比丘，求善知識，求善護助，無如不忘念。

無忘之念，資正定故。夫煩惱出於妄情，觀察法理以遣之。初觀之時，見理未明，心不住理，要須念力，然後得觀。念以不忘為用，正心念法，審其善惡，善者曾而不減，惡者滅而不生。

若有不忘念者，諸煩惱賊則不能入。

正念不忘，煩惱不生。

是故汝等常當攝念在心。若失念者，則失諸功德。若念力堅強，雖入五欲賊中，不為所害。

內若不動，外不能亂。

譬如著鎧入陣，則無所畏。是名不忘念。

正念常存，魔軍克殲。

汝等比丘若攝心者，心則在定；心在定故，能知世間生滅法相，

定水澄淨，森羅影現。

是故汝等常當精進修習諸定。隨機淺深，大小諸定皆當修習。若得定者，心則不散。

散心斬上，隨順定門。

譬如惜水之家，善治隄塘；行者亦爾，為智慧水故，善修禪定，令不漏失。是名為定。

若無定力，乾慧不免苦輪。定能資慧，故古云：「菩薩清涼月常遊畢竟空，衆生心水淨，菩提影現中。」若水濁、器破，則月影不現耳。

汝等比丘若有智慧，則無貪著，常自省察，不令有失。

智為前導，不可暫闕。

是則於我法中，能得解脫。

無慧名縛，有慧名解。

若不爾者，既非道人，又非白衣，無所名也。

心與形乖，二名俱失。

實智慧者則是度老病死海，堅牢船也。

般若實智，能度苦海。

亦是無明黑暗大明燈也、

無明大夜，智燈能照。

一切病者之良藥也、

三毒重病，智慧能治。

伐煩惱樹之利斧也。

煩惱根林，智又能伐。

是故汝等當以聞思修慧而自增益。

從聞思修漸次增益，入三摩地。

若人有智慧之照，雖是肉眼，而是明見人也。是名智慧。

肉眼廓照，無明永滅，智慧之力也。故名明見之人矣。

汝等比丘若種種戲論，其心則亂。雖復出家，猶未得脫。

語默動靜，乖於軌則，能令心亂，違解脫理。

是故比丘當急捨離亂心戲論。若汝欲得寂滅樂者，唯當善滅戲論之患。是名「不戲論」。

若滅戲論、虛妄分別，涅槃之樂可庶幾乎！

汝等比丘，於諸功德，常當一心，捨諸放逸，

放蕩狂逸。

如離怨賊。大悲世尊所說利益，皆已究竟，汝等但當勤而行之。

大悲方便，分別說三；究竟涅槃，唯一乘道。

若於山間，若空澤中，若在樹下，閑處靜室，念所受法，

隨力所受，思惟修習。

勿令忘失。常當自勉，精進修之。

勉勵勤進，防退失焉。

無為空死，後致有悔。

生死流浪，後悔何益。

我如良醫，知病說藥；服與不服，非醫咎也。

佛說法藥，治煩惱病，聞不信服，非佛咎也。

又如善導，導人善道，聞之不行，非導過也。

佛為大導師，引導衆生，令至涅槃正道。不信不行，是誰之過歟？

汝等若於苦等四諦有所疑者，可疾問之，無得懷疑，不求決也。

四諦法中有疑未決，我當決之。

尔時世尊如是三唱，人無問者。

衆默不問。

所以者何，

微也。

衆無疑故。

釋不問之意。

時阿菟奴侯切。樓駄觀察衆心，

即阿那律陀，梵音小異。宋云：無滅以天眼觀察衆意。

而白佛言：「世尊，月可令熱，日可令冷，佛說四諦，不可令異。

水火之性，可令無定。佛語真實，決寔不虛。

佛說苦諦實苦，不可令樂，

苦是世俗果，諦當審實，決寔無樂。

集真是因，更無異因。

集是世俗因，集諸不善業，故決寔是招苦之因。

苦若滅者，即是因滅。

諸苦所因，貪欲為本；若滅貪欲，無所依止。

因滅故果滅，滅苦之道，實是真道，更無餘道。

滅諦出世真果，即涅槃也。道諦即斷煩惱，出世真因，無別道也。

世尊，是諸比丘，於四諦中，決寔無疑。於此衆中，若所作未辦者，見佛滅度，當有悲感。

未證無生忍，不了法身常住尔。

若有初入法者，聞佛所說，即皆得度。

親聞佛誨，無不蒙益。

譬如夜見電光，即得見道。

暫得心開，未能究竟。

若所作已辦，已度苦海者，但作是念：『世尊滅度，一何疾哉！』」

自雖已度，慙未度，故作念興嘆。

阿菟樓駄雖說此語，衆中皆悉了達四聖諦義，世尊欲令此諸大衆皆得堅固，以大悲心，復為衆說：

未徹未辦，聞佛滅度，或生退沒。末後慇懃，委曲慰喻。

汝等比丘，勿懷悲惱。若我住世一劫，會亦當滅；會而不離，終不可得。

緣起之法，固不可留。

自利利人，法皆具足足。

積萬行成萬德，演教海利羣機，兼濟之道，悉具備矣。

若我久住，更無所益。

佛从住則衆生不起難遭想，不種善根，貪著五慾，不求出苦，故佛示滅耳。

應可度者，若天上人間，皆悉已度。

成道四十九載，應度度畢無餘。

其未度者，皆亦已作得度因緣。

清淨法眼戒定慧藏。內則付囑摩訶迦葉諸大弟子，外則付囑國王大臣，令慧命不斷，為得度因緣耳。

自今已後，我諸弟子展轉行之，則是如來法身常在而不滅也。

世尊囑累行之不絕，則法身常存焉。

是故當知世皆無常，會必有離，勿懷憂惱，世相如是。

遷流不住曰「世」，形質可狀曰「相」。應會示生，寧無滅乎？

當勤精進，早求解脫，以智慧明，滅諸癡闇。

勤精進而智慧明，癡闇滅則脫諸苦。

世實危脆，無牢強者。

有為虛假，今昔皆然。

我今得滅，如除惡病，此是應捨。罪惡之物，假名為身，沒在老病生死大海。

佛身無為，示同有為。令衆生知身過患，早悟法身也。

何有智者得除滅之，如殺怨賊，而不歡喜？

身為苦本，衆苦所依。衆生妄執為實，不求出離。大聖知生死皆幻，示生死而化物。

汝等比丘，常當一心，勤求出道。

涅槃正道。

一切世間動、不動法，皆是敗壞不安之相。

欲界六天為動法，色、無色二界壽命劫數長久，外道計以為常，名不動法。

汝等且止，勿得復語。時將欲過，我欲滅度。是我最後之所教誨。

應會時節寧容久留，寂後垂範，付囑斯在。化儀舒卷，情、謂奮亡。方便門中，那無指注。法華會上，金口親宣云：「為度衆生故，方便現涅槃。」廣如〈壽量品〉。其知此者，則靈山一會，儼然未散矣。豈不韙欤？若謂不然，諒非吾道。何也？欲得不招無間業，莫謗如來正法輪。

佛遺教經

《瀉山警策註》

大洪嗣祖沙門守遂註

瀉山大圓禪師

師諱靈祐。初參百丈大智禪師。侍立夜深。丈云撥爐中火看。師撥云爐中無火。丈自起深撥乃得一星火。夾起云。你道無。者箇是什麼。師因此悟入。丈令司馬頭陀選得瀉山堪建道場。因謂眾曰。若有人道得一轉語便去住瀉山。乃指淨瓶問云。若喚作淨瓶則觸。若不喚作淨瓶則背。時華林為首座。云不可喚作木椀。丈不肯。時師為典座。丈乃問師。師踢倒淨瓶。丈云首座輸却山子了也。師居瀉山。建瀉仰一宗。道傳天下。乃作警策。警其未悟。策其未進者也。

夫業繫受身。未免形累。

身為苦本。故先標之。令悟妄本。方可進道。此業繫兩字從最初一念不覺心動。謂之業相。次為轉相。後為現相。乃三細相也。由現相而生境界相。相續相。執取相。計名字相。造業相。業繫苦相。為六麤相。前五猶可對治。此末後苦相繫縛眾生不可對治。此身既由三細六麤無明種習而成。豈免形質負累。

稟父母之遺體。假眾緣而共成。

由稟識妄想。故於父母赤白中受身。假乳哺洗濯飲食衣服眾緣得存。佛云。觀身不淨。觀受是苦也。

雖乃四大扶持。常相違背。

內四大地水火風。其性各異。

無常老病。不與人期。

四大五蘊念念生滅。

朝存夕亡。剎那異世。

剎那是極促之時分。

譬如春霜曉露。倏忽即無。

無常之相須臾變滅。

岸樹井藤。豈能長久。

危脆不久。亦復如是。

念念迅速。一剎那間。

如四大力士同時各發一箭射於四方。又有一人同時收得此四箭。時名一剎那。

轉息即是來生。何乃晏然空過。

自章初至此過。敘在家出家妄身妄世。無常迅速過患如此。警策令悟。不可空度光陰。自此以下唯敘出家者因由。各令思察。

父母不供甘旨。六親固以棄離。

親緣皆棄乃反常合道。

不能安國治邦。

辭父母割親緣。又不能竭節奉公致君澤民。當為何事。

家業頓捐繼嗣。

絕嗣為不孝。出家弘道。真大孝也。

緬離鄉黨。剃髮稟師。

頓捨世緣。斷其情愛。稟師剃髮。行古佛之大道。同古佛之相儀。

內勤尅念之功。外弘不諍之德。

履踐出家之功德。要須內外相符。

迥脫塵世。冀期出離。

志存出離塵世。方合出家深旨。

何乃纔登戒品。便言我是比丘。

自謂是比丘。則我相現前可驗。

檀越所須。喫用常住。

不蠶而衣。不耕而食。

不解忖思來處。

比丘受食當作五觀。想彼來處。計功多少。古德觀一粒米經七十三遍功夫。忖己德行全缺應供。證羅漢已方合全應供。餘皆名缺應供也。

謂言法爾合供。

妄計情執。寧忖己非。

喫了聚頭喧喧。但說人間雜話。

出家志求無為大道。不研佛語佛意。反徇世諦喧譁。自何乃已下。忘本乖志也。

然則一期趁樂。不知樂是苦因。

世諦之樂盡為苦本。虛受信施負債何疑。啣鐵負鞍猶是輕輕之報。

曩劫徇塵。未嘗反省。

曠劫徇塵背覺。何嘗暫自回光。

時光淹沒。歲月蹉跎。受用殷繁。施利濃厚。

世利所惑。未省回光。

動經年載。不擬棄離。

戀著處所不知過患。

積聚滋多。保持幻質。

唯保幻妄之質。違背清淨法身。

導師有勅戒勗比丘。進道嚴身三常不足。

佛遺教經。一云當自摩頭以捨飾好著壞色衣。執持應器以乞自活。二云受人飲食當如服藥。於好於惡勿生增減。趣得支身以除飢渴。如蜂採花但取其味不損色香。比丘亦爾。受人供養趣自除惱。無得多求壞其善心。三云晝則勤心修習善法無令失時。初夜後夜亦勿有廢。中夜誦經以自消息。無以睡眠因緣令一生空過。謂衣食睡眠知是三事不可恣情取足也。

人多於此。耽味不休。

味謂味著。

日往月來。颯然白首。

古云。只知事逐眼前過。不覺老從頭上來。

後學未聞旨趣。

出家旨趣。

應須博問先知。

不可守愚自是。

將謂出家。貴求衣食。

出家者為無為法。私情愚見反謂求衣食爾。

佛先制律。啟創發蒙。

啟發蒙昧。

軌則威儀。

有威可敬有儀可則。

淨如冰雪。

不同外道雜戒皆不清淨。

止持作犯。束斂初心。

攝律儀戒。止惡為持。作惡為犯。攝善法戒。止善為犯。作善為持。

微細條章。革諸猥弊。

五篇七聚。性戒遮戒。佛成道十二年後方乃制律。阿難問佛因何十二年前不制戒。佛言。如世補衣。衣若未破補則招謗。吾亦如是。因事立戒云。

毗尼法席曾未叨陪。了義上乘豈能甄別。

毗尼。律學也。因戒生定。因定發慧。律學尚昧了義。深旨安可通達耶。

可惜一生空過。後悔難追。

少不努力。老無所成。悔之於後。復何益哉。

教理未嘗措懷。玄道無因契悟。

聖教理趣尚未留心。玄妙之道若為契悟。

及至年高腦長。空腹高心。不肯親附良朋。唯知倨傲。

有年無德。護短飾非。無明習成。傲然自大。

未諳法律。戢斂全無。

不親良朋焉知法律。三業四儀動乖律制。

或大語高聲。出言無度。

戢斂全無。身業也。大語高聲。語業也。

不敬上中下座。婆羅門聚會無殊。

不敬。意業也。準律有上中下次。佛制先受戒者為先。後受戒者為後。外道則不然。自此已下展轉警其過失。

椀鉢作聲。食畢先起。

椀是唐言。鉢是梵語。具云鉢多羅。此方云應量器。若作聲則餓鬼咽中火起。

去就乖角。僧體全無。

僧。具足梵語云僧伽耶。此云眾和合。理事和合為僧體。去就既不法。何僧體之有耶。

起坐忪諸動他心念。

忪諸心神不寧之謂。出家惱他人。不名為沙門。

不存些些軌則小小威儀。將何束斂後昆。新學無因倣傚。

若自不能修行正行。令他修者無有是處。

纔相覺察。便言我是山僧。

人我貢高。欺壓後學。

未聞佛教行持。一向情存麤糙。

行解無取。世諦純熟。

如斯之見。蓋為初心慵惰。饕餮因循。

貪財曰饕。貪食曰餮。

荏苒人間。遂成疎野。

荏苒塵俗豈識清閑。

不覺躑躅老朽。觸事面牆。

躑躑。行不進貌。面牆。一無所知。

後學咨詢。無言接引。

自己智慧不明。將何開發晚進。

縱有談說。不涉典章。

孟浪臆說。取笑傍觀。

或被輕言。便責後生無禮。

不省己非。更責他過。

瞋心忿起。言語該人。

一念瞋心起。百萬障門開。三毒既縱於凡情。四實寧思於佛語。

一朝臥疾在牀。眾苦縈纏逼迫。曉夕思忖。心裏惴惴。

眾苦逼迫惴惴怖憂。

前路茫茫。未知何往。

妄宰幻身。曷悟真歸。

從茲始知悔過。臨渴掘井奚為。

縱然悔過知非。功行何由得辦。

自恨早不預修。年晚多諸過咎。

過咎已彰。悔之何補。

臨行揮霍。

苦無定力。甘伏死門。

怕怖惴惴。

無善可恃。無德可怙。

穀穿雀飛。識心隨業。

七賢女經云。雀來入瓶中。以穀覆其口。穀穿雀飛去。識心隨業走。

如人負債。強者先牽。

善惡業力。皆因妄識為主。力強者牽之。無自由分。

心緒多端。重處偏墜。

六道四生。隨情想而受報。

無常殺鬼。念念不停。

生時即有滅。不為愚者說。

命不可延。

古云。無常若也黃昏至。更不留君到一更。

時不可待。

勿謂今日不學有明日。今年不學有明年。嗚呼老矣是誰之愆。

人天三有。應未免之。

三界無安猶如火宅。

如是受身。非論劫數。

如汲井輪互為高下。

感傷歎訝。哀哉切心。

為山悲傷未悟如此情切。

豈可緘言。遞相警策。

眾生輪迴苦趣。懷寶迷邦。既為善知識。安可緘默而不啟發耶。

所恨同生像季。去聖時遙。

像法之季。乃佛滅後二千年間。是造警策時。今又二百餘年。聖時愈遠矣。

佛法生疎。人多懈怠。

根機皆劣。豈可比況佛正法之時。

略伸管見。以曉後來。

為山謙辭謂如管窺天之見。以曉喻後學爾。

若不蠲矜。誠難輪迴。

若不蠲除矜伐前來過患。則實難逃遁於業報苦輪也。永嘉云。蠲矜怠慢。不顧形骸。專秘至道者。可謂契神方寸歟。自此下別敘決志出家之本意。參訪知識親近師友發明大事因緣。暨履踐一代時教佛語心宗。要須行解相應。續佛慧命之始末也。

夫出家者。發足超方。心形異俗。

獨步大方。心超物表。

紹隆聖種。震攝魔軍。

志齊古佛。力降眾魔。

用報四恩。

佛恩。國王恩。父母恩。施主恩。

拔濟三有。

欲有。色有。無色有。乃三界眾生也。

若不如此。濫廁僧倫。

反此則皆為混濫。非釋子也。

言行荒疎。虛霑信施。

信施本為福田。荒疎則彼此無益。

昔年行處。寸步不移。

古云。但改舊時行履處。莫改舊時人。

恍惚一生。將何憑恃。

恍惚如夢未覺。何功行而可憑。

況乃堂堂僧相。容兒可觀。

相兒可觀。非容易所致也。

皆是宿植善根。感斯異報。

今生因是前生種。未來果是今世修。

便擬端然拱手。不貴寸陰。

古人重寸陰輕尺璧。

事業不勤。功果無因克就。

古佛經三無數劫。發四洪誓願。歷修萬行。福慧兩嚴。纖瑕障盡。片善無遺。方證佛果。豈可具足凡夫不勤戒定慧學而欲希求無上大果耶。

豈可一生空過。抑亦來業無裨。

非惟自悞一生。亦乃來生靡託。

辭親決志披緇。意欲等超何所。

出家本志。當為何事。

曉夕思忖。豈可遷延過時。

退步反思。聞健進學。

心期佛法棟梁。用作後來龜鏡。

勇志慕佛法之棟梁。乘範作後學之龜鏡。龜知未來禍福。鏡驗現在妍媸。

常以如此。未能少分相應。

雖有志願而行解未充。故云未也。

出言須涉於典章。

言不干典。非君子所談。

談說乃傍於稽古。

語是心苗。豈恣胸臆孟浪之說無稽之言乎。

形儀挺特。

形端表正。

意氣高閑。

川有珠則川媚。人蘊道則高閑。

遠行要假良朋。數數清於耳目。

佛問阿難。善知識為幾梵行。阿難云半梵行。佛言。不然。善知識者為全梵行。又古云。三人行必有我師焉。擇其善者而從之。

住止必須擇伴。時時聞於未聞。

開發未聞。警悟迷倒。皆道伴之力也。

故云生我者父母。成我者朋友。

同門曰朋。同志曰友。父母能生色身。不能令出離惡道。惟善知識成立法身。開真正知見。入聖超凡。生成恩德豈可忽哉。

親附善者如霧露中行。雖不濕衣。時時有潤。

善友道伴滋潤善根。其利巨量。

狎習惡者長惡知見。曉夕造惡。即日交報。

狎近非友隨邪逐惡。冒犯王法。人所惡賤。

歿後沉淪。一失人身。萬劫不復。

惡友薰習造作非理。生遭王法。死入阿鼻。

忠言逆耳。豈不銘心者哉。

苦口忠言必須逆耳。聞當改過。銘刻於心。

便能澡心育德。晦迹韜名。

澡其心而心淨。育其德而德充。隱晦其迹而和光同塵。韜藏虛名而去華務實。

蘊素精神。喧囂止絕。

養性憺怕。清閑絕慮。此下先敘參學。次敘窮教。

若欲參禪學道。頓超方便之門。

正直捨方便。但說無上道。

心契玄津。

心無緣異。

研幾精妙。

研究諸法。窮微精妙。

決擇深奧。

探蹟索隱。決擇幽微。

啟悟真源。

開悟真諦之淵源。

博問先知。

不可居暗室而守愚迷。當博學問而資定慧。

親近善友。

善財南詢諸友。一生參學事畢。古云。明正為南。方盡南矣。益我為友。人皆友焉。遇三毒而三德圓。入一塵而一心靜。契文殊之妙智。宛是初心入普賢之玄門。曾無別體。此可謂親近善友也。書云。於吾善者吾亦善之。於吾惡者吾亦惡之。況釋子乎。

此宗難得其妙。切須子細用心。

此心地法門若得之於心。則伊蘭作栴檀之樹。若失之於旨。則甘露乃蒺藜之園。豈容易麤心乎。

可中頓悟正因。便是出塵階漸。

若頓悟正因兩字。則百川會海不辨源流。一念相應前後際斷。照體獨立。物我皆如。超出塵勞。理則頓悟乘悟併消。事非頓除因次第盡。

此則破三界二十五有。

論云。四洲四惡趣。梵王六欲天。無想及淨居。四空并四禪。為二十五有也。

內外諸法盡知不實。從心變起悉是假名。

內心外境虛妄不實。皆妄識所變。若悟三界唯心萬法唯識。寂照光中了不可得。

不用將心湊泊。

將心用心豈非大錯。

但情不附物。物豈礙人。

情偽不真。物本非物。

任他法性周流。莫斷莫續。

不必斷妄而續真。法性周流而自適。

聞聲見色。蓋是尋常。

只此見聞非見聞。無餘聲色可呈君。箇中若了全無事。體用不妨分不分。

這邊那邊。應用不闕。

空劫今時理事無隔。不動道場遍遊塵刹。

如斯行止。實不枉披法服。

行解既正。表裏相應。

亦乃酬報四恩。拔濟三有。

兼濟之道。自他獲益。

生生若能不退。佛階決定可期。

履踐玄途。非止一生兩生。步步蹈佛階梯。更無退轉。

往來三界之賓。出沒為他作則。

佛為三界導師。經云。今此三界皆是我有。其中眾生悉是吾子。既行古佛之道。為眾生作軌則。引令出離。

此之一學最妙最玄。但辦肯心必不相賺。

祖師西來直指人心見性成佛。超凡入聖決定不悞。唯恐學者不肯留心。如存如亡或進或退。則不可造入。自此已下。別就根機當窮教意。

若有中流之士未能頓超。且於教法留心溫尋貝葉。

根機不等。別開方便之門。溫故知新。要須因指見月。

精搜義理。傳唱敷揚。接引後來。報佛恩德。時光亦不虛弃。必須以此扶持。

傳教導迷須具教眼。故云必須以此扶持。

住止威儀。便是僧中法器。

威儀肅靜行止可觀。內德既充方為法器。

豈不見倚松之葛上聳千尋。附託勝因方能廣益。

前喻從法。古云。青蘿因緣直上寒松之頂。以內因外緣互相成之。方趣無上之果。廣利群生。

懇修齋戒。莫謾虧踰。

虧者缺也。踰者越也。

世世生生。殊妙因果。

因果歷然。

不可等閑過日。兀兀度時。可惜光陰。不求升進。

若善用其心。則得佛法分。

徒消十方信施。

為資道業施將來。道業不成爭消得。

亦乃辜負四恩。

自己沉淪反成辜負。

積累轉深。心塵易壅。

過累積之日深日重。心塵污衮杜塞靈源。

觸途成滯。人所輕欺。

根塵滯塞解行顛邪。背本逐末被人輕賤。

古云彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。

教云。十方世界諸菩薩。念念趣求善逝果。彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。

若不如此。徒在緇門。荏苒一生。殊無所益。

不如上所說修行。則可知理也。

伏望興決烈之志。開特達之懷。舉措看他上流。莫擅隨於庸鄙。

見賢思齊。見不賢而內自省。

今生便須決斷。想料不由別人。

好惡自看。無人替代。

息意忘緣。

內息意外忘緣。

不與諸塵作對。

內若不動。外無所為。

心空境寂。

心本空。境本寂。

只為久滯不通。

無始迷昧。背覺合塵。

熟覽斯文。時時警策。

覺斯文。警斯意。

強作主宰。莫徇人情。

人情濃。道情微。

業果所牽。誠難逃避。

天作孽猶可逃。自作孽不可逭。

聲和響順。形直影端。

因果酬答。譬之影響。

因根歷然。豈無憂懼。

識法者懼。

故經云。

說一切有部經。

假使百千劫。所作業不亡。因緣會遇時。果報還自受。

因惑造業如影隨形。未證聖果業熟須受。

故知三界刑罰縈絆殺人。

三界羈縻猶如牢獄。

努力勤修。莫空過日。

念念不迷方真修。莫空過。

深知過患。方乃相勸行持。

自未得度先度人者。菩薩發心。自覺已圓復度他者。如來應世。為山自知三界眾生過患如此。更能勸他行持。非地位之人安能如是。次證誓願。

願百劫千生處處同為法侶。

信茲言。行茲行。皆佛法之伴侶也。

乃為銘曰。

重頌前來警策之大略。

幻身夢宅。

四大幻身。三界夢宅。

空中物色。

不實如空花。

前際無窮。後際寧剋。

妄法非三際可得。

出此沒彼。升沉疲極。

生死出沒無有定所。升謂人天。沉則苦趣。

未免三輪。何時休息。

三界如蟻循環。輪轉無已。

貪戀世間。陰緣成質。

世間有三種。智正覺世間。有情世間。器世間。此論迷情貪戀有情。器世間非謂智正覺世間也。

從生至老。一無所得。

妄法本空。

根本無明。因茲被惑。

根本智受無明熏。真隨妄轉。妄認四大為身。六塵緣影為心。我執法執。計著親疎。愛憎名字。造業受報。皆無明所惑。

光陰可惜。剎那不測。

剎那生滅。不可虛弃光陰。不進古佛之道。

今生空過。來世窒塞。

非但空過一生。未來憑何通達。

從迷至迷。皆因六賊。

六識之賊自劫家寶。若悟八識可為四智。前五識為成所作智。第六識為妙觀察智。第七識為平等性智。第八識為大圓鏡智。則六門皆智為前導。何迷可得。

六道往還。三界匍匐。

三界六道何由出離。

早訪明師。親近高德。

訪求明眼師友。示真出離之要。

決擇身心。去其荊棘。

明心達本。去其偽妄。

世自浮虛。眾緣豈逼。

既知四大根塵三際無實。眾苦皆空。

研窮法理。以悟為則。

窮究淵源。頓悟佛之知見。

心境俱捐。莫記莫憶。

內心外境放之自然。體無去住。

六根怡然。行住寂默。

法喜禪悅卷舒任運。四威儀中止觀齊運。

一心不生。萬法俱息。

一念不生。諸緣頓息。末後一句始到牢關。把斷要津。不通凡聖。誰是知音者。不須更憶龐居士。天上人間只自知。

注瀉山警策

23.12.2019 – 23.04.2020